Những Bản Văn Căn Bản của Phật Giáo Tịnh Độ (A Di Đà) Nhật Bản (HT Thích Như Điển dịch)

Tịnh Độ — sách & giảng giải

Những bản văn căn bản của
PHẬT GIÁO TỊNH ĐỘ (A Di Đà)
NHẬT BẢN
Quellentext des japanischen
Amida-Buddhismus
Nguyên tác Đức Ngữ: Christian Steineck Thích Như Điển: dịch từ bản tiếng Đức ra tiếng Việt có so sánh với tiếng Nhật

Chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc và Quý Phật Tử Âu Châu, Úc Châu, Mỹ Châu Ấn hành, 2012

2 Lời nói đầu của Hans–Joachim Klimkeit

Mục Lục

1 Lời nói đầu của Hans–Joachim Klimkeit ..... 5 2 Dẫn nhập ..... 9 2.1 Nội dung và sự sắp đặt của tác phẩm nầy ..... 9 2.2 Sự hình thành Phật Giáo Tịnh Độ tại Ấn Độ và Trung Quốc ..... 12 2.3 Phật Giáo Tịnh Độ ở Nhật Bản ..... 23 2.3.1 Khởi đầu của Đức tin nơi Phật A Di Đà trong khuôn khổ của những Tông phái khác ..... 23 2.3.2 Hoàn cảnh lịch sử của sự phát triển dẫn đến chiều hướng một niềm tin độc lập ..... 27 2.3.3 Pháp Nhiên – sự bắt đầu của Phật Giáo Tịnh Độ tại Nhật Bản ... 29 2.3.4 Thân Loan - việc hoàn thiện giáo lý mới ..... 36 2.3.5 Nhứt Biến – sự lãnh hội của niềm tin của quần chúng ..... 41 3 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức) ..... 45 3.1 Pháp Nhiên ..... 45 3.1.1 Bản tín điều (một bản văn khởi thỉnh) ..... 45 3.1.2 Ý nghĩa cốt yếu của ba bộ kinh căn bản Sanbukyôtaii ..... 47 3.2 THÂN LOAN ..... 83 3.2.1 Chánh Tín niệm Phật kệ (Shoshin Nembutsu ge) ..... 83 3.2.2 Giải thích những câu chính trong “yuishinshô”(Duy Tín Sao) .... 92 3.2.3 Giáo, Hạnh, Tín, Chứng. Một vài đoạn tuyển chọn từ Giáo, Hạnh, Tín, Chứng (Kyôgyôshinshô) ..... 115 3.3 Duy Viên ..... 213 3.3.1 Thán Dị Sao ..... 213 3.4 Thích Liên Như (Shaku Rennyo 1415-1499) ..... 269 3.4.1 Phần kế tiếp ..... 269 3.4.2 Lời cuối..... 270 3.4.3 Lời phụ: ..... 276 3.5 Nhất Biến ..... 279 3.5.1 Trả lời về câu hỏi của người

em gái tướng quân Saiong ..... 279 3.5.2 Trả lời câu hỏi cho vị quan của đức vua trước và vị tu sĩ Tsuchimikado ..... 280 3.5.3 Trả lời cho Tướng quân Tonoben khi được hỏi về việc niệm Phật mà tôi được an lạc. ..... 280 3.5.4 Lời dạy được viết cho một tướng quân về vấn đề tái sanh. ..... 281 3.5.5 Trả lời cho vị Tăng sĩ Kogan, viết để trả lời về việc niệm Phật mà tâm được an lạc. 282

4 Lời nói đầu của Hans–Joachim Klimkeit

3.5.6 Trả lời cho Thánh Nhơn Shinnen ở Yokawa trên núi Tỉ Duệ thuộc Kyoto. ..... 283 3.5.7 Lời dạy viết cho người hỏi về sự thật sau cánh cửa về việc niệm Phật ..... 285 3.5.8 Lời dạy viết trả lời những người hỏi về cánh cửa của sự thật. ... 285 3.5.9 Lời dạy được viết trả lời người học trò bị bịnh nhẹ. ..... 286 3.5.10 Cuối cùng để lại lời dạy sau rốt (chép lại bởi người đệ tử, Shokai) . ..... 287 4 Từ ngữ ..... 289 4.1 Định nghĩa và giải thích ..... 289 4.2 Danh từ và tước hiệu ..... 309 5 Lời cuối sách ..... 313 6 Thư gởi ..... 319 6.1 Thư gởi ông Giám Đốc xuất bản Harrassowitz ..... 319 6.2 Brief an Herrn Vorsitzenden des Harrassowitz Verlag ..... 321 6.3 Brief an Herrn Christian Steineck ..... 323 6.3.1 Thư đồng ý của nhà xuất bản ..... 324 6.3.2 Thư đồng ý được dịch ra tiếng Việt ..... 325 7 Cùng Một Tác Giả ..... 327 8 Danh Sách ấn tống NBVCB Tịnh Độ Tông Nhật Bản 331

1 Lời nói đầu của Hans–Joachim Klimkeit Những “Tôn Giáo với lòng nhân từ” không thuộc về Thiên Chúa Giáo đã sớm được những nhà khoa học về Tôn Giáo của phương Tây chú ý theo dõi, đặc biệt vì song song với việc cải cách tư duy của Sola Gratia (chỉ cần nhân ái) và Sola Fide (chỉ qua niềm tin), được đặc biệt đáng chú ý. Cũng như vậy, Rudolf Otto trong quyển sách của ông ta nhan đề là “Tôn Giáo với lòng nhân từ của Ấn Độ và Thiên Chúa Giáo” (Gotha xuất bản năm 1930) theo chiều hướng của Ấn Độ Giáo, lòng nhân từ là điểm chính đã được đề cập đến, mà còn được xem là “sự cạnh tranh trọng yếu” của Thiên Chúa Giáo. Ngay cả học trò của Otto là Gustav Mensching cũng đã sẵn sàng dựa vào đó để tạo thành tác phẩm Tôn Giáo về hiện tượng Tôn Giáo. Một sự miêu tả thấu đáo về hiện tượng kia, cơ cấu kỳ lạ và định luật của cuộc sống (Stuttgart 1959), thêm vào giữa điểm hình học đã “đòi hỏi” và “thỉnh cầu” của Tôn Giáo đã phân biệt với nhau và để cuối cùng ông đã kể lại về sự khám phá của Otto về “Tôn Giáo với lòng nhân từ Visnu của Ấn Độ”; tuy vậy cũng như Phật Giáo Tịnh Độ của Nhật Bản đã được ông ta viết một bài về “Luther và Phật A Di Đà” (1936) và ông cũng đã tạo ra nhiều đề tài trong những buổi giảng cũng như sự thực hành của ông. Tuy vậy những

bài viết căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản, do Pháp Nhiên sáng lập "Tông Tịnh Độ", mà Thân Loan đã lập lại thành Tịnh Độ Chân Tông và Nhứt Biến đã lấy làm căn bản của Thời Tông đối với những độc giả người Đức rất khó tìm đến được. Những nguồn tài liệu quan trọng cho đến nay chỉ là những dịch phẩm của Hans

6 Lời nói đầu của Hans–Joachim Klimkeit

Haas, (Đức Phật A Di Đà nơi quy ngưỡng của chúng ta) (Göttingen 1910) nhưng vẫn còn mang hình thức ngôn ngữ đặc điểm tiếng Đức của Luther. Hans Haas, người truyền giáo Nhật Bản thuở ấy cũng đã nỗ lực tối đa cho công việc dịch thuật. Thể theo sự thật nầy luôn luôn là đề tài được đáp lại trong sự nghiên cứu về khoa học tôn giáo. Chính sự lặp lại nầy đã chứng minh được tính đáng tin cậy của tiếng Nhật và những nhà khoa học về Tôn Giáo cần sự dịch giải mới cho những bài văn quan trọng. Sự xác tín ấy vì thế được mở bày, có thể tìm thấy ở nhà Nhật Bản học trẻ tuổi Christian Steineck qua việc hoàn thành công tác nầy; chính ước muốn của ông ta và trong hoàn cảnh có thể, tác phẩm nầy được ra đời. Hội Liên Hiệp Văn Hóa Nhật Bản - Đức tại Köln đã sẵn sàng tài trợ cho việc dịch thuật và in ấn. Không chỉ đối với dịch giả mà ta còn cám ơn chung cả Hội cho công trình thực hiện việc nầy. Ngoài ra tác phẩm của Haas cũng còn những bản dịch khác về Tịnh Độ; nhưng còn cho thấy rằng sự thu thập bài vở trình bày nầy có tính cách tiêu biểu của một tác phẩm. Không những chỉ riêng cho việc dịch thuật mà Christian Steineck còn tuyển chọn những bản văn nữa. Với ông ta những bài nào cần thì bình luận và ông đã nghiên cứu qua sự dẫn nhập tổng thể về vị trí lịch sử Tôn Giáo của 3 tông phái Tịnh Độ trong sự phát triển của đạo Phật. Ông ta cũng đã đề cập đến những người đi trước Pháp Nhiên, Thân Loan và Nhất Biến tại Trung Quốc và như vậy đã tóm lược một chương về lịch sử Tôn Giáo Đông Nam Á Châu đã được cho thấy, mà thông thường chỉ có những nhà chuyên môn mới tìm đến được. Bản dịch tiếng Đức nầy cần thiết cho việc nghiên cứu quốc tế về Phật Giáo Tịnh Độ. Những tác phẩm như sự nghiên cứu của Alfred Bloom, Shinras Gospel of Pure Grace

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 7

(Tucson, Arizona 1968) hoặc của Martin Kraatz đã được xuất bản. Bài giảng Joachim–Wach của Takeo Ashizu và Shizuteru Ueda về "Luther và Thân Loan – Eckhart và Thiền" (Köln 1989), chỉ nói lên hai tiêu đề, chứng minh cho sự tiếp tục hứng thú của ngành về khái niệm của tài liệu nầy. Tuy vậy những độc giả vui thích về khoa học Tôn Giáo tổng quát cũng sẽ có được điều lợi ích qua lối dịch mới mẻ đáng tin tưởng về tiếng Nhật. Bonn, tháng 9 năm 1996 Hans-Joachim Klimkeit

8 Lời nói đầu của Hans–Joachim Klimkeit

2 Dẫn nhập 2.1 Nội dung và sự sắp đặt của tác phẩm nầy Tác phẩm nầy nhằm mục đích giúp bổ túc cho sự thiếu thốn, mà cho đến nay những tài liệu cốt yếu thuộc về tín ngưỡng lớn nhất của Phật Giáo Nhật Bản thuộc "Tịnh Độ Giáo" vẫn chưa được phổ biến hoặc chỉ nằm ở hình thức nơi tiếng Đức cổ xưa. Đây là những bản dịch giới thiệu những tư tưởng quan trọng của những vị sáng Tổ của ba tông phái Tịnh Độ Nhật Bản. Với ý định nầy, tiểu sử với những bối cảnh phía sau những văn bản nầy phải được làm

sáng tỏ; cho nên ở chương thứ 2 và chương thứ 3 sẽ giới thiệu về việc truyền thừa Tịnh Độ giáo từ Ấn Độ đến Trung Hoa rồi đến Nhật Bản cùng với sự biến đổi sẽ được giới thiệu ngắn. Hình thức tuyển chọn những bài văn chỉ có giới hạn, mà lại yêu cầu có sự toàn hảo thì quả là điều vô vọng. Mục đích của quyển sách nầy là để phổ biến những tài liệu trình bày về nhiều mặt của giáo lý để bổ túc cho nhau. Như vậy những điểm chính yếu khác nhau về nội dung của những bản văn, cũng như những loại bài đại diện khác đã được quan tâm. Bên cạnh "những tác phẩm hàn lâm" như thủ bút của Thân Loan về Giáo, Hạnh, Tín, Chứng cũng sẽ được trở thành đại chúng hóa và những lá thư cũng đã được giải bày. Đây là một trong những điều cốt yếu về sự thành tựu của Phật Giáo Tịnh Độ, vì đã truyền bá đến với quần chúng và tìm cách làm cho họ hiểu được giáo lý Phật Giáo.

10 Dẫn nhập

Sự sắp đặt góp nhặt từng điểm một: Chủ yếu của bài văn đầu tiên là "lời dạy cuối cùng" của vị sáng Tổ Tịnh Độ Tông, Ngài Pháp Nhiên (1133–1212); trong ấy lời dạy của Ngài đã được tóm lược lại. Bài văn thứ hai "tam bộ kinh đại ý" sẽ hiểu rõ 3 kinh nầy qua Ngài Pháp Nhiên và ở đó xây dựng được tổng thể về niềm tôn kính Đức Di Đà (Xem chương tiếp sau). Bài văn thứ ba là "Chánh tín niệm Phật kệ" xuất xứ từ đệ tử của Ngài Pháp Nhiên là Thân Loan (1173–1262); người chủ quan trọng nhất trong niềm tin nầy. Ngài đã cho chúng ta một cái nhìn tổng thể về truyền thống của Tịnh Độ đồng thời giáo lý cũng chứa đựng một luận đề riêng biệt tối quan trọng. Bài văn thứ tư được đưa ra là quyển "Duy Tín Sao văn ý" chỉ với đầu đề theo sự bình luận của Thân Loan viết chung thành "Duy Tín Sao" là một nghệ thuật đương thời. Trên thực tế, đây là những đoạn văn trích dẫn của Thân Loan để giải thích về những điểm chính và khái niệm về giáo lý của Ngài trong những chữ giản đơn cho những tín đồ chẳng có kiến thức cao. Bài văn thứ năm chủ yếu là tác phẩm chính của Thân Loan về "Giáo, Hạnh, Tín, Chứng" và bài văn nầy vì vậy với phạm vi to lớn kia chỉ trích đoạn để đưa ra. Nơi đó những điều chính yếu của Thân Loan đã được trích ra để giải thích rõ ràng hơn. Trong khi phần lớn những nguồn được trích dẫn là sự hợp thức hóa quan điểm của Ngài và chỉ những trường hợp tuyển chọn quan trọng mới được dịch ra.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 11

Bài văn thứ sáu là quyển "Thán Dị Sao", khởi nguồn từ đệ tử của Ngài Thân Loan là Duy Viên. Ở trong đó một vài điểm có thể - nghĩa là sự thật, lấy từ những lời dạy sai khác của Thân Loan được sửa đổi lại. Điều nầy cho thấy rằng những sự khó hiểu kia đi chung với niềm tin mới về sau như thế nào? Đoạn cuối của phần sưu tập là những thư từ và " lời dạy cuối cùng" do Nhứt Biến (1239-1289), sáng Tổ của Thời Tông gom lại. Nơi đó đã trình bày những điểm khác nhau về những lời dạy của Chi nhánh nầy về truyền thống Tịnh Độ của Nhật Bản. Để hoàn thành tác phẩm nầy nên lưu ý trong lời tựa với mục đích dẫn nhập, vào những bản văn và phải hiểu rằng nó không phải là sự nghiên cứu riêng thuộc về lãnh vực khoa học, vì vậy không có phần ghi chú. Trong phần dịch thuật của ghi chú với mục đích chính là giải thích những khái niệm không đơn giản để cho những người không phải là những nhà Phật học hoặc ngay cả những người không

phải là Nhật Bổn học có thể hiểu được văn bản. Nếu thảo luận một cách rộng rãi tiếp tục tham cứu thêm những bài vở khác thì khuôn khổ của quyển sách sẽ quá mức; cho nên rất tiếc là phải được bỏ đi. Những danh từ chuyên môn được bổ sung với sự giải thích bằng từ ngữ ở cuối quyển sách nầy; bao gồm những danh từ gốc Nhật ngữ cũng như cách phiên âm. Sự ghi âm những chữ Nhật được thực hiện qua cách Hepburn (chữ La Mã). Vì lý do kỹ thuật nên dấu ngang phải thay thế bằng dấu hiệu "^". Những chữ Hán được viết lại theo lối phiên âm (Bình Âm) và những chữ Ấn Độ thì theo cách thông dụng trong Ấn Độ học. Ở nơi một vài danh từ chính ("Ein Herz",

"Ursprüngliches Gelöbnis") các tỉnh từ được viết lớn ở đầu để nhấn mạnh đây là một khái niệm và ý nghĩa của nó. 2.2 Sự hình thành Phật Giáo Tịnh Độ tại Ấn Độ và Trung Quốc Khởi nguyên của sự tín ngưỡng Đức Phật A Di Đà xuất phát ở Ấn Độ. Được biết bên cạnh Đức Phật lịch sử Thích Ca (Khoảng 450 - khoảng 370 trước Tây Lịch) ngay như theo truyền thống Tiểu Thừa còn biết đến Đức Phật Nhiên Đăng (Dipankara) như là vị Phật ở thời quá khứ và Đức Phật Di Lặc sẽ là vị Phật đến thế giới nầy trong tương lai. Được biết rằng mỗi một khoảng thời gian như vậy chỉ có một vị Phật hiện thân trong thế giới nầy. Về sau nầy trong khuôn khổ của Phật Giáo Đại Thừa được phát triển, dưới cái nhìn với nhiều vũ trụ ở trong nhiều thế giới, được mở rộng ra ở vô biên phương không cùng tận. Người ta tin rằng, cũng như vậy có vô số chư Phật và các Ngài đang hiện hữu trong một phần của thế giới nầy. Người ta phân biệt giữa thế giới thanh tịnh và thế giới không thanh tịnh. Theo niềm tin tưởng nầy thì thế giới Tịnh Độ phải qua sự tích tụ những nghiệp tốt mà một Đức Phật tích chứa qua con đường giác ngộ. Ở cõi ấy tất cả chúng sinh được sinh sống và chính họ sẽ được đi đến con đường giác ngộ. Thế giới bất tịnh cũng là thế giới tự nhiên, trong đó chúng sinh có tất cả những điều tốt và ngay cả điều xấu, hạnh phúc cũng như khổ đau. Nên Tịnh Độ là mục đích mong ước tìm đến của những tín đồ; bởi vì được sinh ra ở nơi đó không có dấu hiệu của sự khổ đau hay một cuộc sống hạnh phúc, mà cũng là một con đường không cần cố gắng để đi đến điểm cao nhất của sự giác ngộ.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 13

Trong sự liên hệ của việc giới thiệu thế giới với sự hiện hữu của việc quy ngưỡng Đức Phật A Di Đà (Ánh sáng vô lượng) hay vị có đời sống không giới hạn; những chữ nầy với tên gọi bằng tiếng Phạn; nhưng tiếng Nhật thì đọc là Amida cho đến đầu kỷ nguyên ở miền Tây Bắc Ấn Độ, có lẽ bị ảnh hưởng bởi giáo lý bái hỏa giáo của Iran. Chẳng bao lâu sau thì Đức Phật A Di Đà được tin tưởng như là một trong năm vị Phật của Phật Giáo Đại Thừa, mà một bậc giác ngộ không thể phân ly được cảnh giới tuyệt đối của chư Phật với sự hóa thân trong hiện tại kia. Năm vị nầy ở một phương đã định trước và đồng thời tượng trưng cho một ý nghĩa của chư Phật. Bởi vì tín ngưỡng A Di Đà được phát triển từ miền tây Ấn Độ và điều ấy liên kết với phương hướng nầy; quốc độ ấy về sau trở thành biểu tượng của "cõi nước Tịnh Độ Phương Tây". Đặc điểm của Đức Phật ấy là có lòng từ bi vô lượng và hiện thân đặc biệt của Đức Phật A Di Đà. Trong lúc niềm tin nơi Đức Phật A Di Đà còn tồn tại ở Ấn Độ, cũng có thể nói là còn giữ lại ở khắp nơi,

thì đặc biệt văn hóa ở ngoài xứ Tây Bắc đã phát triển một sự tôn thờ "Đức Phật Vô Lượng Thọ". Việc thờ phượng đặc thù nầy trải dài ở Trung Á, Trung Quốc và sau nầy được phát triển ở Nhật Bản, trở thành một hướng tin độc lập của "Phật Giáo Tịnh Độ". Nội dung căn bản kia là nằm trong ba kinh tương đối ngắn (văn tự) căn bản gồm: Đại Vô Lượng Thọ Kinh; Kinh Tiểu Bản A Di Đà và Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ có lẽ là kinh có văn tự cũ nhất trong ba kinh. Nội dung diễn tả về việc thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà và quốc độ của Ngài, mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trả lời cho câu hỏi của đệ tử A Nan. Đức Phật kể lại về lịch sử của Phật A Di Đà đến Phật quả. Ở vào một thuở

xa xưa, Ngài là một vị Bồ Tát (Nghĩa là sẽ thành Phật khi đã giải thoát cả vũ trụ), với tên là Pháp Tạng, Ngài đã tìm ra một con đường để cứu tất cả chúng sanh để đi đến sự giác ngộ. Với mục tiêu nầy Ngài đã lập lời thệ nguyện, rằng: chỉ khi nào chứng được ngôi chánh giác và khi Ngài thành Phật thì quốc độ sẽ được an bình và hạnh phúc; ở nơi ấy là điều kiện dễ dàng nhất để được thành tựu giác ngộ. Ở nơi ấy chẳng hề có những hình thức tồn tại xấu ác như (chúng sanh ở cõi địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ - lời nguyện thứ nhất) mà cũng chẳng phải lo sợ trở lại ác đạo kia. Tất cả những chúng sanh của cõi đó sống hoàn toàn với sắc đẹp với trí tuệ vẹn toàn, cũng như có khả năng thần thông biến hóa và nơi đó được miêu tả gồm toàn là những vị Bồ Tát (lời nguyện thứ 3 đến thứ 9). Ngoài ra ở cõi nầy đẹp đẽ và những việc cần thiết cho con đường đi đến giác ngộ, chúng sanh ở nơi đó có tất cả. Đặc biệt được nhấn mạnh rằng nơi ấy không còn cảnh chết chóc ngự trị và được chiếu sáng bởi ánh sáng vô lượng quang của Đức Phật. Điều đặc biệt cõi Cực Lạc nầy khác với những cõi Phật khác, là ở nơi đây ai cũng có thể vãng sanh đến được, nếu họ chí tâm muốn tái sanh về đó (ngoại trừ nhóm bị trọng tội). Căn cứ theo bản kinh cổ xưa của Ấn Độ, người ta phải chí tâm trong mười niệm về cảnh giới của Đức Phật A Di Đà và hồi hướng tất cả công đức trong cuộc sống cho việc vãng sanh về cảnh giới Cực Lạc để thật sự đạt được mục đích sanh về đó (lời nguyện thứ 19). Sau nầy trong những bản dịch bằng chữ Hán cả hai điều kiện nầy đã trở thành trong 2 lời thề nguyện khác nhau; như thế thì với cách diễn tả ấy chỉ cần 10 niệm nhất tâm là đủ để sanh về thế giới của Đức Phật A Di Đà.

Phần thứ hai của Kinh Đại Bản Di Đà được cho biết rằng: Ngài Pháp Tạng Bồ Tát thực sự đạt được mục đích ấy và Ngài đã trở thành Đức Phật A Di Đà với sự thực hiện tất cả những lời nguyện của Ngài. Vẽ trang nghiêm của quốc độ cuối cùng đã được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni một lần nữa tán thán nhiều. Trong kinh tiểu bổn Di Đà thành hình sau nầy thì điểm chánh nằm nơi sự mô tả cõi giới và nhân dân ở nước Cực Lạc ấy. So với Đại Bản có nhiều điểm thay đổi trọng yếu như sau: Thứ nhất là Đức Thích Ca Mâu Ni tự thuyết giảng không qua lời thưa thỉnh của những đệ tử Ngài, mà bắt đầu do chính Ngài nói về cảnh giới của Đức Phật A Di Đà. Vì vậy sau nầy trong Phật Giáo Tịnh Độ được cho rằng Đức Thích Ca Mâu Ni đã nhấn mạnh điểm chính trong giáo lý của Ngài nơi đây; và như vậy niềm tin Đức A Di Đà đã ngự trị ưu tiên trên tất cả những giáo lý khác

của Phật Giáo ban đầu. Điểm thứ hai được thấy ở trong kinh nầy là sự liên hệ rõ ràng qua việc đề cập đến thời gian hữu hạn, mà việc nầy có lẽ được đón nhận từ không gian của Á Rập. Theo tư tưởng nầy thì thế giới đang trong tình trạng tiếp tục suy tàn, trong ấy con người không có khả năng để nhìn nhận sự thật và thay đổi được cuộc đời của họ. Điều thứ ba trong kinh nhấn mạnh rằng con người chẳng thể qua công đức tự có của mình, mà phải nương theo lòng từ của Đức Phật A Di Đà để được sanh về thế giới của Ngài. Con người có thể được bảo đảm qua lời thệ nguyện nầy; ở trong ấy chỉ chuyên niệm danh hiệu của Ngài và để cầu Ngài giúp đỡ. Qua điều nầy kinh đã rời khỏi tư tưởng Phật Giáo ban đầu; nghĩa là sự

giải thoát ấy không phải đến từ bên ngoài mà qua sự chứng ngộ đầy đủ bên trong cũng như lý trí trong sự chứng thật của mọi việc. Quyển kinh thứ ba có thể chẳng phải được hình thành tại Ấn Độ, mà được thành hình ở Trung Quốc. Tuy vậy những tín đồ vẫn tin rằng đây là lời của Đức Phật diễn tả 16 loại thiền định của Đức Phật Vô Lượng Thọ; qua đó sự quán tưởng đến Ngài cũng như quốc độ của Ngài rất được hoan nghênh. Sự quán tưởng nầy giúp cho con người có năng lực, Tuy gặp phải những chướng duyên; nhưng cũng có thể sống theo luân lý của Đức Phật. Kinh nầy cho rằng việc vãng sanh về Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà lệ thuộc vào một cách sống như trên.Ý nghĩa đặc biệt của sự quán tưởng đến Đức Phật là một phần trong lời dạy của kinh nầy, tuy nhiên Đức Thích Ca Mâu Ni đã chẳng hướng sự chú ý cho đệ tử của Ngài, mà dành cho Hoàng Hậu Vi Đề Hy; người bị chính con của mình giam vào ngục thất. Bà là sự tượng trưng cho sự đau khổ quá nhiều của con người, mà chẳng có một năng lực tinh thần nào có thể cứu khỏi. Bởi vì những người đàn bà, theo cái nhìn trong kinh nầy, là những người thua kém và bị những người đàn ông xem thường. Điều mà Đức Thích Ca Mâu Ni trực tiếp dạy cho bà Vi Đề Hy và sau nầy Ngài dạy cho tất cả mọi người hướng về phía Đức Vô Lượng Thọ, mà những người ấy không tự lực để giác ngộ cho chính mình. Bên cạnh ba kinh bên trên, về sau trên con đường phát triển về Tịnh Độ Giáo còn có 2 kinh được rút ra từ hoàn cảnh của Ấn Độ nữa, viết đầy đủ uy tín thuộc Phật Giáo Đại Thừa. Trong đó có quyển “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận (luận về sự giác ngộ qua 10 địa

vị của Bồ Tát)”. Đây chính là những lời dạy nổi tiếng của Ngài Long Thọ thuộc miền nam Ấn Độ. Long Thọ (dường như sống vào khoảng 150–250 sau Tây Lịch) là một trong những triết gia có tư tưởng định hướng. Ngài phát triển giáo nghĩa Trung Đạo giữa ý tưởng của tính chất thực tế theo kinh nghiệm như là thực tại và sự giảm thiểu để đi đến tính không tuyệt đối. Sự vật chẳng những có thật mà còn là sự trống không. Chúng có đó nhưng lại “trống rỗng”. Nghĩa là chúng chẳng có thực tướng riêng lẽ; chẳng một chúng sanh nào mà nằm ngoài nhân duyên sanh diệt trong thế giới nầy. Triết học biện chứng luận của Long Thọ đã có thẩm quyền cho nhiều tông phái của Đại Thừa. Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận nầy nay chỉ còn bản văn chữ Hán (và trong nầy thì không rõ ràng như bản chính), hướng về với nhiều con đường khác nhau để có thể tiến tới quả vị Bồ Tát nhằm được giác ngộ. Tác giả giải thích nhiều cách khác nhau để có thể dễ thực

hành, trong đó chứa đựng cả sự hứa khả chắc chắn của một vị Phật cho một vị Bồ Tát và qua năng lực cất nhắc nầy sẽ tiến nhanh hơn cho việc giác ngộ. Những nhà lý thuyết của Tịnh Độ Tông về sau nầy giải thích như là một sự thanh minh. Cuối cùng tìm đến ân đức qua lời thệ nguyện của Đức Phật Di Đà để đi đến con đường tự giác ngộ, chẳng phải là con đường khó khăn mấy. Trong khi những tác phẩm của Long Thọ còn chưa tìm ra được những sự liên quan trực tiếp về việc tôn kính Đức Phật A Di Đà, khi Long Thọ còn sống tại miền Nam xứ Ấn Độ, thì lúc ấy niềm tin A Di Đà đã phát triển ở miền Tây Bắc rồi. Điều cốt yếu là giữa hai bản văn về việc bình chú kinh Tiểu Phẩm của học giả

18 Dẫn nhập

Thế Thân ở miền Bắc Ấn Độ (thuộc thế kỷ thứ 4 hay thứ 5 sau Tây Lịch) đã được biên soạn. Đồng thời Ngài Thế Thân cũng đã viết hàng ngàn tác phẩm và về sau nầy nhiều tông phái của Đại Thừa lấy đó làm lý thuyết căn bản. Ngài đã triển khai về giáo lý "Phật Tánh" mà sau nầy hầu như tất cả những quan điểm của Nhật Bản về chúng sanh đều lấy đó làm chủ yếu và với họ tiềm lực giác ngộ có thể có được. Ngài đã bình luận nhiều bản văn căn bản và chắc chắn rằng chẳng có một lần nào biện hộ riêng cho việc tôn kính Đức Phật A Di Đà. Tuy vậy, trên thực tế Ngài đã giới thiệu về sự sùng bái Đức Phật A Di Đà qua tác phẩm: "bình chú về kinh Tịnh Độ" của Ngài. Với những người theo giáo nghĩa Tịnh Độ thì đây là sự hướng về việc giải thích cho niềm tin kia và xem Ngài Thế Thân như là một trong những vị Tổ Sư của giáo lý nầy. Sự phát triển về niềm tin A Di Đà (phía dưới sẽ chỉ còn dùng theo tên gọi bằng tiếng Nhật) cho một sự tự chủ; ngoài ra khoảng thế kỷ thứ 5 sau Tây Lịch niềm tin ấy đã bắt đầu ở Trung Quốc. Nơi ấy được hình thành bởi Ngài Huệ Viễn (334-416) gồm một nhóm khoảng 100 người, đã tự hướng về việc thiền định qua sự hồi hướng đến Đức A Di Đà. Tuy nhiên nhóm nầy cũng bị ngưng trệ trong thời gian ngắn sau khi sư phụ của mình viên tịch. Một đoàn thể có niềm tin vững chắc đầu tiên được hình thành vào thế kỷ thứ 6 ở miền Bắc Trung Hoa trong thời gian nầy đã bị ảnh hưởng bởi chiến tranh và nghèo đói. Tiếp đến Ngài Đàm Loan (khoảng 488–554) và Ngài Đạo Xước (562-645) đã tìm cách hình thành sự sùng bái Đức A Di Đà làm chủ yếu của sự Thánh Thiện và giáo lý giải thoát nầy chính là nền tảng cho niềm tin kia; dùng những bản văn được truyền từ Ấn Độ qua Trung

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 19

Hoa làm chuẩn. Bên cạnh đó các Ngài đặc biệt lưu tâm về thời mạt pháp mà các Ngài đã tìm ra qua những kinh sách đã có trước ở Ấn Độ và những điều ấy đã giúp cho họ miêu tả rõ ràng trong thời gian riêng lẽ nhất định. Họ quan niệm rằng, con người sống dưới bất cứ hoàn cảnh nào, khi đã bị hận thù và tham vọng chế ngự; thì họ chẳng thể tự giải thoát được. Qua lời thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà hứa giúp đón nhận mọi người về cõi Tịnh Độ và được vãng sanh; điều ấy cho họ thấy chỉ còn một con đường cứu giúp duy nhất là có thể. Từ lý do nầy mà các Ngài đã giải thích rằng niềm tin kính tất cả các vị Phật khác là phụ, nếu nói cách khác là chẳng tốt và đặc biệt sùng bái Đức Phật A Di Đà ở vị trí cao nhất. Tác phẩm chính của Đàm Loan là "vãng sanh luận chú" cũng như "Tịnh Độ Luận Chú" đã là những giải thích từ kinh Tiểu Bản A Di Đà qua sự

giải thích cũng như viết lời bình luận của Ngài Thế Thân. Ở đó trên hết Ngài đã nhấn mạnh về lời thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà với mọi người cũng như những tội lỗi đã có sẵn cũng có thể thành tựu, được sanh về nơi quốc độ của Ngài. Như vậy Ngài (Đàm Loan) đã đặt viên đá đầu tiên cho sự chuyển hướng của một Tôn Giáo; đặc biệt cho những tín đồ có sức lôi cuốn lớn mạnh hơn, bởi vì với họ, con đường giải thoát đã được mở ra. Đàm Loan khuyên 5 việc cho người thực hành sùng bái nơi Đức Phật (niệm Phật) đó là: Lễ bái Đức A Di Đà với lời mong cầu được sanh về thế giới của Ngài; tán thán ca ngợi danh hiệu của Ngài; phát lời thệ nguyện sanh về Tịnh Độ; quán tưởng Đức A Di Đà và cảnh giới của Ngài và hồi hướng tất cả những công

đức đến với tất cả chúng sanh. Với những sự thực hành đơn giản ấy mà do lòng từ vô lượng qua lời nguyện của Đức Phật A Di Đà sẽ đủ để được vãng sanh về thế giới của Ngài; bởi vì Đàm Loan đã giải thích rằng con người qua việc niệm danh hiệu của Phật A Di Đà đã được đồng nhất nối kết lại với Ngài. Danh hiệu ấy đã chứa đựng đầy đủ năng lực của Đức Phật nầy và qua sự trì danh, con người sẽ được mang đến quốc độ đó. Tư tưởng tiếp theo của Đàm Loan là sự sanh về Tịnh Độ ấy là do tất cả ý nghĩa của sức đẩy (của Đức A Di Đà) làm cho con người có thể sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, không qua một trung gian nào cả. Những vị được sanh về sẽ trở thành Bồ Tát với một tâm thanh tịnh và một năng lực trí tuệ siêu phàm. Như vậy không cần thiết vì lý do nào mà con người hướng đến với Phật A Di Đà. Ngay cả bất cứ ai, chỉ cần nghe qua sự tường thuật lại, sự trang nghiêm của cảnh giới ấy mà cũng thấy thích thú khi vãng sanh về cõi Tịnh Độ sẽ trực tiếp thành tựu qua những cấp bậc cao nhất ở đó. Đạo Xước thì cho đến giữa đời, lần đầu tiên Ngài mới hướng về Tịnh Độ, sau khi Ngài thấy được Ngài Đàm Loan cung kính nơi một điện thờ tại một ngôi chùa, đó là bước đầu về sự phát triển niềm tin A Di Đà dưới khía cạnh thói quen của quần chúng. Điều mà một vị Đại sư nổi tiếng đã chọn con đường đơn giản để đến sự giải thoát và chính Ngài đã gây nên ấn tượng và giáo lý mà Ngài đã noi gương theo. Điều đặc biệt quan trọng đối với Đạo Xước là tư tưởng thế giới nầy đang ở thời kỳ mạt pháp. Trong tác phẩm: “An lạc tập” của Ngài đã gọi sự giải thoát qua lời nguyện của Đức Phật A Di Đà là “cánh cửa của Tịnh Độ” so với “cánh cửa giải thoát”; với cái nhìn ấy của Ngài bây giờ đã được đóng

kín lại. Bởi vì qua cái nhìn của Ngài, chẳng có người nào tự có thể giải cứu được sự xấu xa tội lỗi của mình, vì họ đã bị thế giới cột chặt, mà Ngài đã chối từ qua sự cố gắng giải thoát khác; ngoại trừ dựa theo lời thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà. Sự sắp đặt có hệ thống nhất thời của giáo lý Tịnh Độ đã được hình thành qua người đệ tử của Đạo Xước là Ngài Thiện Đạo (613–681) với giáo nghĩa của Tịnh Độ ở Trung Hoa. Ngài Thiện Đạo sống ở Trường An; nơi kinh đô của nhà Đường. Ngài đã nhận được sự kính trọng ở Hoàng Gia cũng như những vị Tăng sĩ cùng thời với Ngài. Cho nên Ngài có đầy đủ khả năng quyết định thiết lập Tịnh Độ như là sự độc tôn và được công nhận bởi niềm tin trong đạo Phật. Tác phẩm chính yếu nhất của Ngài là “Quán Vô Lượng Thọ kinh Tứ tập sớ” (Bốn quyển sớ giải về kinh Quán Vô Lượng Thọ). Để tiếp tục phát triển về sự thực

hành tin tưởng ấy, hai quyển rất quan trọng, đã hướng dẫn việc thực hiện những loại khác nhau về Thiền Định với Đức Phật A Di Đà. Thiện Đạo chính Ngài cũng đã làm sáng tỏ cho riêng mình một giá trị lớn và tạo ra một kỹ thuật quán tưởng về Đức Phật A Di Đà. Đồng thời Ngài cũng đã giải thích về tác phẩm của Ngài rằng việc trì danh niệm Phật là hoàn toàn đầy đủ, để được sanh về thế giới Tịnh Độ và Ngài cũng đã tìm cách qua sự dẫn chứng nầy từ uy tín của văn tự để sắp đặt nên. Ngài còn hướng dẫn cho việc niệm Phật như là một hành động duy nhất đứng đắn và đầy đủ cho việc tái sanh về đó. Trong 5 việc thực tập mà Ngài Đàm Loan đã tuyển chọn thực hành, theo Thiện Đạo thì việc niệm Phật quan trọng hơn cả và 4 cách kia chỉ giữ vai trò hỗ trợ mà thôi.

22 Dẫn nhập

Thiện Đạo tin rằng sự xấu ác không tránh khỏi đối với loài người. Ngay cả ai cho rằng cuộc đời trong hiện tại của họ không có tội lỗi thì theo quan điểm của Thiện Đạo cho rằng điều nầy không thật sự đúng; bởi vì trong vô lượng kiếp sống người nầy cũng đã tạo ra với tất cả những hành động tội lỗi. Cho nên chẳng có một người nào có một nghiệp tốt cả để có thể tự năng lực của mình mà được sanh về Tịnh Độ, huống chi nói đến việc giác ngộ tuyệt đối. Theo như vậy thì những điều kiện cho tất cả mọi người dầu cho Tăng sĩ hay tín đồ, hàng vương bá hay nông dân, đàn ông hoặc đàn bà tất cả đều giống nhau. Mọi người đều lệ thuộc hoàn toàn vào lời thệ nguyện của Đức A Di Đà; nếu họ muốn đạt đến sự giải thoát. Sự chấp nhận của hành động tội lỗi của mình, đối với Thiện Đạo là điều trọng yếu cho điều nhận thức trong tâm mình. Qua điều nầy, con người trên thực tế đã đến với Đức A Di Đà từ ba yếu tố (chí tâm, tín nhạo, dục sanh). Điều nhấn mạnh về tín ngưỡng là một điểm mới trong giáo lý Tịnh Độ và trở thành rất quan trọng cho sự phát triển của Tịnh Độ Tông Nhật Bản. Mặc dầu Ngài Thiện Đạo đã góp phần quan trọng cho hệ thống căn bản của giáo nghĩa Tịnh Độ để cho người bình dân cũng có cơ hội giải thoát; nhưng tư tưởng của Ngài vẫn còn ảnh hưởng bởi truyền thống, đòi hỏi con người phải tự sửa đổi lỗi lầm của chính mình. Cho nên Phật Giáo Tịnh Độ ở Trung Hoa còn giữ tư tưởng, mà con người phải qua sự tinh tấn mới có thể đến được chốn giải thoát. Thế hệ tiếp theo sau Thiện Đạo xuất hiện cho bây giờ làm căn bản có hệ thống đầy đủ cho văn học và việc nầy đã được giải thích qua tư tưởng, giải thích về sự ngờ vực và hướng dẫn cho sự thực tập. Đầu thế kỷ thứ 8 giáo nghĩa Tịnh Độ đã phát triển rộng

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 23

rãi ngay cả lý thuyết và thực hành, đã giới thiệu một Tông phái riêng biệt; mà tông phái ấy đã đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng tôn giáo của tín đồ. Tông phái nầy đóng một vai trò quan trọng trong mọi chi phái Phật Giáo khác, mà nơi đây vị trí của người nữ và tín đồ giữ một vai trò quan trọng. Qua sự phát triển mà ta thấy của Ngài Thiện Đạo cho biết rằng, tất cả mọi người của thời mạt pháp đều giống nhau trong sự giải thoát và đã làm thay đổi sự quan hệ xã hội của sự phát triển về niềm tin. Đương nhiên với sự thành công của Tịnh Độ giáo nghĩa cũng tạo nên nơi những trường phái khác, sự bất tín và phê bình. Đặc biệt điển hình là những vị Thầy của Tông phái Thiền, nghĩa là giáo nghĩa của Tịnh Độ đã làm cho con người hiểu về cuộc đời sai hơn; bởi vì họ cho

rằng việc bỏ ác là không làm được. Ngược lại những tín đồ của Tịnh Độ Tông đã ngạo mạn với những vị Thầy của Thiền và than vãng rằng những vị nầy đã phủ nhận vô lượng pháp môn của Đức Phật để chứng minh cho con đường đến chỗ Thánh thiện, mà những lời dạy ấy phải hợp với căn cơ của chúng sanh. Cuối cùng người ta nên tìm đến một con đường mà cả hai pháp môn đều có thể đi chung trên một mặt phẳng cao hơn. Cho nên Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ (904–975) đã tổng hợp cả hai con đường của Thiền và Tịnh Độ. 2.3 Phật Giáo Tịnh Độ ở Nhật Bản 2.3.1 Khởi đầu của Đức tin nơi Phật A Di Đà trong khuôn khổ của những Tông phái khác Việc truyền bá Phật Giáo Tịnh Độ ở Nhật Bản, “Chân Tông” đóng một vai trò ít quan trọng hơn là việc đón nhận trong niềm tín ngưỡng Đức Di Đà trong việc hành trì của các

tông phái khác. Ngay cả Chigi (538–597) người khai sáng Tông Thiên Thai đã đón nhận căn bản về niềm tin A Di Đà trong hệ thống hỗn hợp ấy. Ngài đã khuyên về việc học thuộc lễ nhạc Thiền Định và trong 90 ngày thực tập luôn luôn lập lại danh hiệu của Đức A Di Đà không cho gián đoạn. Về sau việc tin tưởng Đức A Di Đà càng mạnh hơn và có vai trò đáng kể trong tông phái nầy. Ở tại Nhật luôn được lặp lại giống nhau như thế. Ngài Tối Trừng (762–822) vào năm 807 đã thành lập phái Thiên Thai sau một năm tu học tại Trung Hoa. Trong tư tưởng giáo lý của Tông nầy đã sắp đặt đón nhận một cách rộng rãi những giáo lý khác nhau và tìm cách để hội nhập vào và trải qua hằng trăm năm đã thừa nhận tín ngưỡng A Di Đà trong khuôn khổ to lớn hơn. Trong thế kỷ thứ 10 ý tưởng thời kỳ mạt pháp đã bắt đầu và chính đó, không khí tinh thần đã ngự trị. Như vậy con người đi tìm kiếm một con đường tương ưng để đến với sự Thánh thiện của Tôn Giáo hơn là bất thiện. Nội bộ của Tông Thiên Thai cũng đã ảnh hưởng rất lớn về vấn đề chính trị và việc thờ phượng A Di Đà đã trở thành một sự hành trì căn bản trong các tu viện. Nhiều chùa Tổng Bổn Sơn như Enryaku – ji ở núi Tỉ Duệ thuộc miền Đông Bắc kinh đô Kyoto đã đổi thành niềm tin vào Đức Phật A Di Đà và nhiều vị Tăng sĩ đã độc quyền cống hiến cho việc phức tạp nầy, đồng thời học thuộc lòng những nghi lễ để thích nghi theo lời thệ nguyện kia. Những sự tế lễ nầy cũng do tín đồ đóng góp từ giới quý tộc và để tránh khỏi việc bất thiện cũng như muốn bảo đảm cho việc vãng sanh về Tịnh Độ.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 25

Trong khi trước đây cánh cửa đến với lời thệ nguyện của Đức A Di Đà chỉ được hé mở cho một phần nhỏ thì khoảng giữa thế kỷ thứ 10 cũng đã hiện hữu những vị Tăng sĩ và họ đã truyền đến cho người bình dân giáo lý của Đức A Di Đà về Tịnh Độ. Con đường ấy rõ ràng chỉ để giúp đỡ cho mọi người không phân biệt giàu có, giáo dục, hay địa vị để sanh về Tịnh Độ. Đặc biệt có thầy Kueya (903-972) rất nổi tiếng khi lữ hành qua khắp nước Nhật với việc niệm Phật tại các chợ, xây cầu, đào giếng và lúc nào cũng gần gũi con người. Nền móng căn bản cho việc tiếp tục phát triển của Phật giáo Tịnh Độ tại Nhật qua tác phẩm “Vãng sanh yếu tập” của vị Tăng sĩ Genshin (942-1017) của Tông Thiên Thai. Genshin (Nguyên Tín) là một học giả, người đã tham cứu qua tất cả những truyền thống Phật Giáo khác đã thừa nhận tính đại chúng của niềm tin Tịnh Độ và đây

là cơ hội để Ngài khảo sát về căn bản của giáo điều kia. Ở đó Ngài đã lặp lại giáo lý của Ngài Thiện Đạo, mà đây là lần dầu tiên ở Nhật được biết đến giáo lý ấy trong tác phẩm nầy. Vãng sanh yếu tập không những chỉ là giáo trình đại học mà còn chứa đựng sự mô tả sống động của sự sụp đổ trong sự tồn tại của con người ở vào thời mạt pháp; ở nhiều địa ngục khác nhau, con người bị rơi vào đó vì tội lỗi và thế giới Cực Lạc qua tha lực của Đức A Di Đà còn có thể được sanh về đó. Chất lượng văn chương kia và năng lực gợi cảm qua hình ảnh đã tạo thành tác phẩm nầy có ảnh hưởng vô cùng về phương diện văn hóa cũng như cách suy nghĩ thuở bấy giờ.

26 Dẫn nhập

Genshin đã thừa nhận tư tưởng của Ngài Thiện Đạo qua việc niệm A Di Đà như là làm rõ con đường nhân từ tại Nhật Bản và đã tạo thành một giáo lý cơ bản. Với việc nầy Ngài đã góp phần lớn trong việc tế lễ tại Nhật Bản. Vì tính cách giản dị kia, chẳng bao lâu đã thành tựu to lớn có tánh cách đại chúng và Tịnh Độ Giáo đã trở thành điểm tựa vững chắc trong cuộc sống tôn giáo ấy. Tuy vậy Genshin vẫn trụ vững trong truyền thống của Tu Viện và với ông Thiền Định vẫn là lý do đầu tiên rõ ràng và việc tụng niệm chỉ là con đường thứ hai để đi đến sự Thánh Thiện. Ngoài ra theo Ngài nếu chỉ niệm danh hiệu của Đức A Di Đà thì không đủ mà các tín đồ còn phải dụng tâm vào đó sâu xa hơn nữa; hình ảnh của Đức Phật ở trước mắt và chẳng có một ai làm suy yếu sự thực hành kia. Sau một trăm năm niềm tin về Đức A Di Đà vẫn tiếp tục phát triển. Cửa chùa giao tiếp với tín đồ để cầu nguyện cho việc vãng sanh về Tinh Độ. Các Tăng sĩ Thiên Thai Tông, như Ngài Ryônin (1072 -1132) đã giảng pháp với sự thành công lớn lao cho Hoàng gia và cho cả dân chúng nữa. Những vị thần linh bản địa của đại chúng được đồng hóa và gần giống như sự tín ngưỡng của Đức Di Đà. Khi Ngài Pháp Nhiên và Thân Loan ở vào cuối thế kỷ thứ 12 đã tiếp tục phát triển giáo lý của sự giải thoát qua Đức A Di Đà và đã trở thành độc tôn cho hướng tin tưởng ấy. Có thể các Ngài đã dựa vào làn sóng của Tôn Giáo đã tồn tại sẵn, mà tôn giáo ấy (niềm tin ấy) tất nhiên còn vắng mặt một tâm thành của sự sắp đặt có hệ thống và sự vững chắc; bởi vì lý thuyết về việc niệm danh hiệu Phật A Di Đà nó có giá trị như là một kỹ năng trợ lực duy nhất cho việc

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 27

Thiền Định hoặc giả đó cũng là sự thực hành kém nhất cho những người với tự lực tinh thần còn giới hạn. 2.3.2 Hoàn cảnh lịch sử của sự phát triển dẫn đến chiều hướng một niềm tin độc lập Những tài liệu được dịch trong quyển sách nầy tất cả đều xuất xứ từ thời 1175 cho đến năm 1289 (năm đầu là năm mà Pháp Nhiên lần đầu tiên thành lập Tịnh Độ Chân Tông, độc lập tại Nhật Bản và niên đại sau là năm Nhứt Biến mất; người sáng lập ra Thời Tông). Trong khoảng thời gian nầy chẳng phải chỉ riêng xuất hiện Tịnh Độ Tông như là một giáo phái độc lập mà ngoài ra còn các tông phái khác của Nhật Bản cũng đã được thành lập và ngôi nhà giáo lý ấy chẳng còn bị lệ thuộc hoàn toàn vào nguồn gốc của Ấn Độ và Trung Hoa nữa. Đó là Pháp Hoa Tông và hai Tông của Thiền. Sự phát sinh và thành quả của Tông phái mới, chỉ có thể hiểu được trước những lý do thầm kín của sự phát triển đoàn thể cho từng thời. Những tông nầy đã ảnh hưởng

qua những sự khủng hoảng và sự sụp đổ hoàn toàn của thế lực chính trị của Hoàng gia tại Kyoto và kết quả ấy là sự thành lập chính quyền quân đội năm 1192 tại Kamakura đã biểu lộ sự thay đổi về cơ cấu xã hội, mà cơ cấu ấy đã được dọn sẵn đường giữa thời Heian (Bình An). Trong khi sự thanh nhàn và sự tinh luyện về văn hóa của Triều Đình còn là một điểm cao hướng về thì những việc làm cụ thể của những cơ quan tại các tỉnh lỵ càng ngày càng bị quân đội chi phối và việc nầy từ hạ tầng cơ sở và là tay chân bên cạnh của Triều Đình đã được huấn luyện. Nó được hình thành bởi cấu trúc của phong kiến với sự thống trị, qua sự trung thành cá nhân và sự quan tâm. Khi triều đình ít

quan tâm đến sự thống trị về hành chánh ấy đối với cuộc sống tại các tỉnh; cho nên ảnh hưởng của quân đội lại càng mạnh hơn và cuối cùng tiến dần đến những ông quan đóng vai trò chính trị quan trọng. Sự tranh giành giữa Taira và Minamoto ở vào giữa thế kỷ thứ 12 đã bị ảnh hưởng; dẫn đến việc thành lập chính quyền quân nhân tại Kamakura. Đây chính là sự chiến đấu giữa hai phe đảng của tầng lớp mới. Trong khi Taira qua một thời gian dài thống trị vẫn còn chủ trương chế độ quan liêu công khai quan trọng và nhại theo văn hóa của Triều đình, thì Minamoto cuối cùng đã chiến thắng và tổ chức cho chính quyền mới ở Kamakura; trong ấy chẳng thân thiện với những tỉnh miền nam đang phát triển mạnh. Cuộc cách mạng quần chúng nầy cũng đã mang nhiều ý nghĩa với cuộc sống Tôn Giáo qua việc đánh đổ lối sống cũ, sự biến dạng của chính trị và chiến tranh sai quấy đã còn dẫn đến nhiều nạn đói và bệnh dịch lan truyền, những việc trông thấy đó đã ảnh hưởng đến quyết định của con người. Tương ưng với tư tưởng về thời mạt pháp; thời gian sụp đổ đã bắt đầu, luôn là điểm có thể nhận ra và đồng thời việc ấy đã rõ ràng để cho giáo lý của các Tông phái Phật Giáo được thành lập, mà nhu cầu Tôn Giáo của thời ấy chẳng thể thực hiện được. Những Tông phái nầy với cách học thuộc lòng là những nghi lễ có liên hệ trực tiếp với kinh điển bằng chữ Hán và đường hướng theo đời sống của Tu Viện để dẫn đến con đường giải thoát cho nhiều người là không thể tiến tới được và khó hiểu. Ngoài ra các Tông phái cũng còn liên hệ chặt chẽ với những tầng lớp của Triều Đình cũng như bị mắc kẹt vào sự sai quấy của chính trị đương thời.

Những kẻ thống trị mới, tìm đến một hình thức tự chủ của văn hóa và đại diện của Tôn Giáo. Họ chẳng muốn tiếp tục đẩy mạnh truyền thống tu viện, Tông phái và nối kết chặt chẽ với những hình thức đại diện cũ. Ngoài ra nhóm mới nầy đã đẩy mạnh vấn đề thực tế và họ biết rõ việc nầy. Họ đã đạt được kết quả và tiếp thu việc hành chánh mà Triều Đình đã bỏ ngõ và dĩ nhiên họ dùng quyền lực bạo động để hạ địch thủ. Họ không tin tưởng nền văn hóa Triều đình thời Heian (Bình An) mà trong đó lễ nhạc thật phức tạp của những Tông phái đã cống hiến. Những kẻ thống trị mới cũng cai trị theo nguyện vọng và thể thức của Tôn Giáo, mà với họ đã ảnh hưởng bởi việc làm cũng như đời sống chiến tranh hội nhập. Đây chính là nền tảng để thành lập những Tông phái Phật Giáo mới vào thế kỷ thứ 13. 2.3.3 Pháp Nhiên – sự bắt đầu của Phật Giáo Tịnh Độ

tại Nhật Bản Vị Thầy Tôn Giáo đầu tiên thành lập Tông phái tự chủ Tịnh Độ Tông tại Nhật Bản là Ngài Nguyên Không (1133-1212) và thường được biết đến với danh hiệu là Pháp Nhiên. Căn cứ vào tác phẩm căn bản của Genshin (Nguyên Tín) và Thiện Đạo, Ngài đã đến với niềm tin niệm danh hiệu A Di Đà là cách duy nhất và là con đường chắc chắn để được vãng sanh. Sự thực tập phức tạp và những quy định đạo đức cứng nhắc đối với Ngài sẽ làm chướng ngại; bởi vì những tư tưởng nầy sẽ làm cho con người tin rằng điều ấy là họ có thể là tự lực để được chứng ngộ. Thế nhưng theo Ngài, thời mạt pháp đã bắt đầu; nên không thể thực hiện được. Cho nên Ngài đã dạy về "tuyển trạch niệm Phật", tin tưởng vào sự nhiệt thành niệm Phật A Di

Đà là sự định để sau cùng cho tất cả những lễ nghi và sự thực hành khác. Pháp Nhiên xuất thân từ một gia đình quyền quý ở phía Tây Nhật Bản. Bởi vì cha ngài mất sớm; nên Ngài được mang vào chùa thuộc Tông phái Thiên Thai ở vào lứa tuổi 8 hay 9. Ở đó với trí thông minh ông đã học rất nhanh; nên lúc 12 tuổi ông đã được gởi vào chùa Enryaku-Ji là Tổng Bổn Sơn của phái nầy; nơi mà hai năm sau ông trở thành Tăng Sĩ và trong thời gian nầy ông đã nhận được pháp danh là Nguyên Không. Chùa Enryaku-Ji tổng thể rất lớn, trong ấy có nhiều khuynh hướng khác nhau để phát triển về Tôn Giáo đồng thời tồn tại bên cạnh nhau. Ngài đã bị ảnh hưởng về sự suy đồi của Tôn Giáo như các Tông Phái truyền thống Thiên Thai, Hoa Nghiêm và Chân Ngôn. Rất nhiều Tăng Sĩ của Tông Thiên Thai là những người quý tộc; họ đã trở về lại với triều đình; nhưng bây giờ họ ra khỏi tu viện để lèo lái chính trị. Với điều ấy họ đã có ảnh hưởng và tài sản của Tông phái cũng được xử dụng như là chiến lược hợp lý ở vị trí của chùa chính ở trên núi Tỉ Duệ thuộc miền Bắc của kinh đô; bởi vì dưới hình thức người lãnh đạo tinh thần họ ở lại Enryaku-Ji và cũng có một nhóm lớn tu sĩ chiến đấu với khí giới. Bên cạnh đó vị trí của ngôi chùa cũng đã cố gắng để trở thành trung tâm tôn giáo uyên thâm suốt cả thế kỷ thứ 12. Điều ấy chẳng phải là một sự ngẫu nhiên mà nhiều Tôn Giáo mới đã xuất hiện giữa thời gian năm 1175 và 1300 bên cạnh Pháp Nhiên và Thân Loan còn có cả Đạo Nguyên (1200– 1253), người sáng lập ra Tào Động Tông tại Nhật Bản, cũng

xuất thân từ tông Thiên Thai. Với giáo lý hỗn hợp ở trong hoàn cảnh đa dạng cho việc thực tập, với sự phong phú của văn học Phật Giáo của nhiều tông phái khác nhau; tuy vậy trên tất cả sự đa dạng đó phải có một nơi chốn tìm được con đường mới để hướng đến sự giải thoát. Mảnh đất của chùa trên núi Tỉ Duệ với những thung lũng và hang động; ở nơi đó trên thực tế những ai có niềm tin Tôn Giáo đều có thể tu tập, không bị cản trở cho việc nghiên cứu tu học và việc hành trì. Ngay từ đầu Pháp Nhiên đã làm muốn có một cuộc sống như vậy để nghiên cứu về những tài liệu học Phật. Ngài đã sống thường xuyên tại Kurodani cho đến năm 1175; nơi đây là chỗ yên ổn trong già làm. Trong những năm sau đó Ngài đã thẩm định những nguồn tài liệu quan trọng của giáo điển để tìm ra một hệ thống giáo lý, nhằm đại diện cho Nhật Bản lúc bấy giờ. Vấn đề là làm thế nào cho con người ở vào thời mạt pháp; nơi Ngài đang sống còn có thể tìm ra được một con đường để đi đến chỗ Thánh thiện. Những gì Ngài đọc qua, chẳng làm

cho Ngài hài lòng. Như đã trình bày trước đây những giáo lý Phật Giáo theo truyền thống, cái gốc ấy có tính cách huyền bí, việc giải thoát dành riêng cho một số ít người, mà những ai đã thoát ra khỏi đời sống thế tục, có thể giữ giới luật chặt chẽ để thực hành những lễ nghi phức tạp. Mặc dầu Pháp Nhiên suốt cuộc đời đã trải qua những quy định ấy, có giá trị làm kim chỉ nam cho Tăng sĩ và tổng thể là một sự đòi hỏi chắc chắn đã được trưởng thành; nhưng Ngài vẫn cố tìm ra một con đường khác để đi đến chỗ Thánh thiện mà mọi người có thể đạt đến được.

32 Dẫn nhập

Sau 20 năm nghiên cứu tìm tòi, cuối cùng qua những tác phẩm "Vãng Sanh Yếu Tập" của Genshin nói về giáo lý A Di Đà Tịnh Độ và đặc biệt ở đây Ngài đã quyết định dõi bước theo dấu chân của Ngài Thiện Đạo. Khi ấy Ngài đã đọc một đoạn trong việc bình luận về kinh Quán Vô Lượng Thọ. Và trong ấy cho rằng việc trì danh niệm Phật như là dấu hiệu của con đường đưa đến sự Thánh Thiện, mà con đường ấy riêng lẽ của Đức A Di Đà đã lựa chọn cho con người. Dĩ nhiên là Ngài Pháp Nhiên biết pháp môn niệm Phật đã có sẵn nơi quần chúng. Tuy nhiên theo những truyền thống có sẵn thì Tông phái riêng lẽ của Ngài chỉ có giá trị thực tập hay nói đúng hơn là một biện pháp tạm thời cho đại chúng bình dân, mà con đường đúng ra của Thiền Định và khổ hạnh chẳng có khả năng để đi. Những sách viết của Thiện Đạo bây giờ đã dẫn dắt Pháp Nhiên vào niềm tin. Điều ấy ngược lại với việc niệm danh hiệu A Di Đà là con đường đúng và con đường duy nhất dẫn đến sự Thánh thiện. Cộng thêm vào tư tưởng nầy, Ngài đã nắm bắt được ý tưởng của Thiện Đạo là sự thực tập niệm danh hiệu Phật A Di Đà chính là sự tự sáng chế và làm quà biếu cho con người. Pháp Nhiên suy diễn việc ấy là tất cả lễ nghi cũng như sự thực tập thực ra không cần thiết nữa. Ngoài ra chính Ngài suốt cả cuộc đời sống theo quy cách của một Tăng sĩ; nhưng đã không đòi hỏi cho những người khác như là một điều kiện để tiến đến sự giải thoát. Hơn thế nữa Ngài còn yêu cầu thực hành niệm Phật thật miên mật. Với sự đánh giá mới về niệm Phật (Nembutsu) Pháp Nhiên đã mở ra một Tông phái độc lập là Tông Tịnh Độ. Ngài đã rời Kurodani vào năm 1175 và đi đến gần kinh đô Kyoto để triển

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 33

khai giáo lý mới của Ngài. Năm nầy nói chung được xem là năm thành lập Tịnh Độ Tông hay Tông Tịnh Độ. Đệ tử của Ngài dần tăng theo những năm sau đó. Giáo lý của Pháp Nhiên đã được giải thích lần đầu tiên về Phật Giáo ngay cả cho những người nghèo khó; những người không có học và cả đàn bà (mà theo Phật Giáo truyền thống luôn luôn bị coi rẽ) và chứng minh cho một con đường trực tiếp để đến nơi Thánh Thiện giải thoát. Những người như vậy quy tụ thành một nhóm lớn trong dân gian và ngay cả những Tăng sĩ không hài lòng từ những chùa khác và thành viên của Hoàng Tộc cũng có mặt nơi đó. Pháp Nhiên đã tìm trong nhiều sách vở để làm rõ quan niệm của mình và căn cứ vào truyền thống để giải thích. Tác phẩm chính của Ngài là 'Tuyển trạch bổn nguyện niệm Phật" và Ngài đã biên soạn vào năm 1198 với lời đề nghị lên Triều Đình Kujô no Kanezane. Tác phẩm nầy chứa đựng những đoạn văn trích dẫn từ ba Kinh Tịnh Độ và từ sự bình luận của Thiện Đạo cũng như của Đạo Xước mà Pháp

Nhiên đã tự giải thoát cho phần mình kèm theo đó. Với việc nầy chứng minh cho sự bỏ neo của tư tưởng của Ngài về giáo lý ấy cho phép. Tuy vậy Ngài cũng đã kêu gọi về sự quyết định của Đạo Xước giữa "con đường Thánh thiện (Thánh Đạo Môn)" và "cánh cửa Tịnh Độ (Tịnh Độ Môn)" rằng: mỗi giáo lý đều mang đến cho tín đồ một thành quả nhất định và cuối cùng thì "con đường Thánh thiện" mà con người trong thời mạt pháp khó thể thực hiện được. Giáo lý truyền thống theo sự trình bày của Ngài chỉ thích hợp vào thời chánh pháp và trong thời gian ấy chúng sanh không bị vô minh chi phối nhiều. Giáo lý ấy là cho con

người, đã làm chủ tư tưởng tinh thần to lớn và có thể thực tập lành mạnh, vững chắc đối với những người ít học, bịnh hoạn, những kẻ yếu thì không có con đường để đi đến chốn Thánh thiện. Đối với họ chỉ có "con đường Tịnh Độ" mà con đường ấy họ không phải tự lực; mà qua lời thệ nguyện của Đức Di Đà sẽ mang họ đến sự giải thoát. Những tác phẩm của Pháp Nhiên đã tạo sự lưu tâm to lớn cho những học giả Phật Giáo đương thời. Rồi vị Tăng Viện Trưởng nổi tiếng của chùa Eikandô thuộc Chân Ngôn Tông đã chính thức trao quyền trụ trì cho Ngài. Tuy vậy vẫn có sự phê phán về Tông Phái của Pháp Nhiên càng ngày càng nhiều thêm. Kể từ năm 1204 nhiều Tăng nhơn có quyền thế khác đã khiến cho Triều đình đạt lệnh cấm đoán giáo lý mới nầy. Họ biện luận rằng giáo lý độc quyền thực hành niệm Phật ấy bỏ rơi những vị Phật khác ngoại trừ Đức Phật A Di Đà và sẽ dẫn đến sự sa đọa về đạo đức. Pháp Nhiên nhắc nhở những tín đồ của Ngài là đừng khả nghi về những việc làm hoặc đừng bày tỏ sự xúc động. Tuy vậy có những sự kiện khác lại gây ra những ấn tượng không thiện cảm. Một buổi họp của các đệ tử lại, đặc biệt có nhiều phụ nữ đến tham dự hô hoán về những tin đồn thừa mứa. Đây chính là cái cớ để năm 1207 chính thức bị cấm về giáo lý niệm Phật. Pháp Nhiên và những đại để tử dưới trướng Ngài và ngay cả Thân Loan cũng bị tước quyền làm Tăng sĩ và bị lưu đày. Bốn đệ tử lớn có trách nhiệm được chọn ra trong cuộc họp nầy và họ đã bị khởi tố và bị kết án tử hình. Ngài Pháp Nhiên bị giam giữ ở chốn lưu đày cho đến tháng 11 năm 1211 Ngài mới được phép trở lại Thủ Đô (Kyoto) và Ngài đã viên tịch trong tháng giêng năm sau đó.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 35

Hai tác phẩm của Ngài được xử dụng trong quyển nầy gồm: Một là quyển "Một tờ khởi tín văn" tờ nầy Ngài đã viết trước khi ra đi vài ngày. Tài liệu nầy rất giá trị cho Tịnh Độ giáo của Nhật Bản, sẽ được dịch ở phần đầu; bởi vì nó có những điểm chính của giáo lý nầy trong ít chữ. Tác phẩm thứ hai của Ngài Pháp Nhiên được tuyển chọn để sưu tập. Tác phẩm ấy gọi là: "Đại ý ba bộ kinh". Như tiêu đề đã đề cập, Pháp Nhiên một lần nữa giải thích về nội dung của 3 kinh Tinh Độ. Ở đó được hiểu rõ ràng hơn như Ngài đã ảnh hưởng rất nhiều về tín tâm qua cái nhìn uy tín của những tài liệu và Ngài đã đối xử với niềm tin như thế nào. Tác phẩm ấy không chỉ chú trọng đưa ra nội dung của các kinh, tuy vậy chỉ chọn một vài chỗ để làm dữ kiện thôi, mà còn để làm quen với lời dạy của Ngài Pháp Nhiên. Chủ đề chính mà Ngài muốn nói là sự tương quan của việc niệm Phật so với những pháp môn tu khác cũng như đối với truyền thống; mà vị trí của niềm tin

Phật A Di Đà đối với Đức Thích Ca Mâu Ni; điều quan trọng là tin tưởng vào Đức Phật A Di Đà qua năng lực của danh hiệu A Di Đà Phật. Đồng thời bản văn cũng cho biết rằng tư tưởng của Ngài Pháp Nhiên chưa hoàn toàn tự giải thích rõ hết được của việc trì danh và tin tưởng Đức Phật A Di Đà. Với Ngài thì tự lực và phong cách của tín đồ luôn luôn đóng một vai trò quan trọng trong vấn đề giải thoát. Sự bất hòa ấy cũng đã cho thấy qua cuộc đời của Ngài Pháp Nhiên là Ngài đã ra lệnh cho tất cả Tăng sĩ và tín đồ (đệ tử) của Ngài được tự do; nhưng chính Ngài suốt cuộc đời lại sống hoàn toàn trong tu viện.

36 Dẫn nhập

2.3.4 Thân Loan - việc hoàn thiện giáo lý mới Học trò Ngài Pháp Nhiên là Thân Loan đã bổ sung chỗ thiếu sót để hoàn thiện giáo lý mới mẻ ấy. Thân Loan (1173– 1262) chắc chắn được kể là một con người mang đầy đủ ý nghĩa Tôn Giáo của lịch sử Nhật Bản. Ông ta nắm bắt tư tưởng căn bản của Pháp Nhiên rằng: trong thời đại mạt pháp việc giải thoát cho con người chỉ có đến từ bên ngoài mà qua tha lực lời thệ nguyện tổng quát của Đức Phật A Di Đà có thể đến được và đã thực hành một cách tuyệt đối; như vậy Ngài đã tạo một nền tảng căn bản cho tín đồ; trong ấy Ngài chẳng phân biệt giữa hai cách sống tăng và tục nữa: con đường giải thoát ấy được vạch ra cho tất cả mọi người; nếu họ chỉ cần tin nơi lời thệ nguyện của Đức A Di Đà mà thôi. Thân Loan sinh vào năm 1173 gần Kyoto và xuất thân từ một gia đình liên hệ với dòng dõi Fujiwara và gần gũi với Triều Đình. Thuở ấy với lý do bất mãn giữa sự thống trị về chính trị đã khiến cho gia đình của Ngài lâm vào thời kỳ khó khăn và điều ấy đã dẫn tới việc Ngài đã bị gởi vào chùa Enryaku – Ji vào năm 1181, là Tổng Bổn Sơn của Tông Thiên Thai. Tại đó Ngài ít nhất cũng có 2 cách sống như một Tăng nhân ở chùa; nghĩa là những gì xảy ra bên cạnh sự nghiên cứu của Ngài về những kinh điển Phật Giáo với sự hướng dẫn bởi những nghi lễ phiền toái phức tạp. Một trong những nghi lễ ấy là Thiền định quán tưởng về Đức Phật A Di Đà kéo dài trong 90 ngày. Gồm có cả sự thay đổi trong đi, đứng, ngồi luôn luôn được lặp lại với danh hiệu Đức A Di Đà.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 37

Như Pháp Nhiên trước đây, Thân Loan đã tận dụng thời gian nầy để tham khảo những sách vở của các tông phái khác tìm được ở Tu Viện của Thiên Thai. Trong lúc đó tình trạng bên ngoài núi Tỉ Duệ cũng chẳng thay đổi mấy như: luôn luôn thấy tại sân chùa Enryaku–Ji những mưu mô chính trị và tập trung nhiều lính tráng Tăng sĩ, mà cuộc sống của họ ít thực hành mục đích cao cả về Tôn Giáo. Con đường niềm tin của Thân Loan rõ ràng đã sớm cho thấy cảm giác được ảnh hưởng bởi những tội lỗi không mất đi. Sự thực tập khổ hạnh và những lễ nghi mà Ngài đã trải qua đời sống của Tăng sĩ trong chùa chẳng còn thích hợp nữa, mà cảm giác nầy đã không bớt đi. Lại càng ít hơn Ngài có ý muốn tìm trong giáo lý truyền thống của Phật Giáo một con đường để giải thoát cho Ngài. Tự lực của Ngài đã chẳng làm cho Ngài đầy đủ, đặc biệt là qua cái nhìn chung quanh xảy ra trước mắt Ngài tại Enryaku-Ji quá rõ ràng để cho Ngài phán đoán. Vào năm 1201 một sự khủng hoảng đã đến và cuối cùng đã khiến cho Ngài phải tìm đến Ngài Pháp Nhiên để làm học trò. Thân Loan luôn luôn nhấn mạnh về sau đó rằng

ông ta nhận được niềm tin từ Ngài Pháp Nhiên và giáo lý của Ngài chính là quan điểm của Thầy mình được trao truyền lại. Trong vòng 6 năm sau đó, cho đến khi việc niệm Phật bị cấm vào năm 1207, Ngài sống gần với Ngài Pháp Nhiên, học hỏi những kinh điển về Tịnh Độ Tông và nhận được sự truyền thừa của Thầy mình. Năm 1024 theo mệnh lệnh của Pháp Nhiên, ông ta lập gia đình để chứng tỏ rằng: lời nguyện của Đức Di Đà không phân biệt giữa Tăng nhơn và tín đồ. Nơi đây không rõ nhân việc ấy

đã có ý sẵn hoàn tục và qua lời của Sư Phụ của Ngài đã hợp pháp hóa. Điều chắc chắn rằng từ năm 1207 Thân Loan sau khi bị cấm giáo lý niệm Phật ông đã bị đày đi đến giam tại Echigo (thuộc vùng Tây Bắc); sau khi kết hôn ông ta sống tại đó với vợ và các con. Dẫu sao đi nữa thì đây là sự tuyên truyền công khai về việc kết hôn và đời sống thế tục như là một hình thức đồng đẳng với đời sống tôn giáo rõ ràng qua sự tách biệt với truyền thống. Tuy rằng việc nầy trong lời dạy của Pháp Nhiên; nhưng Thân Loan là vị giáo tổ đầu tiên của Phật Giáo, mà thực hành niềm tin tưởng tuyệt đối của Đức Di Đà mà chính Ngài đã từ chối cuộc đời của một Tăng nhân. Kể từ đó trở đi Ngài tự gọi là “ngu ngốc Thân Loan” nó có nghĩa là: "kẻ đầu trọc Thân Loan chẳng biết gì". Với cách gọi nầy Ngài đã đóng một vị trí quan trọng và Ngài đã có lần viết: “chẳng phải Tăng nhơn, chẳng phải tín đồ”. Trên nguyên tắc kể từ khi Ngài bị đày trong bất kỳ trường hợp nào Ngài cũng là một tín đồ bị đày và không còn được đối xử như một Tăng nhơn nữa. Ngoài ra gia đình của vợ Ngài còn làm chủ đất đai; cho nên cuộc đời của Ngài chẳng còn phải lo lắng nhiều về vấn đề tài chánh nữa. Tuy nhiên Ngài bây giờ hình như phải bận tâm hơn với những vấn đề thường nhật xảy ra hơn là lúc sống với Ngài Pháp Nhiên. Vào cuối năm 1211 Ngài được phép trở lại Tokyo nhưng Ngài quyết định không trở về thủ đô. Điều có thể đoán là việc quá vãng của Thầy ông, Ngài Pháp Nhiên đã tạo nên một vai trò quan trọng. Thân Loan đến sống ở vùng Kantô; nơi mà Ngài sẽ sống gần 20 năm tại đó. Giờ đây Ngài thường hay sống ở Inada (Tỉnh Hitachi; ngày nay thuộc quận Ibaraki)

trong một hoàn cảnh đơn giản và đã tập trung được một lượng đệ tử lớn lao. Ở tại Inada, Ngài đã thực sự bắt đầu hoàn thành tác phẩm chính của Ngài là: Giáo, Hạnh, Tín, Chứng. Đặt nền móng vững chắc cho giáo lý của Ngài với việc trích dẫn từ những tác phẩm chính của truyền thống Tịnh Độ, mà đây chính là tư tưởng hướng đạo của Ngài. Ngài lập nên bảy vị Tổ của Tịnh Độ giáo như các Ngài: Long Thọ, Thế Thân, Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo, Genshin (Nguyên Tín) và Pháp Nhiên. Về phần những vị Tổ đã đóng góp cho giáo lý ấy mà Thân Loan, đã thấy được qua sự hướng dẫn về: “Chánh tín niệm Phật kệ” là một phần nổi tiếng của tác phẩm nầy. Phần bao gồm để trích đoạn những nguồn tài liệu nơi tác phẩm chính của Thân Loan là một tác phẩm để làm mới lớn mạnh hơn. Thân Loan đã thành lập giáo nghĩa chỉ riêng cho việc vãng sanh bằng tha lực của Đức Phật A Di Đà trợ giúp. Chính sự quay về với niềm tin Đức A Di Đà; điều kiện ấy sẽ được giải thoát mà còn phải thâm tạ về sự trợ lực của chư Phật nữa. Kết quả cuối cùng là được trích ra từ tư tưởng của Pháp Nhiên: khi mà con người ở thời kỳ mạt

pháp chẳng có thể làm việc thiện được nữa, thì chính họ cũng chẳng thể dùng tự lực như là một sự tin tưởng đứng đắn được. Và khi ảnh hưởng lời thệ nguyện của Đức Di Đà vô cùng tận thì chẳng có một sự cần yếu nào để chứng minh cho sự lặp lại việc trì danh nữa, và xem đó là việc tích tụ phước cũng không cần phải thực hiện nữa. Sự phô diễn của câu Phật hiệu chỉ để chứng tỏ cho mọi người giữa Đức A Di Đà và những tín đồ. Sự lặp đi lặp lại của

việc tụng niệm, Ngài Thân Loan không chối bỏ; nhưng với ông, chỉ còn là một chức năng để chứng minh cho sự cảm ân về lời thệ nguyện của Đức A Di Đà. Sau 20 năm ở Kantô, không biết vì lý do tại sao mà Thân Loan trở lại Kyoto từ năm 1235. Nơi mà cuối đời Ngài ra đi tại đó. Ngài sống tại đó ở nhiều địa điểm khác nhau và dựa vào việc cúng dường của tín đồ từ những đệ tử của Ngài ở tại Inada để sinh sống, mà những người nầy cũng thường hay thăm viếng Ngài. Từ thuở ấy thường xuất hiện nhiều tài liệu nổi tiếng. Có lẽ sau khi trở lại Kyoto, Ngài mới có được điều kiện nghiên cứu những tư liệu Phật Giáo và có thể viết dễ dàng hơn. Tác phẩm của Ngài chẳng phải chỉ là một loại bác học; một phần cốt yếu cũng kết nối với văn tự và thư từ; mà trong đó còn nhằm giải thích về giáo lý qua lời nguyện của Đức Phật A Di Đà cho những tín đồ bình dân và ít học, và Thân Loan đã tránh dùng hoặc viết những thuật ngữ khó hiểu: “Duy Tín sao văn ý” trong đó Thân Loan đã giải thích về những quan niệm quan trọng của giáo lý Tịnh Độ giáo bằng một ngôn ngữ giản dị. Tác phẩm nầy được tuyển dịch trước phần Giáo, Hạnh, Tín, Chứng; bởi vì nó là những thuật ngữ và cũng là tư tưởng chỉ đạo của giáo lý Thân Loan hướng dẫn từng chữ một để hiểu một cách dễ dàng. Những năm tháng cuối đời của Thân Loan cũng đã trải qua nhiều sóng gió. Vào năm 1250 có những vấn đề của nhóm ở Kantô mà nhóm nầy đã bị đàn áp mạnh ngoài dự tưởng. Thân Loan đã sai con của mình là Zenran (Thiện Loan) đến nơi để giải thích; nhưng người con xử dụng địa vị của mình để lạm quyền mà điều nầy trái với giáo lý của Thân Loan và nhảy qua

phía bên kia gây ra áp lực. Thân Loan đành phải xa cách con của mình. Ngài cũng đã tiếp tục hoàn thành những công việc về văn học chẳng mỏi mệt cho đến khi Ngài quá vãng, dầu sau sự kiện nầy đã xảy ra. Ngài mất vào năm 1262 tại Kyoto ở tuổi 89. Với sự ngộ nhận và hiểu lầm đã thường xuyên chạm đến giáo lý của Ngài như trong Thán Dị Sao là bằng chứng; việc nầy xảy ra sau khi Thân Loan mất và việc nầy cũng đã được ghi vào trong sách nầy. Điều ấy cho thấy rằng, không đơn giản để hiểu giáo lý của Thân Loan lúc nào cũng có tư tưởng nhập vào việc tự lập công đức của tín đồ là cần thiết; hoặc giả theo lời thệ nguyện của Đức Di Đà để bào chữa cho những lỗi lầm thái quá. Đúng vào thời điểm của Thân Loan quá vãng đã có sẵn một nhóm đệ tử chuẩn bị sẵn sàng thực hiện “Tịnh Độ Chân Tông”, tách ra khỏi với vị sáng lập là Pháp Nhiên của Tịnh Độ Tông vì nhiều điểm khác biệt. Kể từ đó càng ngày càng xa rời với tông phái chính được thành lập của Pháp Nhiên để thích hợp với Thân Loan. Cả hai tông nầy dẫu sao đi nữa vẫn tồn tại cho đến ngày hôm nay và có số tín đồ nhiều nhất ở Nhật Bản.

2.3.5 Nhứt Biến – sự lãnh hội của niềm tin của quần chúng Tông phái thứ 3 nổi tiếng về Tịnh Độ Di Đà của Phật Giáo ở Nhật Bản đã được Nhứt Biến (1239–1289) thành lập. Đối với Nhứt Biến việc nhấn mạnh về niềm tin như được thấy ở Thân Loan, còn tồn tại lại tư tưởng của việc giải thoát qua công đức của chính mình. Những câu hỏi qua sự tương quan

giữa niềm tin và Niệm Phật đã được hướng dẫn thảo luận về Tịnh Độ Tông rất rắc rối. Nhứt Biến đã dạy cho tín đồ của Ngài rằng chỉ niệm Phật, không suy nghĩ tiếp tục, như được đến trong trạng thái giải thoát; bởi vì đây là do hoàn toàn nơi tha lực của Đức Di Đà qua sự niệm Phật. Tông phái của Ngài là Thời Tông; bởi vì người ta tụng đọc việc niệm Phật được chia ra ngày giờ nhất định. Một phần được đại chúng hóa và tín đồ được an lạc về sự giải thoát chắc chắn qua sự niệm Phật bằng cách múa. Nhứt Biến xuất thân từ một gia đình tướng quân ở Tứ Quốc và Ngài đã trở thành Tăng Nhơn lúc 10 tuổi sau khi mất mẹ. Hai năm sau đó Ngài đến Cửu Châu học giáo lý của Tịnh Độ. Sau đó Ngài trở lại quê hương mình và vào năm 1263 thì mất cha và những năm sau đó Ngài sống với những người trong thân tộc. Năm 1271 bất thình lình Ngài từ giã quê nhà và từ đó sống như là một Tăng sĩ hành cước và người tu khổ hạnh. Ngài đã tỏ rõ về niềm tin được quyết định vào vài năm sau đó. Cái nhìn căn bản của Nhất Biến là sự giác ngộ của tất cả chúng sanh qua lời thệ nguyện của Đức A Di Đà được trợ giúp trong thời gian vô tận. Từ đó mọi người tin tưởng vào lời nguyện kia và sẵn sàng giải thoát. Trong lời nguyện của Đức Phật A Di Đà không có sự phân biệt về thời gian; cho nên những tín đồ không cần phải chờ đợi lúc chết mới được sanh về Tịnh Độ và được giải thoát. Một điểm căn bản quan trọng tiếp theo của giáo lý Nhứt Biến là tất cả niềm tin vào Phật lực của Đức Phật A Di Đà đã chứa đựng sẵn nơi câu Phật hiệu Nam Mô A Di Đà Phật khi xưng danh có sự liên hệ với tên của Ngài. Nhất Biến đã phát

tán những tờ giấy có danh hiệu Phật A Di Đà đến cho quần chúng về niềm tin và tin rằng qua đó sẽ được trợ lực để được giải thoát. Người ta thấy rằng việc nầy như ảo thuật để đi vào giáo lý của Ngài. Một điểm khác tiếp theo là vai trò của sự nhảy múa trần truồng. Nhứt Biến đã trưng dụng được nhiều người và Ngài đã nhảy múa trên đường phố hoặc chợ búa để vang lên lời niệm Phật. Cả tín đồ của Ngài cũng ủng hộ cho việc “múa hát niệm Phật” nầy và về sau Thời Tông đã lấy đây làm nghi lễ. Qua sự thâu nhận những thực tập nầy phát khởi từ niềm tin quần chúng; Nhứt Biến đã thành công, chẳng phải chỉ một đám đông to lớn ấy của học trò Ngài tụ tập lại, mà họ đã cùng ông đi khắp cả nước; đồng thời cũng có nhiều tín đồ được thuyết phục, và những tên tuổi của họ Ngài đã ghi chung vào một dãy. Sau khi nhóm của Ngài bị tướng quân tại Kamakura xua đuổi vào năm 1282 thì Nhứt Biến đã dời về Kyoto với họ; nơi ấy ông tìm một sự đồng thuận chính thức. Từ thuở ấy cũng đã xuất hiện 9 bức thư và trong sách nầy cũng đã được dịch ra. Nó chứa đựng những quan điểm khác nhau của tín đồ và làm rõ tư tưởng của Nhứt Biến trong vài điểm chính, được nối tiếp bởi di chúc ấy Ngài đã trực tiếp truyền trao lại từ trước khi Ngài quá vãng vào năm 1289. Chỉ còn lại một

vài chữ làm căn bản cho sự giải thoát không có gì khác hơn Phật hiệu: Nam Mô A Di Đà Phật.

44 Dẫn nhập

Dịch thuật

3 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức) (Ghi chú: những bản dịch dưới đây do Christian Steineck dịch trực tiếp từ tiếng Nhật sang tiếng Đức và Thích Như Điển dịch từ tiếng Đức sang tiếng Việt có tham cứu phần tiếng Nhật nguyên bản) 3.1 Pháp Nhiên 3.1.1 Bản tín điều (một bản văn khởi thỉnh) (Nhứt Mai khởi thỉnh văn – Ichimaikishômon: một tờ xác nhận về niềm tin) Điều chính yếu không nằm ở đây (Nhật Bản) hay ở Trung Hoa như được nhiều lần giải thích của các bậc trí giả trong khi cầu nguyện miên mật.1 Chủ ý cũng chẳng phải là nói về việc niệm Phật, sau khi người ta trải qua quan niệm nhận biết rõ ràng về ý nghĩa ấy. Ai muốn được vãng sanh, thì hãy niệm Nam Mô A Di Đà Phật2 và tin tưởng chẳng nghi ngờ gì về sự vãng sanh ấy. Ngoài ra không cần gì khác nữa.

1 Trong câu đầu Pháp Nhiên đã cho thấy về việc nhìn thấy khác nhau, những gì mà quan niệm về ý nghĩa niệm Phật (tiếng Phạn: Buddhânusmrti). Khái niệm nầy với ngôn ngữ Nhật Bản được viết là “nen” (suy nghĩ, nhớ đến, quan sát) và “butsu” (Buddha). Tương đương với việc nầy là Thiền định hay quán chiếu về Đức Phật A Di Đà. Trong khi Pháp Nhiên (cũng như sau nầy là Thân Loan), với Ngài cũng chỉ trong ý nghĩa đơn thuần là gọi tên hay tụng niệm. 2 Cầu khẩn đến Đức Phật A Di Đà. Đây là hình thức cầu nguyện cổ điển của Phật Giáo Di Đà (Tịnh Độ). Ở trong ấy được nghĩ rằng: tín đồ với lời cầu khẩn nương tựa sẽ được Đức A Di Đà giúp đỡ, như Ngài đã phát ra những lời thệ nguyện như thế.

46 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

Ba tâm3, bốn việc thực tập4 và còn nhiều hơn thế nữa, tất cả đều chứa đựng trong suy nghĩ rằng chúng ta sẽ đến được cảnh giới Cực Lạc qua câu niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Ai đi xa khỏi điểm nầy thì họ sẽ cách xa sự thương tưởng của Đức Thích Ca Mâu Ni và Đức A Di Đà. Như vậy thì không thể nắm bắt bổn nguyện gì nữa cả.5 Ai tin tưởng về việc Niệm Phật thì nên thực hiện như một người đơn giản; một người không biết đọc và không biết viết; ngay cả nếu kẻ nầy hiểu những lời dạy của Đức Thích Ca Mâu Ni trong suốt cả một đời; hắn ta chỉ giống như một Ni Cô6 3 Tiếng Nhật gọi là shanshin. Ba điều căn bản của tâm, được nhận thấy là điều căn bản chân thật của tín đồ; có nghĩa là sự thành thật, tư cách và tâm thức; những điều nầy thành tựu theo lời nguyện của Đức A Di Đà và với công đức ấy sẽ trở thành “hồi hướng phát nguyện tâm” của việc sanh về Tịnh Độ. (Theo quan điểm của Phật Giáo có thể đây là nghiệp quả tích cực - công đức và công đức ấy qua sự thành tựu của một việc làm tốt và sẽ đến được mục đích giải thoát nhất định. Ba điều kiện nầy được rút ra từ kinh Quán Vô Lượng Thọ như là điều kiện căn bản để sanh về Tịnh Độ. Trong khi theo Phật Giáo Di Đà cũ thì ra lệnh cho một sự cố gắng tuyệt đối để được sanh về; nhưng qua sự sửa đổi của Pháp Nhiên và Thân Loan trong ý nghĩa về niềm tin Đức Phật A Di Đà thì Thân Loan cho rằng cuối cùng chính do

nơi lời thề nguyện của Đức A Di Đà. Từ phát nguyện hồi hướng tâm ấy chính là sự giải thoát về niềm tin qua lời thệ nguyện của Đức A Di Đà và sẽ mang tư cách thành tựu ấy về Tịnh Độ. 4 Tiếng Nhật gọi là Shishue. Đó là sự thực tập lâu dài không gián đoạn, đầy cung kính và hoàn toàn hướng về sự cầu nguyện như hình thức cũ của Phật Giáo Di Đà đã tạo thành nghi lễ. 5 Pháp Nhiên và ngay cả Thân Loan và sau nầy cũng càng rõ ràng hơn là chối bỏ việc cố gắng của tự lực để được giác ngộ. Điều nầy nối kết với tư tưởng như ở đây đã cho thấy rõ; đồng thời sự cứu độ ấy không hợp lý với Đức A Di Đà. Quan niệm về Bổn Nguyện để chỉ chung cho những lời thệ nguyện căn bản mà Đức A Di Đà theo trong kinh, khi còn là Bồ Tát đã phát nguyện (xem phần dẫn nhập). Trong ý nghĩa hẹp hơn thì Ngài đã phát lời thệ nguyện để đón nhận tất cả mọi người về cảnh giới của Ngài, khi chúng sanh hướng về Đức A Di Đà. 6 Trong ngôn từ phân biệt về phụ nữ đã có chứng cứ của Đức Thích Ca Mâu Ni mà đầu tiên là sự chối từ hầu như không cho người nữ xuất gia.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 47

hoặc là một kẻ mới bắt đầu trên đường đến với Phật; chẳng là một học giả. Kẻ ấy nên hoàn toàn hướng về việc niệm Phật. Tôi xác nhận điều nầy qua dấu ấn của hai bàn tay của tôi.7 Một tờ giấy nầy chứa đựng đầy đủ giáo lý của Tịnh Độ cho việc thực tập niềm tin để đạt được sự an lạc ở nội tâm. Những suy nghĩ của tôi không đi ra ngoài thêm những gì đã trình bày; ngoài ra không còn gì nữa cả. Tôi đã viết tất cả những sự suy nghĩ của tôi và điều nầy sau khi tôi chết không còn lan truyền sai lầm về giáo lý nữa. Năm Thứ hai triều đại Kenryaku (Kiến Lịch) ngày 23 tháng 18 Nguyên Không

3.1.2 Ý nghĩa cốt yếu của ba bộ kinh căn bản Sanbukyôtaii9 Hai quyển kinh về thiền định và kinh A Di Đà10 sẽ được trình bày trong phần thứ 3 của những Thánh Điển thuộc Tịnh Độ Giáo.

7 Ở vào thời thượng cổ của Nhật Bản thường thấy thực hành một mặt qua chứng cớ đích thực cho lời dạy cuối cùng của Pháp Nhiên và mặt khác là ý nghĩa của lời dạy ấy được nhấn mạnh thêm hơn. 8 Chủ ý là năm 1212. Năm mới theo lịch cũ của Nhật Bản là khoảng giữa tháng giêng và tháng hai. Như vậy ngày bên trên theo cách tính của chúng ta (người Tây Phương) nhằm giữa đến cuối tháng 2 năm 1212. 9 Tài liệu căn bản cho việc dịch nầy là bản in lại từ năm 1258 Nihon Shisô taikei, quyển thứ 10. 10 Ở đây được hiểu gồm 2 quyển Đại Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ cùng với kinh Tiểu Bản A Di Đà. Để thích nghi với thói quen của ngôn ngữ tiếng Nhật trong sách nầy cũng ghi chú "lớn" hoặc "kinh nhỏ" hay "kinh thiền định". Tài liệu căn bản được gắn liền với truyền thống văn hóa Nhật Bản luôn được dịch thuật từ tiếng Trung Quốc như của kinh nầy.

48 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

Trong kinh Vô Lượng Thọ đầu tiên tường thuật về 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà11 và tiếp theo giải thích đầy đủ về những lời thệ nguyện nầy. 48 lời nguyện ấy gồm sự thành tâm của Pháp Tạng12 đặt ra cho tâm nguyện giác ngộ13. Dưới sự chứng minh của Đức Phật Thế Tự Tại Vương, Ngài đã phát lời thệ nguyện tạo thành một quốc độ

Phật, ở đó chứa đầy tất cả chúng sanh. Trong 48 lời nguyện ấy cũng còn những việc khác như ở cảnh giới kia không có 3 đường ác14 và chẳng có chúng sanh nào từ đó bị rơi vào trong 3 đường ác nữa15 và thân thể ở tại đó khi được sanh về thì được chiếu vàng cũng như tất cả chúng sanh đều có vẻ đẹp giống nhau; chẳng có sự khác biệt giữa những kẻ đẹp và xấu. Cảnh tuyệt vời của cõi Phật nầy được xem như là kết quả của sự tưởng thưởng sau khi tái sanh. Lời nguyện thứ 18 ấy cũng bao gồm lời thệ nguyện, sẽ tạo thành một cõi mà tất cả chúng sanh có thể được thâu nhận về quốc độ kia.

11 Amida là tiếng Nhật được phiên âm từ tiếng Phạn Amitabha (Vô Lượng Quang) và Amitâyus (Vô Lượng Thọ) (Xem thêm phần dẫn nhập, phần 2). 12 Pháp Tạng là tên của Đức A Di Đà trong sự tồn tại có tính cách thế tục cuối cùng. 13 Tiếng Nhật bodaishin, tiếng Phạn bodhicitta (Bồ Đề Tâm). Tâm thức của sự giác ngộ; nghĩa là tâm thức ấy thâm nhập sự giác ngộ; mà cũng tâm ấy sau khi giác ngộ rồi đạt được chỗ cao nhất, là tâm của một vị Bồ Tát. 14 Tiếng Phạn durgati, tiếng Nhật akushu (ác thú). Ba tầng thấp theo quan niệm của Giáo Pháp mà con người rơi vào đó là sống trong địa ngục, ngạ quỷ hay thú dữ. 15 Nhựt ngữ: akudô (ác đạo). Thế giới của 3 sự tồn tại ở hình thức được nêu trên mà nó tồn tại trong truyền thống chia ra như là sự hiện hữu có tính cách thần thoại và phần khác thì hoàn toàn thần thoại như là sự diễn tả của các loại khác, để sống hay bị thành hình.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 49

Lời thệ rằng: “Giả sử khi tôi thành Phật, những chúng sanh ở trong 10 phương16 chí tâm tin ưa muốn sanh về nước tôi và nếu họ chí thành trong 10 niệm mà chẳng được sanh về đó, thì tôi sẽ chẳng nhận ngôi chánh giác. Tôi chỉ khai trừ những người phạm một trong 5 trọng tội17 hoặc là không có lòng tin giáo lý chân thật”. Qua 48 lời thệ nguyện, điều nầy tạo được đặc biệt; bởi vì chỉ có những chúng sanh nào được sanh về đó thì làm theo lời nguyện đầy đủ và nơi ấy thân thể của tất cả chúng sanh được chiếu vàng và ở nơi ấy cũng chẳng có sự phân biệt xấu xa hay đẹp đẽ. Ngay khi những chúng sanh được sanh về kia, điều có thể là cơ thể của họ trở thành màu vàng cho nên họ chẳng thể thấy được sắc đẹp sai khác, làm chủ ngũ thông18 và đầy đủ 32 tướng tốt của một vị Phật19. Cho nên Thiện Đạo20 đã lưu ý: “Pháp Tạng đã phát ra 48 lời nguyện, tìm ra con đường đi đến Phật quả là chứa đựng tất cả điều nầy: giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh trong 10 phương, nếu họ niệm danh hiệu tôi,

16 Bắc, Tây Bắc, Tây, Tây Nam, Nam, Đông Nam, Đông, Đông Bắc, trên và dưới. 17 Năm tội nặng (tiếng Phạn Ấnantarya, Nhật gogyaku) gồm giết mẹ, giết một vị A La Hán (người giác ngộ), giết cha, phá hòa hợp Tăng và cố ý làm chảy máu một vị Phật. 18 Tiếng Phạn: abhignea; tiếng Nhật gozu hay Shinzu (Ngũ thông hay thần thông). Thần thông ấy nhờ sự nhớ lại kiếp quá khứ, tất cả có thể thấy được, nghe được, đọc được tư tưởng và tạo ra những phép lạ 19 Tiếng Phạn: Laksana, tiếng Nhật sanjuenisô (tam thập nhị tướng) gồm 32 tướng tốt thuộc về vật lý, qua đó có sự khác biệt giữa Đức Phật và một người bình thường. 20 Thiện Đạo, tiếng Nhật Zendô (613 – 681). Một vị Tăng sĩ thuộc đời Đường được tính là vị Tổ thứ 5 về Tịnh Độ Di Đà của Nhật Bản; tác phẩm quan trọng của Ngài là: Quán Vô Lượng Thọ kinh tứ tập chú; vãng sanh lễ tán và một

quyển tiếp theo là: Pháp sự tán (xem thêm phần dẫn nhập, phần 2).

50 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

ít nhất là 10 lần, mà chẳng được sanh về thế giới kia, thì tôi sẽ chẳng ở ngôi chánh giác"21. Đại để ý nghĩa về những lời thệ nguyện của Đức A Di Đà là hướng lên đến sự giác ngộ; hướng xuống để dẫn dắt tất cả chúng sanh. Có kinh Đại Thừa nói rằng: "Có hai hình thức thệ nguyện của một vị Bồ Tát. Hình thức thứ nhất là hướng lên trên để lập nguyện giác ngộ và thứ hai là hướng xuống để giúp đỡ những chúng sanh khác. Ý nghĩa của việc lập nguyện sau khi giác ngộ là có thể dễ dàng cứu độ một số lớn chúng sanh". Bởi vậy nó cũng chỉ còn một ý nghĩa là cứu độ chúng sanh. Đức A Di Đà Như Lai22 ở cõi Tịnh Độ tạo ra đầy ấn tượng và màu sắc và để thâu nhận những chúng sanh về nơi ấy. Dĩ nhiên mỗi Đức Phật sau khi đạt thành quả vị Phật với công đức đầy đủ cho sự chân thật bên trong cũng như đạo đức bên ngoài. Cũng thế tất cả những lời thệ nguyện đều có sinh khí, bao gồm những gì sống để được cứu và được giúp đỡ. Chẳng có một vị Phật nào đặt dưới quyền một vị khác. Mỗi vị, đều có thệ nguyện và lời thệ nguyện ấy được phát nguyện khi còn hành Bồ Tát đạo và đây chính là phương tiện riêng lẽ tốt nhất cho dấu hiệu thực hiện việc tốt đẹp, tương ưng khác nhau. Đức A Di Đà Như Lai nguyện khi Ngài còn trên đường hoàn thiện rằng: "Ta sẽ quay về với tất cả chúng sanh, những ai đã niệm danh hiệu ta". Ngài đã tạo ra những công đức vô tận qua những việc làm thâm tín để cho nhiều chúng sanh được hưởng.

21 Rút ra từ vãng sanh lễ tán của Thiện Đạo. 22 Nyorai là tiếng Nhật lấy ra từ tiếng Phạn Tathâgata vị ấy đến như là một tước hiệu để làm sáng tỏ của một vị Phật và vị ấy tự trị ở chỗ giác ngộ cao nhất và cuối cùng, như thế cũng chẳng thay đổi nữa.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 51

Chúng ta những người sống trong thế giới đáng thương hại, chẳng thể tự mình thoát khỏi vòng sinh tử và chúng ta cũng hy vọng cái gì đó chăng? Cho nên Đức Phật A Di Đà nói rằng: "Ta phát ra lời thệ nguyện để cho con người trần tục bước lên". Chẳng có một vị Phật nào trong 3 thời23 và cũng chẳng có một vị Bồ Tát nào trong 10 phương đã từng phát nguyện một lời thệ nguyện như vậy. Khi Ngài phát thệ rằng: "Nếu lời nguyện nầy có thể thành tựu thì toàn thể vũ trụ nầy sẽ rúng động. Từ khắp hư không giới mưa hoa sẽ rơi xuống". Bởi vì ở nơi mặt đất rung động hoàn toàn và những hoa rơi từ trời xuống là những dấu hiệu mà Ngài sẽ thành tựu sự giác ngộ cao cả. Ngay cả trước khi Ngài trở thành Phật thì lời thệ nguyện ấy không ai nghi ngờ cả. Trong thế giới nầy chẳng phải để nghi ngờ gì nữa mà hơn thế nữa bây giờ chúng ta cần phải tin thêm gì nữa khi mà Ngài đã thành Phật trước đây 10 kiếp rồi. Điều nầy để nói về vị trí: "Đức Phật nầy đã đến được quả vị Phật. Các người nên biết rằng lời thệ nguyện ấy cân xứng với Bổn nguyện chẳng bỏ trống và chẳng hoàn thành. Nếu mà chúng sanh nghĩ đến và gọi tên Ngài thì họ chắc chắn sẽ được vãng sanh"24. "Nếu những chúng sanh nào khi nghe đến danh hiệu mà tín nhạo25 từ tâm và chỉ cần một niệm chân chính thì chắc chắn được vãng sanh và sau khi thành tựu sẽ được sanh về quốc độ

23 Tiếng Nhật sanze (ba đời). Đó là quá khứ, hiện tại và vị lại. 24 Trích từ vãng sanh lễ tán của Thiện Đạo. 25 Danh từ A Di Đà chính được gọi cũng như nhớ nghĩ về Ngài thì với Ngài tất cả những lực kia chứa đựng trong tất cả những trợ lực của Đức A Di Đà; vì vậy qua sự giới thiệu, chỉ riêng có việc nghe đến danh hiệu cũng đã vui mừng khôn xiết.

ấy, như vậy chúng sanh ấy sẽ được tái sanh về đó26 và sống ở đó mãi mãi. Chỉ ngoại trừ ai bị phạm một trong 5 tội trọng hoặc là bất tín" 27 . Đây là câu bổ sung cho đầy đủ của lời nguyện là chỉ cần một niệm nhớ nghĩ rõ ràng. Sau đây có một câu về tác phẩm nầy cho thấy về 3 cấp bậc của việc vãng sanh về Tịnh Độ 28. Đó là câu thệ nguyện đầy đủ thứ 19; ở đó cho biết rằng Đức A Di Đà cho biết chúng sanh nào muốn sanh về quốc độ kia khi họ lâm chung. Bởi việc làm nầy dẫn đến việc phát Bồ Đề Tâm; nên được chia ra ba loại khác nhau. Tuy vậy ở việc làm kia, dẫn đến sự tái sanh và luôn luôn hướng đến "sự quay về độc quyền của Đức Phật Vô Lượng Thọ29 trong ý nghĩa nầy". Điều nầy tương ưng với bản nguyện30 của Ngài. Qua lực bản nguyện tất cả đều được thành Phật với những ai khi nghe danh hiệu Ngài và muốn sanh về

26 Tiếng Nhật là ôjô (vãng sanh) ở đây được hiểu rằng tái sanh về cảnh Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà. 27 Trích ra từ kinh Đại Bản A Di Đà. 28 Tiếng Nhật sampai (ba cấp bậc) kinh chia ra giữa ở trên một tầng, ở giữa một tầng và ở dưới một tầng cho những tín đồ được sanh về quốc độ ấy. Như Pháp Nhiên và cuối bản văn nầy cũng đã giải thích gần như vậy; đó là quan niệm của những tín đồ niệm Phật; nhưng tất cả chẳng sai biệt khi sanh về với tầng lớp ở trên. 29 Nhựt ngữ: Muryôjubutsu (Đức Phật Vô Lượng Thọ). Điều nầy được dịch từ tiếng Phạn "Amitâyus". 30 Tiếng Phạn: puerva – pranisdhâna; tiếng Nhật Hogan (Bổn nguyện). Đây là một tư tưởng quen thuộc trong Phật Giáo Đại Thừa với lòng từ bi vĩ đại của một vị Bồ Tát đã phát ra lời thệ nguyện. Sự thành tựu là một tấm gương và nhằm giúp đỡ cho những chúng sanh khác. Ở trong lời thệ nguyện ấy đã chiếu sáng bởi năng lượng, đặc biệt là ý nguyện của một vị Bồ Tát. Ngoài ra tùy theo quan niệm về Bổn nguyện trong Phật Giáo Di Đà mà đầu tiên Ngài Pháp Tạng phát ra 48 lời nguyện. Cả Ngài Pháp Nhiên và sau nầy là Thân Loan cũng đặc biệt dựa theo lời nguyện thứ 18 nầy.

cảnh giới của Ngài. Ở tại đó sẽ vĩnh viễn chẳng sanh trở lại vào một thế giới khổ đau. Đây là làm sáng tỏ cho câu nầy. Trong hoàng cung của Trung Quốc có một vị Thầy Phật Giáo pháp danh là Xuan–Tong, Ngài giữ theo giới luật Nam Tông31. Có một lần khi Ngài sống xa thành phố và trú lại nơi thôn dã, Xuan – Tong nghe được câu nầy của hai người tụng ở nhà bên cạnh và sau đó họ đã vì Ngài tụng lại một lần nữa, rồi Ngài cũng đã chẳng nhớ về việc ấy, lại quên bẵng đi. Sau đó Xuan –Tong hững hờ với giới luật; với tội ấy ông ta đã bị đọa vào địa ngục. Tại đó pháp quan của địa ngục nói với ông ta rằng: "Nhà ngươi đã sống ở một nơi, mà giới luật của đức Phật ai ai cũng rõ. Khi nhà ngươi học qua về việc ấy, nhà ngươi hãy lập tức thuyết giảng ngay" và sau đó để ông ta ngồi

lên một chiếc ghế cao. Thế nhưng khi Xuan – Tong ngồi lên chiếc ghế cao muốn tập trung tư tưởng lại; nhưng ông ta chẳng thể nhớ lại được điều gì cả. Nhưng ở đó ông ta chỉ nhớ câu nầy, mà câu ấy đã một lần trú lại nơi thôn dã, ông ta đã được nghe. Khi ấy ông ta chuẩn bị nói ra câu nầy và tụng từng chữ một rằng: "Qua lực bổn nguyện của Đức Phật" và người cai ngục hạ ghế xuống và người đứng đầu có quyền thế ấy nói với ông rằng: "Ngôn từ nầy được truyền lại từ công đức của Đức A Di Đà Như Lai, Ngài đang sống ở cõi Cực Lạc Phương Tây32 và cúi đầu một cách khiêm tốn và cung kính. Qua những câu nầy cho thấy rằng đây là lực bổn nguyện vô cùng tận. Nghĩa là33: 31 Ở đây được hiểu là gìn giữ theo giới luật gồm 250 giới. Đây là bổn phận của những đệ tử thuộc Phật Giáo Tiểu Thừa. 32 Theo tư tưởng chung chung thì cảnh giới của Đức Phật A Di Đà nằm ở về hướng Tây. 33 Trong kinh Đại Vô Lượng Thọ (Đại Bản Di Đà).

54 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

"Đức Phật đã nói cho Ngài Di Lặc 34 rằng: Ai đạt được, rồi nghe danh hiệu của Đức Phật nầy và múa hát vui mừng trước việc ấy và chỉ cần một lần nhớ nghĩ đến, hãy biết rằng người nầy đã được thành tựu to lớn. Bởi vì người ấy đã đạt được công đức cao vời". Khi ấy Đức Thích Ca Mâu Ni đã giao phó kinh nầy cho Bồ Tát Di Lặc và lại giải thích rằng: chỉ cần một niệm nhớ nghĩ đến Đức A Di Đà là một thành tựu to lớn và là một công đức khó nghĩ bàn35. Ý nghĩa quan trọng của kinh nầy thành ra xuất phát từ những câu ấy rất rõ ràng. Bây giờ chúng ta lần đến kinh thiền định (Quán Vô Lượng Thọ). Ở đó với Ngài A Nan36 đã được rõ ràng và được phân tán ra nhiều việc tốt37 với sự trợ giúp được giải thích qua việc cầu nguyện Đức A Di Đà38. Về việc nầy cũng liên hệ với lời nhắc nhở rằng: Hãy gìn giữ lời nầy tốt đẹp trong ký ức". Nhân

34 Di Lặc là Đức Phật của tương lai. Theo huyền ký thì Ngài nguyện không thành Phật và quá vãng trước. Sau Đức Phật Thích Ca vào Niết Bàn và lên cõi trời để khoảng 5.670.000.000 năm sau Ngài sẽ là một vị Phật trở lại nơi thế giới nầy. 35 Tiếng Phạn guna; tiếng Nhật Kudoku (công đức). Theo giáo lý về nghiệp là một vận mệnh tích cực ở tương lai tương ứng với hành động tốt trong hiện tại. Một công đức là kết quả của hành động tốt nhất định, với "năng lượng tích cực cũng được mang theo với một mục đích được có thể chọn lựa. Với danh hiệu A Di Đà được nói bây giờ là một kết quả vô tận tích cực, bởi vì với Ngài tất cả công đức của lòng nhân từ của Đức Phật A Di Đà đều chứa đựng trong ấy. 36 Ấnanda, tiếng Nhật: A Nan, người đệ tử yêu quý của Đức Thích Ca Mâu Ni; trong kinh nầy thường được đề cập đến để giải thích về việc nầy. 37 Tiếng Nhật: Jôzen và sanzen (Thiện lương, lành tốt). Dưới việc tốt nhất định sẽ là chỗ chú ý của tâm nơi Đức Phật hoặc là ở Tịnh Độ (trong sự suy tư miên mật hay cũng chính là hành động căn bản của tâm). Nhiều việc tốt khác nhau để chỉ cho những hành động tốt được thực hiện, trong khi con người vẫn tiếp tục thực hiện nhiều mặt khác trong đời sống và công việc của mình. 38 Tổng cộng chung trong kinh Quán Vô Lượng Thọ có tất cả 16 cách quán khác nhau của Đức Phật A Di Đà, trong đó 13 cách để đạt được sự an ổn và 3 cách tạo ra cho những ý muốn tốt đẹp.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 55

cơ hội của sự quán chiếu thứ 9 về thân thể chân thật của Đức A Di Đà. Đó là: “Ánh sáng của Ngài chiếu sáng qua khắp cùng và rộng xa trong 10 phương thế giới. Bao gồm tất cả, những ai khi nghĩ đến Đức A Di Đà và cung kính thì chẳng bỏ ai cả.” Mặc dầu theo lời thệ nguyện cứu độ chúng sanh giống nhau cho tất cả; nhưng có thể có kẻ không đúng với nghiệp lực của họ, nếu họ không tạo dựng công đức. Do vậy với trí tuệ của Đức A Di Đà và lòng từ vô lượng cũng như sự sẵn sàng giúp đỡ cho tất cả đều giống nhau. Ánh sáng ấy tiếp tục chiếu dọi khắp tất cả trong 10 phương thế giới. Ngài đã lập lời thệ nguyện rằng; ánh sáng ấy sẽ vô cùng tận được chiếu sáng để có thể dọi vào tất cả chúng sanh bằng trí tuệ giống nhau để kết duyên cho việc giải thoát kia. Việc nầy được đề cập trong lời nguyện thứ 12. Việc tiếp theo là Ngài thâu nhận tất cả với sức mạnh ảnh hưởng của tên Ngài và đã phát lời thệ nguyện vãng sanh qua việc niệm Phật. Đây là lời nguyện thứ 18. Với danh hiệu Ngài, khắp nơi chúng sanh đều nghe được và danh hiệu của Ngài cũng là cái nhân để được sanh về nơi cảnh giới Tịnh Độ. Trong lời nguyện thứ 17 Ngài thệ nguyện rằng. Tất cả chư Phật đều khen danh hiệu của Ngài và truyền đến khắp nơi. Từ lý do nầy vô lượng chư Phật trong 10 phương thế giới cũng đều thực hành như vậy, giống như Đức Thích Ca Mâu Ni Bạt Già Phạm đã thực hiện trong cõi nầy vậy. Cộng nghiệp kia cũng được ánh sáng của Ngài chiếu rọi trong 10 phương thế giới không bỏ sót nơi nào. Tất cả chư Phật trong khắp thế giới cũng báo tin cho kết quả hiệu nghiệm của danh hiệu Ngài và như thế khắp mọi nơi đều được dự phần . Cho nên Đức Di Đà thệ nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, danh hiệu ta sẽ được

56 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

vang lên trong 10 phương thế giới; không bị chướng ngại và cùng khắp; nơi nào người ta nghe đến danh hiệu kia thì sanh tâm cung kính, nếu không là như vậy thì ta sẽ không ở ngôi chánh giác”. Khi chúng ta thừa nhận về cộng nghiệp qua ánh sáng của Ngài và nguyên nhân tác dụng do danh hiệu của Ngài thì sẽ chẳng còn nghi ngờ gì nữa cả rằng Đức A Di Đà sẽ đón nhận tất cả chúng ta và không chối từ ai cả. Từ đó Thiện Đạo cũng đã viết trong phần dẫn nhập của “vãng sanh lễ tán” rằng: “sự hiểu biết cùng sự chân thật của chư Phật, tất cả đều giống nhau. Tuy vậy nếu bạn cũng là một trong ấy thì cũng có nghĩa là sự thực hiện lời thệ nguyện kia không giúp được cho nghiệp lực. Tuy thế cả thế giới đều hướng về lời nguyện lực của đức A Di Đà và lời thệ nguyện sâu xa ấy có giá trị cũng như chứa đựng chung cả ánh sáng cùng danh hiệu Ngài khắp cùng trong 10 phương thế giới.” Tiếp theo Ngài đã thệ nguyện rằng trong thời gian vô tận hứa cứu độ tất cả chúng sanh mà trong lời nguyện thứ 13 cho rằng thọ mạng dầu cho có hạng lượng. Cũng từ lời nguyện nầy giúp ta nắm bắt được về tổng thể đời sống của chúng sanh với lời phát nguyện kia và phép lành ấy lan đến tất cả 10 phương vô biên thế giới cho những ai tìm thấy được ở nguyên nhân trí tuệ và kết quả trong sự đồng tâm hài hòa, rồi ánh sáng sẽ chiếu sáng, ánh sáng ấy bao trùm không phân biệt, không chối bỏ và chẳng từ chối người nào cả.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 57

Ở trong ánh sáng nầy tiếp tục tìm thấy sự hóa thân39 của Đức Phật và các vị Bồ Tát, những người cứu độ chúng sanh bằng hàng trăm hàng ngàn cách khác nhau và niềm

tin tưởng ấy càng ngày càng phát triển mạnh hơn và làm tiêu hủy những nỗi khổ đau. Khi cuộc đời đã mãn thì chính Đức Phật lại đến để đón chào người kia và tất cả những điều không tốt đẹp chẳng làm bị ảnh hưởng. Bởi vì khi cuộc đời của con người đã chấm dứt thì cả hằng trăm loại đau đớn chịu đựng đến với thân thể và tâm hồn; cho nên họ chẳng tìm thấy được sự an lạc. Nghiệp quả xấu của người kia sẽ lôi kéo hắn ta vào hướng bất thiện; cho nên hắn ta sẽ quên đi tất cả một cách mù quáng. Với sức mạnh của tình yêu là kéo kẻ kia trở lại thế gian nầy để sống cuộc đời chính như trước kia, đồng thời từ 6 cõi Trời dẫn đến ngự trị tâm thức xấu xa40 để chiến đấu với con đường đi đến sự thánh thiện. Để chiến thắng sự trở ngại nầy Đức Phật A Di Đà đã hứa rằng trong giờ chết, trực tiếp sẽ có hình bóng của các vị Bồ Tát và Thánh chúng hiện ra trước người ấy. Đây là lời nguyện thứ 19 đã được nói đến. Cho nên khi chúng ta chết sẽ có Phật đến đón chúng ta. Những người tin tưởng thấy điều nầy vui mừng trong tâm khảm của họ và thật giống hệt như

39 Tiếng Phạn: nirmana – kâya; tiếng Nhật: Keshin (Hóa thân). Trong ý nghĩa hạn hẹp lại có 32 tướng tốt trong thân thể phải bị hủy hoại của một Đức Phật. Bởi vì Ngài còn tồn tại trong thế giới trần tục nầy. Trong ý nghĩa khác liên hệ với quan niệm nầy của tất cả những hình tướng mà Đức Phật thừa nhận để cứu độ tất cả chúng sanh. 40 Chữ "Trời" ở đây là một dấu hiệu hoặc có thực. Chữ "thế giới" ở đây được hiểu chắc chắn là một cuộc sống người khổ đau. Những vị Thần nầy sẽ chống đối với sự thành tựu giáo lý của Đạo Phật.

58 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

một người đang ở trong thiền định sâu thẫm đã được suy tư41 nhớ nghĩ. Kẻ đó sẽ được trực tiếp hướng lên trên đài sen của Đức Quan Thế Âm42 và đạt đến cảnh giới an lạc hoàn toàn. Lý do gia hộ nầy được gọi là: "Tất cả chúng sanh tin tưởng và nhớ nghĩ về Đức A Di Đà thì tất cả đều được cứu vớt và không bỏ rơi một người nào". Bây giờ kinh nầy43 cũng dạy rằng: "Ai đã ngự trị 3 tâm nầy thì bất cứ trường hợp nào cũng sẽ được sanh về quốc độ kia". Đầu tiên chính là tâm thành thật, cung kính; thứ hai là tâm tin sâu và thứ ba là tâm thành tựu theo lời thệ nguyện của Đức A Di Đà để hoàn thành cho mục đích ấy. Ba tâm nầy sẽ không bị chia ra từng loại riêng lẽ, tuy thế với tất cả điều trọng yếu đều nằm trong niềm tin sâu xa ấy. Ngài Thiện Đạo bình luận44 rằng: "Sự thành thật nghĩa là chân thành và cung kính, điều nầy trên thực tế đã đạt được với họ. Quan niệm nầy rõ ràng là tất cả những hành động thực tập của chúng sanh nơi thân khẩu ý45 cho từng trường hợp của tâm

41 Thiền định thuộc về một trong 6 Ba La Mật. Đó là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Nếu thực hiện những điều nầy sẽ sanh về cảnh giới Phật. 42 Quan Thế Ấm; tiếng Nhật: Kannon hay Kanzeon; tức là người nghe tiếng kêu cứu của thế gian mà đến. Vị ở trong kinh Pháp Hoa được diễn tả là một Bồ Tát, người sẽ ngay lập tức đến với tất cả chúng sanh khi qua tiếng kêu cầu. Đài liên Hoa; tiếng Nhật: rendai. Nghĩa là nơi ấy chư Phật và các vị Bồ Tát an tọa để biểu lộ cho việc nầy tất cả chúng sanh đang sống trong một thế giới đầy tội lỗi và bất thiện và sẽ được mang đến nơi hoàn thiện cũng giống như hoa sen trắng tỏa chiếu từ cây hoa mọc ra từ chốn bùn

dơ kia. 43 Được hiểu là kinh Quán Vô Lượng Thọ. 44 Trong quyển “Quán Vô Lượng Thọ kinh tứ tập chú”. 45 Đây là sự phân chia cổ điển của những phạm trù liên quan về đạo đức trong Phật Giáo. Đối với việc nầy cần cố gắng làm đúng. Nghĩa là đầy đủ, bình tĩnh nắm bắt tư cách chân thật của tất cả mọi vật, quan sát tư duy, xác định phần

thành thật và tâm cung kính. Phải đối với những người khác một cách tốt đẹp”. Tư cách thực tập tinh thần nầy bao gồm những người có thói quen mà họ với tội lỗi cũng như chứa chất những khổ đau cho sự sanh tử 46 và nơi ấy theo Bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà, cầu cứu Ngài 10 lần hay ngay cả chỉ một lần và chắc chắn rằng sẽ được vãng sanh về Tịnh Độ và lúc ấy sẽ được giác ngộ, tương đương với hành động trên. Đây là một sự giác ngộ trần tục là khi một người chỉ thực hiện bên ngoài; nhưng lại tin tưởng với lời thệ nguyện của Ngài; nhưng bên trong vẫn còn nghi ngờ. Cũng như vậy là điều sai và dối trá nếu một người nào đó ngược lại có tính cách đạo đức bên ngòai và ngay cả ở bên trong, nhưng cẩu thả và lười biếng. Tham, sân, si, sai quấy, ganh tị, dối trá và hằng trăm tội lỗi chẳng thể tiêu trừ được. Chúng giống như là những con rắn độc. Chúng ta sẽ nói đến trong 3 hạnh47, tuy thế tôi gọi chúng là: “với chất độc sẽ trở thành việc tốt” và “những hành động dối trá rỗng tuếch” và những việc làm không chính đáng. Nếu chúng ta cố gắng trong sự an nhiên cũng như những hành động

vững chắc của đạo đức; bởi vì đây là sự thấy sai trong thế giới vật chất đã mang đến cho con người và bị trói buộc vào đó, mặc dầu những việc ấy đều vô thường và cũng giống như tham lam, sự ganh tỵ và ghét gỏng chứa đựng nơi kia. 46 Với hình thức nầy thường bị lôi cuốn vào để cùng suy nghĩ theo sự giới thiệu của Phật Giáo, thì chính tội lỗi và những lý do của họ bị giữ gìn trong sự tồn tại của thế giới nầy, là nguyên nhân của vòng luân hồi sanh tử. 47 Việc chia ra theo phương tiện với sự ảnh hưởng của việc tốt; như vậy gồm thân thể, lời nói (miệng) và tâm. Đây là 3 hạnh diễn tả cho việc làm tốt, nói năng đứng đắn và suy nghĩ tốt đẹp (xem thêm phần chú thích 37).

đạo đức thì giống như nỗ lực của thân và tâm thức, ngày và đêm trong 24 giờ chạy theo bên ngoài vội vã làm việc nầy việc kia và suy nghĩ đủ chuyện. Tất cả điều nầy tôi gọi là ”cái tốt pha với độc tố”. Như vậy điều nầy không thể đạt được qua cái tốt pha với chất độc để muốn được sanh về Tịnh Độ của Đức A Di Đà thì lý do của điều nầy như sau: Khi Đức Phật A Di Đà còn ở trong thế giới trần tục thì Ngài đã thực hành những việc làm của một vị Bồ Tát. Ngài đặt trong một niệm duy nhất, ba việc làm ấy cùng lúc và chúng được chứa đựng tất cả những tư cách chân thật và sự cung kính. Sự hướng về việc giác ngộ cũng lệ thuộc vào điều chân thật và tín tâm với nhau như vậy. Bên sự chân thật nầy có thêm hai yếu tố: bên trong phải tự mình và bên ngoài lợi lạc cho sự chân thật. Trong sự chân thật ấy sẽ được làm sáng dần những việc bất thiện và hãy vứt bỏ điều xấu xa ở bên trong lẫn bên ngoài, giống hệt như những vị Bồ Tát đã bỏ tất cả các việc xấu và làm tất cả những việc lành. Điều nầy cần phải thực hiện trong tâm chân thành và tha thiết.” Thiện Đạo còn ghi chép thêm nhiều điểm khác cho đề tài nầy nữa, trong

đó chúng ta chỉ trích ra một phần. Quan điểm về sự chân thật và sự cung kính thường được gọi chung là “3 cánh cửa” giới thiệu sự điềm tĩnh, ý hướng tốt đẹp và nắm bắt lời thệ nguyện rộng lớn. Trong việc nầy cần để ý giữa sự “thông thường” và chú ý đến “tính cách đặc biệt”. “Thông thường” nghĩa ở đây là một quan điểm chân thật và sự cung kính mà những việc nầy được vãng sanh về Tịnh Độ bằng chính tự lực của mình và qua sự thực hành của sự mặc

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 61

nhiên cũng như ý hướng tốt đẹp sẽ đạt được. Ngược lại “đặc biệt” có nghĩa là những tư tưởng với sự chân thật cũng như sự cung kính được biểu hiện, qua sự đạt được việc vãng sanh qua tha lực48. Trong “lời giải thích về kinh Thiền Định” có phần tìm thấy được ý nghĩa sâu xa qua sự giải thích sau đây “sự an nhiên nghĩa là những suy nghĩ và ước muốn giữ lại được và làm cho tâm yên ổn lại. Ý muốn tốt đẹp là bỏ đi việc xấu ác và thực hành việc tốt. Qua 2 loại thiện lương nầy sẽ đạt được sự vãng sanh về Tịnh Độ. Với lời thệ nguyện to lớn49 chứa đựng giống như vậy, hệt như kinh Đại Bản nói về Tịnh Độ rằng: Những con người bình thường, ngay cả bây giờ tốt hay xấu tất cả cũng đều được sanh về. Nếu họ thừa nhận Bổn nguyện lực của Đức A Di Đà là sức mạnh và luôn luôn cố gắng làm tăng trưởng nghiệp lành của họ”. Điều nầy cho thấy thật rõ ràng là con người đạt được sự giác ngộ là do tự lực; tuy nhiên đều do tha lực mang lại. Ban đầu có ghi rằng: “Những hành động thực tập của tất cả chúng sanh qua thân khẩu ý; cho từng trường hợp của tâm thành thật và tâm cung kính. Phải đối với người khác một cách tốt đẹp”. Tư cách thực tập có tính cách tri thức có ý nghĩa với thói quen của con người; những tội lỗi và sự sai quấy nầy đã có từ lúc được sinh ra và cho đến lúc chết; nhưng 48 Lý do của dấu hiệu nầy là đạt được sự vãng sanh về Tịnh Độ từ tự lực là “thông thường” và cuối cùng chính mình tự hoàn thiện lấy. Ngược lại ở đây chữ “đặc biệt” chính đáng trước mọi sự cố gắng để tranh biện, không một sự từ chối nào ảnh hưởng đến niềm tin qua sự trợ lực của Phật A Di Đà. Đây chính là tha lực (tariki) và là lực của Đức Phật A Di Đà. 49 Tiếng Nhật: gugan – là một dấu hiệu chỉ cho bổn nguyện của Đức A Di Đà và đặc biệt nhấn mạnh rằng giới nầy cho tất cả và mỗi chúng sanh có thể đạt được.

62 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

nếu họ tin tưởng về tư tưởng50 chân thật và cung kính kia thì chắc chắn rằng họ sẽ có thể được sanh về Tịnh Độ. Ở nơi đó họ nương theo Bản nguyện của Đức A Di Đà mà bước lên và chỉ cần niệm danh hiệu Ngài chí thành trong 10 lần hay nhẫn đến chỉ một lần cũng được. Điều nầy tương ưng với một tư tưởng sai lầm và một nhận thức vô ích, nếu bên ngoài, người ta làm như tin tưởng vào bản nguyện; nhưng bên trong thì lại nghi ngờ. Tiếp đến nói về: “Tham, sân, xấu ác, sai quấy, ganh ghét, nói đến ... tất cả hàng trăm tội lỗi nhưng chẳng thể tránh khỏi được. Chúng như là những nọc rắn độc. Chúng ta nói về ba hạnh; nhưng tôi gọi chúng là “điều tốt lẫn lộn với độc tố” và “những hành động trống rỗng dối trá” và không phải là “những hạnh chân thật” tất cả những việc không tốt của mình và bên ngòai, và không còn bị rơi vào 3 cõi cũng như 6 đường nữa51, điều nầy cần phải đầy đủ sự chân thật. Những điều nầy được gọi là “những

hành động chân thật và cung kính" và ngoài ra còn có ý nghĩa là "bình thường". Nghĩa là nơi đâu điều nầy chẳng có thể thì ở đó người ta phải ở trong bối cảnh của tâm tin sâu để "đạt được việc tái sanh và tin rằng những người bình thường với tội lỗi và những

50 Ý tưởng, việc làm ở đây nó đồng nghĩa với chữ "tâm" (trong ý nghĩa của 3 tâm). 51 Ba cõi (tiếng Phạn: bhava; tiếng Nhật: sangai, sanu) nói chung dùng để chỉ trạng thái vật chất hoặc thể trạng của một chúng sanh gồm: 1- Cõi của thế giới có tình thức (dục giới) 2- Cõi có thân thể nhẹ nhàng (sắc giới) 3- Cõi chẳng có thân thể (vô sắc) Sáu hình thức tồn tại (tiếng phạn: gati; tiếng Nhật: rokudo) gồm : sự tồn tại của Trời, A Tu La, Người, súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục).

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 63

hành vi sai quấy ấy đã có từ vô thỉ không có nghiệp để dẫn ra khỏi vòng luân hồi52. Để được giống như những vị Bồ Tát làm chủ chân thật trong sự đi, đứng, ngồi nằm thì chúng ta không sa vào tội lỗi và phải rời khỏi bản năng của ái dục. Tuy nhiên, ngay cả những bậc Thánh cũng được giải thoát khỏi vòng tử sinh thuộc cấp bậc thấp và tự tại trong tư tưởng, vượt qua những bản năng và sự khổ đau, vẫn còn mang theo ba độc tham, sân và si. Những người phạm tội bình thường, kẻ ấy phải có những hành động chân thành và cung kính. Gần như là chẳng thể được, với tự lực dẫn dắt tất cả những hành động thiện và làm chủ sự chân thật tuyệt đối; câu nầy được diễn tả rằng: Trong cả hằng ngàn người, bạn sẽ chẳng thể tìm được một người như vậy. Ba tâm trích ra từ sự niệm Phật và giải thích về những hành động lễ nghi khác. Ở đó người ta phải viết những chữ đứng với hình dáng của "tâm" mỗi mỗi rời xa. Ví dụ như "sự thực tập liên tục" là một phần của "4 sự thực tập": Điều ấy được gọi sự thực tập liên tục, bởi vì con người luôn luôn tiếp tục với việc cung kính Đức A Di Đà, cầu nguyện, niệm danh hiệu Ngài, tụng đọc những bài lễ tán và bên trong luôn nghĩ đến Ngài, thiền định về Ngài và quay về với lời nguyện của Ngài. Bởi vì người ta phải để cho tâm của người ta luôn thuần thục và không bao giờ bỏ rơi làm việc thiện. Nếu sự khổ đau như tham và sân xuất hiện; thì con người phải sám hối tội lỗi và

52 Căn bản đón nhận ở Phật Giáo là cởi trói cho tất cả mọi người và ngay như Phật Giáo Di Đà cũng nhấn mạnh; nhưng luôn cho biết rằng con người vào thuở xa xưa đã tạo ra những hành vi tội lỗi trong nhiều lần nên phải sanh vào thế giới nầy và phải sống như vậy, con đường thực tập giác ngộ bị ngăn lối.

64 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

chẳng có phút giây nào để lãng quên trong một giờ hay một tháng, hãy tìm cách kéo dài không ngừng nghỉ, để sám hối về việc ấy; như vậy mới gọi là sự thực tập liên tục". Cách giải thích nầy có sự phân biệt giữa việc niệm Phật và việc bổ sung vào sự thực tập khác53. Ngay ban đầu đừng để tham và sân khởi lên. Đây là sự thực tập không ngừng nghỉ của những sự thực tập khác nhau. Phần thứ hai sẽ lưu tâm nói đến; bây giờ thì chẳng có sự khác nhau giữa "đúng" và việc làm "tán loạn", không có khoảng cách của sự khổ đau trong việc thực tập miên mật như tham và sân. Nhưng chẳng phải chỉ có thế, trong quyển "Vãng Sanh Lễ Tán" Thiện Đạo đã giải thích sự lợi hại của hai cách

thực tập nầy: “Ai đó, như trên đã nói, khởi lên trong sự cầu nguyện và chờ đợi ở cuối đời, thì người ấy cũng sẽ được vãng sanh chỉ trong 10 niệm danh hiệu A Di Đà. Trong ấy chứa đựng sự tương ưng với bổn nguyện của Đức A Di Đà và tâm sám hối cũng như sự hổ thẹn”. Phần tiếp theo giải thích rằng: “Bởi vì con người với bản năng và sự khổ đau như tham, sân và tất cả những điều khác vượt qua khỏi những ý nghĩ khác mà xuất phát từ lục căn, không gián đoạn và trừ bỏ”. Như vậy cái khuyết điểm của việc thực tập riêng lẽ. Người ta phải hiểu rằng: những sự thực tập nầy phải luyện tập, không là như vậy thì sự khổ đau sẽ không vượt ra khỏi. Khi người ta nghĩ như vậy thì lúc thực hiện tế lễ một cách chân

53 Tiếng Nhật: yogyô: Đứng từ quan điểm của Thiện Đạo và Pháp Nhiên thì tất cả những lễ nhạc và sự thực tập đều là sự bổ sung cho việc niệm Phật. Với điều nầy sẽ kết liên với sự quyết định đứng đắn giữa “đúng” và “sai quấy”. Chữ thực tập tiếng Nhật gọi là shôgyô và Zôgyô theo Thiện Đạo thì đây là “Chánh hạnh” theo lời dạy Đức A Di Đà trong khi những lễ nghi và cầu nguyện Đức Phật khác, với sự kết chặt ấy ở đây gọi là “loãng ra”.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 65

thật, sẽ từ chối tham sân cũng như những chuyện khác. Còn nhiều hơn thế nữa, trong phần bình luận về sự quay về để được thành tựu của sự cứu vớt của Đức A Di Đà, Thiện Đạo đã dùng đến hình ảnh của 2 dòng; một từ nước và một từ lửa, rồi nói: Trong tình yêu và sự hận thù luôn luôn tiếp tục như lửa đốt cháy, thì làm sao cho nước lạnh đông lại, chẳng có cái nào dừng nghỉ cả; không rời khỏi con đường trắng khác của niềm tin sâu xa thì sự tái sanh sẽ đạt được.” Phần kế tiếp Thiện Đạo nói rằng: “Niềm tin thâm tín ấy, chúng ta nên tin rằng chính chúng ta là những con người trần tục, sinh ra cũng như chết đi với bao nhiêu tội lỗi và điều sai quấy, việc nầy đã có từ vô thỉ, chết đi và trở lại chẳng phải do cơ duyên để được ra khỏi vòng sanh tử. Chúng ta nên tin tưởng đến Đức Phật A Di Đà qua 48 lời thệ nguyện độ cho tất cả chúng sanh đạt đến cảnh giới Tịnh Độ; nếu chúng ta chẳng chối từ và suy nghĩ gì khác là do lực của lời thệ nguyện nầy”. Phần đầu có nói: “Hãy tin rằng, nhà ngươi là con người với thói thường, sinh ra và chết đi với nhiều tội lỗi và những việc sai quấy và kể từ vô lượng kiếp đã có chứ không phải có cơ duyên để rời khỏi thế giới nầy”. Và ở trong “Một tờ khởi thỉnh văn” cũng cho rằng: con người do nghiệp lực căn bản nên chẳng thể sanh vào quốc độ Phật. Với tín tâm có thể tạo thành, bởi vì bất cứ người nào, nếu họ suy nghĩ từ 1 cho đến 10 niệm A Di Đà thì chắc chắn con đường sanh ở thế giới nầy sẽ từ giã và sẽ được sanh về thế giới Tịnh Độ, mà từ đó không còn bị rơi trở lại nữa.

66 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

Phép lạ của lời Phật thệ nguyện là điều mà tâm của chúng ta không thể đo lường được, chỉ có Phật mới hoàn toàn rõ biết. Ai còn có thể nghi ngờ vào Bản nguyện lực to lớn như vậy ngay cả ai đã bị phạm vào 5 tội lớn cùng 10 điều bất thiện54 cũng được sanh về thế giới Tịnh Độ nếu họ niệm danh hiệu của Đức A Di Đà tha thiết. Thiện Đạo ghi chú rằng: giả thử một người nào đó nói: “các chúng sanh, các ngươi kể từ vô thỉ cho

đến đời nầy bị tam nghiệp và những hành động của tâm trong cuộc sống nầy trong mọi hình tướng có thể thánh thiện hay thường tình; tất cả 10 điều bất thiện, 5 trọng tội và bắt đầu với việc phạm55 4 giới trọng. Các người đã phạm vào những lỗi lầm, điều nầy đã cản trở việc có thể thành Phật của các ngươi, vì giáo lý của Đức Phật đã bị hủy bán, phạm vào các giới cấm và truyền bá sai lời Phật dạy. Các người không những chỉ trốn tránh những tội lỗi mà các ngươi còn quên chúng đi và chúng trói buộc vào với 3 tội56 trong quá khứ, hiện tại và tương lai: Các ngươi bây giờ muốn như thế nào? Chỉ trong một đời nghĩ đến Phật A Di Đà mà sanh về nơi quốc độ

54 10 hành động bất thiện (tiếng Phạn: karmapâtha; tiếng Nhật Jueaku = thập ác). Đó là: giết hại chúng sanh, trộm cắp, tà dâm, nói lời không thật, nói dối, nói thêu dệt, nói hai chiều, tham lam, giận hờn và tà kiến. Nơi đây cũng chia ra ba phần thuộc thân khẩu ý. 55 Tiếng Nhật: shijue (tứ trọng) tức là bốn hành động nói lại cho rõ ràng hơn về trách nhiệm của người đệ tử trong giáo lý Phật giáo, đó là giết hại sinh mạng của chúng sanh, trộm cướp, tà dâm và ý kiến sai quấy. 56 Quan niệm ở đây theo tiếng Nhật là san aku (3 điều ác) chẳng hoàn toàn rõ nghĩa, có thể là ảnh hưởng của ba việc (âsrava) tham lam, sự trở thành và chẳng hiểu biết, cũng giống như ba cội rễ ngược lại với sự thánh thiện (akusala – muela) - Sự đau khổ, sân hận và si mê hoặc là 3 cảnh giới xấu ác (durgati) của địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 67

ấy, hay các người như thế muốn đạt được bất thối chuyển57? Câu trả lời cho kẻ kia là: Giáo lý và tất cả những việc làm của chư Phật đều nhiều như cát sông Hằng và giáo lý ấy chẳng phải theo sự hiểu biết của con người và cũng không giống như họ. Sự hiểu biết về ánh sáng xua đuổi sự tối tăm, khoảng không ấy bao bọc bởi sự hiện thực, điều mà con người thường hay tìm thấy cũng như có thể tin tưởng được là cách thức như thế nào, mà mặt đất đã cưu mang cũng như dưỡng thành. Rằng nước uống cung ứng cho đời sống, rằng lửa để đốt cháy và sưởi ấm. Tất cả những việc nầy người ta gọi là sự hiểu biết tương đối. Điều ấy, những gì mà con người dùng bằng con mắt để tìm ra, sẽ vỡ tan ra thành hằng ngàn, hàng vạn phần khác nhau. Tuy vậy với phép lạ của Phật Pháp cũng chẳng thể làm ảnh hưởng đến sự hiểu biết kia giống như những vật đã đề cập". Cuối cùng là một phép lạ như ở cảnh giới Cực Lạc kia có những chúng sanh như chim, nước hoặc cây cối. Việc nầy ai tin tưởng nơi lực bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà làm sao có thể chối từ như trong lời nguyện thứ 18 ở hình thức là "ai niệm đến danh hiệu ta trong 10 niệm"? Nếu người ta tin tưởng hoàn toàn vào những lời của Đức Phật, thì cũng tin việc nầy! Chẳng một ai nghi ngờ vào lời dạy trong Kinh Hoa Nghiêm rằng không phân biệt giữa Tam Bảo58; như giáo lý trong kinh Bát Nhã nói tận cùng về tánh không của mọi vật; hay giáo lý

57 Tiếng Nhật: Futai noi: đẳng cấp của Bồ Tát; ở nơi ấy người ta chẳng bao giờ phải trở lại thế giới cuối cùng nữa. 58 Tam Bảo (tiếng Phạn; triratna; tiếng Nhật: sanbô) gồm có Phật, Pháp và Tăng. Trong kinh Hoa Nghiêm dạy rằng những cái nầy là một.

68 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

trong kinh Pháp Hoa của sự giác ngộ qua sự từ bỏ tất cả mọi sự chấp thủ hoặc trong kinh Niết Bàn nói về Phật tánh căn bản của tất cả mọi người59. Tất cả những điều nầy đều là giáo lý của Đức Phật: Các người bây giờ tin điều nầy và không tin những điều khác sao? Các ngươi có thể nói rằng: việc nầy từ ba 60 âm vận của danh hiệu vẫn còn ít. Tuy nhiên đạo đức cho sự thông hiểu bên trong và những tác dụng tốt ở bên ngoài của việc giác ngộ cuối cùng và qua tất cả những nhân lành vô số kể, đầy công đức đã được thành lập và chứa đựng để dẫn đến sự thật sâu xa trong danh hiệu nầy. Thiện Đạo cũng nói trong việc bình luận về việc giải thoát danh hiệu rằng: "A Di Đà Phật là cái âm trung thực miêu tả về cái tên chữ Ấn Độ, dịch ra là: đời sống và trí tuệ vô tận, đời sống vô tận là pháp 61 và 'tâm thức' là con người. Vì lẽ đứng bên cạnh con người và pháp chân thật nên gọi là A Di Đà. Còn " pháp của con người thật là sự giới hạn qua sự thấy biết khác nhau. Cuối cùng ở đây có một vài việc là những hành động của Ngài đều tương ưng với sự hóa thân trở lại đây".

59 Giáo lý nói rằng: căn bản của mọi người là có thể đạt đến cảnh giới Phật, bởi vì pháp ấy đã có sẵn. Chỉ có điều là tâm kia phải trở nên hoàn toàn ý thức. 60 Trong tiếng Nhật ở đây đọc thành ba âm, bởi vì chữ 'A Mi Đa" với cách viết chữ Hán chia ra làm 3 chữ. 61 Tiếng Phạn: dharma; tiếng Nhật: hô (pháp) qua điểm nầy có thể là điều xác đáng qua luật của vũ trụ chỉ rõ tính chất của tất cả sự hiện hữu. Trong ấy có giáo pháp chân thật, cũng như là đối tượng của sự hiện hữu vậy; nhưng nơi ấy quan điểm thứ 3 về chỗ đứng nầy phải trải qua quan niệm về con người theo sau được bao phủ lên đó. Dẫu cho trường hợp nào đi nữa thì sự giải thích của Thiện Đạo chỉ cho biết rằng giáo lý ấy hay nói đúng là sự thật kia như là sự tạo thành của một vài sự hiện hữu vậy.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 69

Từ điểm ấy với trí năng tổng thể chân thật của Đức Bạc Già Phạm A Di Đà, của Ngài Quan Thế Âm, Ngài Ca Diếp và Ngài Phổ Hiền, Ngài Văn Thù Sư Lợi, Đức Địa Tạng và Ngài Long Thọ62 cho đến tất cả những vị Bồ Tát và những người có niềm tin ở đây trong quốc độ nầy, ngay cả những hành động chân chánh, trí tuệ đầy đủ lực công đức, sự hiểu biết chân thật, nội tâm của họ và ảnh hưởng đạo đức và những ân đức vô tận của họ đã mở ra cánh cửa của giáo lý chân thật chứa đựng trong 3 chữ nầy. Ở thế giới Cực Lạc ấy tất cả những cánh cửa về sự chân thật được tồn tại. Qua 3 chữ nầy chứa đựng danh hiệu giáo lý của những Tông phái như đã giải thích và qua đó chúng ta đón nhận được. Trong Chân Ngôn63 cũng có giáo lý căn bản ý nghĩa của mẫu tự "A" và từ đây 48.000 cánh cửa của giáo lý được mở ra. Tất cả chúng sanh đều nằm trong chữ "A" ấy. Cho nên điều nầy có nghĩa là danh hiệu A Di Đà là một công đức khó nghĩ bàn. Theo Tông phái Thiên Thai có 3 sự thật được trình ra cho tất cả sự vật, đó là vạn vật rỗng không, là hạt giống tồn tại liên hệ và là trung gian ở giữa hai điều nầy. Tiếp theo có 3 loại chúng sanh của Phật quốc độ, đó là sự giác ngộ, trung hữu và 62 Quan Âm, Phổ Hiền, Văn Thù và Địa Tạng là những vị Bồ Tát, theo giáo lý A Di Đà thì những vị nầy cũng hiện hữu nơi cõi Tịnh Độ để trợ lực cho việc vãng sanh và phụ tá cho Đức Phật A Di Đà. Ca Diếp là một trong những vị đệ tử chính của Đức Thích Ca Mâu Ni và Long Thọ là một trong những học giả quan trọng của Ấn Độ thuộc Phật Giáo Đại Thừa, Ngài cũng

là vị Tổ của Tịnh Độ và Tông phái Chân Ngôn nữa. 63 Tông Chân Ngôn được thành lập bởi Không Hải (774-835) là một Tông phái về Phật Giáo của Phật Giáo Nhật Bản, trong mẫu tự kỳ bí và hình tướng giữ một vai trò quan trọng.

70 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

sự bỏ lại sự thật. Sự phân chia nầy tương đương với ba thân của một Bạc Già Phạm là pháp thân64 báo thân65 và hóa (ứng) thân66. Điều nầy nhấn mạnh ảnh hưởng to lớn của đạo đức. Về lý thuyết người ta có thể thêm vào giáo lý của mỗi Tông phái khác và giáo lý của chúng ta, và giải thích qua danh hiệu của Phật A Di Đà. Trọng tâm của giáo lý chúng ta chứa đựng ý nghĩa của hằng vạn sự khởi nguyên, mà ý nghĩa của đầu đề Chân Ngôn lấy nghĩa mẫu tự "A Di Đà" làm nền tảng hoặc là ý nghĩa giáo lý của Thiên Thai cho việc thấy nhất như của 3 việc quan sát về tánh của vạn vật. Sự giống nhau giữa "con đường trung đạo" và ba sự quan sát qua sự chối từ67 và Bát Bất Trung Đạo; hoặc giả cho giáo lý của sự đạt thành tâm thức thanh tịnh qua việc từ bỏ ngũ uẩn68. Lý do về việc nầy là ở Tịnh Độ tất cả mọi cánh cửa của sự thật đều được tồn tại.

64 Tiếng Phạn: Dharma – kaya; tiếng Nhật: Hôshin (Pháp thân) Đức Phật như là sự hiện thân của sự thật tuyệt đối. 65 Tiếng Phạn: Sambhoga – kâya; tiếng Nhật: hôshin (báo thân) là hình tướng của một vị Phật với kết quả của những hành động nhận được. 66 Tiếng Phạn: nirmâna – kaeya; tiếng Nhật: Kêshin (hóa thân) là hình tướng của một vị Phật được thừa nhận để cứu giúp chúng sanh và chiếu tỏ những sự sai quấy cho chúng sanh rõ biết. 67 Một giáo lý mà theo đó tánh của các pháp chẳng phải qua một trong 3 quan niệm bên trên về tánh không, sự tồn tại liên hệ và giữa sự trống không cũng như sự tồn tại liên hệ ấy được tóm lại; tuy nhiên chỉ qua một sự quả quyết phủ nhận: chẳng có sanh chẳng phải chết chẳng đến cũng chẳng đi; chẳng một và khác một và chẳng còn lại chẳng mất. 68 Tiếng Phạn (skandha), tiếng Nhật là Goju (ngũ uẩn) đó là: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Với những loại nầy giúp cho những ước muốn và sự yêu cầu đòi hỏi của con người, những việc nầy cưỡng bức, giữ con người lại với thế giới tử sanh nầy.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 71

Tuy thế chẳng phải qua sự giải thích về ý nghĩa chân thật của Bổn Nguyện Đức A Di Đà để được nhận ra, mà chỉ cần tâm thức hướng về sự tin sâu ấy. Chủ yếu như là những vị thuốc thần của Kỳ Bà hay Bian-que69, đó là sự tổng hợp của hằng ngàn loại cây cỏ khác nhau, và tất cả đều có thể chữa trị cho mọi tình huống khác: cũng như vậy, khi con người chẳng hiểu về thành phần và tỷ lệ hổn hợp kia thì những căn bịnh kia sẽ được chữa trị qua sự cho thuốc ấy. Tuy nhiên nếu kẻ nào từ chối và chẳng tin vào thuốc chữa nầy thì bịnh tình kia lại càng nặng thêm và bịnh chẳng có cách nào chữa khỏi bịnh được; cho nên lại chẳng uống thuốc nữa; như vậy thì cũng là nghệ thuật chữa trị của Kỳ Bà và phương thuốc gia truyền của Bian- que lại phí công và chẳng lợi lạc gì cả. Với danh hiệu của Đức A Di Đà cũng giống như vậy. Nếu chúng ta cho rằng chúng ta không có thể làm tiêu đi những tội lỗi và sự khổ đau cũng như chấm dứt những nghiệp quả xấu của chúng ta mà chúng ta lại chẳng tin tưởng mà còn chối từ nữa thì liệu rằng

chúng ta có thể được vãng sanh về quốc độ ấy qua việc trì danh niệm Phật chăng? Như vậy thì lời nguyện của Đức A Di Đà và lời dạy của chư Phật chẳng có ý nghĩa gì cả, và chẳng có một hiệu quả cho ai. Chỉ cần niềm tin là quan trọng. Đừng chết trong tầm tay đang cầm thuốc, vì các bạn chẳng uống thuốc. Hãy cố suy nghĩ rằng: Nếu có kẻ nào đó đang đi đến một núi báu mà chẳng nhặt được một loại đá quý nào hay vào rừng để tìm cây

69 Hai vị y sĩ tài ba từ Ấn Độ cũng như Trung Hoa.

72 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

trầm mà chẳng mang được một nhánh nào về nhà thì làm thế nào để chẳng hối hận về sau nầy? Có thể trong vô lượng kiếp chúng ta đã có mặt trong thế giới nầy và đã được Phật các vị Bồ Tát dạy dỗ tận tình. Chư Phật trong quá khứ cũng như trong hiện tại là cha mẹ của tất cả chúng sanh và là bạn lữ của nhiều chủng loại. Các Ngài đã chứng minh cho chúng ta tất cả những phương tiện cho sự giác ngộ và vì lý do gì mà chúng ta vẫn còn luôn luôn bị vòng sinh tử vây hãm? Việc nầy thật là xấu hổ. Thế nhưng Đức Bạc Già Phạm Thích Ca Mâu Ni, người thầy nguyên thủy đã thệ nguyện rằng, trong cánh rừng hoang dã của tội lỗi đã tìm thấy và trong cánh rừng ẩn náu sự học đòi sai quấy của chúng sanh, những việc ấy còn nơi thân thể họ, bằng lời nói và bị trói buộc. Bởi những việc làm của ý cũng như của 6 tánh70 nhút nhát', rồi đưa về quốc độ của Ngài để dạy dỗ cũng như cứu vớt. Rồi người ta lại hỏi rằng như vậy Ngài nguyện như thế nào với chúng sanh mà chẳng có chúng sanh nào được chư Phật mang đến sự giác ngộ cũng như giải thoát vậy? Từ khi Đức A Di Đà Như Lai còn là một vị vua71 đang trị vì thế giới, tâm giác ngộ đã mang đến qua lời thệ nguyện để chấm dứt vòng sanh tử và khi Đức Bạc Già Phạm Thích Ca Mâu Ni lúc đó là vị Bà La Môn gọi đầy đủ là "biển báu". Vị vua ấy đã phát ra lời thệ nguyện thâu nhận tất cả chúng sanh,

70 Tiếng Nhật Rokujio (lục tình) như vui, lo sợ, buồn, hài lòng, tình yêu và thù hận, là những loại mà con người bị nối kết với thế giới vô thường nầy. 71 Trong sự phát triển song hành về lý lịch vua chúa của Đức Thích Ca Mâu Ni đã được Ngài Pháp Tạng (đức A Di Đà khi còn là Bồ Tát), nói rằng: Ngài nguyên là vị đã thống trị một cõi thế giới.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 73

đạt thành chánh quả và nói rằng: "Nếu khi tôi thành Phật thì tôi sẽ mang những kẻ bị những hành động tội lỗi và những người phạm tội nặng cũng như trong mọi thời gian của các Đức Phật và tất cả các phương bị khó khăn về với sự giác ngộ và chờ đón họ nơi ấy, nếu họ chỉ niệm danh hiệu tôi một lần thôi". Như khi vị Bà La Môn tên là "biển báu" nầy, Ngài đã quyết định dẫu cho bất cứ trường hợp nào mà một thế giới của tội lỗi cũng như xấu xa để đạt đến sự giác ngộ và những chúng sanh đầy những hành động tội lỗi cũng như phạm vào những trọng tội, không ngừng nghỉ cho việc sinh ra trong thế giới nầy, chết đi rồi trở lại, chỉ rõ con đường nầy. Ngài thệ nguyện và Ngài suy nghĩ rằng: Đây chính là một điều kiện có thể ngoại lệ nhẹ nhàng cho những chúng sanh nầy, chỉ qua việc nghe và niệm đến danh hiệu thì sẽ thoát khỏi vòng sanh tử. Từ vô thỉ, thế giới nầy đã được chư Phật xuất hiện để dùng cơ hội tương ưng với nghiệp thức và mang

đến không biết bao nhiêu là kết quả. Các Ngài đã giải thích về Đại Thừa và Tiểu Thừa. Các Ngài đã tuyên bày giáo pháp và trực tiếp nói đến sự thật vô cùng tận cũng như giúp đỡ giáo pháp tạm thời. Mỗi người tương ưng với điều kiện nghiệp lực của mình mà các Ngài đã giúp cho tất cả chẳng phân biệt. Bởi vì Đức Thích Ca Mâu Ni đã tuyên đoán qua tám tướng 72 trong đời sống của Ngài qua con đường chánh và thương tiếc cho những sự nhận biết sai quấy bị trói buộc của chúng sanh và những chúng sanh ấy chưa thể rời khỏi thế giới 72 Theo truyền thống sự dẫn nhập tiểu sử của Đức Thích Ca Mâu Ni về việc sanh và rời cung trời Đẩu Suất, ở lại trong bào thai mẹ, sinh ra, rời nhà, chiến thắng ma vương, giác ngộ, giảng pháp và vào Niết Bàn.

nầy và Ngài nói: “Ở phương tây có một thế giới Cực Lạc; nơi ấy có Đức Phật hiệu là A Di Đà đang sống tại đó. Đức Phật nầy nguyện rằng: nếu có kẻ nào đó nghĩ đến ta trong 10 niệm mà chẳng được sanh về quốc độ ta, thì ta thề sẽ chẳng ở nơi chánh giác. Người đó nay đã thành Phật. Suy nghĩ giống như điều nầy, bởi vì tất cả những lời dạy ấy sánh như con đường thoát ly sinh tử cho cả những chúng sanh bị phạm vào những hành động xấu xa và bị ngự trị bởi những sự khổ sở mà chưa thể tốt hơn để được giải thoát khỏi việc phải luôn luôn trở lại cõi nầy”. Tiếp theo Ngài đã dạy cho họ tha thiết rằng: “Hãy đừng để cho sự nghi ngờ dầu nhỏ nhất mang đến! Vô lượng Chư Phật trong mười phương đều thệ nguyện cho tất cả chứng cớ giống nhau nầy” và Ngài tiếp: “Trước đây ở thuở xa xưa ta còn đang ở nơi đất nước xấu xa73 bởi vì có nhiều chúng sanh thù hận mà đã hạ nhục ta qua sự nhận biết sai quấy cùng những hành động tội lỗi và như vậy phải rơi vào trong những đường dữ. Vì lý do nầy ta trở lại thế giới chỉ muốn lắng nghe tất cả mọi sự việc”. Rồi ngài đã dạy cho Ngài A Nan rằng: “Hãy đến đó để truyền đạt lời dạy nầy!” Khi Ngài A Nan nhận lời thì Đức Thích Ca Mâu Ni đang nằm tại Kusinagar dưới 2 cây Sa La, đầu quay về hướng Bắc và mặt quay về hướng Tây và Ngài đã vào Niết Bàn lúc 80 tuổi đúng vào tối ngày 25 tháng hai (đúng ra là 15/2). Khi ấy ánh sáng của mặt trời và mặt trăng, cỏ, cây đều có dấu hiệu

73 Tiếng Nhật Ydo (uế độ) là một tên gọi khác để chỉ cho thế giới vô thường, nơi mà chúng sanh bị trói buộc bởi sự thấy nghe sai quấy làm căn bản và khổ đau của họ là nguyên nhân chính.

thay đổi màu sắc, chẳng còn một vật nào sống, từ Trời cho đến Rồng cũng như những chim muông hướng lên trời và đặc biệt đầu lại chúc xuống rồi than lên não nề. Ngài A Nan, Mục Kiền Liên (A Na Luật) và những đệ tử chính khác chỉ biết rơi lệ và sầu thương, than lên và nói rằng: “Chúng ta đã quen sống với bậc Đạo sư Thích Ca Mâu Ni và chúng ta đã trải qua 80 năm với Ngài. Giáo lý của Ngài đã ảnh hưởng vào vận mệnh của chúng ta; nhưng đột nhiên chúng ta bị chuyển đổi từ bên ngoài của màu vàng. Ngài cũng đã trả lời cho những câu hỏi của chúng ta; hoặc giả là một lực để kéo chúng ta. Với ai kể từ bây giờ chúng ta có thể nương theo ai và ai cứu giúp chúng ta? Chúng ta phải ghi lại những lời dạy của bậc Đạo sư và những lời dạy ấy sẽ chỉ đạo trong tương

lai và sẽ truyền lại cho nhau". Sau đó tất cả những sự việc nầy đều được ghi đúng lại trên lá bối74. Những lời dạy ấy là kinh, luật và luận và đã dịch ra thành giáo nghĩa rồi mang đến tận Trung Hoa và từ đó còn tồn tại đến bây giờ. Đây chính là giáo lý vĩ đại và Thánh thiện, đã giúp cho tất cả mọi tông phái. Đức A Di Đà Như Lai xuất hiện dưới tên tuổi của Ngài Thiện Đạo và dạy rằng: "Đức Bạc Già Phạm đã xuất hiện trong nhiều giai đoạn xấu ác, truyền đạt đi giáo lý, rồi biến hóa với hằng tá phương tiện không thể hiểu hết. Ngài đã dạy cho lối vào hàng ngũ xuất gia hoặc chỉ vẽ cho họ những gì họ ít hiểu với 3 loại ánh sáng của thần thông. Ngài dạy dùng hạnh phúc và trí tuệ để từ bỏ sự chướng ngại; hoặc giả trong thâm

74 Lá nầy nằm trên cây cao khoảng 20 mét, có chiều dài 3m; được viết chữ lên đó, rồi những chữ được dùng đinh khắc lên và lấy nước cây bôi vào đó cho đen.

sâu của thiền định phải tư duy. Ngài đã dạy cho tất cả những cánh cửa khác nhau dẫn vào chân lý; nhưng không có một loại nào trong ấy vượt khỏi sự cầu nguyện nơi Đức Phật, điều ấy dẫn ngay chúng ta đến với thế giới Tinh Độ ở Phương Tây. Nếu chúng ta tưởng nhớ việc nầy giữa một đến 10 niệm đầy đủ (nhứt tâm) thì chắc rằng sau 3 hay 5 lần niệm, Phật sẽ đến để thăm hỏi chúng ta. Đức A Di Đà duỗi cánh tay thệ nguyện là một sức mạnh thực sự để giúp cho chúng ta trực tiếp sanh về, dầu cho đầy tội lỗi qua sự cầu nguyện75. Đây là mục đích chính yếu của Đức Thích Ca mâu Ni thị hiện ở thế giới nầy vậy. "Ở giữa tất cả những tội lỗi quả thật rất khó khăn để tự răn và dạy cho con người về niềm tin. Với lòng từ bi rộng lớn của Đức A Di Đà đã được nhắc qua, Ngài tiếp tục hướng dẫn con người, việc nầy là sự tạ ân chân thật với lòng từ của Đức Phật76. Sự tạ ân với lòng từ của Đức Thích Ca Mâu Ni là cho ai? Vâng! Việc nầy là chính cho chúng ta! Nếu chúng ta lần nầy cũng bỏ quên không lợi dụng cơ hội nầy thì chúng ta có thể chờ đợi cho đến bao giờ nữa để từ giã thế giới nầy? Bây giờ lập tức chỉ có cách gợi lên niềm tin trong chúng ta để vượt qua vòng luân hồi sanh tử. Phần đến là trọng tâm cho việc vãng sanh và hồi hướng tất cả những công đức cho mục đích nầy. Điều nầy đối với con người dễ dàng đạt được. Ai khi nghe về niềm an lạc nơi Tịnh Độ, mà lại không mong mỏi sanh về đó? Tổng thể nơi ấy có tất cả chín cấp bậc của việc vãng sanh và mỗi một cấp như thế

75
Trích ra từ pháp sự tán. Tiếng Nhật Hojisan của Thiện Đạo.
76
Trích ra từ "Vãng sanh lễ tán" của Thiện Đạo.

tương ưng với sự đạt thành cho chúng ta. Ngài Thiện Đạo dạy rằng: "Đức A Di Đà ở Cực Lạc là thân quyến của Đức Phật trong việc chuyển hóa đất nước nầy77. Người thường, tội lỗi và sự khổ đau của họ còn chưa thể từ bỏ được thì làm sao có thể đạt được mau chóng việc vãng sanh tốt đẹp. Tuy nhiên qua lời nguyện bất khả tư nghì của Đức A Di Đà ngay cả những người thường với đầy tội lỗi nghiệp chướng được sanh ra và chết đi,

sẽ được sanh về Tịnh Độ. Nếu họ nghĩ đến Ngài từ 1 cho đến 10 niệm 78. Tuy nhiên Ngài dạy rằng những người phạm tội như vậy nơi thế giới nầy thì cũng có thể sanh về cấp bậc cuối cùng (hạ phẩm hạ sanh). Nhưng có nghĩa là những người nầy sợ nghiệp quả của họ nên họ không dám đòi hỏi sanh về bậc cao hơn và không dám nghĩ đến. Nhưng nếu có điều gì lệ thuộc vào ác nghiệp, thì vậy ai có thể vãng sanh về Cực Lạc được? Ngược lại nếu chúng ta căn cứ vào lực thệ nguyện để sanh về đó, thì tại sao điều ấy lại chẳng có thể để mong cầu rằng chúng ta cũng có thể tiếp tục sanh về ở cấp bực cao hơn?79 Họ tất cả đều được tồn tại nơi cảnh giới Tịnh Độ của Phật A Di Đà, để làm tròn đầy sự thệ nguyện và ước mong ấy. Cho nên ở nơi đó là quốc độ mà chúng sanh nghĩ đến và tin

77 Nghĩa là hình tướng của Đức A Di Đà dẫu sao cũng giống như cảnh giới ấy là kết quả của nghiệp lực và những hành động kia. Hình tướng ấy là hình tướng đến để trợ giúp cho con người. 78 Trích ra từ quyển "Bình luận về Thiền Định" gồm 4 quyển. 79 Khác với giáo lý cũ về Phật Giáo Di Đà, Pháp Nhiên đã bình luận rằng: đó chẳng phải là công đức riêng của những tín đồ để được mang về sự tái sanh với mục đích và rồi được mang đến sự tái sanh Tịnh Độ. Qua bổn nguyện, những tín đồ còn nhiều phần hướng đến công đức vô tận của đức A Di Đà và chỉ qua đó được thành tựu nơi quốc độ kia. Bởi vì đức A Di Đà là vị có công đức vô lượng, cho nên Ngài đã ban tặng cho họ, như vậy họ lập tức có thể sanh về thượng phẩm thượng sanh.

78 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

tưởng đức A Di Đà, chân thật sẽ được sanh về đó. Nếu có ai nghĩ về ta cho đến mười lần, mà chẳng được sanh về thì ta sẽ chẳng ở ngôi chánh giác. Đức A Di Đà đã nguyện như vậy. Cuối cùng ở cảnh giới kia là nơi thể hiện trọn vẹn cho lời thệ nguyện nầy. Nếu bây giờ chúng ta tiếp tục nói đến kết quả của chín cấp bậc ấy, như được diễn tả trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, thì cấp cuối cùng (hạ phẩm hạ sanh) ở dưới dành cho những người phạm tội ngũ nghịch hoặc phạm một trong mười điều bất thiện. Khi họ mạng chung có ước muốn hướng về sự khuyên bảo tốt đẹp của vị Thầy sáng suốt, cho đến mười niệm hoặc cũng có thể chỉ một niệm đến danh hiệu của đức A Di Đà, thì sẽ được sanh về Tịnh Độ. Nếu nghiệp của chúng ta nặng nề và chẳng phải thuộc ngũ trọng tội. Chúng ta thực tập đầy đủ công đức cầu nguyện với lòng từ bi ít ỏi, nhưng cũng có thể vượt qua được cho đến một lần hay mười lần của việc trì tụng danh hiệu. Trước khi chúng ta từ giã cuộc đời nầy mà nghe được lời thệ nguyện của đức Phật A Di Đà với một lòng tin mạnh mẽ thì chúng ta vì thế chẳng cần sanh vào tầng cấp thấp kia80. Tầng ở giữa (trung phẩm) tương đương với những đệ tử giữ gìn giới luật của Tiểu Thừa81, mà họ cung kính con đường của

80 Đoạn nầy cho biết rằng: với Pháp Nhiên mặc dầu nhấn mạnh về lòng từ bi vô lượng của đức A Di Đà còn giữ một vai trò quan trọng cho công đức riêng biệt của những tín đồ. Sau đó thì Thân Loan đã hoàn chỉnh tư tưởng nầy qua sự nhấn mạnh về "Tha Lực" của đức Phật A Di Đà. (hãy xem cuối phần thứ tư của Giáo, Hạnh, Tín, Chứng) 81 Được hiểu là giáo lý của Tiểu Thừa (Nhật ngữ: Shojo) việc độc quyền sự đạt thành vì giác ngộ của chính mình qua việc luôn luôn tự thành tựu vĩ đại. Quan niệm về "thừa" ở đây cho

thấy rằng giáo lý của đức Phật mang lại cho con người từ thế giới khổ đau nầy.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 79

tổ tiên, lòng từ, bình đẳng, sự khiêm tốn, suy nghĩ đứng đắn của niềm tin. Với họ gần như là chẳng thể sanh về Thế Giới Tịnh Độ. Tuy nhiên chúng ta không thuộc về Tiểu Thừa và chẳng có giới luật (lời người dịch: chỉ riêng các vị Tu sĩ Nhật Bản, ngoại trừ giới Bồ Tát) chúng ta có bổn phận giữ đúng những giới luật kia và chúng ta không nằm trong nhóm nầy. Phần Thượng Phẩm thường để chỉ cho những người đệ tử thuộc Đại Thừa82 sống hợp với Bồ Đề Tâm. Hầu như các tông phái khác, tất cả đều muốn có một nhận thức sâu xa về tư cách nầy; tuy nhiên trong Tông môn của Tịnh Độ thì qua dấu hiệu của việc đạt được sự vãng sanh về Tịnh Độ như là Tâm Bồ Đề. Việc niệm Phật cũng là một hạnh, hạnh nầy tương đương với Đại Thừa. Không có một phước đức nào lớn hơn. Vì vậy chúng ta nên hướng về bậc thượng phẩm. Tiếp theo Đức Di Đà tự thệ nguyện theo bổn nguyện rằng: "Ai nhớ nghĩ cho đến mười niệm thì sẽ được sanh về Tịnh Độ" và sự xuất hiện của lời thệ nguyện ấy là ở cuối cuộc đời.83 "Ta và Thánh chúng sẽ xuất hiện trước người kia." Ở Trung Phẩm thì chư Phật sẽ hóa hiện ra hoặc là sẽ sanh vào trong một ao sen vàng theo lời dạy; nhưng đức A Di Đà cũng đã thệ rằng: Thánh chúng sẽ hiện ra, ai là người muốn khác hơn điều đó? Ngoài ra Ngài Thiện Đạo có nói rằng: "với ba ngàn thế giới thì

82 Tiếng Phạn Mahayana, tiếng Nhật Daijo Đại Thừa, danh từ để chỉ chung cho tất cả các tông phái dựa vào lý tưởng Bồ Tát như là điểm Thánh Thiện cao tột mà điều ấy những tín đồ sẽ đạt đến được, chẳng phải chỉ là cá tính, mà còn là sự giải thoát cho vũ trụ. 83 Lời nguyện thứ 19.

80 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

hạnh nầy ở thượng phẩm 84". Bất cứ từ nơi nào người cũng sanh về thượng phẩm. Phần còn lại cũng sẽ nói về ba tâm chín phẩm, như câu hỏi được đặt ra là liệu rằng chúng ta có thể được sanh về thượng phẩm qua tâm tin tưởng của chúng ta không ? Chúng ta sẽ chẳng đạt được bởi chính chúng ta để bước lên thượng phẩm. Tuy nhiên nếu một lần chúng ta được sanh về quốc độ ấy rồi thì có thể trong nhiều đời khác sẽ giúp đỡ đưa đến; những việc nầy thật ra cũng hoàn toàn do nơi ý nghĩ của đức Phật. Phần thứ ba nói về kinh A Di Đà. Ở đó đầu tiên giải thích về ảnh hưởng của hai kết quả của nghiệp. Nghĩa là một bên sự ảnh hưởng của Ngài A Di Đà, bậc đã hoàn toàn chân thật và bên kia là thành quả của Tịnh Độ. Qua đó những chúng sanh sẽ được mạnh hơn với lòng vui tin nơi lời thệ nguyện của đức A Di Đà. Kế tiếp việc thực tập được giải thích hướng đến sự vãng sanh là : "Từ những việc làm nhỏ tốt đẹp chẳng lần nào thành tựu sự vãng sanh, trưởng thành trong cảnh giới ấy, nhưng ngược lại ai chấp nhận và chí thành niệm danh hiệu của đức A Di Đà thì hoặc trong một hay bảy ngày có thể được sanh về đó". Từ sự lo ngại rằng những chúng sanh chẳng tin được điều nầy; nên vô số chư Phật trú ngụ trong tất cả" sáu hướng và làm chứng cho toàn thể vũ trụ với những cái lưỡi nhiệm mầu của sự chân thật nầy". "Riêng qua sự chân thật nầy mà người ta

84 Trích đoạn từ “Quán niệm pháp môn” (Nhật ngữ: Kannenhomon) trong nầy được nói rằng ở Thượng Phẩm chẳng phân biệt sự sai biệt nhau giữa hạnh lành riêng lẽ cả.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 81

chẳng thể sanh được về Cực Lạc nghĩa là những cái lưỡi của chư Phật trong tất cả các phương sẽ thè ra khỏi miệng nầy một lần và chẳng hề cho trở lại nơi kia và tự làm cho khô đi cũng như sẽ đi đến chỗ suy vong”. Không tin tưởng sự thật nầy cũng có nghĩa là nghi ngờ vào nơi bổn nguyện của đức A Di Đà, mà cũng còn nghi ngờ tất cả những lời dạy cung kính của đức Thích Ca. Điều nầy cũng có nghĩa là qua lời nói của vô lượng chư Phật trong các phương trời, ta thiếu sự tin tưởng. Nếu như vậy thì giống như làm hư hoại những cái lưỡi nhiệm mầu ấy, và những lưỡi ấy đã truyền đi khắp vũ trụ, sự chân thật kia và làm cho nó bị khô đi. Ngược lại nếu lòng tin về sự chân thật chẳng phải tin nơi lời bổn nguyện của đức Di Đà, mà một lòng với sự tin tưởng nơi lời dạy của đức Thích Ca Mâu Ni, thì việc nầy sẽ giống với những lời dạy của chư Phật trong tất cả mọi phương trời. Nếu ai đó tin tưởng tất cả nơi Phật thì cũng tin nơi tất cả các vị Bồ Tát. Sự tin tưởng nầy tương ưng với tâm thức thâm tín rộng lớn kia. (Dịch xong phần trên vào ngày Tự Tứ của chúng Tăng tại Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, nhằm ngày rằm tháng 7 năm Tân Mão – PL 2555. Đúng vào ngày 14.08.2011) Nam mô A Di Đà Phật.

82 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Pháp Nhiên

3.2 THÂN LOAN

3.2.1 Chánh Tín niệm Phật kệ (Shoshin Nembutsu ge)1

Từ đó tôi trở lại với những lời chân thật của bậc Đại Đạo

Sư , xem xét lại những lời bình chú của các vị Tổ Sư3 và tạo

2

thành đức tin hiểu biết để cho chiều sâu rộng qua lòng từ bi của đức Phật bằng những vần thơ kệ cho niềm tin chân thật của sự niệm Phật: “Con xin nương về đấng Thiện Thệ Bậc có đời sống vô lượng Sự sùng bái và ca ngợi Bậc ánh sáng vô tận! Khi còn là Bồ Tát Pháp Tạng Trong thời gian phát nguyện4 Ngồi dưới chân đức Phật Thế Tự Tại Vương. Là cái nhân Tịnh Độ của tất cả chư Phật”. Tốt và xấu ở quốc độ kia, con người và Thánh Nhơn nhìn nhận, Ngài đặt ở chỗ cao hay không hợp với lời nguyện và lời

1 Bài nầy gốc là một phần tác phẩm chánh của Giáo, Hạnh, Tín, Chứng của Thân Loan. Nó nằm ở cuối phần thứ 2. Phần nầy kể từ hằng trăm năm nay Tịnh Độ Chân Tông đã đọc tụng như là những kinh điển chính thức và nhiều chùa đã đọc tụng hằng ngày. Kinh căn bản của bản dịch nầy do Nihon Shiso Taike xuất bản, quyển thứ 11, bản nầy còn truyền lại từ mẫu chữ viết tay của Thân Loan. 2 Tức là đức Thích Ca Mâu Ni. 3 Bảy vị Tổ Tịnh Độ Chân Tông được kể là: Ngài Long Thọ, Ngài Thế Thân, Ngài Đàm Loan, Ngài Đạo Xước, Ngài Thiện Đạo, Ngài Nguyên Tín và Ngài Nguyên Không (Pháp Nhiên). 4 Tiếng Nhật Inotoki tức là thời kỳ còn đắn đo suy nghĩ là thế nào mà Ngài có thể cứu độ chúng sanh để đưa đến sự giác ngộ và cuối cùng – sau năm a tăng kỳ kiếp như trong Kinh Đại Bổn Di Đà nói - với 48 lời nguyện của Ngài chính là phương tiện tốt nhất để mang đến mục đích nầy.

nguyện ấy đều mang tất cả về, để tất cả còn được bước lên chỗ rộng rãi to lớn hơn.5 Trong năm A tăng kỳ kiếp Ngài đã chiếu sáng và cuối cùng phấn khởi, với lời nguyện tiếp tục, tên Ngài. Sẽ được nghe ở khắp mười phương, ánh sáng không giới hạn, chiếu sáng tiếp tục chẳng tận cùng, không biên giới, không chướng ngại chiếu sáng như ngọn đèn chính, ánh sáng của thanh tịnh, vui vẻ và trí tuệ không thể đo lường, khó nắm bắt, chẳng thể gọi tên được ánh sáng - vượt khỏi ánh sáng của mặt trời và mặt trăng, chiếu sáng khắp cõi nước nhiều như những hạt bụi. Tất cả những gì là sự sống đều nhận được từ ánh sáng nầy. Tên của bổn nguyện là chân thật, quyết định việc làm. Lời thệ nguyện của niềm vui và thâm tín là sự căn bản để sanh về6. Sự bình đẳng với việc giác ngộ 7 cùng chứng Niết Bàn là nằm trong lời thệ nguyện chắc chắn của việc phá ngã8. Rằng Đức Bạc Già Phạm9 đã xuất hiện ở thế gian nầy, chỉ xảy ra, để báo tin cho biển thệ của đức A Di Đà.

5 Việc phát tâm Bồ Tát thuộc về sự phát nguyện, đầu tiên là nhằm giúp cho tất cả chúng sanh được giác ngộ, trước khi chính mình thành Phật và vào cảnh giới Niết Bàn. Từ đó những lời phát thệ của các vị Bồ Tát chỉ chung cho “sự rộng lớn và quãng đại”. 6 Hai câu thơ nầy liên hệ lời nguyện thứ 18 của đức A Di Đà trong 48 lời nguyện, trong Kinh Đại Bổn A Di Đà. Trong ấy theo tư tưởng của Thân Loan được dùng đến cho niềm tin đọc tụng về danh hiệu A Di Đà là cái nhân để được vãng sanh về Tịnh Độ. 7 Tiếng Nhật Togaku (Đẳng Giác) là địa vị thứ 51 trong 52 đẳng cấp của Bồ Tát: vị Bồ Tát đã thực hành đầy đủ tất cả và đang đứng trước sự giác ngộ hoàn toàn, với điều nầy Ngài sẽ ngang hàng với 1 vị Phật. 8 Điều nầy liên hệ với lời nguyện thứ 11, điều được hứa là những ai được sanh về trong tất cả cảnh Tịnh Độ và chắc chắn vào cảnh giới Niết Bàn. 9 Tức là Đức Thích Ca Mâu Ni.

Vô lượng chúng sanh ở trong cảnh xấu ác, ngũ trược10 và thời kỳ xấu ác. Nên tin tưởng những lời nầy, những lời nầy nối kết với sự thành tựu và là một với sự chân thật11. Ai nói ra một sự suy nghĩ12, cho tâm thức vui vẻ tin yêu, kẻ ấy sẽ đạt Niết Bàn, chẳng có ai giải thoát bản năng con người trần tục, Thánh thiện và sự mỉa mai; hãy cùng đi đến sự bình đẳng. Như tất cả nước khi chảy vào biển cả, hòa thành một và chung một vị. Ánh sáng của tâm tư 13 luôn luôn giúp được chiếu tỏa. Nó xua đuổi bóng tối đã ngự trị dài lâu. Và còn nữa: Bóng mây mù của tham lam, tình yêu, giận dữ và ghét gỏng. Che đậy bầu trời chân thật của niềm tin. Tuy vậy, ngay cả khi ánh sáng của mặt trời bị che phủ bởi sương mù. Những đám mây còn ngự trị, không còn bóng đen che phủ. Ai thắng được niềm tin, thì sẽ được kính trọng và đong đầy sự

10 Tiếng Phạn Panca-kasaya, tiếng Nhật Gojoku, tức là sự phá hủy, việc nầy là tình trạng của toàn thể thế giới và với khoảng cách của thời gian thì một Đức Phật sẽ xuất hiện. Chú ý là tình trạng hủy hoại của thế giới bên ngoài (tai nạn thiên nhiên, nạn đói v.v...) sự phá hủy ấy là tình trạng của sự nhận thức, đạo đức, hiện tượng vật lý, tinh thần của con người và trong cuộc đời hiện hữu có liên hệ với cảm giác cuộc sống. 11

Tiếng Nhật Nyorai Nyojitsu, Ngorai = tathagata; nghĩa là Đức Như Lai "vị đó Như là". Đây là một trong mười bảo hiệu của Đức Phật. 12 Tiếng Nhật: ichinen. Nen (niệm) là một dấu hiệu suy nghĩ ngay bây giờ kết nối với tâm, cho nên cũng có nghĩa là sự nối kết với một, thường là giới thiệu một khoảnh khắc. 13 Ánh sáng của Đức Phật A Di Đà.

hỷ lạc sẽ tách rời khỏi khổ đau và ở bên cạnh14 ngũ thú15. Tất cả những con người thế tục, dẫu cho tốt hoặc xấu, khi nghe lời thệ nguyện của Đức A Di Đà và tin tưởng vào lời thệ nguyện ấy. Và cho họ danh hiệu "bạch liên"16. Niệm Phật – Bổn nguyện của Đức A Di Đà đối với những kẻ vô minh, ngã mạng và xấu ác là điều khó khăn để chắc chắn vui tin nhận. Trong tất cả những điều khó, không có gì khó hơn điều nầy. Những triết gia Ấn Độ và những vị Tổ ở Trung Hoa cùng Nhật Bản đã làm sáng tỏ những gì mà Thánh Nhân17 xuất hiện trong thế giới nầy như các Ngài muốn. Giải thích rằng: lời bổn nguyện của Đức Bạc Già Phạm18 tương ưng với vị trí của chúng ta. Trên núi Lanka19 Đức Thích Ca Mâu Ni đã dạy và lợi lạc cho chúng sanh và đã tiên đoán.

14 Ở đây được hiểu rằng: sự giải thoát chẳng phải thẳng tiến và dần dần từ một cuộc đời riêng lẽ, rồi từ đó thành tựu những nghiệp lành, nhưng đặc biệt với sự giúp đỡ của một lực bên ngoài đến. 15 Tiếng Nhật: goakushu (ngũ ác thú). Thói quen dùng để nói về 3 đường ác (tiếng Phạn: durgati) như sống trong địa ngục, thú dữ và quỷ đói; tuy vậy Thân Loan còn tính cho cả kiếp người hoặc những chúng sanh ở cõi Trời vào đó nữa, để đối ngược lại với chúng sanh nơi cõi Tịnh Độ. 16 Tiếng Phạn: Pundarika: Hoa sen. Biểu hiệu nầy xuất xứ từ kinh Quán Vô Lượng Thọ. 17 Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. 18 Đức Phật A Di Đà. 19 Một hòn núi thuộc miền Đông Nam xứ Ấn Độ. Nhiều khi dùng để chỉ cho Adamspeak của Tích Lan là núi Lanka. Trong trường hợp nầy là sự hiện hữu của Đức Thích Ca Mâu Ni tại đó sớm hơn; có tính cách hoang đường hơn là lịch sử.

Ở miền Nam Ấn Độ sẽ có một Long Thọ, bậc Đạo Sư giới thiệu về Có và Không đều trống rỗng, Đại Thừa giáo, tuyên thuyết giáo lý cao siêu Để niềm an lạc tối thượng được thấy và sự an bình hạnh phúc được sanh ra. Ngài20 nói rằng: sự khổ đau như sự dạo đi trên đất là sự khó thực tập, hãy tin tưởng sự thực tập dễ dàng vui vẻ hơn, dễ chịu như đi vào trong nước21. Ai đã nội tâm hóa bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà lập tức chính mình sẽ đứng nơi chắc chắn nhất định22, kẻ ấy niệm danh hiệu Đức Bạc Già Phạm thật tha thiết, để niệm ơn những lỗi lầm với tâm từ bi rộng rãi bao la. Đền ơn từ lời nguyện đã phát ra23. Bồ Tát Thế Thân đã chỉ cho cuộc "tranh luận" kia rằng: Hãy quy y với Đức Thiện Thệ Vô Tận Đăng! Tương ưng với kinh, Ngài làm rõ sự chân thật và giải thích lời Đại Nguyện để dẫn dắt vượt ra khỏi bên kia24. 20 Ngài Long Thọ. 21 Danh từ chuyên môn là "nan hạnh" (khó làm); ở đây dùng để chỉ cho tất cả những sự thực tập tín ngưỡng Di Đà và những kẻ ấy chính mình giải thoát đến mục đích; trong khi "dị hạnh" (dễ làm) nghĩa là dùng để chỉ cho niềm tin khi cầu nguyện Đức Di Đà qua lối trì danh tin tưởng qua lực giải thoát kia. 22 Tiếng Nhật: hitsujô (tất yếu). Vòng (quay) của chúng sanh, chắc chắn sẽ được giác ngộ trong tương lai và không thể còn bị rơi vào những

hình thức tồn tại thấp hơn nữa. 23 Theo Thân Loan sự giải thoát nối kết với lòng từ bi của Đức A Di Đà sẽ thành tựu với chỉ một lần niệm danh hiệu. Việc niệm Nam Mô A Di Đà Phật cũng theo giáo lý của Thân Loan chẳng cần phải có nghiệp lành, mà chỉ riêng lẽ việc tạ ơn cho việc cứu giúp qua Đức A Di Đà. 24 Tiếng Nhật: Ôchô. Tức là con đường giải thoát qua sự nắm bắt tha lực của Đức A Di Đà, với phần đầu của khái niệm nầy diễn tả hình dáng, mà con người chẳng thể tự ra khỏi, tuy nhiên căn bản là sự trợ lực từ bên ngoài để đạt được sự giác ngộ. Chữ “Heraussspringen” (vượt qua) nghĩa trong trường hợp

88 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Nhằm nương theo năng lực của Bổn nguyện. Vô lượng chúng sanh được cứu vớt, Ngài giải thích về một tấm lòng, và nói rằng: Ai quy y và đi vào trong biển công đức, sẽ nhận được sự thành tựu lối vào bậc Thánh Thiện, và ai một lần đã đạt đến thế giới Liên Hoa châu báu25, người ấy sẽ có phần kinh nghiệm của pháp thân. Ở giữa sự tối tăm của bản năng và sự đau khổ Bây giờ họ phát triển lực của thiên thần. Hắn đi vào ngôi vườn của sanh tử và nơi ấy có nhiều bóng dáng và hình thức26 chở che. Ngài Đàm Loan là Thầy của Vua Lương, kẻ ấy trong hiện tại thường làm một hành động kính cẩn như nhận lấy một vị Bồ Tát. Khi Ngài Bồ Đề Lưu Chi 27 du hành vào Tam Tạng 28 và hướng dẫn giáo lý Tịnh Độ Ngài đã đưa những quyển sách Đạo Lão vào lửa. Rồi quy y với Tịnh Độ Di Đà.

nầy là đột nhiên vượt qua mọi chướng ngại so với sự đối ngược lại cho sự tiếp tục thành tựu, như việc tu khổ hạnh. 25 Trong khi danh từ nầy dùng để chỉ cho những truyền thống Phật Giáo khác về thế giới chân thật, thì trong Phật Giáo A Di Đà đây là cách gọi khác cho cõi Tịnh Độ của Đức Phật nầy. 26 Điều nầy cho thấy rõ ràng rằng cõi Tịnh Độ của Đức A Di Đà chẳng phải là dừng lại vĩnh viễn, mà chỉ để cho việc chuẩn bị thực hiện sự giác ngộ, vậy thì việc nầy tương ứng với lý tưởng của Bồ Tát tiếp tục trở lại thế giới nầy để giúp đỡ cho những chúng sanh khác. 27 Vị học giả người miền Bắc xứ Ấn Độ, khoảng đầu thế kỷ thứ 6 đã đến Trung Hoa. Người ta cho rằng Ngài đã giải thích cho Ngài (Đàm Loan) kinh Quán Vô Lượng Thọ. 28 Tiếng Nhật: sanzô (tam tạng); danh từ chung chỉ cho những sách có giá trị. Ba tạng nầy gồm có kinh, luật và luận.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 89

Ngài bình luận tác phẩm của Bồ Tát Thế Thân và làm sáng tỏ lời thệ nguyện của Đức A Di Đà như là nguyên nhân được sanh về cảnh giới kia. Ngài cho biết rằng: “Sự ra đi hay sự trở lại cả hai đều lệ thuộc vào tha lực, và có niềm tin là nguyên nhân cho sự chân chánh nhất định. Khi những kẻ tội lỗi sai quấy và xấu xa khởi lên tâm tin tưởng, như vậy hắn ta qua khỏi vòng sinh tử thẳng đến Niết Bàn, và cuối cùng sẽ đạt được cảnh giới Vô Lượng Quang, rồi họ sẽ chính mình tiếp tục giúp đỡ cho mọi loài”. Đạo Xước chắc thật vào sự khó khăn, con đường Thánh Thiện29 là mục tiêu thành đạt, và nhấn mạnh rằng: con người chỉ phải đi vào cõi Tịnh Độ. Ngài xem trong 10.000 việc tốt, không cần thiết những việc làm và thực hành tự lực mà khuyên chuyên niệm danh hiệu, là công đức trọn vẹn. Trong đầy hảo ý, Ngài đã dạy cho chúng ta về ba việc chính

của niềm tin và bất tín30. Và ngay cả trong thời mạt pháp và tan rã của giáo pháp với hạnh nguyện từ bi, đối với chúng sanh không thay đổi. Ngài bảo rằng: “Chính khi một người trong đời sống lâu dài có những việc làm xấu xa.

29 Nghĩa là con đường chính tự mình giải thoát. 30 Tiếng Nhật: sanbusanshin. Đây là 3 niềm tin riêng biệt về sự trong sạch; sự thống nhất bên trong và bất biến. Ba loại bất tín chứa đựng ngược lại với những điều trên.

90 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Và bây giờ lại gặp lời nguyện rộng lớn, như thế hắn ta sẽ đạt đến thế giới an toàn và như vậy sẽ nhận được kết quả bất khả tư nghì”31. Riêng Thiện Đạo đã làm rõ giáo nghĩa chân thật của Đức Phật. Từ nỗi thương xót tất cả việc tốt, xấu của chúng sanh32. Ngài giải thích về việc tác dụng của nguyên nhân qua danh hiệu của Đức Vô Lượng Quang và nói: “Ai được vào lời nguyện nầy ở trong biển trí tuệ rộng lớn như những kẻ thực tập sẽ đạt được kim cương tâm, và sau đó sẽ đạt đến sự đồng tâm. Với một sự suy nghĩ đầy hỷ lạc và hạnh phúc, họ giống như Vi Đề Hy33 đạt được ba đức tin đích thực34 và trực diện với niềm hỷ lạc vĩnh cửu, kinh nghiệm với chân tánh tự nhiên. Nguyên Tín lặp lại chiều rộng của sự hiểu biết về việc nầy, những gì Đức Thích Ca Mâu Ni suốt cả cuộc đời đã dạy, và đã khuyên tất cả mọi người, quy hướng về Lạc Bang cõi an lành và an toàn. Ngài nhận rằng sự độc quyền và thực tập hỗn hợp35 tương ưng với một niệm sâu và cạn và làm sáng tỏ sự khác nhau giữa quốc độ của sự ngợi khen và ở cõi báo độ36 ấy được giúp đỡ.

31 Tiếng Nhật: zômatsuhômetsu. Điều nầy chia ra làm 3 thời kỳ qua sự tuần hoàn trong Phật Giáo từ dấu hiệu thời mạt pháp sau cùng. Thời kỳ mà trong ấy không có sự giác ngộ nữa, thời kỳ mà trong ấy chẳng có người nào, thực tế áp dụng niềm tin và thời cuối cùng là thời mà giáo lý bị biến mất. 32 Tiếng Nhật: jôsan to gyakuaku “Con người niệm Phật là việc tốt (jôzen) hoặc làm tản mát nhiều việc lành (sanzen), nhưng cũng là con người mà bị phạm vào 5 tội (gojyaku) hoặc là 10 tội (juaku)”. 33 Vaidehi; tiếng Nhật: Idai, Idaike (Vi Đề Hy) là một bộ mặt chính trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Bà là mẹ của vua A Xà Thế, nghe lời thúc giục của Đề Bà Đạt Đa đã giam cha mình vào ngục thất. Qua lời yêu cầu của Bà, Đức Phật đã giải thích trong kinh nầy về nhiều cách khác nhau của sự quán tưởng về thế giới Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà. 34 Tiếng Nhật: sanin – an lạc, giác ngộ và chánh tín.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 91

Ngài nói rằng: “Ngay cả những tội nặng chỉ cần niệm danh hiệu Phật và nghĩ rằng: Con mong muốn rằng: Tuy con cảm động với lòng từ, chẳng thấy được Đức A Di Đà, bởi vì bản năng và sự đau khổ che đôi mắt của con nhưng với tình thương rộng lớn của Ngài, đã che chở con luôn luôn và chẳng bỏ rơi”. Ngài Đạo Sư Nguyên Không (Pháp Nhiên) có sự hiểu biết rõ ràng về giáo lý Đức Phật. Ngài thương xót đến con người trần tục, cả tốt lẫn xấu. Ngài đã làm những tài liệu căn bản về giáo lý chân thật để làm rõ cho quê hương hiu quạnh của chúng ta và truyền bá lời Bổn nguyện chọn lựa trong thế giới khổ đau nầy. Ngài nói: “Sự trở lại của chúng ta chắc ở trong vòng sanh tử đó, bởi vì tâm

nghi của chúng ta. Đường vào trực tiếp trong ngôi nhà nơi yên ổn và chẳng làm gì cả37. Chắc chắn chúng ta sẽ đến, qua tín tâm". Những vị Đại Sư đã giải thích cho chúng ta về 3 kinh vĩ đại, tìm cách cứu chúng ta ra khỏi tội lỗi vô tận thế giới bị hoen ố. Dầu cho Tăng Sĩ hay Tín Đồ, chúng ta tất cả nên một lòng tin tưởng giáo lý đơn giản của vị Đạo Sư". Chấm dứt đầy đủ với 60 câu kép cùng 120 hàng.

35 Sự chuyên niệm danh hiệu Phật hay là những việc thực tập những lễ nghi khác, họ chẳng phải chỉ riêng tập trung vào Đức A Di Đà. 36 Cõi báo độ (hôdo) là nơi mà pháp thân của Đức A Di Đà trú ngụ, Ngài là kết quả của sự chứng đắc toàn vẹn. Nơi ấy những tín đồ cũng được sanh về, mà hòan tòan tin vào lực của Ngài. Ngược lại theo giáo lý nầy, qua sự cố gắng tin tưởng chính tự thân và công đức riêng mình được sanh về Tịnh Độ và được sanh về Hóa độ (kedo); nơi ấy cũng được ánh sáng Đức Di Đà xuất hiện; nhưng chỉ ngự trị có tính cách lâm thời mà thôi. 37 Tiếng Nhật: jakujômui no miyako: sự mô tả về Niết Bàn.

92 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

3.2.2 Giải thích những câu chính trong "yuishinshô"38(Duy Tín Sao) Viết chữ "yui" cho đầu đề "yuishinshô" có nghĩa là chỉ có điều nầy, nghĩa là chẳng có điều thứ hai kèm theo. Ý nghĩa tiếp theo là "một, một con người". "Shin" dùng để chỉ cho những sự chối từ, tin trống rỗng; nghĩa là tính cách tư tưởng chân thật, thực tế, thoát ra khỏi sự sai quấy. "Sai" ở đây có nghĩa là trống rỗng và chẳng có ý nghĩa và đứng đối lập với câu "chân thật". Chữ "chép lại" nghĩa là tất cả những gì tạm thời và tương đối khác với sự thật. "Duy tín" có nghĩa là niềm tin tuyệt đối, bằng cách bỏ hẳn sự cố gắng của tự lực và mong mỏi sự cứu giúp của tha lực bổn nguyện. Một chữ viết, đặc biệt quan trọng chọn ra cũng như gọp chung lại như chữ "sao" gọi là dấu hiệu. Từ đó có tựa đề là "Duy Tín Sao". Niềm tin tuyệt đối cũng có nghĩa là với tôi, chỉ có niềm tin về tha lực39 mà nguyên nhân cũng là điều căn bản để nắm bắt lời nguyện rộng lớn kia.40

38 Yuishinshô (chỉ có niềm tin tuyệt đối) là một tác phẩm của Tăng sĩ Seikaku (1167 – 1235) bạn thân của Thân Loan và dẫu sao đi nữa cũng thuộc hàng đệ tử của Pháp Nhiên. Thân Loan rất quý trọng về bài viết nầy rất nhiều, vì bài nầy đã được viết và trao tay qua nhiều lần – Tài liệu căn bản để dịch là tài liệu đề xuất của Bukkyô kyôiku hôten (Phật Giáo giáo dục pháp điển). Tài liệu nầy được tồn trữ bản thảo tại chùa Senjuji của Thân Loan vào năm 1257 (Tác giả Sakanoto / Hanajiura / Arata): Phật giáo giáo dục pháp điển quyển 4: Pháp Nhiên, Thân Loan, Nhật Liên, Đông Kinh – Đại học Takagawa xuất bản bộ (1972 trang 205 – 227). Đặc biệt cho nguồn thông tin nầy là từ việc trích ra bản chính và căn cứ vào những ghi chú nơi đó. 39 Tiếng Nhật: Tariki (tha lực). Tức là lực của Đức Phật A Di Đà, ngược lại với tự lực (jiriki) của tín đồ. 40 Đây là tư tưởng ngắn gọn của Thân Loan, luôn luôn được giải thích rõ: Sự cứu độ không thành tựu qua tự lực hay qua kết quả của sự tích chứa của những việc làm tốt; tuy nhiên qua tác dụng của Đức A Di Đà đã nói rõ như Ngài đã

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 93

“Danh hiệu cung kính Đức Thiện Thệ đó chính là khối lượng cao cả phân chia ánh sáng. Nó được rộng tỏa ra khắp 10 phương thế giới. Chỉ cần gọi tên Ngài trong ấy thì tất cả đều được đạt thành sự vãng sanh. Ngài Quan Thế Âm và Đức Đại Thế Chí41 sẽ đến để nghinh tiếp họ”. “Danh hiệu đáng cung kính của Đức Thiện Thệ đó là khối lượng cao cả phân chia ánh sáng”. Với Đức Thiện Thệ ở đây là Đức Phật “ không giới hạn ánh sáng”. “Songô” tức là “danh hiệu cung kính”, là: “Nam Mô A Di Đà Phật”. “Cung kính” là vượt lên sự cao thượng. Như chữ “gô” nghĩa là danh hiệu của một Đức Phật dùng để chỉ cho việc đạt được ở Phật quả, trong khi đó dành cho danh hiệu mà Ngài trước đây đã có, chữ “myô” lại liên hệ với nhau. Danh hiệu cung kính Đức Thiện Thệ như vậy chẳng thể diễn tả được, không giải thích được lại chẳng nghĩ bàn. Đó là danh hiệu tương xứng với lòng thương yêu bao la cũng như lòng từ bi rộng lớn để mang tất cả chúng sanh đến trí tuệ cao nhất và sự thành tựu đầy đủ nhất. Qua lời thệ nguyện của Ngài đã vượt qua tất cả danh hiệu của những Đức Thiện Thệ khác. Ở phần thứ 2 của câu văn cho thấy “khối lượng cao nhất” có nghĩa là: chỗ cao cả, cao thượng. “Phân chia” nghĩa là chia đồng đều cho tất cả chúng sanh và “ánh sáng” ấy chiếu lên để cứu vớt và dạy cho tất cả chúng sanh trong các cõi rõ ràng cùng mở rộng thêm ra.

phát ra 48 lời nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ. Thân Loan mong muốn mỗi phần còn lại của sự chủ động được dẹp bỏ cho sự giải thoát. Đối với con người, chỉ có thể đạt được qua sự tin tưởng về lòng từ bi của Đức Phật A Di Đà. 41 Hai vị Bồ Tát đã được dẫn dụ từ kinh Pháp Hoa và là những vị nhận được sự cung kính to lớn.

94 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

“Nó được rộng tỏa ra khắp 10 phương thế giới”. “Rộng” nghĩa là khắp nơi, không có sự cùng tận. “Phân chia” nghĩa là thế giới ấy có chiều rộng và chiều ngang, ảnh hưởng nơi ấy và rọi chiếu đến khắp tất cả 10 phương và tác dụng ở nơi đó. Những bậc Thánh của Tiểu Thừa và của Đại Thừa, ngay cả những người bình dân tốt và xấu cũng đạt đến chỗ trí tuệ cao vời và hoàn toàn giác ngộ chẳng trải qua sự hiểu biết thực hiện tự lực của họ. Bởi vì với dung mạo của Đức Phật “Vô Lượng Quang” ở đó đã chiếu sáng ánh sáng trí tuệ và họ đi vào trong biển của lời thệ nguyện sáng suốt kia. Đó là hình tướng mà tất cả trí tuệ và tất cả sự hiểu biết toàn vẹn của chư Phật hội tụ vào. Ta nên biết rằng đó là sự chiếu sáng ánh sáng của trí tuệ. “Chỉ cần gọi tên Ngài trong ấy thì sẽ đạt thành sự vãng sanh”. Chữ “chỉ” chứng minh cho thấy rằng dù kẻ có tội lỗi đi nữa khi gọi tên Ngài, đều được sanh về quốc độ kia; từ đó cũng được gọi tiếp là: “Trong ấy gọi tên Ngài, đạt được sự vãng sanh”. “Đức Quan Thế Âm và Đức Đại Thế Chí42, chính quí Ngài nầy sẽ đến nghinh tiếp”. Nam Mô A Di Đà Phật chính là danh hiệu của trí tuệ, ai tin tưởng danh hiệu của Đức Phật, vị có ánh sáng vô tận, nhớ đến và giữ lấy, thì chính Đức Quan Thế Âm và Đức Đại Thế Chí như hình bóng theo họ. Đức Phật Vô Lượng Quang xuất hiện cùng với Đức Quan Thế Âm và hướng

42 Trong phần những chữ in nghiêng chủ ý trích ra từ yuishinshô là do Thân Loan giải thích. Tuy vậy những trích dẫn nầy hầu như chẳng phải là lời của Seikaku. Như vậy chủ ý của những nơi nầy là trích ra từ tác phẩm: “Để tụng niệm đúng cách và niệm Phật Goe”; đây là tác phẩm của Fa Zhao. Việc nầy được tiếp tục phát huy bởi Thiện Đạo

trong “Niệm Phật Goe”, là một lễ nhạc khi niệm Phật thì hát nhiều hơn nói.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 95

dẫn như Đức Đại Thế Chí. Trong một kinh cho biết rằng: Quan Thế Âm là vị Bồ Tát của kho chứa trả lời tiếng kêu cứu và như là ánh sáng rọi chiếu của mặt trời, vị mà làm cho bóng tối dần sáng lại. Đại Thế Chí như là vị Bồ Tát chứa đựng những dấu hiệu của hạnh phúc và xuất hiện như mặt trăng chiếu rọi trong đêm dài của sanh tử và trí tuệ dần chiếu sáng thêm. “Chính các Ngài tự đến và nghinh tiếp họ”. Chữ “chính” nghĩa là Đức A Di Đà trong vô lượng hóa thân và vô lượng Thánh chúng, trong đó có Ngài Quan Thế Âm và Đức Đại Thế Chí trong vô số hình tướng, chính quý Ngài luôn luôn và chẳng bỏ sót người nào, mà còn giúp đỡ dẫn theo, để người ấy được thành tựu với tâm tin tưởng thành thật chân chánh. Tiếp theo ý nghĩa của chữ “chính” cũng có nghĩa là “chính là như vậy” và điều nầy lại có nghĩa “để như vậy”. Điều nầy đã được nói rằng: tất cả mọi tội lỗi của quá khứ, hiện tại và vị lai sẽ biến tướng, mà tín đồ không cần có ý nầy ngay từ lúc ban đầu. Những ai tin tưởng vào lời nguyện của Đức Phật, thì không đòi hỏi điều nầy, mà sẽ tự động đón nhận việc thiện cũng như những công đức. Cho nên gọi là “để như thế” và “chính là như vậy” mà điều nầy xảy ra, không có cố ý ngay từ lúc ban đầu. Điều nầy không phải do ý muốn của người ấy mà con người tin chắc rằng sự chân thật của lời thệ nguyện, để phát lời thề cứu vớt tất cả, không bỏ một người nào, sẽ được dẫn dắt. Qua việc đạt đến niềm tin kim cương thì sự cầu nguyện nơi Đức Di Đà là sự bất biến và kết quả sẽ tự động đến. Đồng thời chính niềm tin về lòng từ bi của Đức Thích Ca Mâu Ni như là người cha và tình thương của Đức Di Đà giống

96 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

như là người mẹ mang đến cho họ sự thích nghi về kết quả kia. Nên nhận ra rằng điều nầy chính là ân đức43 được phát sanh. “Các ngài sẽ đến và nghinh tiếp”. Chữ “đến” nghĩa là các Ngài để cho con người đến Tịnh Độ44. Đây chính là sự biểu lộ của giáo lý qua lời thệ nguyện và được nói rằng: “Nếu có kẻ nào đó mà chẳng được sanh về thì ta sẽ chẳng ở ngôi chánh giác”45. Chúng ta từ giã cõi uế độ sẽ đạt đến quốc độ chân thật tốt đẹp như là một báo độ. Nơi đây sự thật cũng được biểu lộ qua tha lực. Tiếp theo được bảo rằng: “đến” cũng như “về nhà”. Chữ về nhà nầy bao hàm rằng chúng ta cần lặn vào trong biển thệ nguyện, cần kiếp để đến đại Niết Bàn và trở về với bản thể tự tánh chân như. Điều nầy có nghĩa là chính chúng ta sẽ trải qua sự giác ngộ như Đức Bạc Già Phạm và chứng được pháp thân46. Còn những dấu hiệu khác là “kinh nghiệm sự chân thật tuyệt đối và hình tướng chân thật”. “Pháp thân không có sự hoạt động”. “Hoàn toàn chối từ bản ngã” hay kinh nghiệm của niềm an lạc vô biên và pháp chân thật”. Khi đạt được sự giác ngộ rồi, chúng ta cũng có thể phát khởi lòng từ bi vô

43 Tiếng Nhật là riyaku. Quan điểm nầy dùng để chỉ chẳng những cho công đức mà một vị Phật hay vị Tăng sĩ nhận được trong sự tồn tại của họ; hoặc là kết quả ân đức tương đương với công đức nào mà con người được Đức Phật trao cho từ lòng thương. 44 Bản văn được Thân Loan giới thiệu tiếng Trung Quốc, bản nầy chỉ có chữ viết “đến” và “nghinh tiếp” tiếp theo nhau, để cho cách đọc khác về câu nầy cho nên những ý

nghĩa của sách sau, không trái ngược lại với sách cũ. 45 Trích ra từ lời thệ nguyện thứ 18 trong 48 lời nguyện của Đại Bản A Di Đà, tuyển ra từ lời thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà. 46 Tiếng Phạn: dharma – kâya; tiếng Nhật: hôshin (pháp thân) sự diễn tả cho sự thật bất hoại ở trong giáo lý của Đức Phật. Như những hàng chữ dưới đây cho thấy rằng quan niệm nầy chẳng có ý nghĩa, hiểu như là một trạng thái tượng trưng.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 97

lượng bằng cách trở lại trong biển sanh tử và theo gót Ngài Phổ Hiền47. Chữ "đến" cũng có nghĩa là đạt được sự Thánh thiện và những việc ấy cũng còn gọi là: "Trở về lại với bản thể chân như"48. Chữ "nghinh tiếp" có nghĩa là: "Vui vẻ đợi chờ". Quan điểm về tín tâm chân thật và cung kính cũng được gọi là "tâm kim cang"49, bao gồm sự lựa chọn không tính toán về nghe danh hiệu của lời thệ nguyện cùng với sự không nghi ngờ nào cả. Khi chúng ta đạt được niềm tín nhạo nầy thì Đức Phật bất cứ giá nào cũng đón nhận chúng ta và chẳng trả trở về; như vậy chúng ta được đứng vào hàng: "tối thượng thừa"50. Tín tâm ấy vì vậy giống như kim cương; không hủy hoại, không lung lay, không phai mờ. Cho nên người ta nói rằng: niềm tin kim cang. Đó chính là nói về chữ "nghinh tiếp". Kinh Đại Bản dạy rằng: "Hãy mong mỏi sanh về cảnh giới kia! Người sẽ chẳng bao giờ bị đọa nữa và sanh trực tiếp về đó, chỉ một lần thôi và chẳng bao giờ trở lại nữa". Câu đầu tiên đòi hỏi việc muốn sanh về quốc độ của Đức A Di Đà. "Người sanh trực tiếp" nghĩa là chúng ta được sanh về đó, chẳng bao 47 Tiếng Nhật: Fugen bosatsu (Phổ Hiền Bồ Tát). Một vị Bồ Tát đã được nói đến rằng Ngài thông hiểu cả cái đức giống như một vị Phật; ở đây nói về đạo đức của Ngài và Ngài đã trở lại trong thế giới trần tục để giúp đỡ mọi người. 48 Tiếng Nhật: hôsshô: chân như và pháp của mọi vật. 49 Tiếng Nhật: Kongôshin (kim cang tâm). Là một trạng thái của tâm thức, trong ấy không có cảm động và chẳng có sự nghi ngờ nữa bị làm xúc động hay cố chấp về sự chẳng trong sạch. 50 Tiếng Nhật: shôjôju (tối thượng thừa). Nhiều người chắc chắn đạt được sự giác ngộ cao. Theo tư tưởng truyền thống thì sẽ được sanh về Tịnh Độ ở cấp cao nhất cho nhóm nầy. Đối với Thân Loan thì ngược lại, bất cứ ai tin tưởng vào lòng từ của Đức Phật A Di Đà thì chỉ trong một sát na được tái sanh trọn vẹn và chắc chắn đạt được tối thượng thừa. Vì vậy Ngài đã thay đổi quan niệm bên trên tất cả để tin tưởng về sự niệm Phật và lòng từ bi của Đức Phật A Di Đà.

98 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

lâu khi chúng ta có chánh tín. Việc sanh về có nghĩa là sống tại đó và không có việc rơi trở xuống lại. Điều nầy cũng có nghĩa là chúng ta chắc chắn sẽ thuộc về cấp bậc của một chúng sanh. Đúng như vậy là: "trực tiếp đạt được sự vãng sanh". "Trực tiếp" được hiểu như "ngay lập tức". Vũ trụ vô biên của 10 phương thế giới qua việc thực hiện những lời thệ nguyện của Đức A Di Đà, lời thệ ấy như biển lớn, tương đương với trí tuệ sẵn có. Như Bồ Tát Pháp Tạng khi Ngài thệ nguyện lời nguyện thứ 17 trong 48 đại nguyện của Ngài, rằng tất cả chư Phật trong vô lượng cõi khen ngợi cũng như tán thán danh hiệu của Ngài. Điều nầy được nói rõ ràng trong kinh A Di Đà qua việc "chứng cứ và trợ lực của sự cầu nguyện51. Ý nghĩa sâu thẳm của thể thức nầy cũng được chứa đựng trong kinh Đại Bản. Với bổn nguyện của việc niệm danh hiệu52 diễn tả việc

tuyển chọn ngay lời thệ nguyện nầy qua việc đạt được từ tình thương của Đức A Di Đà. Tôi không nói hết được những gì mà tôi muốn nói trong câu nầy; việc nầy mỗi người nên tự suy nghĩ. Điều nầy phát xuất từ sự bình luận của Fa–zhao Thiện Đạo sau, một vị thầy khả kính của việc chuyên tu Thiền Định. Đại Sư Jitaku53 cũng gọi Ngài là Tăng sĩ Hôdô. Sau nầy Ngài được gọi là Tăng A Di Đà của Lu–Shan cũng là Tăng Sĩ Jôgô. Ngài

51
Ở đây được hiểu rằng: Tất cả chư Phật chứng minh cho sự thật của lời nguyện Đức A Di Đà và trợ lực cho niềm tin ấy, cùng thực hành việc niệm
Phật kia.
52
Được hiểu là lời nguyện thứ 18.
53
Sự xuất hiện tước hiệu của Tăng sĩ Thiên Thai Ennin (792 – 862) là một trong những học trò của Tối Trừng; người sáng lập ra Tông Thiên Thai ở Nhật
Bản.

được xem là tái sanh 54 của Ngài Thiện Đạo từ chùa Quang Minh của nhà Đường. Vì vậy gọi Ngài là "Thiện Đạo sau". "Vị Phật kia trong thời gian phát ra lời thệ nguyện rộng lớn ấy rằng: tôi sẽ nghe họ niệm danh hiệu tôi và nghĩ đến tôi, sẽ đón tiếp họ trở về. Tôi sẽ chẳng chọn lựa riêng ai giàu có hay thấp hèn, cũng chẳng phải giàu có hay quí phái, cũng chẳng phải chỉ người vô học mà còn người có học nữa, cũng chẳng phải chỉ đa văn hay giữ giới thanh tịnh, bất luận ai phá giới hay trói buộc sâu trong tội lỗi. Ai là người trở về lại với tâm và siêng năng niệm Phật thì khi ấy giống như ngói, đá và sẽ trở thành vàng"55. "Phật kia trong thời gian phát ra lời thệ nguyện rộng lớn", chính là Đức Phật A Di Đà. "Trong thời gian phát nguyện" nghĩa là trong thời kỳ Ngài còn là Bồ Tát Pháp Tạng. "Ngài đã phát nguyện rộng lớn". Ngài thệ nguyện với lời thề "rộng lớn" nghĩa là quảng đại và tiếp tục lan truyền ra. Vị Pháp Tạng tin sâu và mang đến lời thệ nguyện truyền đi khắp thế giới chẳng có gì cao hơn cả. "Vượt thế giới" nghĩa là những lời nguyện của Đức Phật cao hơn tất cả thế giới. "Vượt lên" cũng có nghĩa là không có gì cao hơn nữa. Lời phát nguyện rộng lớn nầy của Đức Thiện Thệ có giải thích chi tiết trong "yuishinshô". "Những ai nghe niệm danh hiệu tôi và nghĩ đến tôi". Chữ "nghe" cũng là lối diễn tả cho tín tâm. Với chữ "tên" kia được hiểu là để chỉ cho tên của lời nguyện của Đức Thiện Thệ.

54
Một sự tái sanh.
55
Trích ra từ "ngũ hội pháp sự tán" của Fa-Zhao.

"Nghĩ đến tôi" chứa đựng sự mời gọi người có liên hệ với lời nguyện qua danh hiệu trong ý niệm, giống như việc nầy cũng diễn tả cho sự cầu nguyện lòng từ bi của tất cả

Đức Phật cho con người, khi họ niệm danh hiệu của Đức A Di Đà. “Trong ý niệm” nghĩa là con người sẽ được chánh tín, bởi vì kẻ ấy không còn nghi ngờ gì nữa cả, luôn luôn suy tưởng về bổn nguyện và chẳng để quên việc ấy. “Tôi sẽ nghinh tiếp họ tất cả và để cho họ trở về”. “Tất cả” nghĩa là chỉ chung, không có ngoại lệ. “Nghinh tiếp” có nghĩa là “đối diện” hay “chờ đợi” và tượng trưng cho kết quả của tha lực. Chữ “đến” có nghĩa là “để cho trở lại”, nghĩa là mang chúng sanh trở về với Phật tánh tự tại mà còn cho trở lại đó nữa. “Đến” một mặt là “đến đây” để giới thiệu, bởi vì chính Đức A Di Đà đã thánh thiện hóa chúng sanh đến từ pháp tánh giới trong thế giới vô thường kia. Mặt khác cũng có nghĩa là: “trở lại”, bởi vì họ đạt đến sự giác ngộ về tánh chân thật. “Tôi sẽ chẳng đặc biệt chọn lựa người nghèo hay kẻ hạ tiện, ngay cả đặc biệt là người giàu có quí tộc”. “Không chọn lựa đặc biệt” nghĩa là: chẳng những chọn riêng tư ai mà cũng không từ chối ai cả, mà còn hướng dẫn. “Kẻ nghèo và người hạ tiện” chẳng có phương tiện; họ là những người không địa vị trong xã hội. Chữ “khoảng” với mục đích là muốn nhấn mạnh. “Người giàu có hay quí tộc” là những người chủ đầy quyền uy. Quả thật, trong họ sẽ không có ai được chọn riêng tư cả; tất cả họ đều sẽ vãng sanh về cõi Tịnh Độ. “Tôi cũng đặc biệt chọn lựa kẻ vô trí hay người có học. “Kẻ ngu si” nghĩa là sự hiểu biết giới hạn, có chừng mực và nông

nổi. Còn “kẻ có học” dùng để chỉ cho người có tài năng cũng như làm chủ sự hiểu biết rộng lớn. Chẳng có một người nào được chọn riêng tư hoặc chối từ. “Tôi cũng đặc biệt chẳng phải chỉ chọn lựa những bậc Thanh Văn mà còn những người giữ giới thanh tịnh nữa”. “Bậc nghe nhiều” là những người Thánh thiện lắng tai nghe rộng và tin tưởng. Chữ “giữ lại” nghĩa là “kèm lại” cũng có nghĩa là học cái gì đó để được thuần thục và chẳng còn để rơi lại. “Giới thanh tịnh” là tất cả các điều cấm giới và những sự thực hành của Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa, như ngũ giới[56], tám giới[57], thập thiện giới[58] cùng với 250 giới của Tăng, 500 giới (đúng ra là 348 giới theo Đại Thừa) của Ni thuộc Tiểu Thừa cùng với 3000 oai nghi[59], 60.000 tế hạnh[60] cùng 58 giới của Phạm Võng kinh (Bồ Tát giới) [61] , kim cang giới của “nhứt

56 Tiếng Phạn: panca – sila; tiếng Nhật: gokai (ngũ giới). Đây là 5 giới căn bản cho tất cả Phật tử gồm: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không dùng chất say. 57 Tiếng Phạn: síksapâda; tiếng Nhật: hakkai (tám giới) gồm 5 giới trước và thêm vào các giới: thoa đồ thơm, đeo tràng hoa, phấn sáp, nhảy múa, ca hát và tất cả loại tạo ra âm nhạc đều nên tránh; không được nằm giường cao và không được ăn phi thời. 58 Tiếng Phạn: kusála – karmâpatha; tiếng Nhật: juzenkai (thập thiện giới). Chúng nằm trong phạm vi của “Từ bỏ 10 việc ác” (akusála karmâpatha). Tức là không sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời không thật, nói vu khống, tham, sân và si. Ba hành động thuộc về thân; 4 thuộc về miệng và ba thuộc về ý. 59 Trong 250 giới nầy chia ra 4 loại của thân như (đi, đứng, nằm, ngồi) trong quá khứ, hiện tại và tương lai. 60 Đây là tổng thể của tất cả giới cấm từng loại một trong giới luật. 61 Có 10 giới trọng và 48 giới nhẹ. Kinh Phạm Võng là kinh căn bản được trích ra để trở thành giới cấm cho Bồ Tát giới.

tâm” 62 trong tiểu thừa và giới luật Tăng sĩ Đại Thừa. Chữ “giữ” nghĩa là tất cả những giới nầy phải để ý. Chính con người ở chỗ cao cả là người ấy mong muốn giữ được tất cả những giới nầy để được sanh về trong cõi chân thật đẹp đẽ kia, sau khi họ có chánh tín và chân thật nơi tha lực họ đã đạt được. Người ta chẳng thể sanh về được cảnh giới kia bằng cách chính con người chỉ giữ giới và tin tưởng về những việc làm tốt với tự lực của mình. “Tôi sẽ chẳng phải chẳng tuyển chọn đặc biệt những người phạm giới mà còn cả những kẻ phạm vào trọng tội nữa. “Phạm” giới cấm nghĩa là đạt được sự hiểu biết tất cả những nguyên tắc có tính cách đạo đức, tuy nhiên đã phạm phải và làm sai. Cũng như nhiều người như vậy cũng sẽ không bị từ chối. “Phạm trọng tội” là những việc làm sai trái như phạm 10 giới trọng hoặc là bị trực tiếp phạm vào 5 giới, tội lỗi ấy như những người dèm pha giáo lý của Phật hoặc là mỗi một phạm vào điều kiện của nghiệp lực và đã trói buộc vào họ, sẽ được vào cảnh giới Phật. Con người dẫu cho có ít nhân tốt mà có thể còn tạo ra nhiều hành động xấu xa đi nữa, rồi họ làm những hành động đạo đức nông nổi, nhưng căn bản vẫn còn những ác ý sâu dày. Với tất cả những việc tội lỗi đáng thương hại ấy đều do con người tạo ra và nói rằng nó “sâu” bị chìm xuống. Tuy nhiên trong lời thệ nguyện của Đức Phật “Vô Lượng Quang”

62 Tiếng Nhật: isshin (nhứt tâm) một khái niệm về sự trong sạch của tâm, nó được nhận ra là sự vượt khỏi sự chân thật tuyệt đối. Đối với Thân Loan nhờ sự niệm ân cho sự mang đến niềm tin qua Đức A Di Đà mà sự nhứt tâm ấy như tâm của vị Phật nầy cũng là tâm của tín đồ khi hoàn toàn tin tưởng nơi Ngài.

sẽ chẳng từ bỏ một ai hoặc thả rơi ai cả dầu cho tất cả việc tốt, việc xấu được con người tôn kính hay tội lỗi đáng thương kia. Ngài thuyết pháp cho tất cả họ và mong rằng dẫn họ đến chỗ giác ngộ. Nên nhớ rằng: mục đích chính của Tịnh Độ Chân Tông là truyền bá giáo lý cho việc vãng sanh mà con người đạt đến niềm tin chân thật và cung kính ở chính quốc độ ấy cùng sự tán dương. “Ta sẽ nghinh tiếp họ và để họ đến”, đã được nói có nghĩa là chính Đức Di Đà đang chờ đợi mọi người ở Tịnh Độ và nơi ấy để họ trở về. “Ai chỉ trở về lại với tâm và nghĩ nhiều về Đức Phật…” Điều nầy đầu tiên chứa đựng việc đòi hỏi tâm của chúng ta hướng đến Đức Phật A Di Đà. “Về với tâm” nghĩa là trở về với tự lực và trở về với tính cách tin tưởng trở lại. Niềm tin bất hoại như kim cương của ai muốn vãng sanh về thế giới kia; với chữ “nhớ nghĩ nhiều đến Đức Phật” đã được bao gồm trong đó. “Nhiều” có nghĩa ở đây là to lớn, sự trội hơn, vượt lên trước. “Sự trội hơn” có nghĩa là vượt khỏi tất cả những việc tốt và “vượt lên trước” nghĩa là đứng trước tất cả mọi vật. Điều nầy lý do là chẳng có gì cao hơn bổn nguyện của tha lực. Nếu từ chối sự tin tưởng nương vào tự lực có nghĩa là thái độ từ chối của những bậc Thánh bên Tiểu Thừa và Đại Thừa và ngay như con người bình thường tốt hay xấu mà họ chỉ nghĩ tốt về họ và chẳng nhìn vào việc dở xấu của tự mình nữa. Khi mà con người trần tục phạm vào những lỗi lầm ở phần dở xấu nhất của con người như người đồ tể và kẻ giết người, thẳng hướng vui tin bổn nguyện lực của Phật Vô Lượng Thọ và tin tưởng vào danh hiệu rộng lớn, trí tuệ sâu xa kia thì họ sẽ đạt được sự giác ngộ hoàn toàn;

trong khi những kẻ ấy vẫn còn

những bản năng và sự đau khổ trong những việc làm. “Bản năng” là những con người có thể có tất cả những năng khiếu và bị trói buộc về sự đau khổ. Bản năng ấy đau đớn về thân thể, trong khi sự đau khổ ấy làm rắc rối cho tâm. Kẻ đồ tể có thể giết tất cả những mạng sống của chúng sanh rồi xẻ thịt chúng và để bán. Kẻ giết hại là những con người đi mua và đi bán. Đây là những kẻ xấu ác. Cho nên gọi đây là những người “thuộc loại bên dưới của loài người”. “Tôi sẽ biến ngói, đá thành vàng”. “Tôi làm” diễn tả cho một hành động và để cho một thời cơ khác. “Ngói và đá” là những đất sét và sỏi đá được nung. Thay đổi những vật nầy thành vàng. Ví dụ Đức Phật A Di Đà cũng tương tự như việc biến đổi đất sét và sỏi để trở thành vàng vậy. Những việc giết hại chúng sanh là kẻ giống như đá, đất sét và sỏi, điều nầy giống như chúng ta. Ai đó nếu chẳng có ẩn ý vui vẻ tin và tin tưởng vào lời nguyện của bậc Thiện Thệ thì kẻ ấy sẽ được ánh sáng kia bao trùm cảm động và được thâu nhận vào cũng như chẳng lầm lẫn mang đến sự giác ngộ cao cả nhất. Điều nầy cũng có thể so sánh rằng chúng ta là những kẻ giết hại và tạo ra những việc sai quấy sẽ thay đổi đá, đất sét và sỏi ấy thành vàng thật. Nghĩa là với ánh sáng bao trùm kia sẽ được thâu nhận vào tâm của Đức A Di Đà. Tôi đã chẳng thể giải thích rõ hết ý nghĩa của câu trên, tuy nhiên chỉ làm rõ nghĩa một cách sơ sài. Nên quán sát điều nầy để tìm ra ý nghĩa sâu xa ấy. Đây

là một câu viết linh thiêng của Ci–min63, người cũng được gọi là Hui–ri ở Trung Hoa. “Thế giới ấy chung quanh của Niết Bàn, không cần làm gì cả. Những việc làm lẫn lộn là do nghiệp tạo thành mà chẳng thể dẫn đến sự vãng sanh được. Vì thế Đức Bạc Già Phạm tuyển chọn ra giáo lý cần kíp để dạy dỗ cho họ, chỉ duy nhất một điều là thực hiện việc cầu nguyện nơi Đức A Di Đà”64. “Thế giới ấy chung quanh của Niết Bàn, không cần làm gì cả”. “Cõi thế giới ấy” được gọi là Tịnh Độ an lạc và nơi hạnh phúc; ở trong ấy niềm vui không lẫn lộn với sự khổ đau, kéo dài vĩnh viễn. Ngài Đàm Loan đã dùng lời tán dương là “hoàn toàn an lạc”. Trong “sự giải thích về Tịnh Độ”65 cũng gọi đây là: “thế giới của hoa sen hiếm quí” và “chẳng cần làm gì cả”. “Chung quanh của Niết bàn” chứa đựng bên trong nghĩa là, thay đổi từ chỗ tối tăm tội lỗi và trở về sự giác ngộ tối thượng. “Chung quanh” giống như là ranh giới, ở đây là ranh giới của kinh nghiệm giác ngộ. Đối với Đại Niết Bàn thì có vô số cách gọi nhưng không thể diễn tả đúng hết tất cả, tuy nhiên chỉ diễn tả điều căn bản về danh hiệu: hoàn toàn phá bỏ bản ngã, không cần làm gì cả, hạnh phúc an lạc, hạnh phúc vĩnh cửu, tướng chân thật, pháp thân, pháp tánh, đồng nhất chân thật, cùng một thể với Phật tánh, đó gọi là bậc Thiện Thệ. Đức Thiện Thệ đã làm đầy tất cả thế giới vật chất và Ngài là tâm của tất cả muôn loài. Bởi vì tâm ấy hỷ lạc do tin nơi lời thệ nguyện của Đức A

63

Tiếng Nhật: Jimin hay là Enichi Sanzô (680–748). Chữ sanzô để chỉ cho một người, mà người ấy đã thông thạo tất cả Thánh Điển của Phật Giáo.

64
Trích ra từ pháp sự tán của Thiện Đạo.
65
Phân tích về Tịnh Độ (Cực Lạc) xem phần dẫn nhập 2.
106 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Di Đà, đó chính là niềm tin vào Phật tánh. Phật tánh chính là pháp tánh và là pháp thân. Pháp thân ấy chẳng có màu sắc và hình tướng. Cho nên ý nghĩa kia là vô tận, tất cả mọi ngôn từ đều dừng lại nơi đây. Từ sự thống hợp ấy Ngài sẽ hiện ra hình tướng của "phương tiện pháp thân"66 và ở trong hình dáng của "pháp tánh". Hình tướng ấy hiện ra với Ngài qua lời thệ nguyện to lớn khó nghĩ bàn và Ngài Bồ Tát Thế Thân gọi là: "Đức Bạc Già Phạm của sự không giới hạn chiếu sáng trong tất cả 10 phương". Vị Bạc Già Phạm nầy là hình thức của thân thể có giới hạn (báo thân), bởi vì Ngài là kết quả của lời thệ nguyện. Sự có giới hạn là những gì từ sự gieo giống (nhân) mà ra. Từ báo thân ấy đi trước vô lượng hình tướng khác và trong ấy Ngài đã đến giúp cho nhiều chúng sanh. Sự chiếu sáng ấy gọi là: "ánh sáng chiếu rọi trong tất cả 10 phương của Đức Phật không chướng ngại". Bởi vì ánh sáng ấy sẽ tỏa chiếu trong thế giới vật chất với trí tuệ vô biên kia, cho nên không có hình tướng và chẳng có màu sắc. Bởi vì ánh sáng ấy sẽ xua đuổi bóng tối, không bị ảnh hưởng vì kết quả của nghiệp xấu ác, ở đây diễn tả như là ánh sáng vô tận. "Không giới hạn" nghĩa là "không bị chướng ngại". Ở đây cũng nên hiểu rằng, Đức Phật A Di Đà ánh sáng như vậy và ánh sáng nầy là hình thức của trí tuệ. "Những việc làm lẫn lộn là do nghiệp tạo thành mà chẳng thể dẫn đến vãng sanh được." "Những việc làm liên hệ với việc tốt" chính là 84.000 cánh cửa của giáo pháp; nghĩa là thực

66 Tiếng Nhật: hôben hôshin (phương tiện pháp thân) là ngược lại với "pháp tánh pháp thân", thích nghi với thế giới trần tục ở hình thức của pháp thân không vật chất.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 107

hành nhiều việc làm tốt với những chúng sanh, trong ấy mỗi nghiệp sẽ theo họ và bỏ lại ý nghĩa cá thể của họ và hồi hướng67 cho họ sanh về cõi Tịnh Độ. Bởi vì tất cả những nhân tốt được vun bồi từ tự lực, người ta sẽ chẳng thể được sanh về cõi chân thật của báo độ. Nhận định tiêu cực với sự diễn tả của chữ "dưới những thành quả mà khó dẫn đến sự vãng sanh". Một thành quả là một sự phỏng đoán tiêu cực có liên hệ với việc nầy, nghĩa là người ta thối thác, qua tự lực của chính mình cho những hành động tốt đẹp khác nhau sẽ được sanh về cõi chân thật báo độ. "Nhưng thật là khó khăn để sanh về" vì lẽ hầu như là chẳng có thể qua đó để được vãng sanh. "Vì thế Đức Thiện Thệ đã chọn ra giáo lý cần thiết". Việc nầy nghĩa là Đức Đạo Sư Thích Ca Mâu Ni đã tuyển chọn từ tất cả các cách gọi là tốt để cho chúng sanh, bị ngũ trược vẩn đục và thời mạt pháp của một thể thức sống xấu xa và tà kiến. Chữ "chọn lựa" được hiểu ở đây là tuyển chọn từ nhiều cách của sự có thể được. "Cần thiết" là hình thức có tính cách độc hữu sự đòi hỏi và sự hứa hẹn. Chữ "giáo lý" ở đây là để chỉ cho danh hiệu. "Ngài hướng dẫn chỉ cho việc cầu nguyện chuyên tâm với Đức A Di Đà". Chữ "chỉ cho" hoặc là dạy

dỗ là nói về giáo lý của Đức Thích Ca Mâu Ni. Chữ “cầu nguyện” nghĩa là trong tâm ấy tuyệt đối hướng tư tưởng mình vào một điều gì đó; nhưng không có nghĩa là “việc làm”. Như vậy có nghĩa là Đức

67 Theo giáo lý của Đạo Phật thì công đức được hiểu là nghiệp tốt, vượt qua những việc làm tốt và chuyển đến một mục đích nhất định; trong truyền thống Phật Giáo Di Đà thường thấy là tập trung tất cả những công đức lại để hồi hướng cho việc vãng sanh về Tịnh Độ. Thân Loan từ chối tư tưởng nầy.

108 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Phật đã dạy cho sự tuyển chọn68 của bản nguyện qua sự quyết định trì danh và phải chí thành trì tụng cả tâm cang. Những chữ “duy nhất, một mình” được hiểu chữ “duy nhất” chỉ để cho một hành động cần làm. Ở đó chữ “và” đồng nghĩa với sự lập lại để báo cho biết, chữ “một mình”, sau đó chứa đựng sự mong đợi, và phải nhất tâm làm việc nầy. Nói chung cũng được khuyên rằng việc nầy là một hành động hoàn thiện của tâm. “Duy nhất” được nói đó cũng có nghĩa là “một”; nghĩa ở đây không có ẩn ý, không có thối. Vị Tăng sĩ từ chùa Quang Minh69 hiện thân như Đức Di Đà và cho rằng con người như đã được nói qua những hành động với một tâm thức trọn vẹn, cảm động, thâu nhận và chẳng lần nào bị bỏ rơi. “Một tâm thức” nầy là từ cánh cửa niềm tin, nhảy qua bên nầy. Chữ “vượt qua bên nầy” vượt lên trên tất cả những giáo lý khác. Nghĩa là, bởi vì con người bỗng nhiên sẽ qua khỏi cả biển sanh tử và sẽ đạt được mục tiêu của Phật quốc độ. Lý do về việc nầy là năng lực từ lòng thương bao la ở trong lời thệ nguyện. Bởi vì chánh tín cảm ứng và được thâu nhận, sẽ trở thành tâm kim cang. Được chứa đựng trong kinh Đại Bản nêu ra ba tín tâm, trích ra từ bổn nguyện70. Niềm tin chân thật và cung kính được Ngài Bồ Tát Thế Thân gọi là “tâm của Phật, mang tâm của lời thệ nguyện” 71 . Hỷ tín có nghĩa là người ta mong muốn đạt được sự thành Phật. Còn

68
Tiếng Nhật: senjaku hongan (tuyển chọn bổn nguyện) là nguyện thứ 18 của
Đức A Di Đà, trong ấy người ta chọn ra theo tư tưởng của Thân Loan về việc thực hành niệm Phật, đặc biệt như là con đường để giải thoát vũ trụ.
69
Thiện Đạo.
70
Tiếng Nhật: sanshinjin (3 tín tâm) tức là: chí tâm, tín nhạo và dục sanh.
71
Trích từ “Tịnh Độ Luận”.
Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 109

“tâm của Phật và tâm ấy mang theo lời thệ nguyện” là ý chí để cứu vớt tất cả chúng sanh và cũng với tâm ấy muốn mang tất cả chúng sanh qua khỏi biển rộng sanh tử. “Hỷ tâm là ý chí để cho chúng sanh vào Niết Bàn cao nhất. Đó là “Đại giác ngộ tâm” và “hình thức của Đại Từ Bi và sự tốt đẹp”. Hình thức tin tưởng cũng là Phật tánh hay Bạc

Già Phạm. Sự chứng đắc niềm tin nầy là một chân hỷ lạc. Ai đạt được rồi thì người ấy giống như tất cả các vị Phật. Sự vui vẻ là một cảm giác, cảm giác ấy theo sau sự đạt đến của niềm tin. Sự hài lòng là không ngừng kéo dài tâm hoan hỷ, tâm ấy xuất hiện khi nó đạt được những gì nó cần và làm cho thân thể cũng như tâm luôn vui vẻ. Ai đạt được trạng thái tin tưởng thì sẽ là dấu hiệu như hoa sen trắng72. Sự tin tưởng nầy chỉ khó có thể đạt được. Điều nầy trong một kinh73 đã dạy với ngôn từ rằng: "đây là sự ngoại lệ khó khăn cho định luật của niềm tin". Cũng có nghĩa là: "Nếu một người nào đó nghe được kinh nầy và đạt được sự hỷ lạc của niềm tin: điều nầy chính là dưới tất cả những việc khó khăn là khó nhất". Ý nghĩa của câu nầy là chẳng có gì gắt gao cả, như nghe lời dạy nầy và tin tưởng sâu xa vào đó. Đức Bạc Già Phạm Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện vào thế giới xấu xa ngũ trược nầy và để dạy dỗ điều có thể nhập Niết Bàn qua việc tin tưởng khó tin nầy. Cuối cùng Ngài đã giới thiệu danh hiệu Đức Phật A Di Đà cho chúng sanh đang sống trong cảnh ô

72
Dịch nghĩa là "hoa sen trắng", một khái niệm về sự trong sạch hoàn toàn để chỉ cho những chúng sanh.
73
Trích từ Shôsanjôdôkyô, một bản dịch kinh Tiểu Bản Di Đà của Xuan–
Zhuang (600 – 664).
110 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

trược xấu xa nầy. Sự chứng minh của chư Phật trong tất cả 10 phương và trợ giúp những suy tư của vô lượng Đức Bạc Già Phạm ở tại những nơi ấy là cho con người biết tin tưởng chân thật và cung kính. Đức Thích Ca Mâu Ni như vị cha lành và Đức A Di Đà như người mẹ hiền lương. Chúng ta nên biết rằng chúng ta đã được trải qua vô số phương tiện khác nhau của người cha và lòng tin nơi người mẹ đã mang đến cho chúng ta. Bởi vì ai là kẻ đã thấy Ngài bằng vô lượng chư Phật ở trong thế giới nầy trong sự xuất hiện quá khứ dài lâu, từ tự lực để mang đến tâm giác ngộ, thì bây giờ đạt được vô lượng việc tốt đẹp theo cùng. Để gặp lực bổn nguyện và ba niềm tin chân chánh để đạt được tha lực kia, thì người ấy vì thế chẳng hề có một trường hợp nào khinh bỉ về căn lành tốt đẹp kia hoặc giả khiếp sợ ở Phật quốc độ thánh thiện của ta. "Ai làm chủ được ba tâm nầy thì bất cứ trường hợp nào cũng sẽ được vãng sanh vào quốc độ ấy"74. Cũng như vậy, Ngài Thiện Đạo đã viết rằng: "Ai làm chủ được 3 tư tưởng nầy thì chắc chắn được sanh về cõi Tịnh Độ. Nếu một trong ba tâm không đầy đủ thì sự vãng sanh sẽ không được trực tiếp đạt thành"75. Câu đầu tiên nói rằng: sự làm chủ 3 tâm là cần thiết để được sanh về Tịnh Độ. Câu thứ 2 nghĩa là trong trường hợp thiếu một tâm thì sẽ chẳng trực tiếp được vãng sanh. "Một tâm bị thiếu" nghĩa là niềm tin chân thật bị thiếu. Ngược lại điều nầy thì phải hiểu rằng trong 3 tâm ấy trên thực tế còn thiếu bổn nguyện. Sự đạt thành của sự nhứt

74
Trích từ kinh Quán Vô Lượng Thọ.
75

tâm được giới thiệu trong kinh Đại Bản để chỉ cho 3 tâm ấy mà đã được nhắc tới trong kinh Thiền Định (kinh Quán Vô Lượng Thọ) việc đạt được ba tâm76. Nếu người nào đó chẳng đủ 3 tín tâm và ngay cả thiếu một tâm, không có điều nầy thì kẻ kia cũng chẳng được sanh về của sự tán dương kia. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ có nhắc đến 3 tâm đó là tính cách rút ra từ sự thiền định và thành tựu qua những việc làm tốt đẹp ấy như là phương tiện của sự thành tựu của 3 tâm cũng như tính cách chân thật cung kính kia. Không có được tính cách của ba tâm nầy thì "người ta sẽ chẳng trực tiếp được sanh về". Nghĩa là chẳng thể ngay lập tức đạt được sự vãng sanh nơi Tịnh Độ, nếu thiếu ba tâm kia. Ai đó nếu thực hiện thiền định và chánh hạnh, phần hạnh cũng như thực hành77 thì kẻ ấy có thể; nhưng bởi vì niềm tin kia với hắn ta thiếu tha lực, đầu tiên thì được sanh về rồi hắn ta sẽ sanh về chờ đợi nhiều mặt để tâm tha lực đến. Điều ấy nghĩa là kẻ kia không vãng sinh trực tiếp được. Nếu chính hắn ta đạt đến thai sanh biên địa78 thì có thể kéo dài hằng 500 năm hay từ một thời gian lâu hằng 10 triệu năm để được mang đến nơi chân thật báo độ kia. Vì thế người ta nên hiểu về tâm kia và tha thiết đạt được theo 3 tâm ấy. 76 Thân Loan phân biệt giữa một niềm tin và bao gồm sự quan trọng của một hành động tự lực và những công đức và cuối cùng "ba tâm" được thành lập ở đây và tin hoàn toàn chuyển qua niềm tin Đức A Di Đà. Cái thứ 2 nếu có thì theo Ngài hướng đến quang cảnh trực tiếp cứu độ vãng sanh về Tịnh Độ. 77 Tiếng Nhật: zôgyôzôsku. Với danh từ dùng hơi thấp kém về "nhiều sự khác nhau" hoặc những thực tập tin tưởng đạo đức của Tôn Giáo ở đây được hiểu là những người thực hành ngoài câu niệm Phật. 78 Tiếng Nhật: taishôhenji (thai sanh biên địa). Một thể thức hiện hữu thiếu tự chủ để chuẩn bị cho việc sanh về Tịnh Độ, giống như nằm trong thai mẹ để sanh ra ở đời sống trần tục nầy.

"Hãy đừng nhận bề ngoài của sự thông minh, tốt đẹp và thanh tịnh ấy"79. Nghĩa là: chẳng phải chỉ cho các người rõ biết bộ mặt bên ngoài của một con người tốt hay đẹp; bởi vì "bên trong toàn trống rỗng và sai quấy" bên trong của các bạn, tâm thức của các bạn có tràn đầy đủ bản năng và sự khổ đau cũng như vì thế mà trống rỗng, sai quấy, chẳng chân thật và cung kính. Tín tâm là bản thể để mong cầu, trong ấy cái nhân là Tịnh Độ, chẳng hề dối trá và chẳng hề lừa gạt. Đó là tín tâm, đó chính là hạt giống chân thật của cõi kia. Chúng ta không những chỉ là người tốt, mà còn là bậc trí nữa. Người trí nầy là sự thông minh và tốt đẹp. Chúng ta thì bất tịnh và thiếu đức hạnh, tâm chúng ta luôn đầy sự dối trá và lười biếng, bên trong của chúng ta luôn luôn đầy dẫy những sự gạt gẫm vô nghĩa và trong trí rỗng tuếch. Chúng ta nên ý thức về vấn đề nầy rằng chúng ta không làm chủ chân tâm. "Cần sự quán sát" nghĩa là cần thiết để định hướng cho quan điểm nầy để nhìn sự việc. "Ta không những chẳng chỉ tuyển chọn đặc biệt những người phạm giới mà còn cho những kẻ kẹt sâu vào những tội nặng nữa80. Điều nầy có nghĩa là Đức A Di Đà không từ chối những con người phạm giới và rơi vào trọng tội. Sự thật nầy được hướng đến ngay từ ban đầu; và cần chú ý. "Nếu người nào đó nhớ

nghĩ đến ta trong 10 niệm mà chẳng được sanh về, thì ta sẽ chẳng giữ ngôi chánh giác”81.

79
Trích ra từ Quán Vô Lượng Thọ kinh tứ tập chú.
80
Trích từ Ngũ Hội Pháp sự tán của Fa Zhao.
Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 113

Điều nầy là những ngôn từ hướng đến bổn nguyện. Bổn nguyện ấy chính do Đức A Di Đà thệ nguyện rằng: Ngài sẽ chẳng trở thành Phật nếu trong số người ấy niệm danh hiệu Ngài cho đến 10 lần mà người ấy chẳng sanh về nước kia. Việc nầy được gọi là “cho đến” dẫu rằng về việc ấy hay dưới ấy, nhiều hoặc ít, gần hay xa, đã từ lâu hay mới đây, tất cả đều chứa đựng trong ấy. Ngài Bồ Tát Pháp Tạng đã lập nên lời thệ nguyện nầy, cho nên chúng ta chẳng phải chỉ thường xuyên mà không dừng lại nơi chỗ ít hay nhiều. “Chẳng phải căn cội mà chẳng còn là sự thật82. (Giáo lý chân thật của Trung Đạo): Đây là sự bắt nguồn từ Pháp Hoa Tông83. Nó chẳng có giá trị trong giáo lý của Tịnh Độ Chân Tông, bởi vì nó thuộc về sự suy nghĩ của con đường Thánh Thiện. Về việc nầy phải hỏi rõ những người theo phái ấy. “Nếu người chẳng thể mang đến sự cầu nguyện đầy đủ thì ngươi nên đơn giản gọi tên của Phật Vô Lượng Thọ84. Nghĩa là những ai mà trong tâm họ không thực hiện sự cầu nguyện nơi Đức A Di Đà, bởi vì họ đã từng phạm với ngũ 81 Trích từ lời nguyện thứ 18 trong 48 lời nguyện của Ngài Pháp Tạng. 82 Đoạn tiếp theo căn cứ một đoạn của “Duy Tín Sao”. Trích ra việc thuê mượn của 10 niệm đa phần diễn tả ở phần 2 dưới đây: Việc ca ngợi của “một niệm” trong Tông Pháp Hoa là chắc thật của giáo điều được thành lập “không có căn cội, không có sự thật”. Lý do nào mà các ngươi gọi là 10 niệm cho việc lặp lại 10 lần danh hiệu trong tâm thức? 83 Với Tông Pháp Hoa ở đây được hiểu là Thiên Thai. Chữ được trích ra “không có cội gốc, không có sự thật” và giáo lý được nói ra của thực tướng trung đạo có kết hợp với niệm nầy, chỉ chứa đựng tư tưởng về pháp tánh của sự vật, nằm giữa quan niệm của hiện tượng và sự chân thật. 84 Trích ra từ kinh Quán Vô Lượng Thọ.

114 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

trọng tội và thập ác, mà giáo lý của Đức Phật đã dạy cho biết lý do bất tịnh kia hoặc quằn quại trong bịnh hoạn và đau đớn, thì đơn giản nơi cửa miệng của họ, chỉ niệm lên “Nam Mô A Di Đà Phật”. Như thế cũng là sự biểu lộ để chỉ cho việc niệm danh hiệu qua bổn nguyện. Từ nguyên nhân nầy Đức A Di Đà cũng được tượng trưng cho “Đức Phật Vô Lượng Thọ, vị luôn đáp ứng cho tiếng kêu cầu”. Bởi vì điều có thể là gọi tên Ngài. “Ai cầu nguyện 10 lần và đãnh lễ trước Đức Phật Vô Lượng Thọ thì với sự cầu nguyện ấy sẽ là nền móng căn bản cho việc tiêu trừ tội lỗi trong cuộc sống chết kia qua việc niệm danh hiệu Phật của hằng 800 triệu kiếp số85. Điều nầy chứa đựng giáo lý cho rằng tội ấy là một trong ngũ nghịch bị phạm phải và tội nầy phải mang đi vòng quanh, bởi vì họ phải chịu trong 80 triệu kiếp, nên niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật trong 10 lần. Với sự chuyên niệm, tội ấy sẽ chẳng được tiêu trừ từ 80 triệu kiếp số, tuy nhiên

việc nầy làm cho rõ hơn về tội nặng đã phạm trong ngũ nghịch vậy. “10 lần cầu nguyện” nghĩa là chỉ lặp lại danh hiệu Ngài 10 lần trong miệng. Nếu điều ấy cũng hướng đến bổn nguyện thì “giả sử khi tôi thành Phật, với tất cả chúng sanh trong 10 phương niệm danh hiệu tôi cho đến chỉ 10 lần, một lần cầu nguyện mà chẳng được sanh về nước tôi, thì tôi sẽ chẳng ở ngôi chánh giác”. Như vậy nghĩa là: Tất cả chúng sanh niệm lớn danh hiệu của Đức A Di Đà đến 10 niệm thì được vãng sanh; ở đây nói về khái niệm của “10 niệm”. Ta nên biết rằng: Tư tưởng và giọng niệm trở thành một, chứ không phải niệm mà chẳng cầu nguyện hay chẳng cầu nguyện và không niệm. 85 Trích ra từ kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 115

Trong những câu nầy chẳng thể diễn tả hết tất cả những sự nhớ nghĩ được; vì mục đích ấy người ta nên tự hỏi về việc tốt cũng như con người nhứt tâm và sự sâu thẳm về việc suy nghĩ, những gì chứa đựng trong ấy và nên thận trọng. Nam Mô A Di Đà Phật – ngưỡng vọng về Đức Phật A Di Đà! Bởi vì người bình dân ở trên đất nước chẳng biết ý nghĩa tiếng Trung Hoa và đáng thương cho những người không được học, tôi đã vì những việc nầy mà đã tóm lược trở lại cũng như viết ra đây để cho họ dễ nắm bắt được. Những kẻ hiểu biết thì xem việc nầy lạ lùng và họ có thể nghĩ như thế nào theo ý muốn của họ cũng được. Tôi đã tản lờ, không để ý đến vì sự sỉ nhục to lớn kia. Tôi đưa sự hiểu biết nầy đến với mọi người và đặc biệt giải thích cho những kẻ tầm thường và người thiếu học. Năm thứ 2 triều đại Kengen86, ngày 27 tháng giêng, chính tôi ngu ngốc Thân Loan ở tuổi già 85 đã viết lại quyển sách nầy một lần nữa. (Dịch xong Duy Tín Sao nầy vào ngày 19 tháng 8 năm 2011 tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc) Thích Như Điển

3.2.3 Giáo, Hạnh, Tín, Chứng. Một vài đoạn tuyển chọn từ Giáo, Hạnh, Tín, Chứng (Kyôgyôshinshô) Lời tựa của những bản văn sưu tập về giáo lý chân thật, sự thực hành và sự chứng nghiệm của Tịnh Độ 87.

86 Năm 1257.

116 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Khiêm tốn tôi đã quan sát về lời thệ nguyện rộng lớn của Đức A Di Đà chẳng thể đo lường được. Đây là một chiếc thuyền lớn đã qua được bờ biển88, thường chẳng thể qua được. Đây chính là ánh sáng trí tuệ không bị giới hạn, ánh sáng ấy phá tan chỗ tối tăm89. Với nhân chín mùi của việc đủ để giới thiệu Tịnh Độ thì Đề Bà Đạt Đa đã xúi giục A Xà Thế đã gây ra trọng tội. Như vậy tất cả đều sẵn sàng cho việc tuyên dương giáo lý Tịnh Độ mà Đức Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu qua bà Vi Đề Hy cho một đất nước an bình cũng như trở nên hạnh phúc90. Điều nầy cho thấy rằng sự chấp nhận Thánh thiện trong thân thể phàm tục để giải thoát vô số cuộc sống khổ đau và Ngài91 đã đến với tình thương cao cả, ngay cả cho những kẻ phạm tội nặng, những kẻ phỉ báng giáo lý chân thật, họ chẳng

87 Từ thời nhà Tống thường thấy in chung những tài liệu và qua sự trích đoạn từ kinh điển cũng như sự bình luận được công nhận về tư tưởng cá nhân. Giáo lý của Đức Phật

(tiếng Nhật: kyô) nghĩa là được thực tập (tiếng Nhật: gyô và tiếp tục là những việc làm, hành động hay thực tập) và ngay cả việc thực chứng (tiếng Nhật: shô) của sự giác ngộ chia làm 3 phần chủ yếu của Phật Giáo. Có lẽ Thân Loan vì tôn trọng truyền thống của Phật Giáo về chữ xưa nầy của niềm tin (tiếng Nhật: shin) không sử dụng nữa mà trong đầu đề có chứa đựng chữ hạnh và sự tranh luận nầy thực chất còn tồn tại từng phần của việc làm đã được khám phá nầy (xem Suzuki Daisetz trong giáo, hạnh, tín, chứng, Kyôtô năm 1973 trang 203). 88 Ở đây được hiểu là "biển sanh tử" (tiếng Nhật: shôjikai = sanh tử hải); tức là gồm chung tất cả thế giới và những hình thức tồn tại, trong ấy vòng luân hồi vẫn còn hiện hữu. 89 "Tối tăm không có ánh sáng" (tiếng Nhật: mumyô no an) và "ngu si", thường được hiểu như phép ẩn dụ cho việc vô minh cũng như ít trí tuệ. 90 Những câu trước đó căn cứ vào những hành động trong khuôn khổ trong kinh Quán Vô Lượng Thọ (xem phần dẫn nhập 2). Đề Bà Đạt Đa, người đệ tử không trung thành của Đức Thích Ca Mâu Ni đã xúi giục Thái Tử A Xà Thế giam cha mình vua Tần Bà Sa La và sau đó là Mẹ mình bà Vi Đề Hy vào ngục thất. Vì vậy qua điều nầy ta thấy Đức Thích Ca Mâu Ni đã xuất hiện cho bà thấy và đã trình bày giáo lý chứa đựng của kinh nầy. 91 Tước hiệu cung kính Đức Phật.

hề có một chút công đức92 và chẳng một lần có thể hy vọng được giác ngộ. Vì vậy nên biết rằng danh hiệu đem đến giải thóat, hiện thân với năng lực đạo đức cao cả, nhận thức chân thật và biến đổi cái xấu trở thành công đức và niềm tin bất khả tư nghì chắc chắn như kim cương, chân thật là việc chiến thắng sự thối lui và hướng đến sự chứng đắc đạo đức cao tột93. Đó đây là chân lý, từ đây chúng ta những kẻ hèn kém, thực hiện dễ dàng và đó cũng là con đường gần nhất dành cho những kẻ mê muội và ngu si. Trước hết những gì mà những bậc Thánh trong khi sống tại đây đã dạy, trong biển lực công đức ấy cũng chẳng có gì giống nhau. Ai muốn ra khỏi sự dơ nhớp để đạt được sự thanh tịnh, kẻ nào với những việc làm không chắc và niềm tin lung lay, tâm thức tối tăm và ít tỏ ngộ, ai đó với tội nặng và nhiều chướng ngại chất chứa – thì tất cả các ngươi hãy tin tưởng vào lời dạy của Đức Bạc Già Phạm và hãy nương tựa vào tất cả con đường chân thật rộng mở, hãy sống trọn vẹn trong sự thực hành và cho chỉ tuyệt đối tin vào niềm tin nầy. Đã trải qua bao nhiêu kiếp bị trói buộc nơi nghiệp; nên việc nghe được hạnh nguyện của Đức Phật A Di Đà thật là khó. Dẫu cho có khó bao nhiêu, chính mình trong 92 Tiếng Nhật: gyakuhôsendai. Danh từ chỉ cho 3 loại đã mất đi không thể cứu giúp được; loại đó là một trong ngũ trọng tội (tiếng Nhật: gogyaku) được bao gồm (giết cha, mẹ hoặc một vị thánh, chia rẽ tăng đoàn cũng như cố ý làm cho thân Phật ra máu). Những người mà cố tình làm ngược lại với giáo lý của Phật Giáo (tiếng Nhật: hô) và cuối cùng người chưa một lần mong đợi để được giác ngộ. Mà chỉ làm theo sự thèm muốn và tham lam theo sau (tiếng Phạn: icchantika; tiếng Nhật: sendai, issendai = ngàn đời). 93 Tiếng Nhật: toku (Đức). Quan niệm nầy ở đây chỉ chung cho đạo đức hay năng lực của đạo đức và được dịch là công đức. Cho mọi trường hợp nên để ý điều nầy chứa đựng thật mạnh và làm chủ những ảnh hưởng tích cực cũng như chẳng phải trong nghĩa mù mờ chủ quan về sự nhọc nhằn có tính cách đạo đức.

10.000 kiếp số, chỉ một lần đạt được niềm tin thanh tịnh và thực chứng được sự thật! Khi ngươi nhận chân được đời sống quí báu nầy trong niềm tin thì ngươi hãy vui với nghiệp duyên nầy, mà chính ngươi phải niệm ân điều ấy. Khi đời sống của ngươi bị phủ kín cũng còn nằm trong trường hợp nầy, ở trong lưới nghi ngờ, ngươi phải trở lại trong vô số kiếp ở thế giới nầy cũng như mang theo nó. Lời nầy có giá trị ra sao, qua đó tất cả thật cảm động và chẳng bị bỏ rơi! Đây chính là tánh chân thật đầy phép lạ và tất cả mọi vật ở ngoài thế giới nầy chẳng nên chần chờ hãy nghe và suy nghĩ kỹ! Tôi thật là hoàn toàn hạnh phúc và tôi, Thân Loan nầy là người ngu si đầu cạo nhẵn, đệ tử của Đức Thích Ca Mâu Ni94 đã gặp được những Thánh giáo từ Ấn Độ và Gandhara95 và sự bình luận của những nhà hiền triết từ Trung Hoa và Nhật Bản mà những việc nầy thật là khó để gặp được! Với tôi được cho phép để nghe những gì mà khó nghe được. Tôi tiếp tục giải thích rằng: Tôi tin tưởng kết quả quí giá về giáo lý của Tịnh Độ Chân Tông và hoàn toàn tạ ân sâu thẳm với những kết quả ân đức của Đức Bạc Già Phạm cho nên tôi đã vui mừng về

94 Tiếng Nhật: gutoku shaku no shinru. Chữ Gu nghĩa là ngu, chẳng hiểu, với điều ấy Thân Loan tự phân định mình với người trí tuệ của Phật Giáo và nằm trong hạng bình thường, với con người chưa chứng đạo. Việc nầy tiếp theo với chữ toku (ngốc) điều nầy còn nặng hơn nữa, bởi vì một bằng chứng nhất định cho kẻ đầu cạo nhẵn là dấu hiệu của sự tổn thương (Nên nhớ rằng, thời kỳ đen tối của Thân Loan đang bị sống trong sự giam cầm). Tiếp theo là chữ shaku; đây là chữ Thích được sao chép qua tiếng Nhật từ chữ Thích Ca Mâu Ni, qua đó cho thấy rằng Thân Loan là đệ tử của vị Phật lịch sử. Đồng thời cũng cho biết rằng mặc dầu Ngài đang bị tội lưu đày; nhưng được lòng thương của Đức Phật che chở. 95 Khoảng trong thời gian từ 140 trước cho đến năm 150 sau Tây lịch; một quốc gia tồn tại nơi lãnh thổ của Pakistan, A Phú Hản và Saiyyid ngày nay.

việc ấy, những gì tôi đã nghe và tiếp tục loan truyền những gì mà tôi đã nhận được.

3.2.3.1 Sưu tập những bản văn trình bày về Tịnh Độ Chân Tông (Được thu thập bởi ngu ngốc Thích Thân Loan) Sự suy nghĩ sâu xa về Tịnh Độ Chân Tông thì nhận ra có 2 cách hồi hướng những công đức. Một loại là thuộc về bên ngoài và một loại công đức khác hướng về phía bên trong96. Giáo, Hạnh, Tín và Chứng cuối cùng hướng về phía bên ngoài. Chân Tông được mô tả như trong kinh Đại Bản Di Đà. Kinh nầy có nội dung cốt yếu là mở rộng hơn về lời thệ nguyện quí hóa chân thật của Đức A Di Đà, đồng thời với tình thương của Ngài cho những chúng sanh trần tục bé nhỏ tiếp tục trao cho họ kho châu báu của công đức và đạo đức mà Đức Thích Ca Mâu Ni đã xuất hiện trong đời nầy để giúp đỡ cho tất cả chúng sanh cùng để loan tin mừng về giáo lý kia, nhằm cho họ nhận lãnh được ân đức chân thật ấy. Nội dung chính của kinh nầy cũng giải thích về bổn nguyện của bậc Đạo Sư 97 . Thực chất của giáo lý ấy là danh hiệu Phật.

96 Mang công đức đến (tiếng Nhật: ekô) nghĩa là hồi hướng, có thể nói rằng thuyết vũ trụ cơ giới qua sự thành tựu của Đức A Di Đà là có thể được, nghĩ rằng kết quả nghiệp tích cực có thể sẽ mang đến một mục đích nhất định qua một hành động tốt đẹp. Tư tưởng nầy nói rộng ra điều có thể là, mang công đức để hồi hướng cho người kia. Như vậy có thể hiểu rằng: Đức A Di Đà dùng vô lượng công đức để mang đến cho từng người. Đây là điều hồi hướng đến từ bên ngoài (tiếng Nhật: ôsô ekô) nghĩa là mang trở lại; người tin tưởng đạt được sự giúp đỡ của Đức A Di Đà ở Tịnh Độ để được sanh về cảnh giới của Bồ Tát và trở lại thế giới nầy và bây giờ lại giúp đỡ người khác. 97 A Di Đà.

120 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

...98 “Lòng từ bi vô lượng vĩ đại của Đức Thiện Thệ cho ba cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới đã được Ngài biểu lộ qua thế giới nầy để làm cho chúng sanh giác ngộ được giáo lý chân thật ấy, qua đó tất cả chúng sanh có thể gội nhuần được ân đức chân thật kia. Đây chính là một cơ hội, chỉ có thể gặp được một lần trong vô lượng kiếp.” ... Đây chính là bằng chứng rõ ràng về việc ấy mà kinh nầy là lời dạy chân thật. Hãy hiểu rằng: Nó chứa đựng sự giải thích đứng đắn cũng như sự thị hiện của Đức Thiện Thệ trong thế giới nầy để trao lại tất cả những kinh điển thánh thiện nhiệm mầu, đây cũng là sự giải thích cao cả về chân như, không gồm trong Thừa nào cả99 lời vàng ấy thành tựu trực tiếp và thâm nhập vào mọi nơi; lời chân thật tán thán ca ngợi ấy tỏa ra trong 10 phương, thật là đáng giá với giáo lý chân thật và chín muồi cho thời đại của chúng ta.

98 Trong đoạn trích dịch nầy rút ra từ những bản dịch chữ Hán của Đại Bản Di Đà và một phần bình luận của vị Tăng sĩ Đại Hàn Kyôgô (ở hậu bán thế kỷ thứ 7), chính là sự trình bày nầy. Những đoạn quan trọng từ kinh cho thấy trong những trích đoạn tiếp theo (trong dấu ngoặc). Ba điểm... ý nghĩa luôn luôn là sự tỉnh lược của việc dịch. Chỗ mà không đưa ra chủ ý là không cần ghi chú nữa, không phải là cho chính Thân Loan tóm lược lại, mà là trích ra để Ngài giải thích vậy. 99 Như trong cuộc đời phàm tục trong Phật Giáo thường hay diễn tả với một phép ẩn dụ của biển sanh tử, cho nên gọi giáo lý của Đức Phật như một cổ xe, với cổ xe ấy có thể vượt qua biển nầy. Thích nghi với điều nầy thường hay gọi Đức Phật là người đã qua bên bờ kia.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 121

3.2.3.2 Sưu tập những bản văn trình bày về việc làm chân thật của Tịnh Độ (Được thu thập bởi ngu ngốc Thích Thân Loan) Lời thệ nguyện mà tất cả chư Phật đều niệm danh hiệu A Di Đà 100. Việc làm chân chánh của Tịnh Độ. Việc làm sau khi tuyển chọn bổn nguyện. Sự cung kính chiêm ngưỡng của việc hướng đến bên ngoài xảy ra trong việc làm to lớn và niềm tin vĩ đại. Việc làm to lớn chứa đựng việc niệm danh hiệu của Đức Thiện Thệ “Vô Lượng Quang”. Nó chứa đựng tất cả những việc tốt đẹp và tích chứa những công đức. Bởi vì danh hiệu ấy chứa đựng với năng lực đạo đức trực tiếp với tất cả chung quanh cho đến nơi xa xôi nhất; nó là biển công đức quí giá chân thật vĩnh cửu và chân như thật tánh của tất cả mọi vật. Cho nên việc thực hành nầy gọi là lớn.

Phù hợp việc ấy với họ cũng chính là từ lời thệ nguyện với tình thương bao la mang lại trên danh nghĩa từ lời thề, sau khi gọi tên tất cả chư Phật cùng tán thưởng. Điều ấy cũng có nghĩa là "tất cả chư Phật đều ngợi khen danh hiệu A Di Đà". Đây cũng có thể là: "lời thệ nguyện cho công đức phía bên ngoài";

100 Đây là lời nguyện thứ 17 trong 48 lời nguyện của Đức A Di Đà. Trong đó Ngài thệ nguyện rằng: tất cả chư Phật trong 10 phương đều ngợi khen danh hiệu của Ngài và điều ấy với tất cả chúng sanh là cơ hội để nghe được tên Ngài.

122 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

hoặc có thể gọi là "lời thệ nguyện của việc chọn lựa niệm danh hiệu101 ...102

101 Ở đây được hiểu rằng: Đức A Di Đà, theo sự hiểu biết của Thân Loan là thực hành việc chọn lời thệ nguyện nầy được diễn tả qua sự niệm danh hiệu, qua đó tình thương được thành tựu. 102 Đoạn kinh dưới được trích ra từ những bản dịch khác nhau của kinh Đại Bản A Di Đà, cốt yếu ở phần nội dung để nghe được danh hiệu A Di Đà trong tất cả thế giới, Ngài kêu gọi lời mong ước trong tất cả chúng sanh để sanh về nước của Ngài và lời nguyện cầu nầy được đáp ứng, tất cả chư Phật đều ngợi khen Đức A Di Đà cùng niệm danh hiệu của Ngài. Đoạn tiếp trích ra từ Dasábhumika – Vibhâsâ – sâstra (Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận) của Ngài Long Thọ, Thế Thân "giải thích về Tịnh Độ" và bình chú của Đàm Loan, Đạo Xước cũng như Thiện Đạo. Những luận điểm quan trọng trong phần được trích ra là : Bởi Long Thọ: 1. Sự quán tưởng của tất cả chư Phật trong hiện tại và lòng từ thương tưởng đến chúng sanh là hai nguyên nhân chính của việc đạt được Phật quả. 2. Sự quán tưởng của tất cả chư Phật trong hiện tại bao gồm sự cách biệt của thế giới thường tình và sự đạt thành ấy là cấp bậc đầu tiên của chư vị Bồ Tát. 3. Có 2 con đường của Bồ Tát: Đó là sự kham nhẫn tột cùng, niềm tin đơn giản bằng cách quán tưởng và đặc biệt là niệm danh hiệu của Phật A Di Đà sẽ được chứng thực. Một sự tin tưởng mạnh mẽ về Đức A Di Đà hoặc là các vị Phật khác mong mỏi dẫn dắt đến những cấp bậc nầy và ở nơi ấy con người không còn bị rơi vào con đường tội lỗi nữa để cuối cùng được giác ngộ. Bởi Đàm Loan: 1. Bồ Tát là vị đi vào con đường tự giải thoát khó khăn chính họ phải tin tuyệt đối vào tự lực và luôn luôn gặp nguy hiểm khó khăn của sự lợi ích riêng tư hoặc là sự chướng ngại từ bên ngoài đến. 2. Con đường dễ dàng trong đó gồm việc mong mỏi được sanh về Tịnh Độ của Đức A Di Đà và qua đới nghiệp của tín tâm cũng được vãng sanh. Với điều ấy các vị Bồ Tát tin cậy vào năng lực của Đức A Di Đà để được sanh về cõi Tịnh Độ 3. Điều quan trọng ở đó Ngài nhấn mạnh việc quy y với Đức A Di Đà. 4. Việc sanh về Tịnh Độ nó chẳng phải có ý nghĩa là một sự tái sanh bình thường ở một nơi nào đó được hiểu trong khoảng không gian và thời gian.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 123

Như vậy, với việc niệm danh hiệu của rất nhiều chúng sanh đang sống nơi tối tăm, hoàn toàn sẽ được bẻ gãy và họ được đáp ứng đầy đủ ước nguyện của họ. Hãy hiểu rằng: Việc niệm danh hiệu cũng là việc làm cao cả nhất, chân thật bất khả tư nghì, đứng đắn. Điều nầy nằm trong sự niệm Phật, gọi tên từng chữ là "Nam Mô A Di Đà Phật". Nam Mô A Di Đà Phật nghĩa là chân trí tuệ, luôn tưởng nhớ đến Phật. Sau đây là

những vần kệ được trích dẫn từ Thiện Đạo. “Có đến 84.000 con đường khác nhau để cho tất cả vào nơi trí tuệ của chính mình và tiêu hủy sự vô minh cùng kết quả kia, và dẫn đến sự phá vỡ nguyên nhân của nghiệp lực. Kiếm bén có thể chặt đứt được, là danh hiệu A Di Đà. Nếu ai đó niệm

5. Tất cả những việc làm của những kẻ chưa giác ngộ đều bị chứa đựng sự ô nhiễm; sự thanh tịnh trong ngần và công đức chân thật chỉ có được thực hiện bởi chư Phật và chư vị Bồ Tát. 6. Những vị Bồ Tát mang trao những công đức của việc làm cho tất cả những chúng sanh khổ đau; ở đây được hiểu là “hướng về bên ngoài”. Bởi Đạo Xước: 1. Sự quán tưởng trực tiếp về sự chân thật cao tột thì những chúng sanh bình thường chẳng thể đạt được. Thay vào đó họ nên thực hiện việc quán tưởng chư Phật. 2. Khác với con đường khổ hạnh nơi mà chỉ dẹp bỏ những khó khăn từng cái một trên con đường đi đến chân lý; nhưng khi quán đến chư Phật thì được dọn dẹp sạch sẽ. Bởi Thiện Đạo: 1. Con đường quan trọng đứng đắn của việc thiền định về Đức Phật bao gồm việc niệm danh hiệu của Ngài, bởi vì thường rất là khó khăn để tìm đến sự liên hệ với việc quán tưởng. 2. Niệm danh hiệu A Di Đà là ưu tiên hơn niệm danh hiệu của các vị Phật khác, bởi vì khi chúng sanh thực hành theo lời nguyện căn bản ấy của Ngài chắc chắn sẽ được sanh về Tịnh Độ. 3. Với việc nầy chỉ cần một niệm cũng đủ. 4. Ai niệm danh hiệu Đức A Di Đà thì người đó sẽ được che chở bởi tất cả chư Phật và chư vị Bồ Tát trong đời sống nầy.

124 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

tên Ngài một lần thì tất cả tội được tiêu trừ, nghiệp cũ nhiều chất chồng như bụi bặm làm sao tiêu hủy và làm sao sự hiểu biết tăng trưởng, người ta đạt được cảnh giới nhứt như. Và từ giả sự khổ đau trong vô lượng kiếp của thế giới nầy. Vì thế tất cả chúng sanh đang mang ơn tình thương trí tuệ của Đức Thích Ca Mâu Ni, Người đã từ lâu tư duy về những con đường và phương tiện khác nhau nên tuyển chọn lời thệ nguyện của Đức A Di Đà để đưa đến sự giải thoát trọn vẹn”. Cho nên chữ Nam Mô là “gọi để đạt đến”. Nghĩa là mệnh lệnh lễ bái, để nương theo tiếng mời gọi của bổn nguyện. ... 103 Như sự diễn tả đã nói về “sự hướng đến qua việc lập thệ nguyện”, Đức Thiện Thệ sẵn sàng phát lời thệ nguyện và mang đến cho chúng sanh qua sự thực tập (niệm Phật)104. Ngay cả việc thực hành nầy cũng được hiểu là tuyển chọn bổn nguyện vậy. Rồi thì “Ngươi sẽ chắc chắn được sanh về Tịnh Độ”. Nghĩa là ở vị trí mà người ta chẳng bị đọa lạc nữa. Trong kinh dạy rằng: “trực vãng”, mà Ngài Long Thọ đã giới thiệu về “sự xác định tối cần thiết”, chữ “trực tiếp” nên hiểu rõ rằng qua sự nghe biết năng lực của bổn nguyện ngay lập tức sẽ được sanh về cảnh giới cao đẹp kia, là cái nhân chân thật. Chữ “cần thiết” nghĩa là: cuối cùng được thành tựu và chữ “chắc

103 Ở đây có bỏ một vài hàng chữ, trong ấy Thân Loan đã viết vào những ngôn từ riêng trong câu cuối với dấu hiệu khác. 104 Tiếng Nhật: hotsugan ekô (phát nguyện hồi hướng). Câu dưới muốn làm rõ ràng rằng lời thệ nguyện của Đức Di Đà chẳng phải chỉ liên hệ với tương lai mà còn rộng hơn thế nữa để thỏa mãn và Ngài tin Đức Phật vì vậy chắc chắn cứu độ không chậm trễ.

chắn” nghĩa là rốt cuộc. Đây là con đường đầy đủ để diễn tả một tâm thức mà tâm ấy cứng không thể lay chuyển nổi cũng như một viên kim cương. ...105 Từ những điểm trước đã cho thấy rõ ràng để chấp nhận rằng chẳng phải là việc làm của tự lực để cho một con người bình thường hay một vị Thánh. Điều ấy vì thế cũng để chỉ cho “việc làm không mang đến từ công đức riêng lẽ”. Những bậc Thánh của Đại Thừa và Tiểu Thừa ngay cả những tội lớn, nhỏ tất cả đều thành Phật, trong ấy họ đều quy mệnh về một nơi qua sự tuyển chọn biển báu rộng lớn kia.106 Vì thế chúng ta đọc trong “bình luận những bài luận về Tịnh Độ107 có nói rằng: “Tất cả chúng sanh của cõi giới hòa bình và hạnh phúc ấy là sự hóa thân của những hoa tươi đẹp ở cảnh giới giải thoát

105 Dưới đây gồm nhiều bản văn có nói về việc danh hiệu A Di Đà, là cái nhân để được vãng sanh về cõi Tịnh Độ, bởi vì Đức Phật A Di Đà qua vô lượng công đức đã mang đến cho con người và những ai niệm đến Ngài. Ở đó Thân Loan không chỉ cho thấy uy quyền của giáo nghĩa Tịnh Độ (như Fa–Zhao), mà các vị thầy của Tông phái khác, hợp thức hóa để chứng minh cho tư tưởng của Ngài. 106 Với danh từ chuyên môn “làm nhưng chẳng hồi hướng” (tiếng Nhật: fuekô no gyô) Thân Loan chia ranh giới của tư tưởng, qua việc niệm Phật được gọi là công đức tự lực và kẻ ấy cuối cùng cũng được vãng sanh về cõi Tịnh Độ theo như đã thấy. Việc nầy ở câu sau đó thì mạnh hơn câu nầy, trong ấy cho thấy tổng quát rằng chính họ phải là những bậc Thánh quy y với Đức A Di Đà của sự chân thật và con đường tốt nhất để giác ngộ. Bởi vì chẳng có một người nào nhận được công đức với năng lực của lòng từ bi của Đức A Di Đà mà có thể so sánh được. 107 Bình luận của Đàm Loan và Thế Thân lấy làm điểm tựa cho “sự thảo luận về Tịnh Độ” (vãng sanh luận chú hay Tịnh Độ luận chú).

126 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

của Đức Thiện Thệ A Di Đà; bởi vì ở đó chỉ có niệm Phật; ngoài ra không còn con đường nào khác ở Tịnh Độ”. Cho nên những người ở đó được thực chứng niềm tin, trong tâm của họ đầy đủ hỷ lạc. Tương tự như vậy cấp bậc nầy cũng gọi là “phạm vi của hỷ lạc”108 và có thể so sánh với “quả vị đầu tiên”109. Nơi những vị Thánh ngự trị nơi “quả vị đầu” nầy, chỉ còn ít hơn 29 lần sanh tử nữa, ngay cả khi họ mệt mỏi và giải đãi. Còn gì hơn biển cả sanh tử của chúng sanh trong 10 phương và không bị bỏ rơi. Nếu họ chỉ cần quy y với việc làm và niềm tin nầy mà thôi thì được Đức Phật Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang mời gọi. Thành quả ấy là tha lực. Qua tha lực ấy “chúng ta bước vào ngay lập tức chỗ phát nguyện hồi hướng như Ngài Long Thọ đã nói hoặc như Đàm Loan đã diễn tả. “Chúng ta đạt được vô số thành quả đứng đắn”. Tiếp đến chúng ta được dâng hiến sự thành tựu và còn nhiều hơn nữa, cũng sẽ thành tựu sau đó. Quả thật theo tôi nghĩ rằng không phải là danh từ có tính cách đạo đức như là người cha thương xót cho sự hư hỏng của nguyên nhân tác dụng cho sự tái sanh. Nếu chẳng có ánh sáng như người Mẹ có lòng từ bi chiếu rọi thì thiếu điều kiện tối cần thiết cho sự vãng sanh ấy. Ngay cả nhân và duyên hợp lại, thế nhưng nếu thiếu niềm tin và do kết quả nghiệp lực của những hành động quá khứ thì sẽ không có sự sanh về nơi đầy đủ ánh sáng của quốc độ ấy. Điều nầy chính do những nghiệp ở kiếp

108

Tiếng Nhật: Kangiji: (Càng Huệ Địa) vị trí bậc cuối thứ 10 của Bồ Tát.

109

Tiếng Nhật: Shoka: (sơ quả). Tức là quả đầu tiên của 4 quả thánh, trong ấy sự rụt rè trong ảo giác chấm dứt và mở được con mắt cho sự chân thật (Tu Đà Hoàn).

trước theo đuổi tâm thức, niềm tin chân thật và đứng đắn là nhân tố bên trong, trong khi ánh sáng và tên của người Cha cũng như người Mẹ là những điều kiện ở bên ngoài. Qua sự gặp gỡ hài hòa đó với nguyên nhân bên trong lẫn bên ngoài và những điều kiện kia sẽ chứng thực được thân thể chân thật ở cõi tốt đẹp kia. Từ đó vị Đại Sư110 nói rằng: "Qua ánh sáng và danh hiệu sẽ chiếu tỏa khắp 10 phương; chỉ cần một tín tâm đối với họ là đạt thành". Tiếp đến: "Chân Tông thành tựu qua việc niệm danh hiệu Phật". Ngoài ra: "Rất là khó khăn để gặp được giáo lý chân thật ấy"! Điều nầy các ngươi nên biết rõ. Về chánh hạnh là việc thuộc về sự hướng đến bên ngoài: ở đây có cả hành động cũng như cả lòng tin cho từng thể thức của "nhứt niệm"111. Về hành động nghĩa là "nhứt niệm" ấy qua sự tính đếm rõ ràng về việc trì danh, trong ấy sự thể hiện rốt ráo cho "việc thực hành dễ nầy" như chúng đã được chứa đựng trong sự tuyển chọn bổn nguyện vậy. Do vậy chúng ta đọc nơi kinh Đại Bản Di Đà rằng: "Đức Phật bảo Ngài Di Lặc rằng: Nếu có người nào đó nghe được danh hiệu của Phật nầy và với tâm hoan hỷ vô lượng sẽ được chứa đầy; người ấy hướng về một niệm với Ngài thì sẽ được một sự linh thiêng cao quí. Nghĩa là người kia sẽ nhận được công đức bất khả tư nghì".

110

Chủ yếu là sự phán quyết của Thiện Đạo và Fa–Zhao.

111

Tiếng Nhật: ichinen (nhứt niệm). Chữ niệm dùng để chỉ cho chữ đầu trong niệm Phật.

Vị Thầy của chùa Quang Minh112 nói rằng: "Chỉ cần nhứt tâm niệm" hoặc ở chỗ khác lại nói: "một niệm, một sự nhớ nghĩ – ngay trong nháy mắt". ...113 Trong kinh cho biết rằng: "cho đến" trong việc bình luận thì gọi là "chỉ cần đến". Danh từ có nhiều chỗ khác nhau; nhưng ý nghĩa thì chỉ có một. Chữ "cho đến" được tiếp tục hiểu là trong đó chứa đựng cái nhiều nằm trong một. Chữ "ân đức to lớn" "bất khả tư nghì" (không thể hơn được) hầu như ngược lại với "ân đức nhỏ nhoi" và "kém xa". Quả thật vậy, theo tôi hiểu là ân đức to lớn không thể hơn được y hệt nhau là cách dùng ân đức đầy đủ của sự chân thật trong một Thừa. Pháp môn lợi lạc hơn 84.000 pháp môn có trước đây. Ý nghĩa là nên chỉ hướng đến một điều duy nhất chứ không có điều thứ hai nữa. Đây là một sự bình luận với chữ "nhứt tâm" đã được diễn tả. Cũng như vậy, khái niệm về chữ "riêng việc nhớ đến" chỉ là một việc làm và chẳng có ý nghĩa là hai sự thực hành. Chữ "nhứt niệm" từ Đức Thích Ca Mâu Ni nói cho Ngài Di Lặc là chỉ cần một lần niệm và ngược lại niệm một lần nghĩa là tượng trưng cho "nhứt niệm". Nhứt niệm trong nháy mắt nầy là

một việc làm. Việc làm nầy là một việc làm chân thật chính đáng. Nhớ nghĩ chân thật là sự niệm Phật, nghĩa là: Nam Mô A Di Đà Phật".

112
Nghĩ theo Thiện Đạo là đoạn trích nầy xuất phát từ "Vãng sanh lễ tán" và phần thứ 4 của "giải thích kinh Thiền Định".
113
Tiếp theo là những trích đoạn của Thiện Đạo.
Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 129

Cho nên ai được vượt qua chiếc thuyền của lời nguyện với tình thương yêu to lớn ấy thì hãy lên và lướt đi trên ánh sáng của biển cả, để cho gió thổi đi đến năng lực đạo đức cao cả dịu dàng vượt qua những gợn sóng của sự bất hạnh. Bóng tối phủ kín sẽ được xóa tan và chứng ngay đến cảnh giới của Vô Lượng Quang. Người kia sẽ hướng đến Niết Bàn vĩ đại và thực hành những hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền. Điều nầy các ngươi nên nhớ. ...114 Đây là một bằng chứng rõ ràng về việc ấy, những gì mà được nghĩ đến việc làm chân thật. Quả thật, theo tôi nghĩ là sự tuyển chọn bổn nguyện và sự giải thoát là tất cả những việc làm cao đẹp nhất, việc nầy qua khỏi thế giới và đầy ắp phép lạ, bản chất chân thật đứng đắn, tất cả đều thấu triệt và phép nhiệm mầu chân thật, vĩ đại, tuyệt đối và là việc làm không ranh giới. Điều nầy các ngươi nên thấu rõ. Tha lực chính là lực bổn nguyện của Đức Thiện Thệ. Phần dưới đây được trích dẫn từ "sự bình luận về Tịnh Độ" của Đàm Loan, quyển thứ II, trong ấy đoạn nầy cho biết rõ hơn: "Sự tái sanh nơi Tịnh Độ và tất cả những việc làm, tất cả đều được chư vị Bồ Tát và chư Thiên thực hiện, có cả nguyên nhân năng lực của Bổn nguyện Đức Phật A Di Đà. Vì sao vậy? Bởi vì nếu không có năng lực của Phật trong 48 lời nguyện của Ngài khi còn là một vị Bồ Tát thì sẽ chẳng có ý nghĩa gì cả.

114 Tiếp theo là sự trích đoạn ngắn từ An Lạc tập của Đạo Xước.

130 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

... Về việc nầy chúng ta có thể kết luận rằng: tha lực là điều kiện cần kíp cho việc sanh về Tịnh Độ ngoài ra chẳng có gì có thể. Sự so sánh sau đây sẽ làm rõ nghĩa cho nét đặc biệt của tự lực và tha lực: Một người chìm đắm trong sự lo âu trước sự đọa lạc trong ba cõi qua sự quán tưởng trước đó. Vì vậy hắn ta chuyên chú thực tập thiền định. Qua đó hắn ta thành tựu được nhiều năng lực vi diệu, hắn ta có khả năng di chuyển trong 4 phương trời. Thành tựu nầy là do chính tự lực của hắn ta. Ngược lại có thể là một người non kém chăn một con lừa, không thể nào cố gắng bằng tự lực chính mình lên trời được. Tuy vậy hắn ta theo con đường chuyển pháp luân115, như vậy hắn ta có thể được nâng cao và tự do vui thích không bị chướng ngại trong 4 địa phương. Đây chính là ví dụ về những gì người kia nương vào tha lực". Để diễn tả về "chiếc thuyền qua biển cả" thì nói rằng: chiếc thuyền ấy là một chiếc thuyền lớn; có nghĩa là Đại Thừa. Đây chính là Phật Thừa. Đạt đến nhứt thừa nghĩa là đạt đến sự giác ngộ hoàn toàn đầy đủ, toàn diện. Tối thượng thừa chính là Niết Bàn. Thế giới của Niết Bàn là thế giới của pháp thân. Ai đạt được việc nầy, kẻ ấy hoàn thành con đường của nhứt thừa.

115 Tiếng Phạn: Cakravarti – râja; tiếng Nhật: tenrin – ô (Chuyển Luân Vương). Vị vua của thế giới. Vị nầy theo tục truyền mang thân 32 tướng của Đức Phật và làm chủ trí tuệ vĩ đại. Ngay cả những vị nầy cũng chọn con đường niệm danh hiệu Phật A Di Đà.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 131

Ở đấy không những chẳng có một vị Thiện Thệ nào khác mà cũng chẳng có pháp thân khác. Bạc Già Phạm là một pháp thân trực tiếp. Ai đã đầy đủ nhứt thừa thì với kẻ ấy không còn ranh giới và sự gián đoạn nữa. Bởi Đại Thừa thì cũng chẳng phải hai hay ba thừa116; trong đó chứa đựng tất cả. Một thừa là thừa của một, ý nghĩa nguyên thủy. Đây chính là sự giống nhau với lời thệ nguyện của Phật Thừa. ...117 Cho nên cảm tạ tất cả những trí năng giác ngộ đem lại ân đức vĩ đại cho cảnh giới của sự an lạc và sự thanh tịnh cũng như lời thệ nguyện của Đức A Di Đà vô tận viên mãn năng lực đạo đức. Qua chữ "biển cả" được diễn tả như sự bình đẳng, như việc làm của kẻ trí và con người thế tục trong tất cả mọi nơi mọi thời và từ tất cả mọi thời gian, lẫn lộn giữa tốt và xấu và với biển tội lỗi của tất cả những người lầm lẫn, sai quấy chẳng thể giải thoát được có thể đến với biển báu to lớn kia của công đức chân thật. Những công đức nầy nhiều vô số như cát của sông Hằng. Chúng phát xuất từ trí tuệ qua tình thương vĩ đại của Bổn nguyện. Như vậy là sự chân thật, giống như trong kinh đã nói: "Tảng băng của bản năng và sự khổ đau được tan chảy và trở thành nước của đạo đức".

116 Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa. 117 Đoạn trích ra phía dưới thuộc kinh Đại Bát Niết Bàn và kinh Hoa Nghiêm như là bản chính cho sự thống nhất của chư Phật và đơn giản của những sự chân thật cao cả nhất.

132 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Biển thệ nguyện ấy chứa đựng không một tàn tích của cấp giữa hay cấp thấp của sự pha lẫn tốt, như chúng có trong 2 Thừa. Và còn ít hơn bao gồm sự dối trá, thói đạo đức giả hoặc là còn chứa đựng những chất độc hay sự lẫn lộn trong tâm hồn của loài người và chư Thiên. Cho nên trong kinh Đại Bản dạy rằng: "Khi nghe được âm thanh của chư Phật và các vị Bồ Tát thì họ xét đoán được ý nghĩa của sự giác ngộ chưa hoàn toàn đầy đủ. Điều ấy cũng giống như một người khi sinh ra đã bị mù và tìm cách chỉ đường cho người khác. Biển cả trí tuệ của Như Lai cũng rộng và sâu thẳm, không có vực thẳm và đáy biển, biển ấy chẳng có ranh giới. Nó nằm bên ngoài sự nắm bắt của Thanh Văn cũng như Bồ Tát. Chỉ riêng các Đức Phật mới làm chủ và thấu rõ sự giác ngộ nầy." ...118 Những ai mong cầu việc vãng sanh về Tịnh Độ thì tôi bảo rằng với đầy đủ sự kính trọng: Biển cả của lời thệ nguyện như là một chiếc thuyền chở đầy những công đức cao cả, không giới hạn, không biên cương, khắp mọi nơi, đầy bí mật, không thể giải thích được, không thể gọi tên và chẳng thể đo lường được, lý do cho việc nầy là bất khả tư nghì của lời thệ nguyện.

118 Dưới đây là phần trích đoạn tiếp theo để giải thích và nhấn mạnh hơn về chiều rộng đã nói. Kế tiếp Thân Loan có một bảng cặp đôi về những sự đối ngược lại, với những điều nầy Ngài đã đề cao giáo lý niệm Phật hơn tất cả những giáo nghĩa khác và Ngài nhấn mạnh sự trội hơn nầy là: Niệm Phật cho là dễ; nhưng ngược lại là khó; lớn

ngược lại với nhỏ; chữ “trội hơn” ngược lại với “kém thua” v.v...

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 133

Lời thệ nguyện từ bi như một bầu trời rộng lớn. Bởi vì đạo đức bất tư nghì đó rộng rãi cũng như không có biên giới. Nó giống như một chiếc xe lớn; bởi vì nó có thể chở tất cả người thường và thánh nhơn đi khắp nơi. Nó như một hoa sen vi diệu; bởi vì tất cả chúng sanh của thế giới nầy không bị vẩn đục có thể trong sạch như kia. Nó như một cây “có tác dụng tốt về hình tướng”, là vua trong các cây chữa bệnh; bởi vì nó lấy đi tất cả những khổ đau, bản năng và sự khổ sở, tiêu diệt. Nó như một cây kiếm bén, dễ dàng chặt đứt mọi sự lười biếng như một vũ khí tốt. Nó như là một Thầy Phù Thủy của người cầm đầu can đảm; bởi vì nó có thể cưỡng bức tất cả những đội quân của quỷ thần phải quỳ xuống. Nó như một chiếc cưa tốt; bởi vì nó có thể cưa tất cả những cây che bóng tối. Nó như là một chiếc rìu, bởi vì nó có thể chặt hết những cành lá của sự khổ đau. Nó như một sự hiểu biết tốt; bởi vì nó có thể chấm dứt tất cả những gông cùm của sanh tử. Nó như là vị Thầy chỉ đúng đường; bởi vì nó giúp cho người thường con đường tốt nhất để ra khỏi cảnh giới khổ đau. Nó như là nguồn nước xoáy; bởi vì nó để cho nước trí tuệ trôi đi, không còn cạn kiệt được.

134 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Nó như một bông hoa sen; bởi vì không bị tội lỗi làm nhiễm ô. Nó như là làn gió ban mai; bởi vì nó thổi đi tất cả những chướng ngại như sương mù. Nó như là những giọt mật ngon ngọt; bởi vì nó có bao gồm sự ngọt ngào của tất cả công đức. Nó như con đường đi đứng đắn; bởi vì nó dẫn hằng vạn chúng sanh vào thành của trí tuệ. Nó như là một nam châm; bởi vì nó có thể kéo năng lực thành tựu của bổn nguyện. Nó như vàng Jambunada119; bởi vì ánh sáng của nó vượt khỏi tất cả thế giới của cải. Nó như một mỏ chứa đồ quí giá; bởi vì nó chứa đựng chân tánh của chư Phật. Nó như một quả đất to lớn; bởi vì nó đã giúp cho tất cả Như Lai thị hiện trong 10 phương. Nó như tia nắng ánh sáng mặt trời; bởi vì nó chiếu tan đi bóng tối của khổ đau cho tất cả những sự ngu muội thường tình và để lại sự tin tưởng vui vẻ. Nó như là một vị Vua; bởi vì nó còn trội hơn những con người ưu tú.

119 Loại vàng có chất lượng tốt nhất.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 135

Nó như một người cha nghiêm khắc; bởi vì nó hướng dẫn tất cả, cho người thường cũng như bậc Thánh đến con đường đứng đắn. Nó như là bà Mẹ đầy tình thương; bởi vì nó làm trưởng thành cái nhân cho sự sanh về của tất cả người thường và bậc Thánh ở Tịnh Độ. Nó như là một người Vú; bởi vì nó cho ăn và bảo hộ cho tất cả, dẫu cho tốt hay xấu, để được sanh về Tịnh Độ. Nó như một quả đất to lớn; bởi vì nó gìn giữ chắc chắn cho tất cả sự vãng sanh ở Tịnh Độ. Nó như thủy triều dâng; bởi vì nó súc sạch những bợn dơ cáu bẩn và kéo đi sự khổ đau. Nó như ngọn lửa lớn; bởi vì nó đốt cháy tất cả những quan điểm sai quấy như gỗ. Nó như ngọn gió mạnh; bởi vì nó đến khắp nơi ở thế giới nầy và không bị chướng ngại bởi hàng rào chắn ngang. Nó kéo chúng ta ra khỏi bức thành của tam giới; trong ấy chúng ta đã bị trói buộc và cánh cửa bị đóng lại trong

25 cõi hữu tình120, ở lại phía sau chúng ta.

120 Tên chỉ chung cho tất cả chúng sanh còn lặn hụp trong vòng sanh tử (gồm: thai sanh, noãn sanh, hóa sanh, thấp sanh, Trời, người, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Trời Tứ Thiên Vương, Dạ Ma, Đẩu Suất, Đao Lợi, hóa lạc, tha hóa tự tại thiên, Trời sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, ngũ tịnh cư. Trời không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ và trời phi tưởng phi phi tưởng xứ).

136 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Nó mang chúng ta đến quốc độ đầy đủ sự thật và chỉ cho chúng ta con đường nào đúng và con đường nào sai. Nó là biển làm khô sự vô minh và đau khổ và làm cho chúng ta chảy vào biển cả thệ nguyền kia. Nó đặt chúng ta vào con tàu vũ trụ hiểu biết, ở trên ấy chúng ta được dẫn qua khỏi biển đời. Nó là đầy những giá trị quý giá của sự hiểu biết và hạnh phúc mang đến cũng như mở ra kho chứa ảnh hưởng phương tiện của giáo lý rộng mở. Vì thế chúng ta nên luôn luôn giữ sự cung kính và đặc biệt là tạ ơn cho lòng từ của lời nguyện ấy. Nói chung thì có sự liên hệ giữa lời thệ nguyện có niềm tin chân thật và hành động chân thật cũng như niềm tin và hành động ấy chỉ là phương tiện để đi đến mục đích. Lời thệ nguyện ấy là tất cả chư Phật đều xưng danh hiệu Đức A Di Đà121, đây là một hành động chân thật. Những gì tin là chắc chắn thì lời nguyện bảo rằng: Với tâm tràn đầy hỷ lạc tin tưởng và niệm A Di Đà122. Đây chính là niềm tin và hành động như chúng tương ưng với sự tuyển chọn bổn nguyện vậy. Nó hướng dẫn cho tất cả việc tốt cũng như việc xấu, lớn cũng như những chúng sanh nhỏ bé thường tình. Sự vãng sanh ấy là sự sanh không thể nắm bắt được (bởi vì căn bản là năng lực của sự thệ nguyện). Quốc độ Phật là quốc độ được chư Phật ca ngợi trong hình tướng ấy, là kết quả của những hành động. Nó là biển cả không đo được, tuyệt đối chân thật nhất như của lời thệ nguyện. Đó là giáo lý

121
Lời nguyện thứ 17.
122
Lời nguyện thứ 18.
Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 137

đầy đủ của kinh Đại Bản Di Đà và nội dung cốt yếu của chân lý thuộc về tha lực. Hỏi rằng: làm thế nào để chúng ta nắm bắt được tình thương ấy và có thể chỉ ra để nhận biết chăng? Vị Tổ Sư123 đã trả lời trong việc bình luận của Ngài rằng: “Vị Bồ Tát đến trước Phật, là đứa con trung thành đến với cha mẹ và như chư hầu đến với lãnh chúa của họ. Họ chẳng hành động riêng vào tay mình, mà hướng dẫn cho họ lối ra, lối vào theo nguyên tắc. Trong sự nhận biết ấy và sự đền ơn cho tình thương kia, chúng ta đầu tiên nên cung kính theo sự hướng dẫn ấy. Và làm sao chúng ta có thể đến được mà không có sự thay đổi qua lời nguyện, không có sự tiếp sức năng lực của bậc Thánh và của Đức Như Lai cho mục tiêu nầy? Để gia thêm vào năng lực của các Thánh, chúng ta phải cung kính Ngài.” ...124

3.2.3.3 Sưu tập những bản văn trình bày về niềm tin chân thật của Tịnh Độ Lời tựa sự sưu tập của những bản văn giới thiệu về niềm tin chân thật của Tịnh Độ (được thu thập bởi ngu ngốc Thích Thân Loan) Sự quan sát gần hơn cho thấy rằng sự đạt đến được tín hạnh125 có nguồn gốc trong sự ước muốn của Đức A Di Đà, bắt

123 Được hiểu là Ngài Đàm Loan. 124 Về phần trích dẫn nầy của Đàm Loan nối tiếp với "những vần thơ đạo về việc niệm Phật chân chính" (Shôshin nembutsu ge) và với phần nầy chấm dứt của Giáo, Hạnh, Tín, Chứng (kyôgyôshin – shô).

138 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

nguồn từ lời thệ nguyện của sự tuyển chọn có tính cách vũ trụ. Nhờ những việc làm tốt đẹp tuyệt vời, nhằm cứu thoát với lòng từ bi của bậc Đại Thánh126, mở tâm ra cho niệm chân thật. Tuy nhiên những tín đồ cũng như các vị Tăng sĩ và Thầy dạy trong thời mạt pháp nầy trong niềm tin tự chủ và tâm thức tuyệt đối127 đã bị lắng xuống, cho nên họ đã phỉ báng thành quả của Tịnh Độ. Họ đã đi đến chỗ sai trái với những tư tưởng trói buộc, mà họ tìm cách giác ngộ qua những việc làm tốt hay thiền định và chẳng rõ biết của chánh tín, niềm tin ấy chẳng dính bụi và hoàn toàn trong sạch như viên kim cương. Về việc nầy theo tôi, ngu ngốc Thích Thân Loan nầy trong niềm tin tưởng vượt trội với giáo lý chân thật của tất cả các Đức Phật – Như Lai, vị thầy tác giả của việc nghiên cứu về Tịnh Độ128 và học hỏi sự bình luận căn bản nầy. Tôi hoàn toàn theo đuổi ánh sáng của ba kinh và đặc biệt là giải thích các từ ngữ, điều ấy đã nở rộ từ nhứt tâm. Đầu tiên tôi sẽ đưa ra một vài câu hỏi và qua đó sẽ được trả lời với những bằng chứng rõ ràng. Quả thật, một sự suy nghĩ sâu sắc và có trọng lượng qua bổn phận cảm tạ của tôi đối với Đức Phật thì tôi chẳng hổ thẹn trước sự chế nhạo của con người. Đám đông tín đồ sau khi sanh về Tịnh Độ cũng giống như đa số người ghét gỏng và bêu

125 Tiếng Nhật: shingyô (chánh hạnh) là một trong 3 tâm, tâm chắc chắn là niềm tin tưởng nơi Đức A Di Đà và ra khỏi hợp lực của cảm giác của sự an nhiên và hạnh phúc. 126 Được hiểu là Đức Thích Ca Mâu Ni. 127 Tiếng Nhật: jishô yuishin. Quan niệm nầy chỉ cho ở đây việc giải thích mà theo đó Đức Di Đà là Phật tánh mà tất cả chúng sanh đều có và Tịnh Độ là một tấm gương trong sạch của tâm thức riêng lẽ giác ngộ. 128 Được hiểu là Ngài Long Thọ và Ngài Thế Thân.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 139

xấu Tịnh Độ, cầu nguyện cho họ yên ổn trong sự tán thưởng cũng như sự trách cứ của họ qua quyển sách nầy sẽ khác đi, tuy vậy chẳng phải không có những người chuyên môn nói xấu mang thêm vào.

3.2.3.4 Sưu tập những bản văn trình bày về niềm tin chân thật của Tịnh Độ Lời thệ nguyện của niềm tin chân thật129 – Những ai thuộc về đúng nhiều hơn. Sự quan sát chu đáo hồi hướng công đức từ bên ngoài đã dẫn tôi đến với niềm tin to lớn nầy. Niềm tin vĩ đại của tâm thức là con đường Thánh thiện đi đến cuộc đời dài lâu bất tử, là phương tiện bất tư nghì để chối từ thế giới nầy và sau khi về Tịnh Độ, tâm thức ấy phát xuất từ sự hồi hướng công đức qua việc tuyển chọn của Đức A Di Đà, niềm hỷ lạc tin tưởng cho tất cả sự thành tựu của tha lực, tâm chân thật, không bị tác hại như viên kim

cương; nó là niềm tin trong suốt, rõ biết rằng dễ dàng để đến được Tịnh Độ, nhưng không phải là lực của con người, đó là một tâm, được sanh về với tâm thức sáng sủa của Đức A Di Đà, là phép lạ, là niềm tin tưởng to lớn nổi bật, là con đường ngắn về Tịnh Độ, để đi đến niềm tin cho con người thật khó nhọc, nguyên nhân chân thật cho sự hướng đến Đại Niết Bàn; nó là con đường màu trắng nhanh nhất và đầy đủ nhất để đạt thành và là biển cả của niềm tin của một thực tế và của chân như. Tư cách nầy là do kết quả trực tiếp từ lời thệ nguyện của sự vãng sanh qua việc niệm Phật. Danh hiệu tiếp

129 Lời nguyện thứ 18.

140 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

theo của lời nguyện vĩ đại nầy là: “tuyển chọn bổn nguyện”, “lời thệ nguyện của 3 tính cách thuộc bổn nguyện” và “lời thệ nguyên của niềm tin từ bên ngoài”. Tuy rằng không khó cho những chúng sanh vô minh phải vượt qua luân hồi để đạt được tối thượng ấy, mà rất khó để tìm ra niềm tin chân thật. Tại sao lại như vậy? Bởi vì niềm tin ấy nắm bắt được sự cứu vớt lực của Đức Như Lai, qua năng lực ấy tiếp tục có kết quả, trong sự yên ổn của lòng thương to lớn có sinh khí của trí tuệ. Ai đó một lần trải qua việc đón nhận niềm tin trong sạch kia, thì tâm ấy sẽ rộng mở cho sự lưu thông và thói giả nhân giả nghĩa kia. Như thế những kẻ tội nặng cũng có thể đạt được sự to lớn của niềm hỷ lạc và tình thương của những vị Thánh nhân và việc đạt được sự cung kính. Kinh Đại Bản cho thấy ngôn ngữ thệ nguyện một cách chân thật của niềm tin như sau đây: “Giả thử khi ta thành Phật, tất cả chúng sanh trong 10 phương quốc độ với tâm tin tưởng chân thành và muốn sanh về thế giới của ta, cho đến 10 niệm nhứt tâm và khi làm như vậy mà chẳng được sanh về đó, thì ta sẽ không ở ngôi chánh giác; ngoại trừ những người phạm tội ngũ nghịch và những kẻ khinh chê giáo lý chân thật. ...130 Trong phần làm đầy bổn nguyện ấy có đoạn: “Mỗi một chúng sanh nghe được danh hiệu nầy và tin tưởng về việc ấy thì hãy vui mừng131 và niệm cho đến một lần, bởi vì Đức Di Đà

130 Sau đây là một trích dẫn khác từ trong Kinh với nội dung tương tự. 131 Suzuki nhấn mạnh – đồng với tư tưởng Thân Loan – là cái nhân thành tựu của danh hiệu A Di Đà, mà theo giải thích nầy khi nghe gợi lên niềm tin. Điều nhân quả nầy không thấy trong những bài vở của tiếng Trung Hoa, mà những

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 141

đã trao qua tất cả những công đức132 cho việc thành thật ấy và nếu muốn sanh về thế giới kia thì sẽ trực tiếp được sanh và chẳng bị lần nào rơi lại thế giới nầy nữa; ngoại trừ chỉ có những người phạm vào 5 tội nặng và khinh chê giáo lý chân thật.” ... Dưới đây là thêm phần trích dẫn từ kinh dịch tiếng Trung Hoa và bình luận, trong nầy Thân Loan thay đổi một phần văn phạm của những bài văn tiếng Trung Hoa về việc dịch thuật, để nội dung tư tưởng của Ngài được giống nhau; một ví dụ chính là một lần trình bày lại một đoạn của Thiện Đạo “Quán Vô Lượng Thọ kinh tứ tập chú” trong ấy đã nói về việc “đạt thành sau khi vãng sanh về Tịnh Độ qua việc trao truyền công đức” rằng: “...Phần thứ ba là sau khi được vãng sanh qua sự trao truyền công đức của tính cách đạt thành;

những chúng sanh qua đó muốn được vãng sanh về, phải chắc chắn và nhứt định trong tâm thức chân thật chứng nghiệm và ước muốn được

người Nhật có thể đọc tiếng Nhật là “myôgô o kikita shinjin kangi semukoto” dĩ nhiên là không bắt buộc phải đọc) (Xem Suzuki Daisetz: The Kyôgyôshinshô, Kyôto 1973, 89 Nihonshisôtaikei 11 205). 132 Ở phần nầy Thân Loan đã hướng dẫn cho người đọc về bản kinh tiếng Trung Hoa đã được biến đổi. Nguyên gốc phải đọc là: Mỗi chúng sanh khi nghe được danh hiệu, liền tin tưởng vào đó, vui mừng, cho đến một niệm nhứt tâm và với tâm chân thật thì tất cả những công đức kia được mang đến và nếu sau khi được sanh về Tịnh Độ thì trực tiếp đón nhận sự vãng sanh…” (như vậy thì thay vì shishin ni ekô semu, như Thân Loan đã gọi là: shishin ni ekô seshitamaheri; so sánh với Nihonshisôtaikei 11, 305; nơi bản gốc với việc Thân Loan đã đưa ra và hướng dẫn cho người đọc).

142 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

hướng dẫn, qua lời thệ nguyện của Đức A Di Đà về sự chuyển giao công đức để được chắc chắn sanh về Tịnh Độ133. Ngài Thân Loan đã lấy một đoạn trong “Quán Vô Lượng Thọ kinh tứ tập chú” cũng chứa đựng phép ẩn dụ nổi tiếng của hai dòng sông mà Thân Loan thường hay đề cập đến. Cho nên ở đây là một đoạn ngắn được tóm lược lại. Một người hướng về phía Tây theo hai dòng sông. Một dòng thì lửa cháy phực lên và trôi về hướng Nam, trong khi dòng kia hướng về hướng Bắc. Giữa hai dòng sông là một con đường nhỏ hẹp màu trắng, nối liền với bờ bên kia của phía Đông và phía Tây và luôn luôn bị lửa cháy cũng như nước dâng lên. Kẻ cướp đang rượt một người đang chạy trốn, trong khi hướng Bắc và Nam chỉ có những con thú dữ đang đói khát đợi chờ để tóm lấy hắn ta. Hắn ta biết rằng để được chạy ra khỏi thì hắn ta quyết định điều có thể cuối cùng là tìm đến con đường trắng nhỏ ấy. Có tiếng gọi hắn ta bên kia và con đường nầy chẳng bị nguy hiểm để chạy thoát, trong khi kẻ cướp vẫn gọi hắn ta trở lui. Người kia đã qua bên kia hai dòng sông và chắc chắn đạt qua bờ bên kia; nơi ấy bạn bè đã chờ hắn ta và hưởng được niềm vui to lớn. Thiện Đạo so sánh bờ phía Đông của dòng sông là thế giới của con người và bờ phía Tây là cảnh giới Cực Lạc của Đức A Di Đà. Kẻ cướp và những thú rừng nằm trong ý nghĩa của những hình thức trói buộc tâm thức và đối tượng. Hai dòng sông ấy tượng trưng cho tham lam và sân hận luôn luôn uy

133 Phần đọc bình thường là “…theo sự mong muốn được thực tập, qua lời thệ nguyện, qua những công đức kia để được chắc chắn sinh về Tịnh Độ.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 143

hiếp tâm thức của con người để phủ lên hoặc đốt cháy. Con đường trắng ngược lại là sự mong muốn, để sanh về cảnh Tịnh Độ, giọng nói ra lệnh kia cho hắn ta để đi theo con đường ấy là lắng nghe Đức Thích Ca Mâu Ni và Đức A Di Đà. Điều rõ ràng là làm rõ chứng tỏ cần thiết mà Thiện Đạo ám chỉ cho vị trí của con người. Vì lẽ ấy vị trí nầy với kẻ kia là chỉ có quy y với Đức Di Đà. Phân khúc của sự trích đoạn nầy kết thúc với một dòng từ “Vãng sanh tập” của Nguyên Tín. Điều nầy có nghĩa là những việc làm của chúng ta và lòng tin chứa đựng những việc không ngoại lệ về việc hồi hướng những

công đức thanh tịnh ấy đến Đức A Di Đà Như Lai với tâm nguyện cứu vớt. Nó xuất phát không phải là chẳng có nguyên nhân; tuy nhiên những lời thệ nguyện ấy không gì khác hơn là lời nguyện của Đức A Di Đà; việc nầy các người nên biết. Câu hỏi: Với bổn nguyện của Ngài, Đức Như Lai đã sẵn sàng thệ nguyện cho sự chân thật, cho sự hoan hỷ tin theo và cho việc được kêu gọi để sanh về Tịnh Độ. Vậy thì tại sao Ngài Thế Thân lại nói "nhứt tâm"? Đáp: Việc ấy để cho nhiều người còn ngu muội dễ hiểu, cũng là vậy; nhưng Đức A Di Đà Như Lai đã gọi chúng ta với ba tâm, Vâng! Chỉ còn niềm tin của nguyên nhân chân chánh cho việc đạt đến Niết Bàn mà thôi. Do vậy Ngài Vasubandhu (Thế Thân) tóm 3 tính cách ấy dồn chung lại chỉ còn một.

144 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Nếu tôi quán tưởng về ý nghĩa từng chữ của 3 tâm, như trong cách viết thì chúng cho tôi thấy trực tiếp phải nói là một. Bởi chữ "chân thật tín tâm", nghĩa chữ "shi" là chân thật, thật tế và hoàn toàn; còn "shin" nghĩa là căn nguyên hay là kết quả. "Tín hạnh" bao gồm chữ shin để chỉ cho tâm thức, thực tế, hoàn toàn, tổng thể và chứa đầy, hoàn toàn, hoàn hảo, công hiệu, quan trọng, được hỏi, tìm hiểu, báo tin và tin tưởng; còn "gyô" chính là sự đạt được, lòng mong muốn, tình thương, hạnh phúc, niềm vui, sự hoan hỷ và ân đức. "Đạt được sự vãng sanh về Tịnh Độ" (yokushô) trong nầy chung với chữ yoku; có nghĩa là ý muốn, vui vẻ, tỏ ngộ và rõ biết, còn shô nghĩa là sanh ra, cũng như hoàn hảo, kết quả (nghĩa là việc làm, mang đến, hành động, trách nhiệm, bắt đầu, sanh ra), việc làm và sự tăng trưởng. Từ đây đã nhận rõ rằng chân thật tín tâm vì nó là sự chân thật, tổng thể và có kết quả, không lẫn lộn với một chút nghi ngờ nào cả. Cũng như vậy vui tin là bởi vì ở đó chân thật có ảnh hưởng, tổng thể và đầy đủ tính chất, tròn đầy, hoàn hảo, có hiệu quả và nặng tính chất, câu hỏi và thử thách, báo hiệu và một tâm thức chân thật, tâm thức của sự đạt thành, ý nguyện, tình yêu thương và hạnh phúc cũng như sự hoan hỷ, vui vẻ do tâm chứa đầy ân đức, với một sự pha trộn không có sự nghi ngờ. Sự đạt thành về cảnh giới Tịnh Độ là một sự ước mong, vui thích, bừng tĩnh với tâm hiểu biết, tâm viên mãn mang đến kết quả và tĩnh thức. Đó là tính cách và tính cách nầy hồi hướng về lòng thương to lớn và từ đó cũng tìm thấy được ở đây một ý chí. Sự quan sát của chữ viết, từ khái niệm của 3 tâm ấy cũng cho thấy rằng tính cách chân thật và kết quả không còn một chút gì cả và trò gạt gẫm ấy cũng

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 145

như tính cách trực tiếp đứng đắn kia có sự sai quấy nhỏ nhoi hoặc là chứa đựng sự sai trái; như thế để rõ biết về sự chân thật và gọi là vui tin, bởi vì chúng không còn một chút nghi ngờ, một sự chối từ nào còn pha trộn. Niềm tín lạc nầy là một tâm và sự nhứt tâm ấy là sự chân thật, niềm tin có kết quả. Như vậy có thể hiểu rằng Vasubandhu đã mong muốn nói về một tâm nầy. Câu hỏi tiếp theo: Tuy hiểu được việc ấy là tác gỉa của "giải thích về Tịnh Độ" đã gồm chung 3 tâm trong ý nghĩa của từ vựng; nhưng ngoài ra còn Đức A Di Đà Như Lai đối với đại đa số những tội lỗi không biết hết được và qua lời thệ nguyện đã mang đến cho tư cách của ba việc nầy134. Như vậy phải nghĩ như thế nào về việc ấy? Trả lời: ý nghĩa của Phật thì không thể hiểu thấu. Tuy nhiên chúng ta thử tiêu biểu việc kia với sự khiêm tốn sâu kín cho việc thăm dò nầy, như thế đầu tiên

chúng ta sẽ gặp những chúng sanh ở trong biển cả đã bị chìm đắm trong tội lỗi và sự dơ bẩn trong vô lượng quá khứ cho đến ngày nay và qua đến thời kỳ của chúng ta, chẳng có một tâm thức nào trong sạch và thanh tịnh cả. Nào là dối trá, gạt gẫm và lừa dối, đã chẳng có một tính chất chân thật và hiệu quả nào. Cho nên Đức A Di Đà mới dùng lời từ bi để xoa dịu cả biển chúng sanh đang đau đớn ấy. Từ vô lượng thời gian hằng triệu năm về trước khi Ngài còn là một vị Bồ Tát, Ngài đã thực hiện tất cả 3 hình thức của

134 Đây được hiểu với sự tóm gọn của lời nguyện thứ 18, sau khi một chúng sanh được sanh về Tịnh Độ, nếu nghe được danh hiệu của Đức A Di Đà với (tâm chân thật vui vẻ và tin tưởng cũng như ước nguyện sanh về được cảnh giới của Đức A Di Đà).

146 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

việc làm ấy135. Không gián đoạn, không suy nghĩ nào chẳng trong sạch, chẳng một lần nào tâm của Ngài chệch khỏi sự thật hết. Như vậy qua tín tâm chân thật thanh tịnh của Đức A Di Đà, tất cả đều được thâm nhập, không chướng ngại ngăn cản, không thể đo lường, không thể gọi tên, không thể giải thích về những việc làm đạo đức đã mang đến đầy đủ và nhận được công đức ấy. Và niềm tin chân thật nơi Đức A Di Đà do Ngài đặt ra cho tất cả chúng sanh, vĩnh viễn của bản năng kia, cho nghiệp quả xấu và những việc làm sai quấy của họ, được giao phó. Bởi vì trong sự chân thật và trực tiếp cho việc sử dụng để cho những ý nghĩa khác hướng dẫn của chư Phật đã được biểu lộ ra, cho nên trong đó không có pha lẫn sự nghi ngờ nào cả. Bản thể của tín tâm chân thật là danh hiệu linh thiêng, là đầy đủ năng lực của đạo đức. ...136 Như vậy chúng ta đã hiểu qua về chữ nghĩa đứng đắn của chư vị Thánh Nhơn và qua sự bình luận của chư vị Tổ Sư mà tính cách nầy chẳng đo lường được, chẳng gọi tên được và chẳng thể giải thích được, biển vũ trụ đong đầy lời thệ nguyện của trí tuệ tuyệt đối, tâm chân thật và hiệu quả, là qua sự giúp đỡ để hướng về công đức khác. Đây chính là ý nghĩa dùng để chỉ cho “tính cách đứng đắn”. ...137

135 Tiếng Nhật: sangô; tức là sự suy nghĩ, ngôn ngữ và hành động. 136 Việc trích dẫn phía dưới từ những phần bằng chữ Hán khác nhau trong kinh Đại Bản A Di Đà và từ sự bình chú của Thiện Đạo và phần cuối chứng minh cho những điều Đức Di Đà đã nói.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 147

Phần kế tiếp là niềm tin vui. Đó chính là biển tin tưởng, là sự vượt qua tất cả những điều chẳng ngăn ngại sâu xa của Đức A Di Đà đong đầy bởi lòng từ bi. Do vậy chẳng nghi ngờ có một chút chối bỏ vào và vì thế gọi là “tín nhạo”. Nghĩa là chân thật chánh tín ấy để lợi lạc cho những người khác, là bản thể của niềm hỷ tín. Song le tất cả biển cả của chúng sanh từ thời vô tận trong thế giới nầy đã luôn luôn biến đổi trở lại trong biển tối tăm mà ở trong ấy rất nhiều khu vực khác nhau của chúng sanh bị chìm đắm và bị nối kết bởi những bánh xe của sự khổ đau, họ chẳng hề có niềm tín nhạo, chẳng hề có chân thật tín tâm. Vì vậy với họ rất là khó khăn để gặp được tất cả những công đức cao cả và hầu như chẳng thể nào đạt được niềm tin hoàn toàn trong sạch. Tất cả những chúng sanh đời thường từ muôn thuở những việc tốt đẹp của họ bị bao phủ bởi

sự tham lam và trói buộc. Sự giận dữ si mê của họ đã đốt cháy những điều trân quý của sự thật. Việc làm đáng lo cho họ là họ tìm cách vội vả để sửa đổi lại, giống như họ phải chiến đấu với lửa, như lửa đang cháy trên đầu họ. Nhưng tất cả những việc nầy chỉ dẫn đến một điều tốt đẹp, điều ấy lẫn lộn giữa độc tố và tất cả những hành động tốt để làm chứng cho sự trống rỗng, đạo đức giả của những việc làm dối trá kia. Một hành động giống với sự chân thật, chẳng thể gọi là như vậy được. Nó chẳng thể đạt được ý muốn sanh về khi còn dối trá, lẫn lộn giữa độc tố và sự tốt đẹp ở nơi cảnh giới Vô Lượng Quang kia. Khi Đức A Di Đà Như Lai còn làm những việc như vị Bồ Tát, thì trong tất cả ở ba thể loại của hành động kia

137 Tiếp theo 2 phần ngắn được trích ra từ kinh Niết Bàn và từ sự bình luận của Thiện Đạo.

148 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

không một giây phút nào hay là trong một niệm nào pha lẫn của sự nghi ngờ. Bởi vì tính cách của tâm thức nầy là của lòng từ bi to lớn của Đức A Di Đà, cho nên nó cần thiết cho nguyên nhân của sự đứng đắn cho quốc độ của sự tán thưởng ấy. Đức A Di Đà từ lòng thương yêu về sự khổ của chúng sanh, không có giới hạn, rộng mở, trong sạch tin tưởng hướng đến và trao truyền cho biển cả của tất cả chúng sanh. Điều nầy được gọi là hướng về sự lợi lạc cho những người khác, là dấu hiệu của sự chân thật và hiệu quả trong tính chất của niềm tin. ...138 Phần kế tiếp là sự đạt thành sau khi sanh về Tịnh Độ. Tương ưng với việc niệm danh hiệu Đức A Di Đà của vô lượng chúng sanh trong tất cả mọi nơi có sự hiện hữu của chúng sanh được mời gọi. Ngoài ra chánh tín chân thật là bản thể của sự sanh về Tịnh Độ. Quả thật, chẳng phải được thấy ở sự hướng về phước đức của những niềm tin thường tình hoặc giả của các vị Thánh Đại Thừa hay Tiểu Thừa về bất cứ sự thông thái nào từ tự lực mang đến. Việc ấy cũng là dấu hiệu để cho việc "không hướng về"; bởi vì tất cả chúng sanh nhiều vô số như cát của sông Hằng sẽ được gội rửa đây đó trong biển của bản năng và sự đau khổ. Họ ngụp lặn trong biển sanh tử và không còn tâm chân chánh và trong sạch để quay về. Vì lý do nầy nên Đức A Di Đà với tấm lòng từ bi thương yêu tất cả nỗi

138 Phần trích dưới đây từ những bản dịch khác nhau của kinh Đại Bản A Di Đà, từ kinh Niết Bàn và từ kinh Hoa Nghiêm, những điều nầy để giúp cho việc đã được nói đến và nhấn mạnh về vai trò của niềm tin. Đoạn cuối của kinh Hoa Nghiêm được trích ra đặc biệt trình bày về niềm tin về lý do quyết định thay đổi của tất cả những việc làm tốt. Phần cuối cùng nối kết với một trích đoạn của Đàm Loan trong "Bình luận về bài luận Tịnh Độ".

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 149

khổ trong biển nầy của chúng sanh và Ngài hướng dẫn công việc làm cho các vị Bồ Tát trong mỗi sát na và mỗi sự nhớ nghĩ trong tất cả 3 hình thức của việc chứa đựng đầy đủ lòng từ vô lượng kia và chủ yếu là tính cách quay về. Khi Ngài đạt được và Ngài đã trao qua sự chân thật, kết quả đạt được sau khi sanh về Tịnh Độ để sử dụng cho tất cả những việc khác của tất cả chúng sanh. Việc đạt thành sau khi sanh về là tính cách trực

tiếp để trao qua tất cả những công đức 139. Bởi vì ngược lại với tính cách của tình thương yêu rộng lớn thì người ta cũng chẳng thấy ở đây một sự thối thác lẫn lộn nhỏ nhoi nào cả. Về việc nầy trong kinh có chỗ nói về việc đong đầy bổn nguyện và việc đạt được sự sanh về Tịnh Độ cho biết rằng: "Đức A Di Đà đã trao qua cho tất cả những công đức chân thật. Ai cũng được sanh về cảnh giới ấy, sự vãng sanh trực tiếp hiện ra, người ấy đi về đó và chẳng bao giờ bị sanh trở lại thế giới nầy nữa. Nhưng ngoại trừ những kẻ phạm vào tội ngũ nghịch cũng như khinh chê giáo lý"140. ...

139 Sự liên hệ nối kết với ý nguyện sau khi vãng sanh về Tịnh Độ và theo Thân Loan thì tính cách hồi hướng phước đức cũng chẳng nằm về công đức tự lực cho mục đích nầy, là điều kiện cho sự vãng sanh. Nó chính là phần chân thật tín tâm để sanh về không những chỉ để cho ý muốn riêng lẽ của họ; tuy nhiên cũng còn cho tất cả, bởi vì họ ở con đường nhanh nhất, khi các vị Bồ Tát cũng có thể giúp đỡ những chúng sanh khác vậy. 140 Từ kinh Đại Bản A Di Đà. Ở đây Thân Loan cũng thay đổi lần nữa văn phạm của tiếng Hoa và đọc ban đầu là: "Đức A Di Đà hướng đến chân thật" (shishin ekô shitamaheri; hướng về bậc kỳ Đức A Di Đà như là chủ thể hành động). Thay vì: "ai đã hướng về một cách chân thật và (sau khi đạt thành Tịnh Độ)". (shishin ekô shite kano kuni...)

150 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Phần dưới đây tiếp theo là phần trích riêng, mà trong ấy Thân Loan đã đổi lại phần văn phạm cổ điển để cho thích hợp với tư tưởng của Ngài. Thứ tự phần chữ cuối cùng theo sau là của Thiện Đạo. "...Điều ấy sâu sắc trong tâm được cắm rễ bởi niềm tin như là viên kim cương. Chẳng có khác với việc nhận biết, ý niệm về giáo lý, sự giải thích hay việc thực tập không có gì có thể thay đổi niềm tin ấy. Một người tin chắc vào sự nhứt tâm, khi quyết định về việc gì thì họ chẳng nghe theo người khác. Nếu mà tới lui trong tâm thì từ đó sinh ra sự yếu đuối, cái nhìn viễn vông thay đổi đây, kia, làm cho con người sẽ lầm lạc. Nghĩa là hắn ta sẽ rời xa sự thắng lợi to lớn cho sự vãng sanh". Thực tế thì bây giờ chúng ta biết rằng những gì là sự giả tạo của hai dòng sông và được nói rằng: "Con đường trắng"; con đường trắng bởi vì trắng đối nghĩa với đen. Trắng ở đây chỉ cho sự chọn lựa của Pháp Tạng và mủi lòng cho việc làm, việc làm trong sạch của việc hồi hướng công đức cho bên ngoài. Màu đen là những việc làm tội lỗi, xuất phát từ sự tăm tối của bản năng và sự đau khổ. Màu đen tượng trưng cho việc không tốt đẹp mà các vị Thanh Văn, những vị Độc Giác và các vị Trời hoàn thành. "Con đường" ở đây ngược lại với chữ "con hẻm". Con đường là tên gọi thẳng con đường của sự thành tựu tuyệt đối, dẫn đến bổn nguyện và là con đường cao cả nhất, vĩ đại nhất để đến Niết Bàn viên mãn. "Dấu vết" ấy chính là con đường nhỏ của 10.000 việc tốt mà những tín đồ của hai hay 3 thừa phải bước lên. "đơn vị nhỏ" tương ưng với 4 vật chất căn

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 151

bản và 5 uẩn141. "Sự phát sinh được đạt thành thanh tịnh" ở đây hiểu là sự thành tựu tư cách cứng rắn thật chắc của kim cương. Bởi vì họ đang ở trong biển sâu của lòng tin và được trao qua lực bổn nguyện, nên không thể tiêu hủy. Do vậy được so sánh như

kim cương vậy. ...142 Quả thật, bây giờ chúng ta hiểu được rằng sự chân thật vui tin và đạt được cảnh giới Tịnh Độ ngoài ra như chữ ấy đã quyết định cho ý nghĩa nằm bên trong của mỗi một. Bởi vì trong 3 tính cách nầy tìm thấy được sự lẫn lộn chẳng còn một sự nghi ngờ nào cả, cho nên mới nối liền với nhứt tâm của sự chân thật. Đó được gọi là tâm kim cang chân thật. Trong niềm tin chân thật ấy sẵn sàng cần thiết cho danh hiệu linh thiêng. Danh hiệu linh thiêng mang đến sự tin tưởng không có lỗi lầm về lực thệ nguyện. Từ lý do nầy tác giả đã dùng đến "bài luận" bắt đầu với chữ "tôi, với nhứt tâm" và nói tiếp theo rằng "Bởi vì sự thành tựu nầy đồng với ý nghĩa của danh hiệu Ngài và việc làm ấy tương ưng với chính sự thật kia". Tôi cảm thấy rằng khi nghĩ về biển cả của niềm tin nó chẳng phải phân biệt ở chỗ giữa cao và thấp, Tăng sĩ và tín đồ. Ở đây cũng chẳng nói về đàn ông, đàn bà, già hay trẻ, chẳng gạn hỏi về số lượng tội lỗi và chẳng cân đo sự thực tập hướng

141 Tứ đại (tiếng Nhật: shidai) gồm: đất, nước, gió, lửa. Ngũ uẩn (tiếng Phạn: skandha; tiếng Nhật: goon) gồm: sắc (thân thể), thọ, tưởng, hành và thức. Chúng được cấu tạo theo cách phân tích của Phật Giáo thuộc về cá nhân con người (xem Edward Conze, Tư Tưởng Phật Giáo, Frankfurt 1990: 148 và David Kalupahana, lịch sử triết học Phật Giáo, Delhi 1994:96). 142 Đoạn trích dẫn ngắn phía dưới từ Quán Vô Lượng Thọ kinh tứ tập chú.

152 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

tới bao lâu. Nó chẳng những là việc làm mà còn tốt nữa, chẳng những đột nhiên mà còn giác ngộ từ bi143. Chẳng phải là Tông phái của Thiền định mà còn trong những hành động bên ngoài nữa, chẳng những chân thật mà còn thấy nghe sai quấy. Nó chẳng những với thể thức tham thiền mà còn chẳng nghĩ gì cả144 để làm, chẳng phải trong thời gian của cuộc đời mà còn trong gang tấc của tử vong và cũng chẳng phải với nhiều loại hoặc là một loại suy tưởng145. Nó chỉ là một niềm tin không thể đo lường, không thể giải thích và chẳng thể gọi được. Nó giống như thần dược Agada, chữa được nọc độc chẳng làm hại. Lời thệ nguyện của Đức Như Lai là một thần dược, khử trừ những chất độc của sự hiểu biết và ngu si kia. Với tâm giác ngộ chia ra 2 loại khác nhau, đó là việc đi thẳng và đi ngang. Ở trong sự thẳng đó lại có 2 loại, gọi là vượt thẳng và vượt ra khỏi ngay. Cả hai đều được giải thích trong giáo lý Tiểu Thừa cũng như Đại Thừa có tính cách lâm thời và chân thật cởi mở cũng như bí mật. Họ dạy cho tâm giác ngộ như là A Tăng Kỳ kiếp sẽ đạt được trong vòng quay của thế giới, mà tâm kim cang xuất hiện từ tự lực và tâm của Đại Bồ Tát. Cùng với tâm đi ngang đạt ngộ lại chia ra làm hai loại

143 Điều nầy và những cặp khái niệm sau đây căn cứ vào giáo nghĩa của nhiều tông phái khác nhau của Phật Giáo về con đường giác ngộ tốt nhất. 144 Điều nầy chỉ cho kỹ thuật thiền định, căn cứ việc quán tưởng, cũng như điều gì mà qua Thiền Định thì tất cả những tư duy và tư tưởng đều trống không. 145 Hai cặp ngược lại cuối cùng chỉ cho tư tưởng khác nhau trong Phật Giáo A Di Đà rằng bây giờ đến liền để hướng dẫn tích cực niệm Phật trong thời gian còn sống hoặc đếm từng giây phút chết trước tất cả suy nghĩ về Đức A Di Đà, hay thường thường niệm Phật đóng giữ một vai trò hoặc giả chỉ

một niệm nhứt tâm quay về là đầy đủ.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 153

là vượt lên một bên và ra khỏi một bên. Ra khỏi một bên chỉ cho tâm của sự giác ngộ còn nằm trong tha lực và còn chứa đựng riêng lẽ, trong thể thức của thiền định hay thực hành của Tông phái, của tổng thể đúng hay quay về146 nơi tin tưởng. Sự vượt qua một bên thì ngược lại, đó là sự tín nhạo như kẻ kia được trao qua lời thệ nguyện. Tâm nầy gọi là tâm hướng về Phật quả. Tâm hướng về Phật quả là tâm giác ngộ to lớn đạt được trực tiếp một phía. Đó gọi là kim cang tâm, tâm ấy vượt lên một bên và đạt được sự giác ngộ. Tuy rằng chữ "đạt được trực tiếp hay một bên", nhưng mỗi tâm giác ngộ lại có ý nghĩa khác nhau; tuy nhiên trong hai trường hợp là mệnh lệnh để đi vào chân như. Tâm thức như thật là gốc rễ và là cội nguồn. Sự sai quấy và hủy hoại mang đến sự lộn xộn làm mất đi và dẫn đến cảm giác thối thác. Tu sĩ cũng như tín đồ khi đạt được Tịnh Độ thì phải hiểu lời vàng về niềm tin thật sự chưa đủ. Họ phải vượt khỏi những giới hạn của Thanh Văn và rộng mở tâm thức sai quấy xa đi. ...147 Qua sự quan sát về sự chân thật của niềm tin tôi cảm thấy trong đó "một ý niệm". Điều nầy được gọi là một khỏanh khắc, tín nhạo xuất phát hạnh phúc to lớn chẳng đo lường được. Cho nên trong kinh Đại Bản nói rằng:

146 Sự quy y riêng chỉ Đức A Di Đà hoặc giả đồng thời cũng tôn kính nhiều vị Phật và các vị Bồ Tát khác bên cạnh Ngài. 147 Trích ra nguồn tài liệu phía dưới như đã được chứng minh qua lời nói và đặc biệt về việc đi đến lời thệ nguyện mà chẳng có phân biệt giữa những chúng sanh khác nhau.

154 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

"Cứ mỗi chúng sanh nghe danh hiệu nầy và với tâm tin tưởng về việc ấy và vui mừng cũng như cho đến một niệm thì Đức A Di Đà sẽ hướng đến họ trong tín tâm chân thật của công đức. Qua sự mong ước sẽ được sanh về cõi kia, họ sẽ thành tựu trực tiếp cho sự vãng sanh; khi đến cõi ấy rồi chẳng còn lần nào bị rơi vào thế giới nầy nữa.148 ...149 Vị Tăng sĩ chùa Quang Minh150 nói về "nhứt tâm, việc cốt yếu của tư duy" và tiếp theo là "tư cách cốt yếu và sự tư duy cốt yếu". Nếu như trong kinh nói cho "Thanh Văn" nghe và ý nghĩa nầy là tất cả chúng sanh khi nghe được về việc nầy thì làm sao và làm như thế nào để Đức Phật mang được những lời thệ nguyện đến và làm đầy đủ, thông thoáng trong tất cả sự thối thác. Đây nghĩa chữ "người nghe", có nghĩa là "tâm tin tưởng" qua năng lực bổn nguyện để hướng đến tư cách tin tưởng. "Tự vui" là diễn tả hạnh phúc vô biên, thân thể và tâm thức tắm gội trong ấy. "Cho đến" là một chữ mà có nghĩa tóm gọn trong nhiều hay ít hơn. Từ "một niệm" là lời dạy, bởi vì tâm tin tưởng chẳng chứa đựng hai loại tư cách; điều nầy cũng có nghĩa là "một tư cách". Nó là nguyên nhân chân thật của việc tán dương Tịnh Độ.

148
Cách đã được thay đổi qua tư tưởng của Thân Loan.
149
Hai phần trích đoạn tiếp theo từ kinh Đại Bản A Di Đà và kinh Đại Bát Niết

Bàn.
150
Thiện Đạo.
Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 155

Ai đã chứng được tâm kim cang chân thật thì kẻ ấy vượt qua khỏi một bên đường của 5 thế giới đời sống và 8 điều dơ xấu151. Trước sau gì kẻ ấy cũng nhận được 10 loại lợi lạc ngay cả trong đời nầy. Mười điều nầy là: Một là bảo hộ cho năng lực vượt trội; hai là sự cung cấp với đạo đức cao vời đầy đủ; ba là năng lực, biến đổi việc xấu trong cái tốt; bốn là trợ giúp cho tất cả tư tưởng của các vị Phật; năm là tán dương và ca ngợi tất cả chư Phật; sáu là luôn luôn chiếu rọi ánh sáng của Đức A Di Đà; bảy là làm tràn đầy tâm với sự hoan hỷ lớn; tám là niệm ân cho lời thệ nguyện và như lời ấy đã ban thưởng; chín là luôn luôn hành động trong ý nghĩa tình thương to lớn; mười là vào trong thứ bậc của sự xác quyết đứng đắn. Những gì vị Thầy đã dạy về "tư duy độc lập" là một sự thực tập. "Tư cách riêng biệt" là "một tâm". Như vậy ý nghĩa "một tư duy" là nằm trong chữ đong đầy lời thệ nguyện của mỗi "tính chất riêng biệt". Tính chất riêng biệt là tư cách sâu thẳm. Tư cách sâu thẳm là một với niềm tin sâu xa. Niềm tin sâu xa gọi là chắc chắn và tin tưởng không thay đổi. Niềm tin chắc chắn và không thay đổi là tâm thức quyết định đứng đắn. Tâm thức quyết định đứng đắn là tư cách cao vời về điều không thể cao hơn được. Tư cách cao vời ấy là tâm của chân như. Tâm trong sự thật là tinh thần trở về của Đức Phật A Di 151 Bởi 5 đời sống trong thế giới, trong ấy những chúng sanh trong vòng luân hồi, chủ ý gồm ở địa ngục, thế giới của quỷ đói, của súc sanh và của loài người cũng như Thiên Thần. Tám điều bất hạnh chỉ cho những ai không thể có được, đó là gặp Phật và nghe giáo lý của Ngài gồm có những điều: sinh ra (1) ở trong địa ngục (2) thế giới của ngạ quỷ hoặc (3) súc sanh; sự sinh ra (4) ở cõi Trời hoặc (5) ở một trong cõi Trường Thọ Thiên; (6) sinh ra bị mù, điếc, câm ngọng; (7) cuộc sống con người có đầy đủ trí tuệ thế gian; (8) sống ngoài thời gian tại thế của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

156 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Đà không ngừng nghỉ. Tinh thần trở về không ngừng nghỉ với Đức A Di Đà là đơn giản và trong sạch. Tinh thần đơn giản trong sạch được đong đầy bởi tư duy cao tột. Sự tư duy nào mà đong đầy với tâm thức là một tâm của sự thành quả chân thật. Một tâm với thành quả chân thật là tâm thức lớn lao vui vẻ. Tâm thức lớn lao vui vẻ là niềm tin chính đáng và chân thật. (Dịch xong đoạn trên vào ngày 24 tháng 8 năm 2011 tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover – Đức quốc) Thích Như Điển

Niềm tin chân thật là tâm kim cang. Tâm kim cang là một trạng thái hướng về Phật quả. Trạng thái đạt được ở Phật quả là muốn cứu vớt tất cả chúng sanh. Sự mong muốn cứu vớt tất cả chúng sanh là tâm thức gồm tất cả chúng sanh đã sanh về Tịnh Độ với niềm vui hòa bình an lạc. Tâm nầy trực tiếp với tâm giác ngộ vĩ đại và là tâm của lòng từ bi to lớn, bởi vì tâm ấy xuất phát từ trí tuệ của Đức Vô Lượng Quang152. Biển thệ nguyện ấy là bình đẳng và phẳng lặng. Vì thế niềm tin cũng luôn luôn ngang nhau. Bởi vì niềm tin giống nhau, nên con đường cũng giống nhau. Bởi vì con đường giống nhau

nên lòng từ bi to lớn cũng giống nhau. Lòng từ bi vĩ đại cũng là điều kiện chân thật cho Phật đạo. ...153

152 Tâm thức, tâm trạng, tư cách v.v... là tất cả những dấu hiệu dịch giải về chữ tâm. Nó có nghĩa là thay đổi cho dễ nghe. 153 Phần trích tiếp theo của Đàm Loan và Thiện Đạo cho việc nói ấy mạnh mẽ hơn.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 157

Như thế chúng ta hiểu rằng "nhứt tâm" là một việc làm với thành quả tuyệt đối trong sự hòa hợp. Nghĩa là: nó là giáo lý đứng đắn, sự hiểu biết đứng đắn, hiệu quả đứng đắn và sự hiểu biết đứng đắn. Như vậy tôi đã trả lời câu hỏi về những gì gọi là ba tư cách đứng đắn của một tâm và một tâm ấy chính là tâm kim cang của sự chân thật. Điều nầy các ngươi nên rõ. ...154 "Vượt qua một bên và cắt đứt 4 dòng155": "Vượt qua khỏi một bên" – chữ "một bên" có nghĩa là vượt thẳng và ngược lại với vượt ra ngoài. "Vượt qua" là ngược lại với đi vòng hoặc là đi quanh. "Vượt thẳng qua", đây mới chính là giáo lý chân thật của Đại Thừa. "Đi thẳng ra ngoài" tương đương với tạm thời như phương tiện được chọn lựa bởi giáo lý Đại Thừa, như giáo lý của Nhị Thừa hoặc Tam Thừa, là con đường không trực tiếp đi thẳng. "Vượt qua khỏi một bên" là giáo lý chân thật và Tông phái đứng đắn của lời thệ nguyện được đong đầy bởi sự viên mãn chân thật tuyệt đối. Bên cạnh cũng còn việc vượt qua khỏi một bên, ba cấp bậc và chín cấp bậc, giáo lý Thiền Định và thực tập, đầy sự biến đổi và quốc độ an nhàn, kết hợp với con đường đi vòng quanh tốt đẹp156. Sự ca ngợi của Tịnh Độ,

154 Dưới đây là một đoạn đệm vào giữa, trong đó khái niệm về tâm bồ đề (tâm giác ngộ); tâm nầy là tâm cao nhất – giải thích thêm một lần nữa. 155 Với câu nầy Shinran dẫn sang đề tài hiệu quả của niềm tin và tiếp đó là sự tin tưởng về lời thệ nguyện của Đức A Di Đà. Ý nghĩa hướng về quan niệm được giải thích qua những tài liệu kế tiếp. 156 Với câu nầy cho thấy rằng Thân Loan đối với Tông Tịnh Độ ám chỉ cho sự tin tưởng vào lời thệ nguyện của Phật A Di Đà ngoài ra còn có tự lực của tín đồ để cho đủ điều kiện sanh về Tịnh Độ.

158 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

tương đương với lời nguyện rộng lớn, không có cấp bậc, rào cản, thứ lớp và thang cấp. Thoáng chốc của một tư duy cho ta biết được ngay lập tức tất cả điểm cao nhất, con đường đứng đắn và chân thật trong một bước nhảy ấy. Và vì thế gọi đây là "vượt ra khỏi một bên".157 ... 158 "Cắt đứt" nghĩa là niềm tin căn bản mang đến nhất tâm, tương đương với lời thệ nguyện của đức A Di Đà, không còn phải sanh lại tiếp ở thế giới trần tục nữa. Hắn ta không cần phải đi vào thế gian. Nguyên nhân của nghiệp lực, để sanh vào trong sáu cõi và dẫn đến hình thức của bốn thể loại chúng sanh159, với kia không còn nữa và kết quả được chối từ. Qua đó hắn ta cắt đứt trực tiếp ngay lập tức việc sanh tử trong tam giới. "Với bốn dòng" nghĩa là bốn dòng chảy xiết160 qua việc sanh, già, bệnh và chết. ...161

157 Với việc nầy Thân Loan đã đưa ra tất cả những giáo lý của giáo pháp cổ điển; mà giáo lý của Ngài là tối thượng nhất, vì lẽ giáo lý ấy trực tiếp đạt đến Phật quả. Không lệ

thuộc điều kiện và khả năng dẫn đến niềm tin. 158 Phần tiếp theo là một vài chỗ chính (nguyên văn) trích ra từ kinh Đại Bản và Tiểu Bản A Di Đà. 159 Tiếng Nhật: Shishô (tứ sanh). Đó là 4 hình thức của các loại được sanh ra: sanh ra từ bụng mẹ; sanh ra từ trứng; sanh ra từ nước, như trứng cá và hóa sanh trong một thế giới cao hơn, như ảo ảnh (đơm đớm) hoặc mộng mị. 160 Tiếng Nhật: shiboru (tứ bạo lưu). 1.Dòng chảy của tham lam, nghĩa là mưu mô quỉ quyệt của sự khổ đau; 2.Dòng chảy của sự hiện hữu của sự gạt gẫm lâu dài làm căn bản của thực thể riêng biệt; 3.Dòng chảy của quan niệm, bị trói buộc và tự kỷ, giới thiệu cái tôi vào đó; 4.Dòng chảy của vô minh, đóng chặt mắt lại trước trí tuệ của Phật. 161 Những bài văn khác nhau tiếp theo được trích từ nguồn có uy tín và nhấn mạnh rằng: niềm tin với sự vãng sanh về Tịnh Độ là cao nhất trong sự giác ngộ

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 159

Quả thật ta đã nhận ra rằng: Bởi vì đức Di Lặc đã đạt được tâm kim cang vĩ đại chắc thật đồng đẳng với Đức Phật và Ngài sẽ đạt thành sự giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác162 ở dưới cây Long Hoa trong đêm của ba lần độ chúng. Và bởi vì tất cả những tín đồ niệm Phật đã đạt được tâm kim cang trong việc “vượt qua khỏi một bên, họ sẽ trải qua một niệm chớp nhoáng trong sự chết, với một bước nhảy đến Niết Bàn rộng lớn. Vì thế gọi đây là chỗ đứng của những tín đồ giống với ngài Di Lặc. Và không phải chỉ có vậy, ai đạt được kim cang tâm, giống như bà Vy Đề Hy và đạt được trực tiếp sự hỷ lạc lâu dài, sự hiểu biết và tin tưởng. Việc nầy xảy ra vì Ngài đã thâm nhập tư cách chân thật, mà tư cách ấy phát xuất từ bên ngoài hướng đến đức A Di Đà. Toàn thể điều nầy dựa vào Bổn nguyện không thể đo lường được. ...163 Quả thật, tôi nhận ra rằng: Tôi là Thân Loan đáng tiếc, là kẻ đầu cạo nhẫn chẳng biết gì, sẽ bị chìm đắm trong biển khổ của tham dục và bơi lội loanh quanh trong núi cao mù mịt cũng như danh lợi và sự sử dụng của thế gian. Tôi chẳng cảm thấy

và chắc chắn ở Phật quả. Ngay đó tìm thấy một giải thích ngắn của Thân Loan về việc nầy rằng: ai là đệ tử chân chính của Phật và ở cuối phần kết có một vài đoạn trong ấy được so sánh hình ảnh của nhân dân của Tịnh Độ với Bồ Tát Di Lặc, vị Phật của tương lai. 162 Theo kinh Pháp Hoa thì Bồ Tát Di Lặc, vị Phật tương lai; còn ở trên cung trời Đao Lợi. Từ đó sau 5.670.000.000 (5 tỉ 670 triệu) năm sẽ được sinh ra ở thế giới nầy và ở cõi nầy Ngài đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nghĩa là Ngài sẽ hóa độ dưới cây Long Hoa ba lần cho vô lượng thính chúng. Từ đó có nhấn mạnh về “ba hội”. 163 Một ít nguồn tài liệu được trích dẫn và giải thích ngắn gọn về chữ giáo lý “lâm thời” và “ sai quấy”, chống lại sự thay đổi của Thân Loan.

160 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

vui về việc tôi bước vào trong vô số quy định đứng đắn, mà tôi cũng chẳng vui về điều ấy, để gần được chân giác ngộ. Xấu hổ biết dường bao! Đau đớn biết dường bao!164 Đức Phật165 đã nói về việc ấy trong kinh Niết Bàn mà Ngài đã giải thích trong trường hợp bệnh nặng của chúng sanh rằng: “Nầy Ca Diếp! Trong thế giới nầy có ba loại người bị bịnh nặng có thể chữa được. Loại người đầu tiên thuộc những kẻ dối trá Đại Thừa;

loại thứ hai thuộc loại phạm vào ngũ trọng tội và loại thứ ba là icchantika (nhứt xiển đề)166. Ba loại bịnh nầy đều là những bịnh nặng nhất của thế giới nầy. Họ không có thể được chữa trị bởi một vị Thanh Văn hay một vị Độc Giác Phật, ngay cả của một vị Bồ Tát nữa... Hãy để cho họ theo chân Phật và các vị Bồ Tát và sau khi chữa trị qua các vị Thanh Văn167 đạt được rồi, thì sẽ hướng đến đồng đẳng với bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác... Phần phía dưới là câu chuyện về Ông vua con người Ấn Độ tên A Xà Thế, là con trai của hoàng hậu Vy Đề Hy, ông ta đã bắt giam cha mình và sống một đời sống thiếu đạo đức. Khi ông ta ăn năn hối hận. Những vị cố vấn của ông ta giới thiệu những y sĩ cho ông qua nhiều lời khuyên. Vị bác sĩ Jivaka (Kỳ Bà) đã kể cho A Xà Thế nghe về Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, người mà lại còn giúp đỡ em họ là Đề Bà Đạt Đa, để phá sự hòa hợp, đã giết chết một Ni Cô và làm Đức Phật bị thương.

164

Với đoạn nầy Thân Loan hướng dẫn cho câu hỏi để biết rằng ai là đối tượng của sự trợ giúp và được giúp qua Đức A Di Đà.

165

Đức Thích Ca Mâu Ni.

166

Chúng sanh với niềm tin và thiên bẩm về việc tốt bị thiếu; nhưng họ chẳng hướng về sự giác ngộ mà cũng chẳng thể tự lực được.

167

Ở đây được hiểu là tên của Đức A Di Đà.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 161

Giọng nói của Tần Bà Sa La, cha của A Xà Thế từ trên trời vọng xuống khuyên ông ta hãy nghe lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật nói tiếp trong kinh nầy rằng: "Nầy Thiện nam tử! Như ta đã nói: ta rút lại ý muốn chưa vào Niết Bàn vì A Xà Thế. Ý nghĩa ẩn náu trong ngôn từ nầy ta chưa giải thích cho các ngươi. Khi ta dùng chữ "ý muốn" để nói là ta nghĩ đến tất cả những chúng sanh trần thế và với A Xà Thế ta tiếp tục nghĩ rộng cho tất cả về ngũ trọng tội." ...168 Từ đó chúng ta có thể thấy rằng: sau những lời dạy chân thật của bậc Đại Giác về ba loại chúng sanh khó độ và ba loại thuốc chữa bịnh nặng thành tựu qua bốn nguyện rộng lớn và lòng từ bi vô hạn. Nếu những chúng sanh nầy quy y với biển cả của niềm tin và phát sinh từ tha lực thì với lòng thương xót của Đức A Di Đà với các ngươi thì bịnh kia sẽ được chữa. Lời thệ nguyện ấy giống như liều thuốc ngon ngọt nhiệm mầu để chữa lành tất cả các loại bịnh. Hãy biết rằng: Nhiều chúng sanh khác nhau trong thế giới bất tịnh nầy chứa đầy hàng loạt những tội lỗi và sự dơ nhớp, họ nên tìm đến tâm chân thật, không bị hủy hoại như một viên kim cang. Họ nên chụp lấy thuốc uống vi diệu ngọt ngào của bổn nguyện ấy. Quan niệm về "chúng sanh khó thay đổi" đã được giải thích trong nhiều tác phẩm của Đại Thừa. Như trong kinh Đại

168 Phần trích dẫn tiếp theo sau, trích ra từ những đoạn bài dịch khác nhau của kinh Niết Bàn.

162 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Bản nói rằng: “chỉ ngoại trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch và những người chê bai giáo pháp”. Nhưng ở một nơi khác lại nói: “chỉ ngoại trừ những kẻ bị tội trực tiếp rơi vào địa ngục, tội hủy báng giáo pháp và tội với tất cả các vị Thánh”. Ở trong kinh Quán Vô Lượng Thọ tuy rằng có nói việc có thể sự vãng sanh cho mỗi trường hợp một cho những người phạm tội ngũ nghịch, giải thích, nhưng chẳng phải cho người hủy báng giáo pháp. Kinh Niết Bàn đã răn dạy cho những chúng sanh có bịnh khó chữa. Như vậy làm sao hiểu rõ hết được tất cả những chỗ của những tác phẩm nầy? ...169 Vị thầy của chùa Quang Minh nói rằng: “Câu hỏi được đưa ra là như thế nầy: Trong bốn mươi tám lời nguyện ấy những người thuộc tội ngũ nghịch và không tin giáo lý của Phật thì ngoại trừ chẳng được tái sanh về Cực Lạc. Trong một đoạn khác của kinh Quán Vô Lượng Thọ thì cho rằng: Những loài sanh ra hạ đẳng nhất và ở cấp độ thấp nhất và ngay cả những kẻ phạm tội vào việc hủy báng giáo lý và kể cả những người phạm tội ngũ nghịch cũng được cứu vớt. Như vậy là có nghĩa gì? Trả lời: Tất cả những việc nầy là nằm trong mục đích để làm cho chúng sanh sợ hãi, rằng Đức A Di Đà ở trong bốn mươi tám lời nguyện với người hủy báng giáo pháp và chính

169 Vấn đề đối với Thân Loan như sự suy nghĩ về sự giải thoát vũ trụ qua sự giao kết cùng lời thệ nguyện của Đức A Di Đà giải thích trong giới hạn, mà nghĩa kinh điển khác đã đưa ra. Cuối cùng Ngài giải quyết bằng những đoạn văn khác nhau từ bài bình luận trong kinh Quán Vô Lượng Thọ của Ngài Thiện Đạo.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 163

những người phạm tội ngũ nghịch thì ngoại trừ, đã được thấy, để nhấn mạnh hai hành động nầy thuộc về việc ác nhất. Nếu một chúng sanh bị phạm vào những lỗi ấy thì rơi trực tiếp vào địa ngục A Tỳ, ở trong ấy lâu hằng A Tăng Kỳ kiếp khổ sở, chẳng thể ra khỏi. Đức A Di Đà chỉ có một tình thương với sự cứu thoát khỏi cho mỗi chúng sanh. Cho nên Ngài đã thay đổi nhanh nhẹn và nói rằng: Họ chẳng thể đạt được sự vãng sanh, và họ phải tránh xa những việc làm kia. Tuy vậy chẳng có nghĩa là Ngài không thâu nhận họ qua lời thệ nguyện. Nếu ngược lại trong đoạn nầy nói về những người sanh ra ở nơi thấp kém và hạ tiện; hoặc kẻ phạm vào tội ngũ nghịch cũng được đón nhận, trong khi người không tin chánh pháp thì khai trừ ở lại, như vậy thì bởi vì những kẻ phạm những tội lỗi của việc làm kia đã bị bỏ rơi. Nhưng họ bây giờ chẳng bị bỏ sót, trở lại địa ngục vĩnh viễn. Đức A Di Đà đến với họ với lòng từ bi vô lượng thành tựu, Ngài thâu nhận họ qua lời thệ nguyện và để họ sanh về Tịnh Độ. Tuy vậy tội của sự hủy báng nếu họ chẳng phạm mà còn có thể tránh được. Và vì vậy Ngài nói rằng: Nếu một người hủy hoại giáo pháp sẽ chẳng được sanh về. Điều nầy có thể hiểu rằng việc nầy không liên hệ với việc làm bị đọa kia. Nếu một người nào phạm vào việc làm ấy thì Đức A Di Đà sẽ hướng về người kia, thâu nhận hắn ta và để cho hắn ta sanh về Tịnh Độ. ...” Tiếp theo sau còn một vài bản văn từ việc bình luận của Thiện Đạo để làm rõ ràng ai thuộc về “những bịnh khó chữa” và với Đức A Di Đà thì ở Tịnh Độ kia không có sự phân biệt giữa những chúng sanh đã được thâu nhận về đó. Ở đây chấm dứt phần thứ ba của Giáo, Hạnh, Tín, Chứng (kyôgyôshinshô).

164 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

3.2.3.5 Sưu tập những bản văn trình bày về sự chứng đạo của Tịnh Độ (Được thu thập bởi ngu ngốc Thích Thân Loan) Lời thệ nguyện siêu việt170 chối từ tất cả những sự khổ đau của việc cần thiết đạt được (diệt độ) sự vô sanh bất khả tư nghì Tôi tìm sự cung kính để diễn tả cho sự chứng đạo chân thật; việc ấy như là vị trí nhân quả vi diệu, ở trong đó ảnh hưởng đến việc sử dụng tha lực cho được viên mãn và chứng quả vô thượng Niết Bàn. Sự chứng đạo ấy chứng minh qua lời thệ nguyện siêu việt chối từ tất cả những sự khổ đau của việc tất yếu đạt được, điều nầy cũng là lời thệ nguyện để gọi cho việc chứng quả Niết Bàn. Vì vậy khi con người trần tục họ chứa đầy nơi bản năng của sự đau khổ, bị trôi lăn trong vô lượng sanh tử và chìm đắm trong tội lỗi, tâm thức và việc làm đạt được điều ấy thuộc về sự hồi hướng phước đức từ phía bên ngoài171, như vậy họ sẽ trực tiếp bước vào Chánh Định Chúng của Đại Thừa. Bởi vì chúng là bóng che của sự đồng thuận đứng đắn để đi tới, đạt được sự siêu việt chối từ tất cả những điều khổ đau cũng rất cần thiết.

170 Được hiểu là lời thệ nguyện thứ 11 trong 48 lời nguyện, nguyện ấy như sau: “Nếu ta thành Phật, hàng trời người ở nước ta, tất cả chẳng an trụ nơi định tụ, quyết đến diệt độ, thì ta sẽ chẳng ở nơi chánh giác”. “Danh từ Hán Nhật khái niệm về metsudo (diệt độ) ở đây được cho biết là “siêu việt chối từ tất cả những khổ đau”, đây là sự phiên dịch từ chữ Niết Bàn. Chữ nầy gồm có một sự hòa hợp giữa hai chữ, trong đó chữ đầu là “từ chối, lắng xuống” và chữ thứ hai là “giải thoát, vượt khỏi”. “Vượt qua bên kia bờ” là một hình ảnh chắc chắn cho sự đạt ngộ. Niết Bàn – Diệt Độ ý nghĩa cũng luôn là Vô Thượng Giác, Phật quả. 171 Nếu họ tin tưởng qua lời thệ nguyện của Đức Di Đà thì Ngài sẽ đến và thể hiện qua việc thực hành niệm Phật.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 165

Một cách xác thực là tất cả sự khổ đau được chối từ và đạt đến sự siêu việt, điều nầy nghĩa là niềm vui vô tận. Niềm vui vô tận ấy là hạnh phúc bên ngoài và sự diệt trừ tất cả sự khổ đau. Đây chính là Niết Bàn vô thượng. Niết Bàn vô thượng là pháp thân của không. Pháp thân của không là hình tướng của sự chân thật. Hình tướng của sự chân thật là pháp tánh. Pháp tánh là sự bình đẳng chân thật172. Sự bình đẳng chân thật chính là một. Đức A Di Đà Như Lai là nhứt như và chỉ cho thấy những hình tướng khác nhau trong báo thân, trong pháp thân và trong hóa thân173. ...174 Khi quan sát về Giáo, Hạnh, Tín, Chứng, chúng tương đương với Tịnh Độ Chân Tông, tôi chắc chắn rằng tất cả chúng đều là ân đức được trổi lên từ lòng từ bi vô lượng của Đức A Di Đà, ở trong đó Ngài đã trao qua cho chúng ta hoàn toàn công đức ấy. Dầu cho bây giờ là nguyên nhân hay kết

172 Những câu trước đã hướng đến khái niệm chỉ cho thấy những danh từ chuyên môn như sau: pháp thân của không: mui hôshiu; hình tướng của sự chân thật: jissô (thật tướng); pháp tánh: hosshô; chân như: shinnyo; nhứt như: ichinyo. Những chữ ấy từ cách dịch sang danh từ chuyên môn tiếng Đức có thể giữ gần với ý nghĩa của chữ theo khái niệm của Hán Nhật. Để so sánh bổ sung vào phần của Suzuki đã tuyển chọn

dịch sang tiếng Anh như: mui hôshin – dharmakâya of non – doing; jissô – reality; hosshô – Dharma – nature; shinyo – true suchness; ichinyo – suchness of the One (xem Suzuki, the Kyôgyoshiushô, Kyotô 1973: 175). 173 Tiếng Nhật: hôshin, ôshin và keshin (báo thân, pháp thân và hóa thân) tiếng Phạn: sambhoga – kâya; là thân thể của một vị Phật căn bản thành tựu bởi nghiệp lực có chứa đựng hành động; ôshin và keshin là hình tướng Ngài dùng đến để giúp cũng như soi sáng cho chúng sanh qua trí tuệ phù hợp của các Ngài. 174 Trích dịch dưới đây từ các kinh và những sự bình luận như là bằng chứng để giải thích.

166 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

quả, thì cũng chẳng có gì và cũng chẳng chứa đựng một cái gì cả mà Đức A Di Đà Như Lai đã làm đầy đủ với tâm thanh tịnh của lời thệ nguyện để hướng về công đức kia. Bởi vì nguyên nhân trong sạch thì kết quả cũng trong sạch, việc nầy các ngươi nên rõ biết.175 Bây giờ bắt đầu với những gì của phần thứ hai về hoàn tướng hồi hướng, ở đây có nghĩa là ân đức mà sự hồi hướng trong thế giới cho sự hướng dẫn và thành quả trợ lực cho việc dùng đến tha lực. Và ngoài ra do kết quả của ân đức nầy tự lời thệ nguyện, ở trong đó Đức A Di Đà đã hứa chắc rằng những người có niềm tin sẽ thực sự đạt thành sự giác ngộ. Điều thệ nguyện ấy cũng có nghĩa là một sự bảo đảm, chỉ còn sanh một lần nữa và lời nguyện tiếp tục được hướng đến việc hoàn tướng hồi hướng cho những công đức176. Nó được hướng dẫn soi sáng trong “bình luận về sự thảo luận”. Do vậy tôi không trở lại ở đây nguyên văn của lời nguyện nữa. Nếu ai muốn, có thể đem ra đọc thêm.

175 Sự quy định của Thân Loan muốn những việc trên để nhận xét và như vậy niềm tin Đức Di Đà là con đường đầy đủ tuyệt đối. Kẻ tin việc ấy đạt được qua lực của Đức A Di Đà cho Phật quả, người ấy sẽ thành Phật giống như Phật. Điều nầy chỉ có ở bước đầu của sự “ thực chứng”. Rồi chấm dứt với sự thảo luận được hướng dẫn như dưới đây rằng sau khi đạt được sự viên mãn qua sự thâu nhận về Tịnh Độ của con người như là vị Bồ Tát trở lại thế giới nầy để bây giờ giúp đỡ cho kẻ kia. 176 Câu nầy cho thấy theo lời nguyện thứ 22 trong 48 lời nguyện. Trong ấy Đức Di Đà đã nói rằng tất cả ai mà tin tưởng lời thệ nguyện của Ngài, thì chỉ còn phải một lần sanh nữa ở cảnh giới kia, trước khi họ đạt thành chánh quả. Trong đó được diễn tả việc được thâu nhận như vị Bồ Tát, vị ấy làm việc giải thoát thế giới qua nhiệm vụ của mình. Điều nầy được Thân Loan cũng giải thích cho những người tin tưởng qua việc sanh về Tịnh Độ của các vị Bồ Tát, bây giờ trở về lại thế giới nầy dùng lực của Đức A Di Đà trao qua, thật tâm hướng về những chúng sanh ấy.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 167

Tiếp theo đầu tiên là một trích dẫn ngắn từ Thế Thân. “Sự thảo luận về Tịnh Độ”. Gần như phần còn lại đầy đủ nhất của các chương được khám phá ra sự trích dẫn từ việc bình luận của Đàm Loan cho tác phẩm nầy, vì vậy trong nầy chỉ một ít điều quan trọng ở đây được đưa ra. Trích đoạn trong bài vở của Đàm Loan là từ bài luận của Thế Thân, nếu chẳng nói khác đi. “Bình luận về sự thảo luận nói rằng: Hoàn tướng nghĩa là người

ấy sau khi sanh về quốc độ kia rồi và đã đầy đủ chánh định và quán niệm 177 cũng như đạt được năng lực thích hợp, quay lại trong rừng của sự sanh tử để dạy dỗ cho tất cả chúng sanh và mang họ vào Phật đạo. Đi về bên ngoài như hoàn tướng có hai mục đích để làm cho chúng sanh được tự do và để cho họ vượt qua khỏi biển sanh tử. Cho nên gọi đây là bài luận: việc hồi hướng phước đức là việc chánh, bởi vì Đức Phật đã đạt thành đầy đủ trong ấy với lòng từ bi vô lượng". Tiếp theo ở đó nói: "Nghĩa là: khi một vị Bồ Tát với tâm thanh tịnh chưa được chứng đắc thì vị ấy trông thấy Đức Phật, vị ấy sẽ đạt được pháp thân bình đẳng178 cuối cùng; bởi vì vị ấy sẽ giống như một vị Bồ Tát làm chủ tâm thanh tịnh và đạt

177 Tiếng Phạn: sámatha, vipasyana. Sámatha nghĩa là chấm dứt tất cả tự ngã và những vật trói buộc tư tưởng và như vậy được chứng nội tâm yên tĩnh. Vipasyana là sự quán sát đứng đắn về sự vật trong sự chân thật của nó, nghĩa là đoạn lìa tất cả những ảo giác. 178 Tiếng Nhật: byôdôshin (bình đẳng thân) là pháp thân (dharmakâya) của một vị Bồ Tát, vị ấy đạt được thang cấp cao nhất và giống với Đức Phật.

được vị trí cao tột cuối cùng của sự diệt độ179 của những vị Bồ Tát khác. Pháp thân bình đẳng là của một vị Bồ Tát nằm bên trên cấp bực thứ 8, thân nầy được sanh ra từ pháp tánh. Ở đây chúng sanh đều ở vị trí bình đẳng an lạc. Bởi vì họ đã đạt được trạng thái bình đẳng an lạc rồi, nên được rõ biết với quan niệm là pháp thân bình đẳng. Bởi vì đây là sự thành tựu của một vị Bồ Tát, vị ấy có pháp thân bình đẳng, được tượng trưng cho chúng sanh ấy là sự bình đẳng trong an lạc. Một vị Bồ Tát như vậy được thấy từ khi sinh ra thân thể họ ở trong tình trạng sâu thẳm vào thiền định180. Qua năng lực của chư thiên Ngài thấu triệt được sự sâu thẳm ấy và một thoáng suy tư về thế giới trong 10 phương và mang đến cho Ngài nhiều hình thức rõ biết về tất cả chư Phật cũng như vô lượng chư Phật sự cúng dường cho vị ấy. Nên Ngài xuất hiện trong nhiều hình tướng khác nhau ở mọi nơi trong vô lượng thế giới; nơi ấy không có Phật và giáo pháp, để dạy cho nhiều loại chúng sanh và giải thoát họ khỏi sự trói buộc. Như vậy Ngài luôn luôn hướng dẫn ở đó như là việc làm của một vị Phật. Đồng thời Ngài cũng đã chẳng tư duy về sự xuất phát của sự đến, đi, hy hiến và giải thoát. Vì vậy mà thân nầy như là pháp thân bình đẳng và chúng sanh ấy tượng trưng cho chúng sanh ở trạng thái bình đẳng an ổn. Những vị Bồ Tát mà tâm chưa hoàn toàn thanh tịnh trong sự chứng quả, nhất là những vị Bồ Tát còn nằm ở giai đoạn

179 Tiếng Nhật: Jakumetsubyôdô là yên tĩnh trong sự sống và sự chết và giống với Phật cũng như các vị Bồ Tát. Đây là cách diễn tả khác về Niết Bàn. 180 Nghĩa là vị Bồ Tát ấy chẳng phải mong muốn vào sự vắng lặng (samâdhi) nữa, tuy nhiên được thấy như là kết quả của cộng nghiệp từ kiếp trước của thiên nhiên từ hoàn toàn thực tướng ở kia.

đầu của địa thứ bảy. Họ có thể biến hóa thành hằng trăm, hằng ngàn, hằng vạn về những chúng sanh ấy hằng trăm triệu hoặc trăm ngàn triệu thân khác nhau và cho mỗi nơi chốn, mà nơi ấy không có Phật để hướng dẫn như là công việc của một vị Phật.

Các vị Bồ Tát ấy vào sâu trong thiền định riêng lẽ qua mục đích của họ và chẳng thực hiện dự định không có sự suy tư. Với ý định ấy, các vị nầy được gọi là chưa chứng được với tâm thức thanh tịnh. Những vị Bồ Tát nầy thành tựu sau khi sanh về cảnh giới Tịnh Độ hòa bình và an lạc, để gặp được Đức Phật A Di Đà. Khi gặp được Đức Di Đà chẳng bao lâu thì họ cuối cùng đều đạt đến cấp bậc cao nhất giống nhau về thân thể cũng như thực thể của họ. Đây là lý do duy nhất và chân thật mà những vị Bồ Tát như Ngài Long Thọ và Ngài Thế Thân thể hiện trí tuệ của các Ngài sau khi đạt đạo, và được sanh về đó. … Phần tiếp theo ở trong kinh Đại Bản Di Đà nói về bổn nguyện của Đức A Di Đà Như Lai như dưới đây: (Khi ta đạt được Phật quả, tất cả các vị Bồ Tát từ những Phật quốc độ khác họ đến quốc độ của ta và được sinh ra tại đó, chỉ trong vòng một đời, tối cần thiết để đạt thành nơi quốc độ Phật cao nhất. Chỉ ngoại trừ những người nào muốn cho vô lượng đời sống làm căn bản cho lời nguyện riêng với sự trang bị đầy đủ lời thệ nguyện rộng lớn. Tích tụ những công đức đã thành tựu để tìm cách giải thoát tất cả chúng sanh, thì đi vòng quanh tất cả quốc độ Phật, để làm việc hướng dẫn cho các vị Bồ Tát hiến dâng cho chư Phật Như Lai trong tất cả 10

phương và sau đó mong muốn cho tất cả chúng sanh, nhiều như cát sông Hằng ấy, mang họ trở về con đường đứng đắn chân thật cao cả nhất. Họ có thể đã vượt ra khỏi đạo đức bình thường, chứng nhập tất cả những cấp bậc của Bồ Tát và thực hành đầy đủ những phước đức của Ngài Phổ Hiền. Nếu chẳng phải là vậy, thì ta sẽ chẳng ở ngôi chánh giác). Người ta nhận thấy ở trong kinh nầy rất rõ ràng như vậy, nghĩa là các vị Bồ Tát không nhất thiết phải đi tiếp trong mỗi quốc độ của mỗi một thang cấp. Lời dạy trong thứ lớp của 10 bậc ấy chỉ có trong quốc độ Jambudvipa181 (Diêm Phù Đề) để khế hợp với con đường hành đạo mà Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni đã chọn. Ở phía bên kia của quốc độ ấy bao gồm hoàn toàn không phải với sự cần thiết kia. Dưới năm loại của những việc không nắm bắt được thì giáo lý của Đức Phật cũng chẳng nắm bắt được. Ai nói rằng các vị Bồ Tát phải trong mọi trường hợp bước lên một trong những cấp bậc khác thì điều ấy chẳng phải là phong cách của sự vượt qua, là còn thiếu sót chưa hiểu rõ hết được. …

181 Pháp ẩn dụ từ vũ trụ luận của Ấn Độ về thế giới của loài người. Theo bản đồ thế giới cũ Ấn Độ thì quả đất bằng phẳng, ở trung tâm điểm là núi Tu Di. Chung quanh được bao bọc bởi 8 ngọn núi và được ngăn cách bởi 8 biển lớn. Mỗi bên được bao bọc bởi 4 phương hướng và có 4 lục địa mà con người sống nơi ấy. Diêm Phù Đề là lục địa nằm ở phía Nam, những người ở lục địa ấy đời sống của con người phát sinh ít tiện nghi. Nơi ấy chỉ khi nào có Phật xuất hiện thì giáo lý mới được biết đến. Vì Diêm Phù Đề lần đầu được định vị với người Ấn Độ; nhưng đối với người Trung Quốc, Nhật Bản thì nó nằm ở phía Bắc, phải vượt khỏi biên giới nguyên thủy cho sự quy định nầy; như vậy tên gọi Diêm Phù Đề ở đây là chỉ chung cho thế giới của loài người.

Sự quan sát theo kinh Đại Bản Di Đà được giảng tại thành Vương Xá, dạy rằng: có 3 cấp bậc để sinh về và ngoài ra có sự khác nhau giữa những việc làm cao cả và những việc làm thấp kém, thế nhưng tất cả họ được ngoại lệ trong ý nghĩa thành tựu vô thượng chánh giác. Tâm thức của sự giác ngộ viên mãn ấy là tâm thức đạt được sau khi thành Phật. Tâm thức sau khi đạt được Phật quả là tâm thức mong muốn giải thoát tất cả chúng sanh, nghĩa là tâm thức ấy bảo bọc tất cả chúng sanh và để cho họ sanh về một quốc độ; nơi ấy có một Đức Phật. Do vậy muốn mang tất cả những chúng sanh ấy sanh về quốc độ hòa bình an lạc, điều cần yếu là tâm ấy được chứng quả vô thượng bồ đề. Nếu có ai không phát triển tâm vô thượng bồ đề, mà chỉ vì vị ấy nghe rằng ở mỗi quốc độ niềm vui và sự sung túc không bao giờ gián đoạn, để cho hạnh phúc nầy mong muốn được sanh khi sanh về, cho nên trên thực tế vị ấy chẳng thể được sanh về. Do vậy điều ấy cũng có nghĩa là chính vị ấy chứng đạt được sau khi nhận được hạnh phúc, vị ấy chỉ mong rằng, tất cả những chúng sanh đều được giải thoát. “Nhận được hạnh phúc” nghĩa là mỗi quốc độ an bình và vui vẻ đều nhận được năng lực bổn nguyện của Đức A Di Đà Như Lai và được mang đến, do vậy ở nơi ấy nhận được những niềm vui vô ngại. Tổng quát về ý nghĩa của chữ hướng về rõ ràng là chính con người truyền đến tiếp tục tất cả những công đức có được cho tất cả chúng sanh và để cho họ hoàn toàn hướng về con đường của Phật. …

172 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Về việc đong đầy những việc làm ân đức nghĩa là: “Người ta phải hiểu rằng có 5 cánh cửa và qua từng loại một có thể thực chứng được 5 loại công đức ấy. Năm cánh cửa ấy là gì? Cánh cửa đầu tiên là sự đến gần; cánh cửa thứ hai là sự tập trung đông đảo; cánh cửa thứ ba là đến nhà; cánh cửa thứ tư là đến các phòng và cánh cửa thứ năm là khoét cho trống vào cánh rừng và hành lang. Đây chính là 5 dấu hiệu để tiếp tục bước vào sự đi ra khỏi thế giới. Việc bước vào thuộc về lần đầu tiên đạt được Tịnh Độ. Đây chính là sự đến gần. Được dự vào hàng Thánh Chúng của Đại Thừa, nghĩa là chỗ cao nhất, gần với vô thượng bồ đề. Ai đã sanh về Tịnh Độ rồi thì đến gặp hội ngộ lớn với Đức A Di Đà Như Lai. Khi đến đó vị ấy có khả năng làm được ngôi nhà và vào ở bên trong được yên ổn. Một lần ở trong ấy thì vị kia đi vào mỗi phòng để làm việc và thực hành. Khi đã được đầy đủ rồi, vị ấy sẽ đạt được sự phẳng lì của giáo lý và sự quay về. Sự bằng phẳng ấy là một cánh đồng, mà ở trong ấy các vị Bồ Tát đã làm cho chính họ vui mừng. Cho nên bước nầy được gọi là cánh cửa mở ra được thoát khỏi tự tại trong cánh rừng và hành lang. Năm cánh cửa ấy toàn vẹn, từ một đến bốn là công đức của lối vào và công đức trọn vẹn của phần đầy đủ là cánh cửa thứ năm: lối ra. Như vậy thì cái gì là công đức của cửa vào và cửa ra? Đó là “sự thảo luận về Tịnh Độ” được giải thích rằng: “Cửa vào đầu tiên chính là cung kính Đức Phật A Di Đà, bởi vì được thể hiện rằng vị ấy đã được Ngài cho sanh về quốc độ kia, như thế người ta có thể đạt được khi sanh về thế giới của sự thanh bình và an lạc. Đây được gọi là cánh cửa thứ nhất.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 173

Cầu nguyện nơi Đức Phật và sau khi đạt được việc sanh nơi quốc độ kia rồi thì đây là công đức của cấp bậc đầu tiên vậy. Đường vào của cánh cửa thứ hai là tán thán và

nương theo ý nghĩa danh hiệu của Đức A Di Đà Như Lai để niệm Phật. Qua những sự thực hành và ứng dụng ấy, ánh sáng trí tuệ dẫy đầy của Đức Như Lai sẽ thành lập, kẻ ấy đã bước vào hội tụ với vô số người. Đây được gọi là lối vào của cánh cửa thứ hai. Nương theo ý nghĩa danh hiệu của Đức Thiện Thệ để tán thán cũng là công đức của bậc cấp thứ hai vậy. Lối vào của cánh cửa thứ ba là tâm thức hoàn toàn và đơn độc tư duy sự mong mỏi đã được mang đến, sau khi về Tịnh Độ. Qua những sự thực tập tiếp theo về việc chánh định, người ấy thành tựu được việc đi vào cánh cửa của hoa sen quý báu182. Đây được gọi là cánh cửa thứ ba của sự bước vào. Qua việc tập luyện cho đến sự an ổn hoàn toàn của tất cả những ước muốn và tư duy với tâm thức trọn vẹn sau khi được thành tựu sanh về ở quốc độ kia, thì đây là công đức của cấp bậc thứ ba. Lối vào của cánh cửa thứ tư là sự quán sát riêng biệt về sự vi diệu của Đức Thế Tôn. Qua sự thực tập quán sát đứng đắn, người ấy đạt được đến nơi mà niềm hỷ lạc tươi mát ngon ngọt mọi bề của tính cách chân thật. Đây được gọi là cánh cửa đi vào thứ tư. Niềm hỷ lạc, sự ngon ngọt tươi mát ở nhiều khía cạnh của tính cách chân thật được gọi là mỹ vị thanh cao của sự quán tưởng về quốc độ Phật, đây chính là mỹ vị của Đại

182 Việc diễn tả nầy từ kinh Pháp Hoa nói về thế giới của Vô Thượng Bồ Để, đã được mang qua phía Phật Giáo A Di Đà dùng cho Tịnh độ A Di Đà.

174 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Thừa thâu nhận tất cả chúng sanh, là sự trao gởi cao thượng của tất cả những sự lừa dối được tự tại vô ngại và mỹ vị của Phật quốc độ nằm trong tất cả mọi vật của sự hiến dâng, việc làm đạo đức và kể cả sự cầu nguyện, đều chứa đựng trong sự quan sát đứng đắn ấy. Bởi vì điều nầy là con đường vô tận của các bậc Thiện Thệ trên Phật đạo của những mỹ vị ấy, bởi thế gọi kia là nhiều mặt. Đây chính là công đức của cấp bậc thứ tư. Cánh cửa thứ năm là cánh cửa đi ra, là sự thị hiện lòng từ bi vô hạn đối với sự khổ đau của tất cả chúng sanh mà họ mỗi người đều thể hiện và dựa theo sự thay đổi hình tướng, bước vào trở lại trong hành lang của sự sanh tử hay trong rừng rậm của bản năng và sự đau khổ, nơi tự do kia được thay đổi qua năng lực của chư thiên trong tập quán và đạt được sự trở về cũng như cấp bậc của giáo pháp. Điều nầy chính là sự an ổn của sự quay về qua năng lực của bổn nguyện. Đây được gọi là cánh cửa đi ra thứ năm. Việc dựa theo những hình tướng hiện thân của các Ngài để cho chúng sanh thấy tương ưng với sự biểu lộ của Đức Quán Thế Âm, như trong kinh Pháp Hoa đã diễn tả183. Điều "thể hiện tự do" có hai ý nghĩa. Một là vị kia bị trói buộc bởi chính riêng mình. Như con sư tử đánh lộn với con sơn dương, chẳng làm hại gì cho nó, không mất sức và cũng giống như các vị Bồ Tát giải thoát những chúng sanh vậy. Ý nghĩa thứ hai là sự "giải thoát không phải một nơi của

183 Trong kinh Pháp Hoa có phẩm nói về Bồ Tát Quan Thế Âm (tiếng Nhật: kanzeon; Quán Thế Âm; vị Bồ Tát nghe tiếng kêu cầu mà đến thế giới nầy). Ngài tượng trưng cho vị Bồ Tát của lòng từ bi bao la. Có một đoạn tường thuật về việc kia rằng: Đức Quan Thế Âm Bồ Tát sẽ hiện thân tương ưng theo sự kêu cứu và tùy theo tình trạng của chúng sanh mà thị hiện.

sự giải thoát". Trong khi các vị Bồ Tát thấy những chúng sanh, rồi vị Bồ Tát ấy đi vào cuối biên giới và không còn thấy nơi nào nữa cả184. Đồng thời người ta có thể nói rằng vị ấy đã cứu vớt vô lượng chúng sanh, nhưng trên thực tế chẳng có cái gì là một thực thể riêng biệt để đạt đến Niết Bàn, chỉ cho sự giải thoát cho tất cả chúng sanh và với Ngài như là một sự tự do tự tại. Với năng lực của bổn nguyện như vậy, các vị Đại Bồ Tát còn lưu lại ở trạng thái Thiền Định thâm sâu trong pháp thân ấy. Nhiều hình tướng của Ngài, nhiều năng lực thánh thiện của các Ngài và nhiều sự giải thích về giáo lý của các Ngài là do tất cả kết quả nơi năng lực của bổn nguyện. Cũng giống như hình ảnh một chiếc đờn của A Tu La, chẳng có người nào đánh vào chúng mà còn tự chính mình làm vang lên những âm thanh nữa. Đây được gọi là cấp bậc thứ năm của giáo lý được hướng đến". (Xem phần chú thích)185. Quả thật như vậy, trải qua những lời dạy chân thật của những bậc Thánh, sự chứng ngộ Niết Bàn được thấy qua sự hướng về năng lực của bổn nguyện. Ý nghĩa lợi lạc của việc sử dụng cho kẻ khác là sự thực chứng việc sử dụng cho việc hoàn tướng. Cho nên Thế Thân không giới hạn cho sự nhứt tâm, mà rộng mở, lớn lao hơn và luôn mở rộng cũng như truyền dạy khắp nơi về số đông của sự trải rộng ra và những sự căn bản lắng sâu vào con đường quy ngưỡng. Đàm Loan đã minh giải việc nầy vượt khỏi cả tâm đại từ bi, đi qua phía bên ngoài và

184 Nghĩa là Ngài tìm tiếng kêu cầu của chúng sanh để đi đến; nhưng chính Ngài không phải được nhận diện sự hiện hữu ở mỗi nơi ấy. 185 Như vậy sự tuần tự trích ra của Đàm Loan về vãng sanh luận chú được chấm dứt ở đây. Câu cuối lại thấy được là do chính Ngài Thân Loan viết.

quy hướng trở về. Qua đó Ngài đã truyền thừa ý nghĩa sâu sắc của "sự lợi lạc cho kẻ khác và việc lợi lạc qua người khác". Chúng ta phải chịu ơn sâu sắc và cung kính cũng như cảm ơn sâu xa đặc biệt về điều nầy. (Dịch xong phần Giáo, Hạnh, Tín, Chứng nầy vào ngày 29 tháng 8 năm 2011, nhằm ngày mồng 1 tháng 8 năm Tân Mão tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover – Đức quốc)

3.2.3.6 5. Sưu tập những bản văn trình bày về những Đức Phật chân thật, cõi nước chân thật trong giáo lý Tịnh Độ (được thu thập bởi ngu ngốc Thích Thân Loan) Lời thệ nguyện của Đức Phật Vô Lượng Quang 186 Lời thệ nguyện của Đức Phật Vô Lượng Thọ Tôi quán chiếu sâu thẳm về cõi Phật chân thật thì: Đức Phật 187 là một vị Như Lai Vô Lượng Quang . Ánh sáng vô tận ấy chiếu rọi trên cõi nước kia. Cho nên tán thán về quốc độ Phật chân thật ấy, bởi vì thành quả cùng sự tán thán qua lời thệ nguyện đại từ bi kia. Khi nói về quốc độ Phật nầy có lời thệ nguyện của Đức Vô Lượng Quang và lời thệ nguyện của Đức Vô Lượng Thọ.

186 Lời nguyện thứ 12 và thứ 13 trong 48 lời nguyện của Đức A Di Đà là một lời hứa với sự đạt thành giác ngộ của ánh sáng kia; nghĩa là hào quang của trí tuệ kia sẽ có mặt khắp nơi; ngoài ra đời sống thọ mạng ấy kéo dài vô tận, do vậy tất cả chúng sanh có được cơ hội để tiếp đón Ngài. 187 Chữ nầy được dịch từ chữ tiếng Phạn với tên

Amitabha; nên để ý một lần nữa cho sự hiểu biết nầy là chữ “Ánh sáng” ấy cũng luôn có nghĩa là “trí tuệ”.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 177

188 … Như thế chúng ta sẽ khá rõ biết từ sự thuyết giảng chân thật của Đức Như Lai vì từ sự giải thích bình luận của những bậc Đại Sư về cõi giới trong sạch, hòa bình và an ổn cũng như tán thán về quốc độ chân thật kia. Những chúng sanh mê muội và tới lui ở trong thế giới nầy có thể chẳng nhận ra được Phật tánh, bởi vì bản năng và sự đau khổ làm cho họ bị che mờ. 189 Cho nên trong kinh nói rằng: “Ta nói cho các ngươi biết rằng các vị Bồ Tát của Thập Địa còn thấy được ít Phật tánh”. Như vậy ta biết rằng người nào mà thành tựu được sự hòa bình và an lạc ở Phật quốc độ thì chính mỗi trường hợp sẽ thực chứng trực tiếp được Phật tánh ấy. Lý do về việc nầy là sự hồi hướng về năng lực của bổn nguyện. Tiếp theo kinh kia cũng nói rằng: “Những chúng sanh sẽ làm chủ một thân thể trong suốt và đạt được sự cao thượng đầy đủ dưới sự nhận chân của Phật tánh.” 190 …

188 Phần trích dẫn phía dưới từ những bản dịch khác nhau của kinh Đại Bản và những kinh khác cũng như từ sự bình luận của Thế Thân, Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo và Cảnh Hưng như là bằng chứng trích ra từ sách và để giải thích rõ hơn cho việc đã trình bày. 189 Ở đây được hiểu là kinh Niết Bàn. 190 Phần tiếp theo là một trích dịch ngắn từ kinh Mahâyânasraddhotpâdasástra (Đại Thừa Khởi Tín Luận) (tiếng Hoa: Da sheng qi xin lun; tiếng Nhật Daijôkishinron) nghĩa là: sự thảo luận về niềm tin được khởi lên. Đây là một tác phẩm căn bản để giải thích về hệ thống tư tưởng chính yếu của Đại Thừa. Theo truyền thống thì được Asvaghosa tạo ra (Vô Trước – thế kỷ thứ 1 và thứ 2 sau Tây lịch) có lẽ là vậy, nhưng cũng có thể trễ hơn, có thể xuất hiện ở Trung Hoa.

178 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Tôi quan sát về việc tán dương: Qua sự xuất hiện biển thệ của Đức Như Lai như là công đức của cõi giới thành tựu. Cho nên ở đây sẽ nói về việc tán thán kia. Tuy nhiên cũng được trích ra từ biển thệ nguyện ấy cho việc tạm thời và sự chân thật nầy. Do vậy cũng có một quốc độ Phật tạm thời và một quốc độ Phật chân thật. Trong sự liên quan đến nguyên nhân đứng đắn tuyển chọn bổn nguyện, sẽ được xuất hiện như là sự thành tựu của quốc độ Phật chân thật kia. Trong kinh Đại Bản nói về quốc độ Phật chân thật kia rằng: “ Đức Phật Vô Lượng Quang, đức Phật với ánh sáng không bị giới hạn” và tiếp rằng: “Ngài là một vị vua trong tất cả các Đức Phật, ánh sáng kia được cung kính hơn tất cả“. 191 Trong sự “thảo luận” có cho biết rằng: “Đức Như Lai mà ánh sáng của Ngài chiếu rọi không giới hạn đến khắp nơi trong 10 phương để chúng sanh quy mệnh”. Trong kinh Đại Bản cũng nói về quốc độ chân thật rằng: “Đất nước của phép lạ của Ngài Vô Lượng Quang” hoặc giả “đất nước của tất cả sự thông thái”. Trong phần “thảo luận” còn gọi là: “Nó xuyên qua tất cả những hàng rào và như trong một căn nhà trống; ánh sáng ấy tỏa rộng to lớn chẳng có một giới hạn nào cả“. Trong kinh Đại Bản cũng nói về việc vãng sanh rằng: “Tất cả đều nhận ra được chính thân thể của sự trống rỗng và của sự 192 trống không và vô cùng tận” .

191
Thế Thân “thảo luận về Tịnh Độ”.
192
Nghĩa là họ đã được Vô thượng giác và chính họ trở thành Phật.
Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 179

“Thảo luận” ấy giải thích về việc kia rằng: “hàng loạt hoa 193 thanh tịnh của Đức Như Lai được rải xuống cho những chúng sanh sanh về trong hoa ấy của sự giác ngộ đứng đắn.” Tiếp theo còn bảo rằng: “Bởi vì những chúng sanh ấy tất cả đều niệm Phật đầy đủ, chẳng còn con đường nào khác nhau nữa. Điều nầy cũng là những gì mà tượng trưng cho việc 194 “vãng sanh bất tư nghì ấy” . Nên biết rằng: cõi Phật tạm thời kia là một phần nửa của việc kia. Điều ấy sẵn sàng để được nói rằng sự tạm thời kia giống như cõi Phật chân thật, như là kết quả và sự tán dương được xuất hiện từ lời thệ nguyện như biển của lòng đại từ kia. Do vậy chúng ta phải hiểu rằng: Họ tán dương về quốc độ Phật. Giả thử có hằng ngàn nguyên nhân khác nhau chân thật cho quốc độ Phật tạm thời kia thì cũng có hằng ngàn quốc độ khác nhau. Những nước ấy được gọi là quốc độ phương tiện tái sanh thích hợp (hóa thân); hoặc giả quốc độ của sự biến hóa. Qua sự vô minh về những gì là thật và những gì là tạm thời, xuất hiện việc thiếu niềm tin về lời thệ nguyện từ bi rộng lớn của Đức Thế Tôn. Cho nên bây giờ tôi giới thiệu về Đức Phật chân thật và đất nước chân thật. Đây là ý nghĩa chính của Tịnh Độ Chân Tông. Sự thực của việc giải thích như đã được thấy qua kinh và những bài luận và những bài bình luận cũng như giải thích của các vị Đại Sư về Tịnh Độ đã đầy đủ sâu thẳm cũng như để ý mà tin tưởng. Các ngươi nên giữ sự cung kính đặc biệt. Điều quan trọng là sự hiểu biết.

193
Đây được hiểu rằng người ấy được sanh về Tịnh Độ của Đức A Di Đà.
194
Tiếng Nhật: nanjigi ôjô (vãng sanh nan tư nghì).
180 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan 195 3.2.3.7 Sưu tập của những sự biến đổi thân thể hợp lý (pháp thân) và cõi hóa độ của Tịnh Độ (Được thu thập bởi ngu ngốc Thích Thân Loan) Cái nhân chính của kinh Thiền Định (Quán Vô Lượng Thọ) về Đức Phật Vô Lượng Thọ: Lời thệ nguyện của việc đạt thành sự vãng sanh ngay thật196(vị trí của nhiều sự quyết định sai quấy – sự vãng sanh về dưới cây Sa La197). Cái nhân chính của kinh A Di Đà: Lời thệ nguyện về sự nhứt tâm quy hướng về198

195 Tiếng Nhật: hôben (phương tiện) thường trong những trường hợp như sau được dịch và dùng như là danh từ “sự lanh tay”, “phương tiện hợp lý” v.v… Điều nầy được nghĩ rằng: Đức Phật chắc chắn đã dạy cho giáo lý tạm thời (tiếng Nhật: ke – hóa); ngoài ra nội dung kia không cho thấy lối vào trực tiếp của sự chân thật kia, tuy nhiên lời nói ấy qua một giáo lý làm cho họ dễ hiểu trên đường mang đến cho họ. Tư tưởng nầy là giúp cho giáo lý Đại Thừa về sau nầy, công khai phản lại giữa giáo lý cao siêu riêng lẽ và những từ ngữ khác của Phật để thanh minh (xem Paul, Gregor, Triết học Nhật Bản,

từ thời đầu đến thời kỳ Bình An (Heian), München 1993 : 98, 100 – 102, phê bình với bản nháp của “phương tiện”. 196 Được nghĩ là lời nguyện thứ 19 của Đức A Di Đà mà trong ấy Ngài đã hứa rằng: tất cả đều được sanh về Tịnh Độ, làm tròn đầy những việc tốt và những công đức thành tựu để hướng đến việc tái sanh về cảnh giới A Di Đà, việc sanh nầy cũng đạt thành nếu họ theo Ngài Thân Loan, cũng chẳng phải là gián tiếp đi đến Phật quốc độ chân thật. 197 Diễn tả về nhiều sự quyết định sai quấy chứng minh rằng theo Ngài Thân Loan có người dùng tự lực để chính mình qua việc thực hành tốt, muốn sanh về Tịnh Độ, nhưng chẳng đạt được ở quốc độ Phật chân thật, tuy nhiên chỉ là “về bên cạnh của quốc độ”. Sự sanh nầy được gọi là “sanh dưới cây Sa La” để diễn tả ví dụ câu chuyện quá vãng của Đức Thích Ca Mâu Ni, mà Ngài với thân thể của con người (báo thân) đã kết thúc cuộc đời dưới những cây Sa La. 198 Theo lời nguyện thứ 20 của Đức Di Đà được hiểu rằng: Theo tư tưởng của Ngài Thân Loan dựa theo lời hứa của Ngài thì tất cả những ai khi niệm danh hiệu chân thật thì sẽ đạt được sự sanh về và như thế nhận được công đức riêng lẽ để hướng đến mục đích nầy, trong ấy sẽ được sanh về “quốc độ biến đổi”.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 181

(vị trí của nhiều việc không quyết định – bất khả tư nghì về 199 việc vãng sanh) Tôi tìm hiểu một cách cung kính về hóa thân và để diễn tả về sự biển đổi phong phú. Đức Phật tương ưng với: Đức Phật của sự quán chiếu về hình tướng chân thật của Ngài, như Ngài đã được giới thiệu trong kinh Quán Vô Lượng Thọ về Đức Phật Vô Lượng Thọ. Quốc độ là quốc độ thanh tịnh của kinh Quán Vô Lượng Thọ. Điều ấy cũng tương đương với “quốc độ của sự thấp kém”200 mà trong “kinh Bồ Tát xuất sinh”201và điều nầy lại giống nhau, những gì như trong kinh Đại Bản A Di Đà diễn tả là “thành trì của sự thối thác” và “thai sanh biên địa”. Ngay cả chúng sanh trong cõi trược nầy, khi tâm thức của họ dơ bẩn và tội lỗi che đậy, mà lúc bấy giờ họ từ giả 95 con đường sai quấy và đi vào cánh cửa của Tiểu Thừa và Đại Thừa để tạm thời và đi đến giáo lý chân thật, ở nơi sự thật thì chân lý vẫn là một sự làm chủ khó khăn và sự thật là một việc tốt202

199 “Nhiều việc không quyết định được gọi như vậy vì lẽ người nầy ngoài sự thực tập chân chính như thực hành niệm danh hiệu Đức A Di Đà, theo Thân Loan, kẻ ấy có cái nhìn sai, là qua công đức tự có để thành tựu và như vậy được vãng sanh. Với trường hợp như vậy chỉ được sanh về “hóa độ”. Tuy rằng họ vẫn bám vào về việc thực tập đứng đắn. Một sự vãng sanh như vậy được gọi theo trong kinh Tiểu Phẩm A Di Đà là “sự vãng sanh bất tư nghì”. 200 Vùng nầy được gọi là biên địa Tịnh Độ, ở đây theo tư tưởng có tính cách truyền thống là sự thâu nhận những người nào mà do tự lực họ quá yếu và chẳng thể có khả năng được sanh về quốc độ của Đức A Di Đà. Shinran giải thích việc nầy khác hẳn rằng: ngay như người nào qua hoàn toàn của tự lực mà muốn sanh về, xao lãng lời thệ nguyện của Đức A Di Đà và vì thế chỉ có thể đạt được “biên địa”. 201 Tiếng Nhật: Bosatsu shôtaikyô, Taishô cuốn 12 số 384. 202 Điều nầy và đoạn dưới đây chỉ cho lời nguyện thứ 19, mà nguyên văn Thân Loan ở trong phần cuối đã trình bày (xem bên dưới). Theo Thân Loan thì đa phần con người không có khả năng về việc ấy khó mà nắm bắt được lời

hiếm có. Sự dối trá thì ngược lại, thường thường xảy ra một cách đặc biệt cũng như sự rỗng không trưởng thành phong phú khắp mọi nơi. Vì thế Đức Thích Ca Mâu Ni đã chỉ dạy cho những châu báu để tích tụ những công đức và gọi mời đến biển cả chúng sanh cho việc chuyển tiếp và mang đến lời thệ nguyện của Đức A Di Đà để chuyển hóa tất cả nơi chốn trong biển sanh tử. Như thế lời thệ nguyện của Từ Bi, được gọi là "lời thệ nguyện của sự thực tập về đạo đức" cũng gọi là "lời thệ nguyện xuất hiện trong khoảnh khắc của sự chết chóc". Tên khác được gọi là: "lời thệ nguyện của sự xuất hiện và thành tích của sự vãng sanh", "lời thệ nguyện của sự nghinh tiếp và thâu nhập" và "lời thệ nguyện của sự đạt thành mang lại sự đứng đắn". Nói về lời thệ nguyện như trong kinh Đại Bản cho biết rằng: "Nếu tôi đạt thành quả vị Phật mà chẳng mang đến cho tất cả chúng sanh trong 10 phương tâm giác ngộ; mang đầy đủ những việc làm công đức khác nhau cũng như đạt thành tâm chân thật sau khi sanh về quốc độ tôi mà cuối đời của họ còn xuất hiện vây quanh nơi đoàn tùy tùng to lớn của tôi, thì tôi sẽ không ở ngôi chánh giác."

nguyện vĩ đại của Đức A Di Đà và để họ tin tưởng, như lời thệ nguyện thứ 18 đã đòi hỏi. Họ bám vào tư tưởng tự giải thoát. Tuy vậy một sự bám víu vào tự lực theo Thân Loan thì không tương ưng với lời thệ nguyện của Đức A Di Đà, ngay trong lời nguyện thứ 19 của Đức A Di Đà cũng tạo điều kiện có thể cho những người thành tựu ở quốc độ kia; tuy nhiên chỉ là ở vùng thấp hơn. Cho nên Thân Loan đã giải thích lời nguyện nầy như vậy và để nghĩ đến một số người, mà họ chẳng thể nắm bắt được giáo lý chân thật bổn nguyện nầy và gìn giữ về sự suy nghĩ cho việc làm tự lực và công đức ấy.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 183

...203. Những nơi trong sách đã diễn tả đầy đủ lời thệ nguyện nầy, là những đọan mà diễn tả của 3 loại vãng sanh và kinh Thiền Định (Quán Vô Lượng Thọ) có tạo ra thứ lớp của cửu phẩm và sự thực tập đứng đắn cũng như tản mác.204 Người ta cũng quan sát về sự giải thích của Ngài Nguyên Tín thì rõ ràng hơn trong cánh cửa của sự biện minh cho việc niệm Phật và dưới lời thệ nguyện thứ 18 một lần nữa lại nhấn mạnh cho lời nguyện nầy trên tất cả. Trong kinh Thiền Định (Quán Vô Lượng Thọ) đã cho thấy một số trường hợp vãng sanh khác nhau, như những gì mà họ đã thực hành đứng đắn và rải rác đó đây theo lời khuyên niệm Phật A Di Đà một cách thiết tha đối với những tội lỗi nặng nề. Cả Tăng sĩ và tín đồ ở trong thế giới gian dối nầy nên tự lượng205 về năng lực tự có của mình. Các người nên biết điều nầy.

203 Phần trích tiếp theo nội dung rút ra từ một kinh khác. 204 Trong cả hai trường hợp về việc những cấp bậc khác nhau cho sự sanh về Tịnh Độ thì những người nhận được những công đức trong cuộc sống nầy thì đạt được. Tuy vậy Thân Loan ở phần thứ tư của Giáo, Hạnh, Tín, Chứng thì Ngài đã chối từ và đã diễn tả qua cách nhìn khác, mà chỉ thành tựu qua năng lực thệ nguyện thứ 18 để được sanh về Tịnh Độ, từng sự xếp theo cấp bậc có thể đưa ra, Ngài đã thứ tự lại vị trí của bài và nói về nhiều loại khác nhau của việc sanh về Tịnh Độ, bây giờ theo lời nguyện thứ 19 – và với sự vãng sanh

qua tự lực. 205 Nghĩa là theo Thân Loan mong muốn về việc kia thật rõ ràng rằng chính họ năng lực tự mình để vãng sanh còn thiếu sót, bởi vì họ đang sống trong đời mạt pháp, ở trong ấy chẳng có thể để chính tự lực của mình đạt được sự giác ngộ.

184 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Câu hỏi: Có thể nêu ra sự khác biệt nhau giữa “ba tâm” trong kinh Đại Bản và “ba tâm” trong kinh Thiền Định chăng?206 Trả lời: Người ta theo dõi kinh Thiền Định về Đức Phật Vô Lượng Thọ dựa vào quan điểm của những nhà bình luận207, cho nên nó bao gồm một ý nghĩa hiển nhiên mở rộng, một cách ngấm ngầm, bí mật dưới ấy. Trước hết là những sự giảng giải về nhiều việc làm tốt đẹp khác nhau mà nó nằm trong sự quyết tâm thực tập, ngay cả như làm những việc tản mát khác và nó được giải thích là ba tâm, để dẫn đến thứ tự của ba loại vãng sanh. Tuy nhiên chẳng phải là hai loại việc tốt mà cũng chẳng phải có cả ba hạnh phúc của nguyên nhân chân thật của quốc độ kia để tán dương nữa208. Tam tâm như họ là những người làm chủ cá thể mà nhận ra được chính ân đức ấy và vì thế mỗi một lại đặc biệt; chúng chẳng tương ưng với một tâm

206 Trong lời thệ nguyện thứ 18 có nói về việc nầy rằng Đức A Di Đà có thể làm cho tất cả chúng sanh có thể sanh về Tịnh Độ, chỉ cần niềm tin đứng đắn và chân thật và sau khi đạt được sự sanh ra ở quốc độ kia rồi lại dần đầy đủ. Đây là 3 việc làm của tâm thức, ngay cả để chỉ cho ba tâm (tiếng Nhật: sanshin), như mỗi người đạt được theo kinh Quán Vô Lượng Thọ, đòi hỏi những ai nếu muốn đạt được sự vãng sanh thì phải chân thật và tin sâu để đạt được sự sanh về, qua đó tất cả những công đức được hướng đến mục đích nầy. 207 Thiện Đạo. 208 Sự phân biệt giữa sự nhất định và những việc làm tản mát bắt nguồn từ Thiện Đạo “nhất định là chỉ cho người kia, người mà liên hệ với lời thệ nguyện của Đức A Di Đà, trong khi cung kính những vị Phật và các vị Bồ Tát khác cũng như những hành động tổng hợp về việc ấy cùng với sự thất lợi, được dùng với chữ “tản mác”. “Hai loại tốt đẹp” (tiếng Nhật: sanpuku) tiếp tục khác biệt trong sự trích ra từ chữ “thực hành tản mác” với nghiệp quả lành, mà việc ấy từ việc gìn giữ đứng đắn trong thế giới như việc giữ giới của chư Tăng và bao gồm sự hướng dẫn thực tập đặc biệt.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 185

của ân đức cho những người khác209. Những phương tiện khác nhau của Đức Như Lai210 mang đến tất cả những điều căn bản của việc tốt đẹp để con người sanh về Tịnh Độ. Đây là mục đích của kinh kia có ý nghĩa rõ ràng. Những gì còn ẩn ý phía sau là sự giới thiệu về lời nguyện bao la của Đức Thiện Thệ và sự hướng dẫn một tâm đi đến ân đức cho người khác để tất cả được thấu rõ. Qua những việc làm sai trái của Đề Bà Đạt Đa và A Xà Thế mà Đức Thích Ca Mâu Ni đã hiện rõ niềm vui tươi, qua sự mỉm cười của Ngài. Qua sự nhận thức đứng đắn gặp ngay nơi sự chọn lựa đặc biệt của bà Vy Đề Hy, nên một tia sáng được mở ra qua bổn nguyện ấy, bổn nguyện phát khởi từ lòng đại từ bi của Đức A Di Đà211. Đây cũng là ý nghĩa ẩn dụ của kinh nầy. … Phần giải thích dưới đây là sự giới thiệu về quan niệm riêng lẽ và những câu nầy từ kinh Thiền Định đã được trích ra từ những bản tổng hợp đã được trình bày để hiểu biết, bởi vì 209 Tiếng

Nhật: rita no isshin. Với sự diễn tả nầy là ý nói đến tâm từ bi của Đức A Di Đà, ở trong ấy Ngài đã lập lời thệ nguyện nầy. Thân Loan nhận dạng với nhứt tâm, tuy rằng là niềm tin tưởng nơi Đức A Di Đà, bởi vì Ngài đã dâng hiến tư tưởng của Ngài cho Đức Phật nầy và có thể nói rằng "tâm trong tâm kia". 210 Đức Thích Ca Mâu Ni. 211 Đoạn nầy được trích ra từ câu chuyện kể trong kinh Quán Vô Lượng Thọ: Sau khi Đề Bà Đạt Đa giúp cho A Xà Thế giam cha mình vào ngục thất, ông ta nhốt cả Hoàng Hậu Vy Đề Hy đến để gặp gỡ giúp đỡ cho chồng bà. Đức Phật hiện ra nơi phòng giam và hỏi bà rằng: bà có ý muốn đặc biệt để nghe về Đức Phật nào chăng? Thì bà yêu cầu Ngài rằng: Đức A Di Đà và sau đó Ngài kể về cõi Tịnh Độ kia. Thân Loan giải thích rằng niềm vui của Đức Thích Ca Mâu Ni hiện lên nơi nét mặt để báo hiệu cho việc thuyết giảng kia và chỉ cho biết rằng Đức A Di Đà chính Ngài sẽ mở ra con đường giải thoát cho những người bị tội như Đề Bà Đạt Đa và A Xà Thế.

những sự truyền đạt chung chung của mỗi kinh không thể cho độc giả biết trước được. Vì thế ở đây có đoạn bỏ bớt. Sự sử dụng những câu hỏi được đặt ra theo sự khác nhau giữa kinh Đại Bản A Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ được chấm dứt với những câu được tuyển chọn như sau: Quả thật như chúng ta đã thấy rằng trong mỗi kinh212 đều có ý nghĩa rõ ràng và ẩn tàng nơi ấy. Phải suy nghĩ kỹ nhiều để người ta có nên đưa ra một sự phân biệt giữa 3 tâm trong hai kinh nầy không? Kinh Đại Bản và kinh Thiền Định có ý nghĩa khác nhau rất rõ ràng, sau đó ý nghĩa cũng giống nhau. Điều nầy nên hiểu rõ. ...213 Về việc kia thì trong kinh Đại Bản nói về lời nguyện như thế nầy, lời nguyện ấy chứa đựng sự chân thật, giới đức, như là phương tiện để giúp cho hoàn thiện sự thật, phát triển và đi xa hơn nữa. Tiếp đó thì trong kinh Thiền Định cũng đã để lời thệ nguyện mở ra như là một phương tiện tạm thời và sự thật ấy được ẩn giấu. Trong kinh Tiểu Bản thì ngược lại, chỉ có cánh cửa mở vào sự chân thật 214 , trong khi những việc tốt đẹp, phương tiện đơn giản chẳng đề cập đến. Cho nên cả ba kinh về

212 Ý nói kinh Quán Vô Lượng Thọ. 213 Trong trích đoạn nầy Thân Loan đã hướng dẫn chỗ nầy với sự liên kết và được trình bày rõ ràng từng chi tiết một lần nữa rằng sự khác nhau giữa những việc tốt chân chánh như là việc hiện thân của Đức Di Đà và thường thường cuối cùng còn gắn liền với việc tốt nữa, mà việc ấy ảnh hưởng cho con người. Việc nầy cuối cùng là sự "lẫn lộn" với việc tốt và luôn luôn chỉ riêng cho phương tiện đến con đường chân thật. 214 Điều nầy cho thấy rằng kinh Tiểu Bản Di Đà đã sẵn tuyên dương việc niệm danh hiệu Đức A Di Đà, tuy vậy vẫn còn nằm trong ý nghĩa của một công đức riêng biệt mang vào thực tập.

sự chân thật cuối cùng đều có nội dung dạy dỗ về sự tuyển chọn bổn nguyện vậy. Tiếp theo giáo lý đòi hỏi là người ta trồng nhiều loại "nhân tốt" khác nhau qua việc thực tập. Nếu người ta quan sát về nền tảng căn bản của lời thệ nguyện, như là một phương tiện của sự chân thật thì nó chứa đựng tạm thời cũng như sự thật và nhận lấy tiếp tục từng phần của việc làm và của niềm tin. Lời nguyện là một lời thệ mà sau khi Đức A Di Đà

xuất hiện, sau khi những tín đồ sanh về kia trong khoảnh khắc của sự chết. Việc làm là những điều tốt đẹp mà điều ấy chứa đựng từ sự thực hành khác nhau của đạo đức. Niềm tin là tâm thức đạt được sự chân thật sau khi được sanh về đó. Qua tín tâm và những việc làm như họ đã được nói trong lời nguyện thì một cánh cửa quan trọng của Tịnh Độ sẽ được mở và giáo lý ấy sẽ là phương tiện tạm thời được giới thiệu. Từ cánh cửa quan trọng nầy là 3 loại thực tập, như việc làm đứng đắn, sự trợ hạnh 215 và sự thực hành lẫn lộn được mang đến. Với sự trợ giúp cho những việc làm đứng đắn có sự hướng dẫn riêng biệt và những sự thực tập tản mát. Cũng như vậy có hai loại cá thể, một lần của mỗi loại, chắc chắn và đứng đắn và thứ hai là trộn lẫn giữa tốt cũng như xấu. Ngay cả có hai loại của ba tâm và hai loại của sự vãng sanh. Hai loại của ba loại tâm là ba tâm pha trộn và chắc chắn. Tâm chắc chắn và tản mác gọi là tư chất hướng về với mục đích lợi lạc cho cá nhân và vì thế mỗi cái đều khác nhau. Hai loại vãng sanh gồm

215 Tiếng Nhật: jogyô. Theo Thân Loan thì 4 trong 5 loại việc làm đứng đắn gọi là: giảng giải chữ nghĩa, thiền định, cầu nguyện, tán tụng; những việc nầy vì thế là những việc làm miên mật, là vai trò nổi bật của việc niệm danh hiệu cho đặc tính kia.

một loại là vãng sanh trực tiếp và một loại khác là vãng sanh qua trung gian. Vãng sanh qua trung gian là vãng sanh nơi thai cung, nơi biên địa, dưới cây Sa La. Sự vãng sanh trực tiếp là sự hóa sanh về cõi nước của hóa độ216. Tiếp đến kinh nầy217 cũng chứa đựng sự thật và thực tế, ở trong ấy cho thấy tâm kim cang của sự chân thật và nắm bắt bao quát và muốn giới thiệu về việc chẳng bỏ mất. Vì vậy Đức Thích Ca Mâu Ni đã hướng dẫn những kẻ không bị đọa lạc218 trong thế giới lừa dối nầy, tâm thức của lời thệ nguyện đứng đắn và giảng thuyết tín tâm nầy; bởi vì nguyên nhân chân thật cho sự sinh ra ở cõi hóa độ là đúng và sự tin tưởng ấy vui vẻ. Kinh Đại Bản A Di Đà nói sự trích dẫn nầy của "hỷ tín"219 và nói "niềm tin", bởi vì giới đức của Đức Như Lai không một chút nghi ngờ và chẳng trộn lẫn sự sai quấy. Kinh Thiền Định (Quán Vô Lượng Thọ) giải thích về quan niệm của "thâm tâm"220 khác với tâm hời

216 Tư tưởng căn bản mà Ngài Thân Loan muốn giải thích trong đoạn nầy như sau: cho đến khi nào mà muốn được sanh về Tịnh Độ với tự lực, thì việc nầy chỉ có thể xảy ra trực tiếp, nếu mà niềm tin đầy đủ và chẳng hề cũng như không có tất cả những sự làm chệch hướng của việc thực hành đứng đắn của việc niệm Phật hồi hướng. Tất cả mọi sự thực tập, không tương ưng với kia, điều ấy dù rằng những sự thực tập được hướng đến Đức A Di Đà, thế nhưng, theo Thân Loan cách duy nhất không phải là cách duy nhất chân thật, bởi vì những suy nghĩ khác trong ấy pha lẫn với nhau và được diễn tả theo tiếng Nhật là zô – "trộn lẫn, pha trộn, tản mác". Việc diễn tả nầy liên hệ thực tế với sự cung kính những vị Phật và những vị Bồ Tát khác cũng như là một sự kết thúc của tâm thức bởi sự thực tập, chẳng thanh tịnh mà còn với bản năng ích kỷ nữa cũng như trộn lẫn với sự khổ đau. "Sự pha trộn" trong việc thực tập tuy rằng không phải hòan tòan vô ích; nhưng chỉ sanh về nơi biên địa của Tịnh Độ. 217 Ý nói kinh Quán Vô Lượng Thọ. 218 Tiếng Nhật: zenzei; tiếng Phạn: sugata (Thiện Thệ) là một trong 10 bảo

hiệu của Đức Phật lịch sử, ý nghĩa ấy là việc nầy chưa bao giờ bị rơi vào lại thế giới trần tục nầy nữa. 219 Tiếng Nhật: shingyô. 220 Tiếng Nhật: jinshin.

hợt, mà mỗi chúng sanh đang làm chủ. Kinh Tiểu Bản nói rằng: “một tâm”; gọi một bởi vì chẳng phải là hai, khác nhau với những hành động lẫn lộn. Tuy nhiên cùng với “một tâm” cũng có sâu và cạn. Sâu là tâm thức của ân đức chân thật và sự thực dụng cho những kẻ khác. Tâm thức của sự lợi ích cũng chính là qua những việc làm nhứt định và tản mác ngược lại với sự nông nổi. Những vị Đại sư221 cho thấy như sau: “Tất cả mọi việc làm cao cả đều phát xuất từ tâm nầy. Nó mở ra hơn 84.000 cánh cửa. Hoàn toàn giống nhau rằng người nào đó sai bây giờ “đột nhiên” hay là “từ từ” hướng về sự giác ngộ, tất cả đều giống với những lời giáo huấn khác nhau nầy và tùy theo nghiệp lực ấy222, mà rơi vào chỗ sai lầm. “Cho nên với đây là điều vô minh thường tình kéo dài xuống đáy vực, hầu như chẳng có thể thể hiện một tâm nhứt định chắc chắn. Bởi vì họ phải tập trung làm quen giữ lại việc ấy và tâm thức của họ. Rất khó khăn cho họ để thực hiện công việc kéo tâm thức ra khỏi sự pha trộn kia; bởi vì nếu muốn được như vậy thì họ phải từ bỏ việc xấu và thực hành việc tốt. Cho nên điều ấy tâm kia chẳng có thể vững vàng và chắc chắn thành tựu sự quan sát của hình tướng chân thật223; nghĩa là dầu cho họ có sống đến 1000 năm

221 Ở đây được hiểu là Thiện Đạo. Trích đoạn sau xuất phát từ bình luận nầy trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. 222 Nghĩa là tất cả đều dựa theo hoàn cảnh đời sống đã có mà có thể tìm cách sửa đổi tốt hơn trong sự có thể thuộc về nghiệp lực của họ qua những việc làm tốt đẹp; Thân Loan tin rằng sự cố gắng như vậy chỉ đưa đến cho con người thiếu khả năng được đầy đủ tốt đẹp, không còn sự đau khổ trong thế giới nầy và được nắm giữ lại quá khứ. 223 Tiếng Nhật: rissôjushin; tên gọi của một phương thức thiền định, tâm thức dừng lại với sự quan sát không gián đoạn của hình tướng thuộc Tịnh Độ.

đi nữa, thì họ cũng chẳng muốn tự mở con mắt chân thật của mình ra”224. Còn bao nhiêu khó khăn nữa để đạt được sự tưởng tượng làm tiêu tan tất cả những gì không có hình tướng ấy. Cho nên Ngài 225 nói rằng: “Đức Phật đã rõ biết những con người tội lỗi ở thời mạt pháp bị che đậy bởi tội lỗi. Ngài biết rằng họ chẳng thể chắc chắn đến được hình tướng chân thật và phải cần bao nhiêu lâu nữa để thay đổi hình tướng của họ để chính họ đạt được những việc nầy, như vậy cũng giống như một người không có thần thông muốn ở trên hư không và xây nhà ở tại đó?” Để diễn tả việc “mở ra cánh cửa” liên hệ về chữ “cửa” và gọi đây là 84.000 cánh cửa tạm thời của giáo lý cũng như những gì mà họ muốn đi xa hơn nữa. Đó chính là biển cả của nhứt thừa về bổn nguyện. Trong thời kỳ chánh pháp, đây là dấu hiệu của “cánh cửa đi vào con đường Thánh Thiện”226, nếu kẻ nào bước vào thế giới Thánh Thiện và đạt được kết quả qua việc tự cố gắng. Điều nầy nghĩa là “con đường của sự tôi luyện cực nhọc”. Trong cánh cửa ấy có cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, liền đó hay dần dần chứng ngộ, là nhứt thừa, nhị thừa hay tam

thừa, là giáo lý chân thật và thí dụ tạm thời và bí mật, “trực tiếp ra khỏi” hoặc “trực tiếp vượt ra khỏi”. Đây cũng là con đường của cánh cửa phương tiện, như thể hiện phương tiện của sự chân thật trong sự thay đổi biến hóa, như là giáo lý của ân đức cho mọi người tương đương với tự lực. Để đi vào cảnh giới thanh tịnh của Tịnh Độ và bí mật nơi chốn của Thánh giả và để hưởng được

224

Nghĩa là họ chẳng có năng lực để nhìn thực tế cao nhất.

225

Ngài Thiện Đạo.

226

Tiếng Nhật: shôdômon (Thánh Đạo môn).

kết quả, gọi khác đi là “cánh cửa của Tịnh Độ” hay “con đường dễ thực hiện”. Ngang qua cánh cửa nầy ngược lại cũng có “thẳng về một bên” và “vượt qua khỏi một bên”, sự thí dụ và sự chân thật, tạm bợ và ngay lập tức, qua sự trợ lực hay chính mình cũng như những việc làm hỗn hợp, sự tản mác và sự thực hành duy nhất. Có 5 loại việc làm đứng đắn227. Nơi đây ngoại trừ việc niệm danh hiệu, cũng còn được gọi là “việc làm có trợ lực”. Những việc làm hỗn hợp đồng thời trợ giúp và là tất cả những việc, ngoại trừ sự đứng đắn và sự hổ trợ. Chúng tương đương với giáo lý tiệm tiến bên cạnh sự ra khỏi. Ở đó còn lệ thuộc vào cánh cửa tạm thời của tự lực, trên danh nghĩa của Thiền Định và lễ nhạc, ba sự thực tập hạnh phúc228, ba bậc của chín phẩm229. “Vượt qua khỏi một bên” nghĩa là giữ gìn bổn nguyện trong tâm thức và giải quyết việc dùng tự lực của tâm thức. Điều ấy là dấu hiệu của “tha lực vượt thẳng qua một bên” (hoành siêu). Riêng lẽ cho sự riêng lẽ, ngay tức thời cho việc tức thời, sự chân thật nhứt trong sự chân thật và một thừa

227 Gọi là giảng giải những chữ viết, quan sát, cầu nguyện, niệm danh hiệu và tán thán Đức Phật A Di Đà. 228 Tiếng Nhật: sanpuku. Nói chung là những tác dụng về đạo đức trong đời sống xã hội, giữ giới, làm những công việc của một vị Bồ Tát; đặc biệt trong Phật Giáo Di Đà thì: cung kính cha mẹ, quy y Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng và cầu mong được sự vãng sanh. 229 Tiếng Nhật: sanpai, kyuhon (ba cấp, chín phẩm); sự chia ra các cấp bậc khác nhau của sự vãng sanh gồm có 3 cấp chính và 9 tầng. Tầng thượng phẩm dành cho chư Tăng là những người đã từ bỏ thế tục và hầu như là những người thực hiện lý tưởng của Bồ Tát. Tầng trung phẩm dành cho người mà chẳng thể hoàn toàn làm nhiệm vụ tôn giáo đầy đủ; nhưng cố gắng thực hiện những việc làm nhân đức và đồng thời đạt được liền theo lời nguyện của Đức Phật A Di Đà; nơi tầng hạ phẩm ở cuối cho những người nào muốn giác ngộ qua lời thệ nguyện của Đức Di Đà; nhưng chẳng thể tự việc làm của chính mình thực hiện được.

trong tất cả mọi thừa. Đây là chân lý230. Tôi đã trình bày những điều nầy trong chương nói về việc thực hành sự chân thật. Trích liên tục tiếp theo về quan niệm “những việc

làm trộn lẫn” và “sự thực tập chung chạ”231 ở đây cho mỗi việc lại có ý nghĩa khác nhau. Chữ “trộn lẫn” chứa đựng cả hằng vạn việc làm khác nhau. Cứ 5 việc làm đứng đắn lại chứa đựng năm việc làm trộn lẫn ngược lại. Chữ “trộn lẫn” ở đây được dùng, bởi vì khái niệm về việc hiểu biết và việc làm của con người, chỉ cho chư Thiên và các vị Bồ Tát, họ trộn lẫn cùng nhau. Ở đấy được thực hiện cho việc tốt, xuất phát từ tâm quy hướng trở về, hướng đến Tịnh Độ, tuy vậy nhưng chẳng phải là một nguyên nhân riêng biệt cho việc sanh về Tịnh Độ. Do vậy người ta nói rằng: “Những việc làm trộn lẫn của Tịnh Độ”. Tiếp theo cũng có việc làm pha lẫn với nhau gọi là: “Việc làm duy nhất” và “tâm riêng lẽ”232 cũng như “việc làm trộn lẫn” và “tâm trộn lẫn”233. Việc làm duy nhất cũng gọi như thế bởi vì ở đây chỉ thực hiện một điều tốt và cũng gọi là sự tương đương với một tâm duy nhất, bởi vì chỉ nghĩ đến việc vãng sanh. Việc làm trộn lẫn và tâm trộn lẫn chứa đựng đặc điểm, bởi vì việc làm trộn lẫn hướng dẫn cho tất cả những loại tốt đẹp và ngay cả tâm thiền định cũng hướng về như lễ nghi. Cũng như những sự thực hiện đứng đắn và qua sự trợ giúp thực tập lại có những sự thực hiện duy nhất và sự thực hiện trộn lẫn. Ở nơi sự thực hiện trộn lẫn ngược lại cũng có tâm duy

230
Tiếng Nhật: shinshu (Chân Tông).
231
Tiếng Nhật: zôgyô, zôshu.
232
Tiếng Nhật: sengyô, senshin.
233
Tiếng Nhật: zôshin.
Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 193

nhất và trộn lẫn. Bởi sự thực hiện duy nhất cũng có hai loại: loại thứ nhất là niệm danh hiệu Phật và loại kia là thực hành 5 loại duy nhất. Trong việc làm nầy dẫu sao cũng có tâm duy nhất và tâm trộn lẫn. Năm loại thực hành duy nhất gồm: thứ nhứt là cầu nguyện duy nhất, thứ hai là đọc chữ viết duy nhất, thứ ba là thiền định duy nhất, thứ tư là tụng niệm duy nhất và thứ năm là tán thán duy nhất. Đây gọi là 5 việc “thực hành duy nhất”. Với một quan niệm về “sự thực tập duy nhất” được hiểu là có sự khác biệt về ý nghĩa. Nó thực ra có sự liên hệ với sự thực tập lễ nghi duy nhất. Tâm duy nhất cũng như thế, bởi vì từ kia trở ra chỉ còn hướng đến sự thực hiện 5 điều đứng đắn, không có điều ấy thì bên cạnh còn một trong hai mục đích nữa. Đó chính là tâm thiền định duy nhất và tâm nghi lễ duy nhất cũng được gọi là những sự thực tập trộn lẫn, bởi vì có chứa đựng những việc làm pha trộn và sự đứng đắn cũng như sự trợ giúp. Tâm trộn lẫn gọi “trộn lẫn”, bởi vì với kia tâm thiền định và lễ nhạc pha trộn với nhau. Điều nầy người ta nên hiểu. Nói chung thì Ngài Đạo Xước trong sự trích dẫn của những việc làm khác nhau đã nói và chỉ dẫn nên hướng về Tịnh Độ, là của vạn việc làm và Ngài Thiện Đạo gọi những việc ấy là những việc làm trộn lẫn. Thiền sư Huai – Gan 234 cho thấy những việc kia như là những việc làm khác nhau. Ngài Nguyên Tín đã dựa vào Ngài Huai – Gan và Ngài Nguyên Không (Pháp Nhiên) đã lập theo Ngài Thiện Đạo. Như

vậy sự bình luận của những vị Đại Sư đã giúp cho tác giả của các

234 Đệ tử của Ngài Thiện Đạo.

194 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

kinh điển235, trình bày đến cho chúng ta, có những việc làm pha lẫn khác nhau giữa những việc làm trộn lẫn từ tâm pha lẫn và những việc làm lẫn lộn từ tâm duy nhất và việc làm duy nhất từ tâm lẫn lộn. Tiếp đến cũng còn nằm trong những việc làm chính đáng, sự thực tập duy nhất với tâm duy nhất, sự thực tập duy nhất với tâm trộn lẫn và sự thực tập lẫn lộn với tâm lẫn lộn. Chúng tất cả là nguyên nhân cho sự vãng sanh về biên địa Tịnh Độ, nằm trong thai sanh biên địa, trong phạm vi của những kẻ yếu ớt. Bởi vì người ta qua đó mà được sanh về Tịnh Độ, nhưng chưa nhìn thấy được Tam Bảo. Tâm giác ngộ của Phật nhận lấy những sự sai quấy mà những việc làm trộn lẫn hướng dẫn đến, chẳng phải để chiếu sáng cho kia. Lý do cho việc nầy là sự chân thật của lời thệ nguyện, chứa đựng những giới luật tạm thời236. Giáo lý tạm thời và sự giải thích, bắt nguồn từ sự khao khát cho sự thật, nhờ vậy mà được rõ ràng. Ba tâm của hai kinh có những ý nghĩa khác bên ngoài thì có ý khác; nhưng bên trong chỉ ẩn một ý. Như vậy là câu hỏi về khác và giống của ba tâm đã được trả lời. Câu hỏi tiếp theo là: phải chăng ba tâm trong kinh Đại Bản và kinh Thiền Định khác nhau với “nhứt tâm” của kinh Tiểu Bản, hay với kia là một?

235
Ở đây được hiểu là Đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni từ chính kim khẩu của Ngài đã xuất phát những lời dạy của kinh điển.
236
Ở đây được hiểu là lời nguyện thứ 19.
Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 195

Câu trả lời là: Với lời thệ nguyện như là cánh cửa phương tiện được dựng lên cho sự chân thật237 thì có việc làm và lòng tin. Tiếp đến lại có sự chân thật và phương tiện, vâng! Hạnh nguyện chính là cội rễ của nhiều cây cối khác nhau thuộc về công đức. Những công việc làm bây giờ lại có hai loại: Thứ nhứt là cội rễ của những việc tốt đẹp và thứ hai là cội rễ của công đức238. Niềm tin là tâm thức hướng đến sự chân thật và đạt được sự vãng sanh. (Đây là lời nguyện thứ 20). Trong sự phân tích về những hành động của từng việc một thì ở đây có Thiền Định và lễ nhạc. Sự vãng sanh là sự vãng sanh khó nắm bắt được 239 . Đức Phật chỉ cho thấy sự biến tướng của hình tướng. Quốc độ là thành trì của sự hoài nghi và thai sanh biên địa. Cũng giống như chúng ta trải qua trong kinh Thiền Định (Quán Vô Lượng Thọ), ở đây cũng phải 240 cho thấy một ý nghĩa tạm thời và rõ suốt. Sự hiển nhiên là Đại Sư của kinh241 237 Tiếng Nhật: hôben shinmon no seigan. Điều nầy liên hệ với lời nguyện thứ 20 mà theo Thân Loan thì chứa đựng sự thật, bởi vì qua sự giải thích của Ngài đã chứng minh về việc trì danh niệm Phật; tuy nhiên luôn còn giữ tự lực của niềm tin. Nguyên văn của lời nguyện nầy Thân Loan bây giờ nối kết với sự luận giải trở lại theo sau đó (xem phía dưới). 238 Sự phân biệt làm sáng tỏ cho kết quả qua phương diện của nguyên nhân và kết quả: việc tốt có

giá trị như là nguyên nhân, công đức – nghĩa là kết quả thánh thiện – là kết quả. Cả hai theo Thân Loan giống nhau với danh hiệu Đức Di Đà, mà danh hiệu ấy thật là một sự tốt đẹp chân thật, cũng giống như sự chân thật thánh thiện. 239 Tiếng Nhật: nanji ôjô (sự vãng sanh khó nghĩ bàn). Ý nghĩa của chữ quyết định cho việc nầy chẳng phải cốt yếu của việc "vãng sanh khó nghĩ bàn". Tuy rằng đây là sự chia ra cho rõ ràng có tính cách thuộc về thuật ngữ chuyên môn của Thân Loan. Nan tư vãng sanh là vãng sanh theo lời nguyện thứ 20; nghĩa là trung gian giữa sự niệm danh hiệu A Di Đà nhận được công đức. Nan tư nghì vãng sanh là vãng sanh theo lời nguyện thứ 18, nghĩa là không có công đức riêng lẽ mà chính là từ năng lực của Đức A Di Đà. 240 Trong kinh Tiểu Bản Di Đà. 241 Đức Thích Ca Mâu Ni.

đã xác nhận tối thiểu về những việc làm khác nhau và cái nhỏ tốt đẹp được chứa đựng, để mở ra cánh cửa sự thật của cội rễ của việc tốt và những công đức đồng thời về một tâm của sự lợi ích của chính mình đạt được cũng như phấn chấn cho việc nắm bắt khó khăn về sự vãng sanh kia. Do vậy Ngài đã khuyên trong kinh rằng: "Nhiều cội rễ của việc thiện, nhiều thành quả của đạo đức và nhiều sự liên hệ với nghiệp lực, qua hạnh phúc đạo đức mang lại". Trong một sự bình luận 242 gọi là "Hãy hướng về tất cả chín phẩm nơi Tịnh Độ và đạt được chỗ ấy rồi thì quyết chẳng bị đọa lạc". Nơi khác thì nói rằng: "Sự vãng sanh không thể khác hơn là ở cảnh giới phương tây qua việc niệm Phật từ 3 đến 5 lần cầu nguyện thì Đức Phật sẽ hiện ra nghinh tiếp tín đồ". Tất cả việc nầy chỉ cho thấy ý nghĩa mặt nổi của kinh nầy. Ở đó chủ ý cho một phương tiện tạm thời nằm trong cánh cửa chân thật ấy. Những gì còn lại phía sau là sự diễn tả về những chúng sanh có niềm tin khó đạt được trong sự chân thật. Qua đó kinh soi sáng biển thệ bất khả tư nghì và muốn cho mọi người tạo ra thời cơ để hướng về biển lớn của niềm tin quy mạng ấy. Quả thật, bởi vì những lời khuyên vô số, như những hạt cát của sông Hằng và niềm tin cũng vậy đủ loại chẳng thể đếm hết. Cho nên gọi là: niềm tin, thật là khó vô cùng. Trong bình luận243 nói rằng: "Nếu những người thường hướng đến sự cầu nguyện, họ sẽ đạt được trực tiếp qua sự chí thành với lời nguyện tổng thể của Đức A Di Đà mà họ được sanh về đó". Vì vậy mà ý nghĩa vay mượn được mở ra. Trong kinh gọi là: "bám víu và giữ kỹ" và tiếp đến " nhứt tâm". Chữ

242

Trong pháp sự tán của Thiện Đạo.

243

Pháp sự tán của Thiện Đạo.

"bám víu" diễn tả rằng tâm thức giữ chặt và không thay đổi cũng như chẳng hướng đến nơi khác. Chữ "giữ kỹ" gọi là những gì không được rơi rải tản mát và không được đánh mất đi. "Một" ấy để chỉ cho những gì không phải là hai. "Tâm" ấy là tên gọi cho sự chân thật và những thực tế. Những lời dạy kia đã được nói qua lời dạy ấy ở trong những kinh điển Đại Thừa là không ai hỏi Đức Phật cả mà chính do Ngài mang ra để

giải thích. Chỉ vì còn nằm ở kia mà vì vậy sự xuất hiện của Đức Như Lai trong thế giới nầy là lý do để chứng minh cho những ý định chân thật của chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Qua kinh nầy 4 vị Bồ Tát đã giải thích, họ xuất hiện trước con người244 đồng thời những vị Đại Sư từ ba quốc độ245 qua giáo lý đứng đắn của việc niệm Phật và hướng dẫn chúng ta qua những việc dối gạt của thế giới tội lỗi nầy. Thánh Điển to lớn với ba kinh cũng có nơi mở bày và cũng có nơi còn ý nghĩa vay mượn; nhưng trong việc chính là giới thiệu tâm thức của niềm tin và giúp cho đi vào nơi ấy. Cho nên ban đầu kinh gọi "đúng như vậy"246. Ý nghĩa của sự diễn tả nầy, là hình tướng của niềm tin. Nếu bây giờ tôi quan sát về ba kinh thì như thế cho tất cả vào tâm kim cang của sự chân thật cao tột nhất của sự tối cần thiết. Tâm chân thật là tâm tin tưởng to lớn. Tâm to lớn niềm tin là sự hiếm hoi, sự vượt lên trên, là cái nhân màu nhiệm chân thật, thanh tịnh và ngoài ra bởi vì là biển đại

244 Như vậy ý nói những ai truyền bá giáo lý Tịnh Độ cho tất cả những người thường hay ngay cả những bậc thông thái, thánh thiện và các vị Bồ Tát ở bậc cao nhất. 245 Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản. 246 Kinh bắt đầu với chữ nyoze (như thị) hoặc kaku no gotoshi; nghĩa chữ là "như thế nầy đây" (như vầy tôi nghe). Sự diễn tả nầy sâu sắc mạnh mẽ tính đích xác và không có sự nghi ngờ về giáo lý sau đó.

dương của tâm tin tưởng đạt được thật là khó khăn ngoại lệ, vì tâm kia từ năng lực của Phật mang đến. Tuy vậy ở phía ngoài dễ dàng trong việc đi đến sự chân thật của quốc độ hạnh phúc kia, bởi vì qua năng lực của lời thệ nguyện được sinh ra ở nơi ấy. Đây chính là cái nhân của việc tìm cách luận bàn ở đây về sự nhứt như và sự khác biệt của nhứt tâm kia. Như vậy để trả lời cho câu hỏi về ý nghĩa của nhứt tâm trong 3 kinh được chấm dứt. Tăng sĩ cũng như tín đồ từ ba cõi dơ uế ấy vì vậy nên mau mau đi vào cánh cửa chân thật của sự thực hành rộng rãi và vào nơi công đức viên mãn cũng như đạt được sự vãng sanh khó nắm bắt kia. Trong sự trích dẫn về phương tiện của cánh cửa chân thật ấy có sự khởi nguồn từ việc tốt và sự khởi nguồn của những công đức. Tiếp theo lại có tâm duy nhất của Thiền Định và tâm duy nhất của những lễ nghi khác nhau, cùng với tâm lẫn lộn của Thiền Định cũng như của nghi lễ. Tâm lẫn lộn là tâm ra khỏi từ cái tốt lẫn cái xấu, khỏi thói quen và sự thánh thiện của Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa, trong ấy hòa chung với nhau ở bên trong được sự trợ giúp cũng như sự đứng đắn, qua việc niệm danh hiệu. Tuy nhiên giáo lý chân thật "bỗng nhiên" là cội nguồn ở đây "từ từ" và thuộc về cá thể247. Sự thực tập tuy rằng duy nhất nhưng cái tâm trộn lẫn với sự vật. Cho nên gọi đây là tâm trộn lẫn. Tâm duy nhất của Thiền Định và lễ nhạc

247 Năng lực của lời thệ nguyện thành tựu theo Thân Loan là trực tiếp và tất cả đều giống nhau; nếu mỗi một sự tụng niệm trong sự cố gắng thì sẽ thành tựu công đức riêng, như thế chỉ còn theo tình trạng cá biệt mà khác nhau và từ từ tiếp tục đạt đến giác ngộ.

là sự đạt thành theo năng lực của bổn nguyện, cho nên được cho rằng trong khi nó còn mang theo tội lỗi và những việc gọi là tốt đẹp. Nó cũng còn gọi là tương đương với "tâm duy nhất của tự lực". Nguyên nhân của những việc tốt đẹp niệm danh hiệu của Đức Thiện Thệ. Tên nầy là đại biểu cho tất cả những việc tốt, nguyên ủy của mỗi chúng sanh tốt đẹp. Và vì thế gọi là khởi nguyên của những việc tốt. Sự khởi nguyên của tất cả công đức là công đức được lan truyền với danh nghĩa của Đức Như Lai. Nếu Ngài nghe được một giọng khi cầu nguyện, thì Ngài sẽ hoàn thành tất cả những công đức và dẫn tất cả chúng sanh về. Bởi vì Ngài là nguyên nhân của đạo đức thành tựu với tên gọi tất cả trong 3 thời và tất cả trong 10 phương. Cho nên Ngài được gọi là sự thành tựu của đạo đức. Từ đó Đức Thích Ca Mâu Ni mở cửa vào kho tàng của những công đức248 và dắt dẫn thế giới tội lỗi trong 10 phương kia. Đức A Di Đà Như Lai quan sát về nguyên thể của lời nguyện cho sự thành tựu trọn vẹn (với lời nguyện thứ 20) và kéo những kẻ đáng thương trong biển cả chúng sanh từ tất cả các cõi hiện hữu ra khỏi. Đây chính là lời thệ nguyện từ bi đã được tồn tại, gọi đó là lời thệ nguyện của sự chắc chắn được sanh về, sự cầu nguyện sau khi họ đạt thành. Những cách gọi khác cũng có thể là danh hiệu "lời thệ nguyện cho những người chưa hoàn hảo"249 và "lời thệ nguyện của sự quay về chân thật".

248 Theo sự cắt nghĩa chung chung thường là (và như tài liệu đính kèm sau) được nghĩ là lời nguyện thứ 20. 249 Được hiểu là Đức Di Đà đã hứa qua lời thệ nguyện, tất cả mọi người chẳng đầy đủ tự lực để giác ngộ mà qua năng lực của Ngài, để mang họ về Tịnh Độ, là mục đích của họ.

200 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Đức A Di Đà nói về lời nguyện kia liên quan như trong kinh Đại Bản rằng: "Giả thử khi ta thành Phật, có chúng sanh nào trong 10 phương quốc độ nghe được danh hiệu ta sự suy nghĩ của họ hướng về quốc độ của ta để trồng những căn nguyên khác nhau của phước đức và họ mong muốn mang tâm chân thật về mục đích nầy để được sinh ra nơi ấy, mà kết quả chẳng đạt được, thì ta sẽ chẳng ở ngôi chánh giác." ...250 Thực tế tôi biết rằng tâm pha lẫn, chính là khi thực hành niệm Phật duy nhất, và tâm của sự đại hoan hỷ chẳng đạt tới được. Do vậy vị Đại Sư nói rằng251: "Theo lời thệ nguyện của Đức Phật chẳng phải đền bù qua sự cầu nguyện. Con người tuy rằng muốn làm những việc lành; nhưng trong tâm xuất hiện sự ngã mạn và sự khinh khi, bởi vì con người sẵn sàng tương ứng với sự thành tựu của thanh danh; bởi vì con người của tôi bị tự kỷ bao phủ và với sự hiểu biết dễ chịu để cho mỗi hành động chẳng có khả năng đến gần hơn; bởi vì tìm được sự hài lòng để cho nghiệp lẫn lộn nối kết lại và việc làm chính đáng để vãng sanh lại chính mình bị trì trệ và dẫn đến sự thiệt hại cho kẻ khác". Buồn biết là bao! Rằng sự khổ đau đan chéo nhau với sự vô minh thường tình trong thế giới nầy từ thời vô thỉ, chẳng hề có thể rời bỏ, bởi lẽ những điều ấy mang lại sự đứng đắn và chỉ giúp đỡ cho nhau và trộn lẫn với tâm Thiền Định và nghi lễ.

250

Dưới đây còn vài đoạn, trước hết là những bài dịch của kinh Đại Bản và từ sự bình luận của Thiện Đạo, để chứng nhận và giải thích gần hơn.

251
Thiện Đạo trong vãng sanh lễ tán.
Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 201

Như vậy họ chịu ảnh hưởng chính bởi sự trở lại vĩnh cửu và vòng quay ấy, đồng thời chẳng hề nghĩ đến các kiếp số, hoàn toàn chẳng có thể với họ, để quay về với năng lực của lời thệ nguyện và bước vào niềm tin biển cả bao la ấy. Đây thật là điều đáng tiếc để tiếc nuối thêm hơn: tất cả những vị Thánh của Tiểu Thừa và Đại Thừa hầu hết là những người thánh thiện, họ có thể chẳng mang lại niềm tin, bởi vì chính họ muốn cấy vào danh hiệu hạnh phúc qua bổn nguyện cho cội nguồn của những việc tốt đẹp. Cho nên họ chẳng trải qua sự giác ngộ trí tuệ của Phật và bởi vì họ chẳng xem xét thế nào là nguyên nhân đã xảy ra và họ chẳng bước vào quốc độ chân thật của báo độ ấy. Vì thế với tôi, kẻ ngu si đầu nhẵn tên Loan cung kính cho tác giả đã luận bàn252 và để lại những đề nghị cho người sau của những vị Tổ Sư, đã từ lâu, từ cánh cửa giả hợp của hằng vạn việc làm ấy, đồng thời đã bước vào những hành động tốt đẹp khác nhau và với tôi đã xa rời được sự sinh ra dưới cây Sa La. Tôi đã hướng về cánh cửa chân thật của nguyên nhân những sự tốt đẹp và hiệu quả của đạo đức, đã vào nơi ấy và tôi dễ dàng có một tấm lòng được mang lại cho việc khó nắm bắt sự vãng sanh kia. Ngày nay tôi đã thật sự, rời bỏ cánh cửa phương tiện, để tôi trở về với tuyển chọn lời thệ nguyện như biển cả ấy và tôi cũng đã đi vào đó. Tôi đã nhanh chóng từ bỏ việc vãng sanh khó khăn và bây giờ mong rằng thành tựu được những sự vãng sanh nan tư nghì ấy. Lý do về việc kia nằm trong lời nguyện tròn đầy thành tựu253. Bây giờ sau khi tôi đã

252
Được nghĩ là Ngài Long Thọ và Thế Thân.
253
Được hiểu là lời nguyện thứ 20.
202 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

từ lâu dừng lại nơi biển thệ nguyện ấy, tôi đã kinh qua sâu thẳm lời thệ nguyện của Đức Phật. Để tạ ơn về thành quả đạo đức đầy đủ kia, tôi truyền bá giáo lý chân thật căn bản cần thiết ấy và luôn luôn kêu gọi sự cầu nguyện với biển cả bất tư nghì công đức kia254. Niềm vui của tôi vô tận và tôi gói trọn kỷ vật nầy sâu tận đáy lòng tôi.255 Trên thực tế tôi biết rằng những giáo lý khác biệt, thuộc về con đường thánh thiện để làm theo tùy từng thời gian, trong đó Đức Phật đã dừng lại ở quả đất nầy và ngự trị trong ấy với giáo lý chân chánh. Tuy thế cho từng thời đại của sự cân đo và giáo lý ấy đi đến chỗ cuối cùng cũng như cho mỗi thời kỳ mà trong ấy giáo lý kia trải qua, hầu như chẳng thể thích hợp

254 Đức A Di Đà. 255 Với đọan nầy Thân Loan một lần nữa theo tư tưởng về sự tương quan tổng quát với giáo lý của những phái Phật Giáo khác và dẫn những giáo lý về lại với nhau cho kinh nghiệm tôn giáo riêng của mình. Con đường đầu tiên dẫn đến sự cung kính những Đức Phật khác và những vị Bồ Tát ngay cả những cấp thấp nhất của việc quay về duy nhất với Đức A Di Đà. Việc thứ hai là tìm cách dựa theo lời nguyện thứ

19 qua sự tập hợp của nghiệp tốt riêng lẽ để đạt được trong Tịnh Độ A Di Đà; nó giúp cho Thân Loan chỉ cho sự chuẩn bị cho một quan điểm về năng lực duy nhất của Đức A Di Đà cho con người để mong được sự cứu vớt đưa về. Đầu tiên với suy nghĩ nầy là "sự thật" được đạt đến, tuy nhiên cũng còn một cấp bậc thấp hơn, tìm ra cho tín đồ qua sự niệm Phật và nói chung là tiếp nhận những công đức của Đức A Di Đà. Ngay cả ở cấp bậc nầy, trong ấy tương đương với lời thệ nguyện thứ 20 và theo Thân Loan thì được tạo ra bởi sự duy nhất của Đức A Di Đà với mục đích cho sự quay về của con người. Chỉ có chừng nào qua sự quy hướng về ở sự niệm Phật được tẩy rửa tâm thức của con người qua suy tư và công đức riêng lẽ và Ngài cũng đã dựa theo lời nguyện thứ 18 về sự chờ đợi giải thoát duy nhất của lời nguyện Đức A Di Đà, thì như vậy người ấy mới đạt cấp bậc cao nhất của sự thật. Con đường của lời thệ nguyện thứ 19 qua 20 và lời nguyện thứ 18 bằng tiếng Nhật là sangan tennryu (trở về và bước vào qua 3 lời thệ nguyện). Ngài đã nối kết đặc điểm trí tuệ cổ điển qua giáo lý riêng biệt của Thân Loan trong cái nhìn truyền thống với lịch sử trở về của cá nhân ông.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 203

được256. Ngay như bây giờ chúng ta đã đánh mất thời gian và đã bỏ rơi chúng sanh riêng lẽ. Giáo lý chân thật của Tịnh Độ thì ngược lại nhận lấy sự hủy bán nhiều về lòng từ bi vô lượng ấy và đồng hóa với những chúng sanh xấu tệ. Bất kể họ từ thời Đức Phật còn tại thế; từ thời tượng pháp và thời mạt pháp. Nếu con người phổ biến những lý do căn bản cho sự giúp đỡ cho những kẻ diễn giải kinh điển bằng chữ viết của các Đại Sư và những nhà bình luận và sau khi quyết định để hỏi về giữa sự truyền thừa, thì người ta sẽ đếm tất cả gồm chung với 5 loại lời dạy. Đầu tiên là truyền đạt lời Phật dạy, việc thứ hai là những Thánh Đệ Tử của Ngài, thứ ba là truyền đạt sự thay đổi về sự sống ở cõi trần, thứ tư là Thiên Thần và thứ năm là truyền đạt sự xuất hiện của quỷ thần. Tuy nhiên bốn điều sau cùng trong loại nầy chẳng thể đầy đủ cho niềm tin. Ba kinh ngược lại đã giải thích riêng về những bậc Đại Thánh mà chính Ngài đã mang đến. ... Phần trích dưới đây của Long Thọ, trong ấy có một bài ngắn nói về lời dạy của Đức Phật trước khi Ngài nhập diệt.

256 Thân Loan cho thấy ở đây về tư tưởng của các thời đại tiếp nối khác nhau, ở trong ấy thế giới sau khi sự giả từ của một Đức Phật để đi vào Niết Bàn thì giáo lý của vị ấy tiếp tục bị rời xa. Thời kỳ đầu là thời kỳ chánh pháp (tiếng Nhật: shôbôjidai) giáo lý tồn tại, sự thực hành và sự chứng đạo ở thế giới nầy. Sau 500 năm như thế bắt đầu thời kỳ thứ hai gọi là "tượng pháp" (zôbôjidai) ở trong ấy giáo lý và sự thực tập còn; nhưng con người chẳng thể đạt được giác ngộ trong cuộc đời nầy. Thời gian nầy là 1.000 năm và sau đó là thời kỳ "mạt pháp" (mappôjidai) ở trong sự mờ mịt, ít ỏi với giáo pháp của Phật, tuy vậy một sự thực hành tương ứng chẳng thể xảy ra. Sau 10.000 năm như thế bắt đầu thời kỳ của "pháp diệt" (hometsu), trong ấy chẳng còn vị Phật nào và giáo lý của Người cũng chẳng tồn tại nữa.

204 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Qua đó Đức Phật đã huấn dạy đệ tử Ngài rằng: “Các con bây giờ hãy (nương theo tứ y) thẳng đến giáo lý và chẳng nên theo con người, hãy xét đến ý nghĩa cho sự quyết định và đừng phải căn cứ nơi sự hiểu biết, mà là trí tuệ của các ngươi và chẳng phải để hiểu cũng như các con nên dừng lại ở giáo lý, ở trong ấy nhận ra rõ ràng chủ ý của Đức Phật và chẳng phải không hiểu điều nầy!” Giáo lý, ý nghĩa, trí tuệ và được gọi chung là những lời giáo huấn và sự gọi chung đây là bốn điều căn bản (tiếng Nhật: shie) và trong ấy được tiếp theo lời dạy như sau: Bởi vì điều ấy cần thiết mà các vị Tăng sĩ cũng như tín đồ thời mạt pháp thực tập giáo pháp, ở đấy người ta nghiên cứu về bốn điều căn bản ấy một cách chu đáo. Như vậy trải qua quan điểm đứng đắn và chân thật của những kinh điển được giải thích qua sự lưu truyền về đạo đức đã được dựa theo truyền thống, để phân biệt giữa sự chân thật và sự lờ mờ, giữa Tịnh Độ và con đường đưa đến Thánh Thiện đã được mở ra và giữa những sự hướng dẫn sai lầm, tà thuyết của những đạo sư được sửa đúng lại. Sau thời gian nghiên cứu tìm hiểu, trong thời gian Đức Phật vào Niết Bàn thì đã hướng đến các thời chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp rất rõ ràng. …257 Cho nên đa số chúng sanh ở trong thế giới lừa dối, dơ nhớp và vẩn đục nầy nếu không có sự hướng dẫn để biết được trong thời kỳ mạt pháp của những bậc Tăng Ni thì cả Tăng sĩ và tín

257 Sau đây là phần trích của Đạo Xước cho sự giải thích kế tiếp.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 205

đồ ở trong thời kỳ nầy, do vậy phải nghĩ đến quí vị cho tình trạng riêng lẽ nầy! Để nghiên cứu giáo lý trong ba thời kỳ nầy thì nghiên cứu thời gian mà Đức Như Lai vào Niết Bàn, chứng minh rằng vào năm thứ 51 dưới năm vị thống trị thứ 5 của vùng chúng ta. Từ đó cho đến năm đầu ngày nay của năm Gennin (đây là thời gian trị vì của Hoàng Đế Go–Horikawa) là 2.183 năm đã trôi qua258. Sau khi lời dạy của “Kinh về trí tuệ của A Tăng Kỳ Kiếp”259, Kinh Nhân Vương260 và kinh Niết Bàn thì thời kỳ mạt pháp đã bắt đầu trước đây 683 năm rồi. …261 Với sự quan sát sâu thẳm được rõ ràng thì có nhiều vị Thầy khác nhau thuộc về con đường Thánh Thiện, qua việc thực hành và chứng đạo đã được cho thấy từ lâu, trong khi con đường thực sự chứng đắc là Tịnh Độ Chân Tông, bây giờ đang được nở rộ. Vì thế những người bình luận từ các chùa khác nhau lại mờ mịt với giáo lý của họ và chẳng nhận ra cánh cửa

258 Chủ ý của năm được đưa ra là năm 1224. Trong kinh sách thì có nhiều tư tưởng khác nhau về việc nầy, tại sao Thân Loan lại dùng thời điểm của ngày nầy, vì lẽ ngày nay người ta biết chắc rằng điều nầy chẳng phải là năm hoàn thành tác phẩm Giáo, Hạnh, Tín, Chứng; việc sau cũng cho thấy rõ ràng rằng Thân Loan dùng tên của Go-Horikawa với sự bổ khuyết cho sự lầm lẫn để làm bằng chứng cho một nhiếp chính vương, mà vị nầy đã sẵn sàng nhường ngôi. 259 Tiếng Nhật: Kengôkuô, Đại Chánh 14, quyển 8; kengô. Tiếng Phạn: bhadra – kalpa là dấu hiệu của thời gian trong thời hiện tại đã có hằng ngàn Đức Phật thị hiện ra nơi thế giới nầy. 260 Tiếng Nhật: Nin Ôkyô, (Nhân Vương kinh), Đại Chánh 8, 246, quyển 2. Đầu đề của kinh nầy theo tiếng Nhật và Việt là: Nhơn Vương hộ quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh. 261 Phía dưới là sự trích đoạn đầy đủ với ngày tháng, chiều dài, tính cách của thời đại mạt pháp.

chân thật cũng như tạm bợ; những người theo Khổng Giáo ở Kinh Đô thì không rõ trong công việc làm của họ và chẳng thể quyết định phân biệt cho con đường đúng hay sai. Như vậy chỉ còn những Tăng sĩ ở chùa Kôfuku – ji dưới sự trị vì của Thiên Hoàng Daiyô (như vậy được hiểu là thời vua chúa tự viện Go– Toba262, mà tên thật là Takanari) trong khi tính theo lịch người trị vì thời ấy là (Tsuchimikado263 thuộc nhiếp chính vương tự viện, mà tên thật của ông là Tamehito) trong thượng tuần giữa mùa xuân264 của năm đầu tiên Jôgen với một sự thưa kiện265. Nhiếp chánh vương và những Đại Thần thực hiện việc phá bỏ giáo lý và ý nghĩa, họ để cho cơn giận dữ bộc phát lên và cuốn theo những sự ghen ghét. Cho nên một số đệ tử đã phê phán bậc Tổ Sư của họ theo Chân Tông và Thầy dạy đạo Nguyên Không (Pháp Nhiên), không thể diễn tả hết được những tội lỗi của những người thừa hành ấy là họ muốn giết hay đánh phá

262 Go–Toba (1180–1239) đã làm quan dưới thời Thiên Hoàng từ năm 1183– 1198, sau khi từ chức, ông hoạt động lại và kết hợp với bổn phận thay mặt tiếp tục như là nhiếp chính vương cho Thiên Hoàng mới, cho người con 3 tuổi của Tsuchimikado. Hình thức nầy là sự sử dụng về quyền lực sau khi đã chính thức từ chức, điều ấy ngày xưa Nhật Bản gọi là insei (Triều đình từ tu viện), việc nầy thường xảy ra kể từ năm 1086. 263 Tsuchimikado (1195–1231) và làm Thiên Hoàng từ năm 1198–1210. 264 Bên cạnh sự dẫn nhập của năm tháng âm lịch thì ngược lại có 3 thời gian cho 10 ngày được chia ra trong tháng gồm: thượng tuần, trung tuần và hạ tuần. Tại Nhật Bản cũng có những thời kỳ được tính theo bốn mùa và cứ mỗi mùa như vậy là 6 khoảng thời gian, mỗi khoảng thời gian là 15 ngày. Mùa xuân bắt đầu và năm mới đến thường nằm trong một ngày giữa tháng giêng và tháng hai, còn ở đây có thể hiểu là vào khoảng thời gian của tháng 3 năm 1207. 265 Năm được đưa ra ở đây là năm 1207 là năm mà các đệ tử của Pháp Nhiên bị kết án tử hình và lưu đày, cả Pháp Nhiên và Thân Loan nữa. Những vị Tu sĩ thù địch đã khán cáo để bỏ tù và cấm việc niệm Phật đã được trình lên triều đình vào mùa thu năm 1205 và giải tán đệ tử của Pháp Nhiên là mục đích chính. Đơn giản hóa sự việc và vì vậy mà không đúng lắm với sự thật.

vị trí của Tu sĩ, cho Tăng sĩ tên đời và họ liên đới với những người ở xa. Một trong những người bị hại ấy là tôi. Cho nên tôi chẳng phải là Tăng nhơn mà cũng chẳng phải là tín đồ. Từ lý do nầy cho nên tôi hay dùng chữ toku (ngốc), kẻ trọc đầu, như là tên của mình. Thầy dạy đạo Nguyên Không (Pháp Nhiên) như thế nào thì chúng ta những người học trò, tất cả đều bị lưu đày về các tỉnh xa và ở đó trong vòng 5 năm. Trong thời gian trị vì của Thiên Hoàng (tên nhiếp chính vương tự viện là Sado266, với tên thật là Morinari) trong năm đầu của Kenryaku (Kiến Lịch) ngày 7 tháng 2 thuộc tiết mùa mưa267 thì lệnh lưu đày được ân xá và sau đó Ngài trở về lại cố đô, Ngài Nguyên Không (Pháp Nhiên) ở quê nhà tại Ôtani thuộc miền tây dưới chân núi Higashi–Yama ở vùng bắc của Toribe. Đến ngày 5 tháng giêng của triều đại năm thứ 2 vào giờ ngọ Ngài đã vào Niết Bàn268. Ở đây chẳng cần thiết để nói về những dấu hiệu bất khả tư nghì vào thời điểm chết của Ngài đã hiện ra. Những điều nầy cũng có thể tìm được trong

những bài tường thuật khác. Như vậy với tôi, kẻ ngu ngốc trọc đầu tên Loan, là đệ tử của Đức Thích Ca Mâu Ni ở trong năm đầu của Kennin269 đã từ bỏ những việc làm lẫn lộn và đã quy hướng về bổn nguyện.

266 Ở đây được hiểu là Thiên Hoàng Juntoku (1197–1242) cũng như một người con của Go–Toba, ông ta làm quan từ 1210 đến 1221. Vào năm 1221 Juntoku sau khi tìm cách thoáng đạt bởi Shôgunata và bị đày ra đảo Sado ở Tây Bắc Nhật Bản; từ đó bên trong bài cũng được đề cập đến tên. 267 Chủ ý là ngày 17 tháng 11, cũng thuộc đầu tháng 12 của năm 1211. 268 Nghĩa là ngày 25 tháng giêng (giữa và cuối tháng 2) của năm 1212 nhằm buổi trưa từ 11 đến 13 giờ. 269 Năm 1201.

208 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

Trong năm thứ 2 của Genkyu270 tôi nhận được lời thệ nguyện của Pháp Nhiên và tôi được phép sao chép lại Senjaku nầy. Trong cùng năm ấy vào ngày 4 thuộc giữa triều đại của tháng mùa hè đầu tiên, chính Ngài đã viết bản thảo về "Senjaku hongan nembutsu shu" với những lời "việc niệm Phật A Di Đà là việc làm để vãng sanh, tiếp nhận việc niệm Phật" và với đạo hiệu là "Shaku no Shakku" 271; trong bản sao của tôi. Chính trong ngày ấy tôi đã yêu cầu Ngài vẽ một hình của Ngài và Ngài đã vẽ và trao cho tôi. Vào ngày thứ 9 của hạ tuần tháng 7 vào năm thứ 2 của chính triều đại ấy Ngài đã viết một phương châm của chân dung trao tận tay câu "Nam Mô A Di Đà Phật" và " nếu khi tôi đạt được Phật quả, thì tất cả trong 10 phương, chỉ cần niệm danh hiệu tôi 10 niệm, mà không sanh về được, thì tôi sẽ chẳng ở ngôi chánh giác"272. Vị Phật kia ngay bây giờ đã thành Phật và chúng ta biết rằng lời thệ nguyện căn bản cũng như quan trọng của Ngài, không bao giờ sai. Những chúng sanh đạt được sự vãng sanh qua việc niệm danh hiệu Phật". Tiếp đến Ngài đã thay đổi căn bản về tên tôi qua sự truyền đạt của giấc mộng, mà cho đến nay vẫn là Shakku, rồi chính Ngài ở trong ngày ấy, tự tay mình viết tên tôi xuống lại273 là Thân Loan. Ngài lúc ấy đúng là năm 73 tuổi.

270 Năm 1205. 271 Shakku là tên mà lần đầu tiên được Pháp Nhiên đặt cho. Ngài đã ráp 2 chữ của Đạo Xước và Nguyên Không mà thành. 272 Những câu nầy có thể được xem rằng rút ngắn lại từ lời thệ nguyện thứ 18 của Đức A Di Đà. 273 Một giấc mơ được chấp nhận là việc ở đây liên quan đến sự giác ngộ, mà vào cuối đời, lúc Thân Loan còn là Tăng sĩ của Thiên Thai Tông (vào khoảng năm 1201) thấy trong lúc cầu nguyện lễ bái trong 100 ngày. Trong giấc mộng nầy Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đã hiện ra hình tướng của Thánh Đức Thái Tử

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 209

Những "sự thu thập bài vở về việc niệm Phật, qua việc tuyển chọn của bổn nguyện" đã đến với cơ hội của Phật đạo đã được thay đổi những nhiếp chính vương (Tsukinowadono Kanezane với pháp danh là Emshô) 274. Điều quan trọng căn bản là giáo lý chân thật và ý nghĩa sâu xa của việc niệm Phật đều chứa đựng trong ấy. Nếu người ta thấy được điều ấy thì việc giác ngộ khá dễ dàng. Trên thực tế thì điều ấy quá hiếm hoi, qua những văn tự cao cả vi diệu, điều quý giá của giáo pháp sâu xa khó gặp được. Đồng thời trải qua hằng năm tháng hay cả 10.000 năm của nhơn sinh mà học

được sự giáo dưỡng từ những vị thầy thì trên tất cả, người gần hay ở xa, hay chỉ còn một thiểu số, đã được phép xem cũng như chép lại tác phẩm nầy. Tuy vậy tôi cũng đã sẵn sàng chép kỹ lại. Đây chính là một tác dụng hạnh phúc cho mọi người rằng tôi đã hướng đến việc làm đứng đắn cho tôi cũng như thực hành riêng biệt việc niệm Phật ấy và cũng là một dấu hiệu cho tôi thấy rằng việc vãng sanh về Tịnh Độ là chắc chắn. Cho nên tôi đã ngăn những dòng lệ lại với niềm vui cùng sự buồn rầu cũng như tha thứ cho những cộng nghiệp đã dẫn tôi vào nơi quy định. Còn niềm vui nào mà tâm thức đã cấy trồng trên mãnh đất của chư Phật với lời đại nguyện và tôi để cho sự suy nghĩ của tôi tuôn chảy vào biển cả của vô lượng chúng sanh. Sâu thẩm

cho Ngài thấy rồi mang đến cho Pháp Nhiên hay việc của người đệ tử nầy. Chính thức thì Thân Loan đã báo cho Pháp Nhiên ảo ảnh nầy lần đầu tiên một vài năm sau đó, từ đó Ngài đã đặt cho tên mới là Thiện Tín (ý nghĩa chung lại có nghĩa là tốt và niềm tin). 274 Ở đây được hiểu là nhiếp chính vương (kampaku) Fujiwara no Kanezane (1147–1207) cũng được biết với tên Kujô no Kanezane.

hơn, tôi đã cảm nhận với tình thương vô lượng của Đức Như Lai và đã hướng về sự chân thật cung kính của lời thệ nguyện ấy để cho những vị Đại Sư xuất hiện với lời dạy của các Ngài. Tôi ngày càng được những niềm vui hơn và tôi luôn tạ ơn sâu sắc cho thời tuổi trẻ của mình nhiều hơn nữa. Từ lý do nầy tôi đã hoàn thành kết quả quan trọng của Chân Tông và lưu truyền giáo lý căn bản cần thiết của Tịnh Độ. Tôi chỉ còn trong ý nghĩa của lời thệ nguyện sâu xa của Đức Phật và tôi cũng đã chẳng xấu hổ vì lẽ bị mắng nhiếc qua một vài người, hầu hết đều giống nhau, hy vọng rằng họ bây giờ đã được thành tựu với đức tin hoặc là tức giận hay chối từ cũng như đứng đó chửi bới, niềm hỷ lạc của sự tin tưởng trong năng lực của lời thệ nguyện đã thấy và kết quả vi diệu trong cảnh giới hòa bình cũng như được thấy xuất hiện sự an toàn ấy. Trong An Lạc Tập tác giả275 đã nói rằng: “đón nhận chữ chân thật và tập trung lại nơi sự thực tập, là giúp cho việc vãng sanh. Ngoài ra bởi vì điều nầy cũng được hướng dẫn bởi sự suy tư rằng sự an toàn phía trước sẽ hướng dẫn cho những người đến sau và sự an toàn ở phía sau sẽ hướng về những người đi trước, như vậy một sự tiếp nối không chấm dứt và sự đạt thành của sự vãng sanh chưa lần nào bị gián đoạn. Mục đích là sử dụng mọi cách để được hoàn toàn đầy đủ trong biển cả vô tận của sự sanh tử kia”. Từ đó các Tăng sĩ và tín đồ của thời mạt pháp có được một niềm tin kính cẩn. Điều nầy người ta nên biết đến.

275 Đạo Xước.

Cũng như trong những câu kệ của kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “Bồ Tát là vị thấy con người trong nhiều loại khác nhau, khi thực hành và hầu như giống nhau dẫu cho họ đang mang đến một điều tốt đẹp hay điều chẳng tốt nơi tâm, thì Bồ Tát đều nhận lấy tất cả.”276 Dịch xong tất cả tác phẩm nầy vào ngày 5 tháng 9 năm 2011 tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover – Đức quốc. Thích Như Điển

276 Với sự trích đoạn nầy chấm dứt phần Giáo, Hạnh, Tín, Chứng ở đây.

212 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thân Loan

3.3 Duy Viên 3.3.1 Thán Dị Sao 3.3.1.1 Lời nói đầu Nếu tôi thuật lại với tính cách giới hạn của quá khứ và hiện tại thì tôi chỉ có thể gióng lên một phần về tín tâm mà Ngài Thân Loan đã nói ra từ chính cửa miệng của Ngài và được truyền lại. Bởi vì tôi nghĩ rằng những kẻ hậu học sẽ có sự nghi ngờ và nếu không có cơ duyên tốt thì sẽ không gặp được những người trí thức thì khó mà vào được một cửa và sẽ hiểu sai về tha lực. Do vậy, tôi tóm lược lại ngắn gọn những ngôn từ của Ngài Thân Loan, giống như tiếng nói của Ngài còn vọng lại nơi tai của tôi, để tạo nên niềm tin cho những người cùng chí hướng khỏi sự nghi ngờ. (Bản dịch phần trên nầy dựa theo câu văn tiếng Đức “buch der Klage ueber die Haeresien” của Christian Steineck, có đối chiếu với bản tiếng Nhật Tannisho của Yuien. Phần phía dưới của mỗi chương, dịch thoát từ tiếng Nhật sang tiếng Việt tác phẩm “Tannisho o ikikata” của Yamagaki Tyoomyoo).

3.3.1.2 Chương mở đầu Lắng đọng tâm tư lại trong hiện tại để suy nghĩ về Ngài Thân Loan Thánh Nhơn lúc còn tại thế, với tín tâm được trực tiếp truyền lại từ Ngài Thân Loan Thánh Nhơn, thì đa phần đã có nhiều sự sai biệt, nên phải than lên như vậy. Với việc như thế; ngày sau nầy chẳng phải chẳng có sự hỗn loạn và những nghi ngờ giữa những người thuộc Chân Tông Niệm Phật sao? Đây là điều phải lo lắng vậy.

214 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

Với thân mệnh nầy, đã có nhân duyên, mà nếu chẳng được hướng dẫn bởi Thầy mình thì làm sao có thể sống với thế giới quảng đại của Đức Phật A Di Đà được (con đường của bổn nguyện tha lực). Tự mình hiểu rõ được lời dạy ấy, nên đã lấy lời dạy kia làm kim chỉ nam cho việc sống trong thế giới của Đức Phật A Di Đà. Từ đó, ngày nay nói lại những lời dạy của Ngài Thân Loan Thánh Nhơn, qua nơi tai của chính tôi nghe còn sót lại những điều quan trọng, nên nghĩ rằng phải viết tóm lược để lại ngày sau. Bởi vì tôi nghĩ rằng: dẫu sao cũng có thể giải tỏa được ít nhiều những nghi ngờ của những vị đồng tu đang cùng sống và thực hành trong thế giới rộng rãi của Đức Phật A Di Đà.

3.3.1.3 Chương thứ nhất (dịch từ tiếng Đức có đối chiếu với tiếng Nhật) Trong khi ở tâm thức bừng tỉnh, khi chúng ta tin vào việc niệm Phật để được vãng sanh qua sự cứu giúp bất tư nghì về lời thệ nguyện của Đức Di Đà, thì chúng ta đều hiểu rằng: qua sự lợi ích của việc bất xả ấy và qua bổn nguyện của Đức Di Đà không kể đến già trẻ và thiện ác. Điều cần yếu chỉ là niềm tin và mục đích của niềm tin ấy là cứu giúp cuộc đời và làm giảm thiểu những tội ác sâu xa cũng như những phiền não đang đốt cháy chúng sanh. Nếu tin tưởng vào bổn nguyện đó thì chẳng cần cái tốt khác được, vì cái thiện chẳng có; qua sự niệm Phật, cái ác cũng chẳng còn. Những việc xấu ác kia qua bổn nguyện của Đức Di Đà sẽ chẳng bị ảnh hưởng.

3.3.1.4 Chương thứ nhất (Dịch thoát từ bản tiếng Nhật) Không cần nói đến tuổi tác, thiện ác khi cứu độ.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 215

Hoàn toàn sẽ được hạnh phúc, nếu chúng ta nương theo sự rộng lớn của thế giới và qua lời thệ nguyện cứu khổ nhân gian sẽ được an ổn. Với thế giới tự nhiên, tin rằng sự vãng sanh về Tịnh Độ, khi phát ra việc xưng danh hiệu của Đức Phật A Di Đà thì việc cứu giúp con người của chúng ta sẽ được thành tựu. Đối với lời dạy của Đức A Di Đà (Túc nguyện) chẳng kể đến tuổi tác của con người và ngay đến cả việc lành dữ. Bởi vì nếu có niềm tin chân thật sâu xa nơi Đức A Di Đà mới là điều vô cùng quan trọng. Vì sao vậy? Túc nguyện của Đức A Di Đà là nguyện cứu chúng ta ra khỏi những sự trói buộc của phiền não và dục vọng cũng như ra khỏi những tội lỗi mà chúng sanh đang sống nơi ấy. Đồng thời với những ai sống theo lời dạy nầy cũng chẳng cần phải thực hiện theo điều lành. Vì sao vậy? Vì những việc lành ấy đã vượt qua khỏi, do sống theo lời dạy niệm Phật của Đức Phật A Di Đà. Lại nữa, Đức A Di Đà Như Lai khi cứu khổ những việc to lớn, cũng chẳng để ý đến những việc ác. Chẳng nên suy nghĩ về điều nầy. Lý do là tất cả những sự lành dữ đã vượt qua khỏi tất cả so với thế giới sâu xa rộng rãi của Đức Phật A Di Đà. Điều ấy đã hòa tan vào thế giới mà Ngài Thân Loan đã tin tưởng.

3.3.1.5 Chương thứ hai (Dịch từ tiếng Đức) Quí vị đã trải qua hơn 10 tỉnh lỵ với sự nguy hiểm đến tánh mạng, để tìm đến thăm tôi và tìm hỏi về việc vãng sanh về

216 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

Cực Lạc. Đó là một lỗi lầm về niềm tin. Tôi chẳng còn biết cái gì khác hơn con đường vãng sanh qua sự niệm Phật; hay hiểu biết về những văn tự khác nữa. Nếu là như thế thì nên tìm đến Nara và núi Tỷ Duệ; vì nơi ấy có nhiều học giả hướng dẫn về việc quan yếu của việc vãng sanh. Còn đối với Thân Loan nầy chỉ có tin vào sự niệm Phật A Di Đà, không còn lý do nào khác nữa. Như tôi đã tin tưởng vào Thầy tôi là Ngài Pháp Nhiên và Ngài đã dạy rằng: hãy chỉ tin đức A Di Đà và con sẽ được cứu khỏi. Có thể niệm Phật là hạt nhân để ươm trồng nơi Tịnh Độ, cũng có thể là việc làm để rơi vào địa ngục. Hãy nên rõ biết những điều nầy. Tôi cũng đã chẳng tin rằng nơi chính tôi được cứu bởi Pháp Nhiên Thánh Nhân qua việc thực hành việc niệm Phật mà bị rơi vào địa ngục; với tôi qua việc làm của chính tôi để thành Phật nhưng qua sự niệm Phật ấy nơi địa ngục thì tôi chắc chắn phải trải qua việc sai quấy ấy. Thế nhưng là con người như tôi, với việc ấy chẳng thể bất cứ cái gì tốt phải làm trọn thì việc ở địa ngục dầu sao đi nữa cũng là việc đương nhiên. Nếu qua bổn nguyện của đức A Di Đà mà đức Thích Tôn đã chẳng dạy một lời trống rỗng thì lời dạy của đức Phật cũng đúng; như vậy thì Thiện Đạo chẳng sai về hư ngôn nầy. Trong trường hợp đúng với lời bàn của Thiện Đạo thì nó cũng chẳng khác với giáo lý của Pháp Nhiên. Nếu lời dạy của Pháp Nhiên là chân thật thì với tôi Thân Loan có thể nói chẳng là sự thật chăng? nếu là vậy thì nói ngắn gọn với niềm tin của tôi đã gặp. Từ đó hãy suy nghĩ là việc nầy còn giữ lại nơi quí vị, hay là quí vị gìn giữ sự niệm Phật và tin tưởng vào đó; hoặc là từ bỏ nó…

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 217

3.3.1.6 Chương thứ 2 (dịch thoát từ tiếng Nhật) Nơi địa ngục là nhà của tôi với tội sâu dầy. Tất cả mọi người trải qua 10 tỉnh như: Thường Lục, Hạ Tổng, Tương Mô, Y Đậu, Viễn Giang, Tam Hà, Vĩ Trương, Y Thế, Cận Giang, Sơn Thành không lo ngại đến thân

mạng tìm đến thăm tôi với tâm nguyện chỉ muốn hỏi về phương pháp cứu khổ chân thành. Tuy nhiên với tôi, Thân Loan nầy chỉ tin theo lời dạy của Đức A Di Đà, chỉ niệm Phật từ tâm nầy; ngoài ra chẳng rõ biết một phương pháp nào khác nữa. Nếu muốn nghe về việc nầy thì quả là điều nhầm lẫn lớn. Nếu có những câu hỏi như vậy thì nên gặp những vị học giả nổi tiếng tại Nara và Tỷ Duệ Sơn để hỏi, tìm sự cứu khổ và nghe họ thì tốt hơn. Đối với Thân Loan nầy đã thường nói: "chỉ có việc sanh về thế giới vĩ đại của Đức A Di Đà Phật." Tôi chỉ một lòng tin nơi lời dạy của Ngài Pháp Nhiên Thượng Nhân, ngoài ra chẳng có lý do nào khác cả. Kết quả lời dạy của Đức Di Đà là chẳng có tự ngã, chỉ riêng tôi là con đường được cứu sao? Hay là vĩnh viễn chẳng cứu cảnh giới nào cả. Hay vào nơi địa ngục tôi cũng chẳng biết gì cả, cho nên từ đó với Pháp Nhiên Thượng Nhân đã đăm chiêu là sanh về thế giới của Phật A Di Đà và dẫu cho niệm Phật mà có rơi vào địa ngục đi nữa thì với tôi là kẻ hậu bối hoàn toàn chẳng lo, con đường chỉ có một mà thôi. Vì sao thế? Ngoài lời dạy của Đức Phật A Di Đà về kẻ có thể trở thành Phật mà nếu kẻ ấy bị rơi vào địa ngục thì qua lời dạy của đức Phật A Di Đà sẽ hối hận rằng: "đã xong! Hãy mặc

nhiên" thế nhưng dẫu cho có dạy như thế nào đi chăng nữa, với việc tu hành ấy cũng chẳng thể thành Phật được. Bởi vì với tôi là kẻ chẳng hoàn toàn không có tự ngã. Nguyên nơi địa ngục ấy, chính do việc làm của tôi mà phải vào sống nơi nhà ấy. Việc cứu giúp của Đức Phật A Di Đà cho con người do lời thệ nguyện cứu giúp nhân gian. Nếu bổn nguyện ấy là chính, thì qua lời dạy ấy đức Thích Tôn chẳng nói lời hư ngụy. Nếu lời dạy của Thích Tôn là đúng, thì Ngài Thiện Đạo (613-681) là Đại Thành Giả về Tịnh Độ của Trung Quốc cũng đã nói rằng: lời dạy của Đức Phật A Di Đà chẳng phải là hư dối. Nếu sự giải thích về Phật Pháp của Ngài Thiện Đạo là đúng thì Ngài Pháp Nhiên (1133-1212) cả cuộc đời của mình đã chỉ nguỡng vọng Ngài Thiện Đạo, chẳng phải là như vậy sao? Lại nữa, nếu Ngài pháp Nhiên nói những lời chân thật thì so với Pháp Nhiên, Thân Loan cũng nói lời chẳng hư dối vậy. Cuối cùng đối với lời dạy của đức Phật A Di Đà là niềm tin thể hiện nơi tự thân của tôi, chính là điều mà hơn thế nữa, tôi phải sống từ niềm tin giống như qua lời dạy của Phật A Di Đà hay sao? Hoặc giả đối với việc ấy tôi chẳng tùy thuận, là điều chẳng hiểu được. Hay là phải vứt bỏ lời dạy kia? tất cả mọi người hãy tự mình quyết định điều ấy. Như vậy, đây mới chính là điều ngưỡng vọng của Thân Loan.

3.3.1.7 Chương thứ 3 (dịch từ tiếng Đức) Dĩ nhiên là người lành sẽ được vãng sanh và ngay cả người ác cũng như vậy. Người ta thường nói rằng: "ngay cả người ác cũng được vãng sanh huống gì là người làm lành". Điều nầy đã cho thấy rõ rằng sự tương phản, thế nhưng với cái nghĩa

của bổn nguyện, giải thoát qua tha lực. Bởi vì với con người, tạo ra hành động tốt bởi chính mình, nó chẳng nghĩ đến tha lực và điều nầy không phải là bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà. Nếu người ta xây dựng niềm tin nơi tự lực và tin tưởng vào tha lực thì

người ấy sẽ sanh vào Tịnh Độ. Bởi vì Đức A Di Đà thấy với cả tình thương, rằng chúng ta, những người đầy phiền não chẳng thể tự rời khỏi vòng sanh tử nên Ngài đã phát nguyện với bổn ý rằng: ngay cả người ác cũng có thể thành Phật được. Qua sự trợ lực của tha lực thì cái ác kia cũng là cái thánh nhân để được vãng sanh bởi vì với lời dạy rằng: khi người lành được sanh về Tịnh Độ thì ngay cả người ác cũng vậy.

3.3.1.8 Chương thứ 3 (dịch thoát từ tiếng Nhật) Cứu độ chẳng phân biệt người nào, người được gọi là người lành nghĩa là kẻ được đức Phật A Di Đà cứu độ, mà ngay cả người xấu ác như tôi vẫn được đức Phật A Di Đà thật tâm cứu khỏi cái khổ cũng là việc đương nhiên. Ở đây người đời thường bảo: "kẻ tạo ác với đầy đủ cả phiền não cũng được đức Phật A Di Đà cứu độ; cho nên người lành được cứu là chuyện đương nhiên rồi". Như vậy thì tương ưng với sự suy nghĩ nầy và sẽ hợp với đạo lý; nhưng trên thực tế thì Đức Phật A Di Đà cứu tất cả mọi người; qua lời nguyện cứu sanh mệnh. Đặc biệt nếu theo tinh thần của bổn nguyện là giải phóng con người ra khỏi sự nghèo khổ thì phải nói là điều kỳ dị. Vì sao vậy? vì chính tự mình làm những việc lành (thiện căn) và tích chứa, với người thiện ấy nghĩ rằng do sự tự giác có thể thành Phật được. Còn với lực

cứu độ (bổn nguyện lực) của Đức Phật A Di Đà hoàn toàn chẳng để ý đến; như vậy với kẻ nghèo hèn kia, tinh thần của tha lực bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà hoàn toàn chẳng ảnh hưởng đến họ. Tuy nhiên với người làm lành, và ngay cả người tự lực, với chính cái lực của chính mình do tâm tự giác to lớn ấy, và nếu tâm kia chẳng cần nhờ sự quảng đại của Đức Phật Di Đà để được sanh về thế giới của Phật thì chắc hẳn sẽ phá tan cuộc đời u ám ấy, và sẽ được sanh về thế giới chân thật sáng sủa kia. Sanh về đó với đầy cả dục vọng và chính mình không thể dứt trừ được sự mê lầm. Nhìn thấy tâm hồn khốn khổ của nhân gian, đức Phật A Di Đà thương cảm, đã phát nguyện cứu độ chúng sanh, ngay cả với người ác cũng được cứu giúp là mục đích chính và dùng cái lực của Đức Phật A Di Đà (tha lực) để cả người ác ấy cũng phải do bổn nguyện của Đức Phật đầy đủ điều kiện để được vãng sanh. Như vậy chúng ta phải nói rằng bởi vì cứu độ người lành, cho nên với tự ngã của con người nghèo khốn vẫn được cứu như thường. (Lời nói nầy ngay cả ngài Pháp Nhiên Thượng Nhân cũng đã nói như vậy).

3.3.1.9 Chương thứ 4 (dịch từ tiếng Đức) Từ bi và Thánh đạo có sự sai khác giữa con đường Thánh và Tịnh Độ. Với từ bi của Thánh đạo là thể hiện sự tin tưởng vào căn bản của thế giới tự lực nầy; thế nhưng điều ấy chẳng thể được; thật tế phải để tâm cứu giúp như thế nào, còn Từ Bi của Tịnh Độ là qua sự niệm Phật có thể thành Phật một cách

mau chóng. Với tâm đại từ, đại bi, làm cho chúng sanh được lợi ích và chắc chắn sẽ mang đến được. Như quí vị biết chúng ta sống trong thế giới nầy giống nhau, dẫu cho chúng ta có bao nhiêu cố gắng theo sau lời nguyện ước để được cứu giúp; ngược lại với tình thương ấy của chúng ta chỉ có một nửa. Cho nên nếu riêng chỉ việc niệm Phật đầy nơi tâm thức thì tình thương ấy sẽ trọn vẹn.

3.3.1.10 Chương thứ 4 (dịch thoát từ tiếng Nhật) Chẳng thể cứu độ con người cũng giống nhau, cũng có người hay thường nghĩ rằng: Từ Bi là căn bản của Phật Pháp nhưng từ bi ấy lại có 2 cách. Dẫu thế nào đi chăng nữa thì khả năng của tự lực để thể hiện sự chân thật qua việc nỗ lực đối với Phật Pháp qua tình thương đối với con người thì với cái khổ ấy con người muốn tạo ra hạnh phúc chân thật. Thế nhưng với chúng ta là một con người trong thế gian nầy với cái dục nguyên vẹn của con người mà tạo ra được hạnh phúc thì là vấn đề chẳng thể được, chỉ có tính cách giới hạn mà thôi. Mặc khác với người sống, cuộc đời được hướng dẫn qua lời thệ nguyện chân thật của Đức Phật A Di Đà thì sẽ vượt lên trên sự mê mờ; với tha lực ấy ta sẽ sống tỉnh thức từng bước đi, thỉnh thoảng nghe lời dạy của đức Phật A Di Đà, ta xưng tụng danh hiệu Nam mô A Di Đà Phật từ cửa miệng để cảm tạ sự cứu độ ấy. Chẳng phải là tự lực của ta mà ta phải luôn nhớ rằng sống cuộc đời hạnh phúc ấy là do lực của Phật Pháp và là sự chân thật to lớn. Chỉ lấy làm tiếc rằng với con người, vì là kẻ chẳng hoàn toàn; cho nên với thân nầy phải nghĩ rằng: “tôi nguyện chừa! chẳng sáng sủa gì”. Nếu người ấy suy nghĩ

như vậy thì việc cứu độ cũng khó được. Bởi vì sự suy nghĩ ấy chẳng triệt để. Đồng thời qua sự tin thuận về lời dạy của Đức Phật A Di Đà, chúng ta niệm Nam mô A Di Đà Phật, với lực từ bi to lớn của đức Phật A Di Đà thì chẳng gì có thể sánh bằng cả. Đó là sự ngưỡng vọng của Thân Loan Thánh Nhơn.

3.3.1.11 Chương thứ năm (dịch từ tiếng Đức) Tôi (Thân Loan) chẳng có phút giây nào niệm Phật vì sự hiếu dưỡng đối với cha mẹ cả, hơn thế nữa vì tất cả các loài hữu tình đời đời đều là cha mẹ anh em; cho nên với họ phải tuần tự cứu họ trong cuộc đời tới sẽ thành Phật. Với việc làm thiện chúng ta mong mỏi đem tự lực của mình để tạo ra công đức mà hồi hướng niệm Phật cho cha mẹ. Thế nhưng với tự lực kia chẳng có thể, chỉ khi nào chúng ta thay đổi con đường giải thoát bằng tự lực ấy thì mới có thể mau giác ngộ hơn. Giữa những loài trong sáu đường và bốn loại, vì nghiệp khổ còn đeo đuổi mà dùng phương tiện thần thông để độ cho những người hữu duyên.

3.3.1.12 Chương thứ năm (dịch thoát từ tiếng Nhật) Niệm Phật chẳng có phương pháp chẳng phải là cách để tỉnh ngộ. Với Thân Loan nầy vì hạnh phúc cho cha mẹ, sau khi những người nầy đã mất, chỉ một lần thôi, từ cửa miệng nầy vẫn chưa niệm được câu Nam mô A Di Đà để cúng dường. Với lý do ấy tất cả chúng sanh đều có sự liên hệ; những ai sanh ra trong đời nầy đều thay đổi khi sanh và khi chết. Khi làm cha mẹ, khi làm con cái, khi làm anh em. Với tâm nguyện

nầy khi tôi lâm chung, tin tưởng và làm theo sự tự giác to lớn kia để trở thành Phật và bởi vì với sự cứu độ con người của Đức Phật cho tất cả đều bình đẳng; cho nên quyết định rằng cha mẹ tôi cũng sẽ được cứu độ. Nếu tự tôi xưng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật bằng sự tự lực của chính mình qua hành vi ấy thì với công đức niệm Phật kia có thể cũng cứu được cha mẹ tôi không ? tuy nhiên niệm Phật là do từ lực của đức Phật A Di Đà khiến tôi niệm, chứ chẳng phải là do hành vi lành của tự mình tích chứa được.

Điều nầy chẳng thể được là vậy, Đồng thời tự lực của mình phải xa lìa quan niệm về sinh mạng, quan niệm về cha mẹ có tính cách lấy tự kỷ làm trung tâm, thì sẽ đạt được trí tuệ chân thật của Phật. Những người bị rơi vào sự luân hồi khổ sở trong thế giới mê mờ của địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh thì với trí tuệ to lớn ấy cùng với nhân duyên sâu dày đã làm cho những chúng sanh kia thoát ra khỏi cái khổ và được tự tại. Điều nầy chính Thân Loan Thánh Nhơn đã ngưỡng vọng.

3.3.1.13 Chương thứ sáu (dịch từ tiếng Đức) Chẳng có một ý nghĩa nào cả, nếu những người chuyên tu niệm Phật luận tranh luận với nhau họ là đệ tử của tôi hay đệ tử của người khác. Bởi vì nếu tôi dùng đến tự lực của một người để niệm Phật, thì có thể hắn ta là học trò của tôi, điều ấy quả là khờ dại (vì tôi không có người đệ tử nào cả). Con người khi gặp nhau vì do nghiệp duyên mang đến và duyên kia giã từ họ, nếu nghiệp kia đã xa lìa. Do vậy chẳng thể nói rằng: “Ai đã thay đổi Thầy mình và niệm Phật với người khác thì chẳng

thể vãng sanh”. Điều nầy chẳng thể nói được. Chúng ta chỉ có thể tin tưởng nơi Đức Như Lai như lấy một vật và trả lại vật đó. Tôi nhấn mạnh rằng: Điều ấy chẳng có thể. Ai với sự tự nhiên của vật ấy quá tin tưởng, nên hiểu rằng, nơi ấy hắn ta nên tạ ân Phật và cũng vậy, nơi ấy hắn ta có bổn phận với Thầy mình.

3.3.1.14 Chương thứ sáu (dịch từ tiếng Nhật) Chẳng có cái gì là vật riêng của con người. Nếu con người thuận tin theo lời dạy của Đức Phật A Di Đà và từ tâm kia vừa niệm Nam Mô A Di Đà Phật chung với những người trong ấy và nếu chấp trước rằng: người ấy là đệ tử của tôi, người nầy là đệ tử của người kia và khởi lên sự tranh luận giữa đệ tử nầy và đệ tử khác. Như vậy cả một sự sai lầm. Đó chính là việc riêng của con người vậy. Với Thân Loan nầy; người nào nghĩ rằng: “đệ tử của tôi, thì chẳng có một người nào cả. Vì sao vậy? Vì nếu dùng tự lực qua lời dạy của Phật A Di Đà để có được nhiều người niệm Phật. Nếu được như vậy thì có thể gọi đây là đệ tử. Tuy nhiên những người nhờ sống dưới sự giáo dưỡng của Đức Phật A Di Đà, họ là đệ tử của mình sao? Những việc như vậy, chẳng phải là điều khờ khạo sao? chắc là như vậy”! Với chúng ta, với người kia còn nhân duyên thì cùng nhau tiến bước và nếu duyên kia chẳng còn nữa thì đi đường khác vậy. Chẳng thế thì: “bỏ Thầy mình rồi tin tưởng nơi lời dạy của người khác. Nếu niệm Phật như vậy thì chẳng được cứu độ”. Đây là điều hoàn toàn kỳ lạ, lời dạy ấy ở phía sau lại cắt đứt đi. Những người như vậy có niềm tin với riêng mình rằng

đức Phật Di Đà giúp cho mình được tỏ ngộ, nhưng đó chỉ là sự thay đổi mà thôi, phải nghĩ như vậy. Việc ấy hẳn nhiên đã gặp phải. Chúng ta phải vượt lên khỏi cái tự kỷ có tính cách trung tâm ấy. Nếu ai thành tựu với việc tự nhiên ấy thì chính tự họ nhận được ân huệ qua lời dạy của đức Phật, có cảm giác vui mừng. Lại nữa với sự dạy dỗ truyền đạt một cách rõ ràng của vị Thầy cũng là một việc tự nhiên cần nên biết. Điều ấy Thân Loan Thánh Nhơn đã ngưỡng vọng.

3.3.1.15 Chương thứ bảy (dịch từ tiếng Đức) Niệm Phật là một con đường vô ngại. Nếu ai tin tưởng như vậy thì với người thực hành tín tâm ấy sẽ chẳng có chướng ngại, với Thiên Thần, Địa Kỳ cũng đều kính phục, cả ma giới và ngoại đạo cũng không làm trở ngại. Cả nghiệp báo và tội ác cũng không cảm được. Những việc thiện kia cũng chẳng đến nữa. Bởi vì niệm Phật là một con đường vô ngại.

3.3.1.16 Chương thứ bảy (dịch từ tiếng Nhật) Con người sống trong sự chẳng lo âu. Sống chân thật với đức Phật A Di Đà. Nếu người nào xưng danh Nam mô A Di Đà Phật một cách hoan hỷ từ tâm mình và sống với chính điều ấy thì cái khổ của con người trên đời nầy, cái buồn lo sẽ chẳng còn nữa. Đó là những người sống với thế giới thật, đã vươn cao. Điều ấy gọi là một con đường chẳng có chướng ngại. Vì sao vậy? Với những người sống như thế thì ngay cả trời đất cũng tôn kính những người sống như vậy. Sự

tồn tại của ma sẽ thay đổi qua những người sống với lời dạy ấy. Cảnh sống ấy của họ, tà ma sẽ chẳng hại được. Lại nữa với những người có cảnh sống như thế thì chẳng còn nhận tội báo của việc lành hay dữ nữa. Cho nên chẳng cần phải cứu độ. Dẫu cho việc ác, việc thiện của chúng ta, con đường cứu độ chẳng còn liên hệ gì nữa cả. Vì sao vậy? Vì việc ác đã bỏ, việc lành đã siêng năng thì chẳng cần cứu nữa. Đó chẳng phải là thế giới của đức Phật A Di Đà sao?

3.3.1.17 Chương thứ tám (dịch từ tiếng Đức) Đối với hành giả niệm Phật chẳng phải làm, chẳng là việc thiện. Nếu cái gì đó chúng ta chẳng qua việc làm thì chúng ta gọi là chẳng thực hành và một việc làm tốt, chúng ta cũng chẳng làm thiện thì chúng ta cũng gọi là chẳng tốt. Nếu niệm Phật với tha lực và không còn tự lực nữa thì đó chính là hành giả chẳng làm và cũng chẳng thiện đối với niềm tin.

3.3.1.18 Chương thứ tám (dịch từ tiếng Nhật) Niệm Phật đối với tôi chẳng phải là căn lành. Nếu thuận tin theo lời dạy của Đức Phật A Di Đà, với kẻ sống và niệm Nam Mô A Di Đà, xưng danh hiệu ấy hoan hỷ thì việc niệm Phật ấy chẳng phải là điều trở thành vị Phật của chính mình. Đồng thời để trở thành Phật, đó cũng chẳng phải là hành vi của tự thân nữa. Thành Phật là do vì việc lành cũng chẳng phải là việc làm của tự thân, cũng chẳng phải là việc làm lành, mà từ Đức Phật A Di Đà đã đưa cho ta đến. Đó chính là ân huệ vậy.

Khi ta đến được là do ân đức chân thật của đức Phật A Di Đà Như Lai và ngay cả những hành vi chẳng hoàn hảo của tự thân của chúng ta, hoàn toàn lìa khỏi. Tin theo lời dạy ấy, chỉ xưng tán và với ta, chẳng có hành vi nào là của mình và ngay cả cái lành riêng cũng chẳng có. Chỉ duy nhất, nếu niệm A Di Đà Phật hoàn toàn với cái ta không còn thì đó chính là việc làm của tha lực và đó cũng chính là tính chất của việc lành thuộc tha lực vậy.

3.3.1.19 Chương thứ chín (dịch từ tiếng Đức) Khi tôi hỏi Ngài Thân Loan rằng: “nếu chính con nói về niệm Phật thì ngay chính con đã chìm vào trong niềm vui ấy và con có

thể nhảy múa được và lại chẳng muốn mau sanh về Tịnh Độ. Việc ấy có thể chăng?" Ngài trả lời rằng: "với Thân Loan nầy cũng có tình trạng tâm thức như con, Duy Viên Phòng cũng vậy. Nhưng nếu ta suy nghĩ kỹ về việc nầy thì ta tin rằng khác hơn thế nữa, việc vãng sanh là chuyện chắc thật; nếu chính chúng ta chẳng vui về điều ấy; nơi mà niềm vui đến tận cả trời đất đi nữa. Bởi vì do những việc ấy nên tâm chúng ta phiền não không khởi lên được niềm vui. Nếu ngay cả đức Phật biết được và vì đó mà nói về sự đầy phiền não của kẻ phàm phu thì sẽ cố vượt khỏi nhờ bi nguyện của tha lực, có thể giải thoát khỏi nhờ tha lực kia, và điều nầy được làm cho chúng ta và vì vậy chúng ta có thể tin chắc vào điều nầy; xa hơn nữa phiền não và khổ đau vẫn tiếp tục làm chỗ nương tựa, mà chúng ta chẳng mau ra khỏi để đến Tịnh Độ và rồi thì bởi một căn bệnh nhỏ của sự phiền não trong tâm uy hiếp đến sự chết. Nó sẽ vây quanh ta kể cả những việc cũ, nơi ngôi nhà

228 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

khổ đau kia; nơi đó chúng ta đã sống lâu dài, đi và trở lại, chẳng muốn từ bỏ và cũng chẳng muốn được lên nơi Tịnh Độ; nơi đó chúng ta đã chẳng hề có mặt. Như thế chúng ta cũng vẫn còn muốn trói buộc nơi những sự hưng thạnh xưa cũ của thế giới phiền não nầy. Nếu nghiệp duyên đã hết ở cõi Ta Bà nầy, chẳng còn lực nào nữa thì chúng ta phải đi đến một thế giới khác. Đức A Di Đà nhìn ta với tấm lòng đại bi đại nguyện, mà chúng ta chẳng muốn mau vãng sanh. Cho nên các ngươi nên dựa vào ngay lòng từ ấy và lời thệ nguyện to lớn kia để cảm nhận cũng như tin tưởng, thì việc vãng sanh của các ngươi sẽ chắn chắn. Khi mà tâm các ngươi vượt qua sự hỷ lạc và các ngươi mong muốn mau được vãng sanh thì những phiền não kia sẽ dứt trừ; bởi vì điều ấy có thể là vì những việc không ổn."

3.3.1.20 Chương thứ chín (dịch thoát từ tiếng Nhật) Sự mừng vui của con người hãy mau xa rời. Bởi vì khi nghe về sự chân thật của đức Phật A Di Đà và dẫu cho có niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật thì việc cứu độ qua sự vui mừng nhảy múa ấy dường như chẳng còn mong nữa. Lại nữa việc mong mỏi trở về thế giới nhanh chóng cũng không muốn. Việc nầy chẳng biết thực tế như thế nào? Chúng ta thử tìm hiểu việc nầy. "Tôi với Thân Loan nầy điều hoài nghi vẫn còn mang theo, còn con! Duy Viên Phòng cũng mong theo giống hệt như vậy. Nếu suy nghĩ thật là kỹ thì từ xa xưa kia, vui sống thực tế với niềm vui nhảy múa ấy, đã chìm dần vào cuộc sống hằng ngày;

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 229

cho nên ta đã chẳng vui. Việc cứu độ chẳng phải sai, nên lưu ý về điều nầy." Từ trước đến nay qua lời dạy chân thật phải vui một cách sâu xa. Điều nầy đối với việc chẳng vui thì cái gì là chân thật và lầm lẫn. Cái gì cũng chẳng biết; chỉ sống trong sự mê mờ. Điều nầy là do tâm ta bị nhiễm ô chăng? đồng thời với đức Phật A Di Đà nhìn thấy trạng thái hiện thật của con người chúng ta (ở đây tồn tại vô số phiền não, tiếp tục bủa vây đốt cháy thân tâm nầy) như vậy cho nên nếu nhìn thử qua lời dạy của đức Phật A Di Đà thì với lòng từ bi sâu xa qua lời thệ nguyện (bổn nguyện); chính Ngài đã vì chúng ta, hãy nên biết, hãy nên nghĩ về việc nầy. Lại nữa chúng ta chẳng mau mau muốn đến

thế giới của Phật, dẫu cho bị một ít bệnh đi nữa, chẳng phải không chết sao? với tâm suy nghĩ nhỏ hẹp và với thân mệnh thì chấp trước vào đó từ ngày xưa cho đến tận ngày nay, mê mờ trong thế giới não phiền mà chẳng xả bỏ ngôi nhà xưa cũ được, ngay bây giờ chẳng sanh về thế giới của Phật và dầu cho có nói cách nói tốt đẹp thế nào đi chăng nữa thì một lòng hướng đến đó để đi cũng chẳng muộn. Qua sự thật thể hiện như vậy với tôi, tấm thân nầy, phiền não đầy thân, phải tự rõ biết sự mê mờ của tự kỷ và dẫu cho có mang theo sự chấp trước sâu xa trong một đời nầy như vậy và dẫu cho mong rằng danh tiếng còn lại trong đời nầy đi nữa, thì kết cuộc cũng phải xa lìa thôi. Tuy vậy sự hướng dẫn chân thật của đức Phật A Di Đà khi mà giúp cho chúng ta những hành giả của Chân Tông có thể rời khỏi để sanh về thì ngay nơi thế

giới tự nhiên ấy, chúng ta sẽ có thể sanh về được nơi thế giới của đức Phật vậy. Nếu muốn sớm sanh về cõi Phật từng ngày với những người vô tâm thì đặc biệt đức Phật A Di Đà sẽ tạo ra cơ hội để thành tựu. Như trên! Ta còn chìm nơi ngũ dục, ngày ngày bị chìm đắm thì sự thật đối với con người, việc đầu tiên là cứu vớt đối tượng ấy, niệm ân lòng từ bi của đức Phật A Di Đà đã thành tựu bổn nguyện để cho chúng ta từ đó sống theo tâm thức kia và trở về với cái chết ấy. Nếu gặp được lời dạy của đức Phật A Di Đà mà khởi lên niềm vui mừng nhảy múa và nếu ta nghĩ rằng một ngày nào đó chẳng xa muốn sanh về thế giới của Phật thì chính tự mình, tâm ta sẽ giao động và sẽ cắt đứt tất cả sự mê hoặc của con người, là những điều mà đã nghi ngờ kia". Đây là sự khát ngưỡng của Thân Loan Thánh Nhân.

3.3.1.21 Chương thứ mười (dịch từ tiếng Đức) Ngài đã dạy rằng "Niệm Phật có nghĩa, mà chúng ta không cần tạo thành nghĩa. Bởi vì điều ấy chẳng thể xưng, chẳng thể nói, chẳng thể nghĩ bàn được." Lời đầu của phần sau đây: Từ thời đầu tiên xa xưa khi Thầy còn sống, đã có chung một niềm tin về nước tương lai qua sự tin tưởng và mong muốn ngay đến được Kyoto để dạy dỗ. Thế nhưng trong thời gian ngắn, bởi vì số lượng của người già lẫn trẻ đi theo môn niệm Phật nầy đã tăng trưởng vô số, cho nên đã được dạy cho nhiều việc; gồm những gì mà trong lời dạy của Ngài Thân Loan chẳng chứa đựng và khác với ý

nghĩa trên. Dưới đây tôi (Duy Viên) sẽ giải rõ từng điều khác nhau nầy.

3.3.1.22 Chương thứ mười (dịch từ tiếng Nhật) Vượt qua khỏi trí tánh chân thật của con người. Sự chân thật của đức A Di Đà Phật là đạo lý chẳng thể giải bày bằng sự hiểu biết của chính mình cũng như kinh nghiệm để lý giải. Vì sao vậy? Sự chân thật của đức Phật A Di Đà nghĩa là vì con người lấy sự hơn thua của tự ngã và lý tánh làm trung tâm để giải thích, mà việc nầy dùng trí để suy nghĩ cũng chẳng thể được. Bởi vì đó chính là tha lực của sự chân thật vĩ đại của đức Phật A Di Đà. Thân Loan Thánh Nhơn đã ngưỡng vọng về việc nầy (đây là lời nói của Ngài Pháp Nhiên Thượng Nhơn). Nếu suy nghĩ kỹ khi Thân Loan Thánh Nhơn còn tại thế, kể từ địa phương Kanto đến Kyoto thì mang theo những điều phức tạp, chẳng nghe theo lời dạy nào của Thân Loan Thánh Nhơn để

phát lòng tin tưởng và ngay cả bây giờ có nhiều người già lẫn trẻ lấy lời dạy của đức Phật A Di Đà làm kim chỉ nam để học. Tuy nhiên trong ấy chẳng phải là lời dạy của Ngài Thân Loan Thánh Nhơn, hầu như là sự suy nghĩ trái ngược lại. Gần đây cũng có nhiều người giải thích, cũng có người nghe theo tôi (Duy Viên) việc nầy chẳng đúng với lời dạy ấy. Cho nên đây là lý do muốn làm sáng tỏ vậy. (Dịch xong những chương trên vào ngày 28.4.2011 tại chùa Trúc Lâm Chicago Hoa Kỳ, nhân những ngày khóa tu học và triển lãm Phật Ngọc tại đây)

232 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

3.3.1.23 Chương thứ mười một (dịch từ tiếng Đức) Nghĩa khác của điều thứ nhất bên trên. Khi niệm Phật mà câu văn chẳng thông suốt, với một câu hỏi là: “Việc niệm Phật ấy tin vào sự thệ nguyện bất tư nghì hay tin vào danh hiệu bất tư nghì? Cả hai sự bất tư nghì ấy không rõ ràng thì điều nầy chính là việc nên nghĩ đến. Căn cứ vào sự bất tư nghì của thệ nguyện thì dễ dàng khi xưng danh hiệu và nếu xướng lên danh tự qua lời thệ ước thì tin rằng với sự bất tư nghì về Đại Bi Đại Nguyện của đức Di Đà có thể cứu ra khỏi sự sanh tử. Còn nếu nói niệm Phật là nhờ ánh sáng của Như Lai thì ít ra ánh sáng ấy chiếu cùng khắp, tương ưng với bổn nguyện để được sanh về thật báo độ. Nếu chúng ta luôn tin tưởng ở tâm rằng đó là sự bất tư nghì của lời thệ nguyện nầy, thì bất tư nghì của danh hiệu cũng đã đầy đủ. Sự bất tư nghì của sự thệ nguyện và danh hiệu là một, chứ không phải hai và chẳng còn điều gì khác biệt nữa. Cả hai việc thiện ác được cứu để vãng sanh thì cả hai dạng thức ấy chẳng phải bất tư nghì theo lời thệ nguyện mà sự niệm Phật ấy do tự thực hành nơi tâm thức và qua nghiệp để được vãng sanh. Đây chính là một việc làm tự lực. Người nầy không tin vào sự bất tư nghì của danh hiệu Phật. Tuy rằng không tin tưởng như vậy, nhưng kẻ ấy cũng được sanh về nơi biên địa đãi mạn của nghi thành thai cung và kết quả tùy theo nguyện ấy mà được sanh về báo độ. Đây chính là sự bất tư nghì của danh hiệu. Bởi vì đây cũng chính là sự bất tư nghì của lời thệ nguyện. Cả hai đều là một, không gì khác.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 233

3.3.1.24 Chương thứ mười một (dịch từ tiếng Nhật) Từ việc thuận tin theo lời dạy, niệm Phật để được sanh về. Những người không đọc chữ được, nhưng thấy và tin lời dạy của đức Phật A Di Đà thì được hỏi rằng: “Ông, bà trên thực tế (Ngài) cứu hết tất cả mọi người, thì đây là do tin theo lời thệ nguyện của đức A Di Đà Như Lai, hay là do sự lợi ích từ tâm mà niệm Phật và do sự tốt đẹp ấy mới niệm Phật ?”. Cả hai việc ấy khác nhau nhưng chẳng dạy rõ, người khác chẳng hiểu khác hơn được và việc nầy phải được hiểu rõ ràng hơn. Đức A Di Đà Như Lai chẳng bỏ sót một người nào cả. Vì lòng từ bi vô hạn, bất cứ ai niệm đến danh hiệu A Di Đà Phật thì được sanh về. Khi niệm danh hiệu nầy, qua lời dạy ấy, người niệm Phật tin tưởng và bởi vì qua lời thệ nguyện, chắc chắn được cứu vớt và căn cứ vào đó để được sanh, nên việc niệm Phật trở thành sự tự nhiên. Tất cả đều do năng lực của Đức A Di Đà Như Lai vậy. Hơn thế nữa, qua việc tin tưởng lời thệ nguyện của đức A Di Đà Như Lai để được sanh về, thì danh hiệu Nam mô A Di Đà Phật cũng là một sự bổ sung tự nhiên và từ tâm ấy việc niệm Phật được thể hiện. Như vậy thì, nếu qua lời thệ nguyện của đức A Di Đà Như Lai, cùng với tha lực của Nam Mô

A Di Đà Phật là một, chắc hẳn không phải là sự khác biệt đồng thời, với ánh quang minh chiếu dọi thuần túy đến người niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tự lực của chính mình được tăng thêm và ánh sáng của tự thân càng tăng trưởng thêm nữa. Kẻ làm lành được cứu, ngược lại kẻ tạo ác, gây chướng ngại cũng cứu, thì quả thật cái vô hạn của từ bi và trí tuệ của

Đức Phật A Di Đà Như Lai thật không thể tin cho cùng, mà chính năng lực của tự thân cũng có thể cứu thế giới nầy nữa. Đồng thời, những người như vậy niệm Phật, dẫu sao đi nữa sự niệm Phật ấy chính là tự lực của họ và với những người nầy qua lời thệ nguyện của đức A Di Đà Như Lai, họ không tin vào năng lực danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật kia. Tuy vậy, dẫu cho có không tin đi nữa, những người như vậy, cũng sanh về được cảnh giới giác ngộ và đến biên địa, giải đãi của Tịnh Độ kia. Chẳng phải chỉ tin tự lực của chính mình, nên đi vào thai cung và đóng lại ở đó và chìm vào thế giới bên ngoài, rồi vãng sanh về thế giới mờ ảo khác. Ở tại nơi đó một thời gian lâu dài. Những người với lòng tự tin nơi mình quá nhiều ấy cũng theo với lời nguyện từ bi của Đức A Di Đà Như Lai, sẽ được cứu vớt. Đây chính là ánh quang minh chân thật của Đức A Di Đà Như Lai vậy. Những ai tôn trọng về danh hiệu thì được cứu tế giống nhau của đức A Di Đà Như Lai. Đó chính là sự thệ nguyện bất tư nghì vậy. Cả hai điều nầy không lìa nhau, chỉ là một việc. Đây chính là lòng từ bi và trí tuệ của đức A Di Đà Như Lai vậy.

3.3.1.25 Điều thứ 12 (dịch từ tiếng Đức) (nghĩa khác của điều thứ 2 bên trên) Với những người chẳng học và đọc chữ được về kinh điển thì không dễ gì vãng sanh được. Ở đây sẽ bổ sung ý nghĩa của những việc chẳng đầy đủ nầy. Tất cả những lời dạy chân chánh đã được giải thích về sự chân thật của tha lực, để được thành Phật thì phải có lòng tin nơi bổn nguyện của sự niệm Phật. Ngoài ra còn phải học thêm

việc gì nữa cho lý do vãng sanh về cõi Tịnh Độ được? Ai trong điều nầy mà còn một chút nghi ngờ, thì kẻ ấy cần phải nghiên cứu kỹ hơn để hiểu được ý nghĩa của bổn nguyện, thì xưng danh hiệu dễ dàng hơn, so với người có học vấn mà thực hành Thánh đạo môn. Thật là điều đáng tiếc cho những ai đọc, nghiên cứu; nhưng trong tâm không thật sự hiểu ý nghĩa của nó. Việc thực tập dễ được gọi như vậy; bởi vì danh hiệu ấy được chọn như thế để những kẻ không biết chữ cũng có thể niệm dễ dàng, mà đối với những người nầy không hề biết đến kinh sách cũng như luận giải. Những người theo Thánh Đạo Môn hay lấy việc nghiên cứu làm việc chính. Đây là một việc làm khó. Ngoài ra trong một văn bản có ghi rằng: „Ai thực hiện nghiên cứu trong tư tưởng sai lầm, đối với người ấy không chắc, làm thể nào để vãng sanh về Tịnh Độ được“. Lúc bấy giờ người chuyên tu niệm Phật và người tu theo Thánh Đạo Môn đã tranh luận với nhau về pháp ấy là: “Tông của tôi mới là thông dụng, còn tông kia không đúng”. Họ đã trở thành địch thủ với nhau về pháp ấy, đã đánh động về sự báng pháp. Thế nhưng không có nghĩa là hủy báng pháp của chính mình. Trong khi đó những người của tông khác thì bảo rằng: “Niệm Phật chỉ là việc làm cho những người không còn giá trị nữa.

Đó là một tông phái với giáo lý nông cạn.” Rồi tự mãn cho rằng: “Chúng ta đối với những kẻ phàm phu hạ căn, một câu văn cũng chẳng hiểu, mà chỉ có lòng tin. Nếu chúng ta tin như thế, thì với những người thượng căn sẽ không tán thành. Vì vậy chúng ta nên vì pháp tối thượng

236 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

thừa nầy. Ví dụ như tự muốn loại bỏ giải pháp ấy ra, thì chúng ta sẽ chẳng ở một vị trí, cả ta lẫn họ, rời khỏi được sự sống chết. Đây chính là bổn ý của chư Phật. Vì vậy chẳng nên lấy đá chặn đường” không để ý đến những người kia, thì ai là đối thủ. Người trí nên lánh xa. Qua sự tranh luận như vậy, sự phiền não lại nổi lên, kẻ trí thì xa rời câu văn chứng cứ, như cố Thánh Nhơn (Thân Loan) đã nói rằng: “với pháp nầy có chúng sanh đã tin tưởng và cũng có chúng sanh tin vào đó chẳng lầm. Đức Phật đã từng dạy và qua giáo lý ấy chúng ta đã tin tưởng rồi làm cho người khác cùng tin. Qua lời Phật dạy ấy, việc vãng sanh là một việc nhất định. Nếu lại chẳng có người phỉ báng về lời dạy và cứ tin như thế thì bao nhiêu người đã rơi rụng. Cũng chẳng nên nói rằng: ta nhất định muốn nghe được quở trách việc nầy, mà điều ấy chỉ do nơi đức Phật. Điều là ở Đức Phật, trong tâm Ngài đã biết trước là có người tin và không tin, rồi hủy báng, rồi có kẻ nghi ngờ. Nói như vậy để thấy rằng chẳng vì thế mà chối từ giáo lý ấy”. Ngày nay người học theo câu văn đã chấm dứt. Thế nhưng cũng có người đang hướng về những luận nghị vấn đáp, rồi thì với học vấn ấy, nhận ra bổn ý của Như Lai cũng như rõ biết được bi nguyện to lớn kia. Đây chính là bổn phận của những học giả, phải chỉ cho họ việc rời khỏi luân hồi để sanh về cảnh giới Phật, mà theo bổn nguyện chẳng có sự khác biệt giữa tốt và xấu, sạch và dơ, vượt qua khỏi tất cả. Thật là một điều đáng lo sợ và đáng tiếc rằng có một ai đó có thể phản bội tâm của vị Thầy đã viên tịch của chúng ta và như vậy đã sai với bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 237

3.3.1.26 Chương thứ 12 (dịch từ tiếng Nhật) Tín tâm và học vấn khác nhau. Những kinh điển của Đức Phật dạy cũng như những chú thích và sách tham khảo chẳng đọc và có người cũng cho rằng những người không học Phật Pháp thì không được cứu. Thế nhưng đây chính là một sự sai lầm. Qua những kinh văn đây đó, ta biết một cách rõ ràng qua lời dạy của Đức A Di Đà Như Lai là tất cả nếu tin theo bổn nguyện của Di Đà Như Lai và nếu niệm Nam Mô A Di Đà Phật, trên thực tế ta sẽ được tiếp độ. Ngoài ra dẫu cho có trình độ học vấn đến đâu đi nữa thì sự học ấy có thể chắc chắn cứu chúng ta chăng? Không cần để ý đến điều ấy, với người mê mà học, chỉ nên học rõ biết lời dạy của Di Đà Như Lai. Đồng thời so với những kẻ hết lòng học hỏi, tham khảo, chú thích kinh điển mà chẳng lãnh hội được ý nghĩa chân thật của kinh điển thì cũng chỉ là người ngu muội mà thôi. Với những người chẳng đọc được sách, chẳng học tập cũng như chẳng rõ biết về sự chú thích cũng như những kinh điển, thì với những người nầy gọi họ một cách chẳng cần suy nghĩ là người niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Dẫu cho bất kỳ ai hay bất cứ nơi nào, hay học bất cứ cái gì ở đâu thì điều dễ dàng ấy là sự thực tiễn của thế giới A Di Đà Như Lai. Bởi vì lấy trung tâm của sự học vấn để học Phật, chính là con đường sai quấy, với Thánh Đạo môn mà những người tự lực để được Phật đạo, thì

đây là sự khó khăn trên đường đạo. Đây gọi là khó hành đạo. Với học vấn, chỉ muốn cho mình nổi danh và tiền bạc vào tay để sinh sống là sự suy nghĩ sai lầm.

238 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

Kết quả khi hết đời nầy trải qua đời khác, bao giờ mới sanh về cõi Tịnh Độ được? Qua những sách vở mà Thân Loan Thánh Nhơn viết để lại là những bằng chứng vậy. Dạo nầy với những người chuyên tu niệm Phật để được sống theo lời dạy của Di Đà Như Lai đã tranh luận với những người sống theo cảnh dùng tự lực theo Thánh Đạo Môn và cho rằng: lời dạy của tôi mới là hay, còn lời dạy của anh thật là yếu kém. Lần lượt tranh luận và trở thành đối địch nhau. Đồng thời cũng có những lời dạy cần thiết đã xuất hiện. Thế nhưng nếu suy nghĩ cho kỹ với chính mình, tự phá bỏ lời dạy và lời dạy cần thiết không cần đến nữa chăng? Ví dụ như tôi nương theo lời dạy về niệm Phật và những người khác thì sống theo cách khác và dẫu cho có nói rằng: “Niệm Phật là điều chẳng thích nghi. Đây chính là điều để cho những người có trình độ thấp” chắc chắn không phải là không có sự tranh luận. Cho đến khi nào mà con người như tôi còn trói chặt bởi phiền não và tự ngã; với chữ nghĩa chẳng đọc, học vấn chẳng có, khi nghe đến A Di Đà Như Lai và theo sự hướng dẫn của lời dạy ấy thì được cứu thoát. Tin theo rồi bước theo con đường nầy, chẳng còn con đường nào khác nữa. Đồng thời giống như việc sai trái của anh và dẫu cho lời dạy ấy là cấp thấp đi nữa, mà chúng tôi vì đó chẳng theo sự hướng dẫn bên trên. Ví dụ như ngoài lời dạy về A Di Đà Như Lai có lời dạy khác đi nữa thì với năng lực của tôi cũng như tư chất của tôi không thích hợp. Với lời dạy kia sẽ khó sống theo được. Với tôi và anh, cả hai chúng ta đều muốn giải phóng cuộc sống khổ sở nầy và được cứu giúp một cách bình đẳng thì đây chính là bổn ý của Như Lai đúng với chân lý vậy. Xin

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 239

mọi người hãy đừng nghi ngờ gì về lời dạy của tôi nữa. Nếu nói lời ưu tú như vậy từ tâm, thì ai đó với niềm tin, có còn nghi ngại chăng? Khi chúng ta tranh luận hay nghị luận về những lời dạy thì mọi người từ đó sẽ phát sinh ra những cảm tình hay những sự não phiền. Điều nầy không thể tránh khỏi. Do vậy, người trí nên xa rời sự tranh luận và tôn trọng lời nói của Tiên Sư, mà Ngài Thân Loan Thánh Nhân đã được ngưỡng vọng như là lời nói của Đức Thế Tôn rằng: “Có người tin theo lời dạy nầy, lại nầy nữa cũng có người nghĩ xấu ác về lời dạy nầy”. Với tôi tin sâu vào lời dạy của Di Đà Như Lai, nương vào đó để sống; nhưng thỉnh thoảng với lời dạy của Di Đà Như Lai vẫn có những người khác nói xấu. Do vậy mà ta có thể xác nhận rằng: lời dạy của Đức Thế Tôn là đứng đắn. Như vậy nếu lời dạy của Đức Thế Tôn là đúng thì chúng ta có thể nghĩ rằng sự cứu độ cho chúng ta, xác nhận cũng là một sự thật. Có cái gì đó sai trái mà kẻ xấu miệng không phải là hoàn toàn không có. Dẫu cho có người tin đi nữa, mà người nói xấu đó không có, thì sự việc sẽ như thế nào? Như vậy phải hiểu rõ. Thế nhưng dẫu cho nói như vậy, mà chắc rằng người nói ác khẩu không phải là không có. Nếu từ trước Phật Đà đã dạy cho những lời chính đáng để hoằng truyền, thì có cả người tin và người không tin đã được thấy rõ. Nếu nói bởi vì người ác khẩu nghi ngờ về Phật pháp, cho nên không phải là chẳng nói ra điều nầy.

240 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

Con người ngày nay, những kẻ có học, đối với những người ác khẩu, bảo họ phải dừng lại, mà họ chỉ cố gắng qua sự vấn đáp và nghị luận suông hay sao? Với những kẻ có học thì biết rằng sẽ tiến tới sự chân thật của Phật Đà và rõ rằng Đức A Di Đà Như Lai cứu độ một cách rộng rãi, không có tính cách giới hạn. Kẻ nghèo nàn như tôi không được cứu chăng và đối với lời thệ nguyện cứu tế của Di Đà Như Lai cũng có người nghi ngờ thì với lời thệ nguyện của đức Di Đà Như Lai, với bổn nguyện ấy, kẻ lành cũng như người dữ, kẻ thanh tịnh cũng như người sống trong phiền não, chẳng phân biệt một ai, tất cả đều được cứu vớt. Nếu việc nầy mà nghe nói được, thì điều ấy, chính là những học giả vậy. Tuy vậy, từ tâm ngay thẳng, đối với người niệm Phật, thì tâm của đức A Di Đà Như Lai hay nói với người có học, thật sự nhập vào nơi tín tâm, cũng phải lưu ý. Phật Pháp phòng ngừa ác ma và ngăn cản những kẻ thù nghịch với Phật. Nếu thấy tự thân của chính mỗi người mà có lòng tin tưởng nơi đức A Di Đà Như Lai chẳng đầy đủ, thì điều nầy, có lẽ làm mê hoặc người khác vậy. Đây cũng chính là cái tâm của tiên Sư, phải cần lưu ý đến. Đây chính là bổn tâm của đức A Di Đà Như Lai, đưa lưng ra để cứu giúp con người vậy.

3.3.1.27 Chương thứ 13 (dịch từ tiếng Đức) (Nghĩa khác của chương 3 ở trên) Sự bất khả tư nghì về bổn nguyện của Đức Di Đà đã chứng minh, thế nhưng với những kẻ không tạo ra việc ác thì được nương vào bổn nguyện, tuy vậy vẫn không vãng sanh được.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 241

Việc nầy là sự nghi ngờ nơi bổn nguyện. Bởi vì sự lành dữ ấy liên hệ với túc nghiệp của bao đời trước. Nếu chúng ta gặp điều tốt, nghĩa là do túc nghiệp tốt mà thành tựu. Nếu ta gặp việc xấu, tức do chúng ta đã tạo ra ác nghiệp ở đời trước. Có lần cố Thánh Nhơn (Thân Loan) đã dạy rằng: “Các người nên biết! chẳng có tội nào cả và chúng cũng chẳng ảnh hưởng đến những túc nghiệp, dẫu cho nhỏ như hạt bụi trên đầu con thỏ hay trên lông con cừu”. Lại có lúc hỏi tôi rằng: “Yuenbo! Ngươi có tin rằng điều ấy ta nói ra chăng?” và tôi trả lời “có” thì Ngài tiếp: “Như vậy thì Ông không làm theo lời ta chứ?” Bởi vì tôi đã lại đồng tình và Ngài nói tiếp: “Nếu như vậy thì hãy giết 1000 người và nhứt định ngươi sẽ vãng sanh được”. Tôi trả lời rằng: “Chính con, theo lời dạy của Ngài cũng không thể giết người khác được. Lúc ấy Ngài Thân Loan tiếp nói: “Vậy sao con có thể nói trái lại lời ta. Như con thấy: nếu chúng ta tin tưởng tâm của chúng ta trong mọi việc, thì chúng ta có thể giết cả 1000 người, khi một ai nói với chúng ta rằng: chúng ta hãy giết những người ấy để chúng ta được vãng sanh. Trên thực tế thì chẳng một ai có thể làm một điều gì mà không tương ưng với kết quả của một vài nghiệp duyên cả. Điều nầy cũng chẳng phải là nếu chúng ta không giết ai; bởi vì tâm của chúng ta tốt. Cũng có thể xảy ra là có người nào đó muốn làm việc lành và sau đó giết chết cả hằng trăm hằng ngàn người.” Điều nầy Ngài dạy và chứng minh rằng: chúng ta chưa hiểu được, lời thệ nguyện bất tư nghì, qua đó cứu chúng ta và nếu

242 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

chúng ta nghĩ rằng: qua sự suy nghĩ tốt thì sẽ tương ưng với việc tốt và ở trong một tấm lòng xấu. Có lần, có một người tà kiến, ông ta đã suy nghĩ và cầu cứu theo lời thệ nguyện cứu độ của Đức A Di Đà, qua những việc làm ác và ông ta nói rằng những việc làm ấy là cái nhân để sanh về Tịnh Độ. Khi Ngài Thân Loan nghe được việc ấy và việc nầy tiếp tục loan truyền, để việc nầy được chấm dứt, Ngài viết một lá thơ rằng: "Người ta chẳng nên vui với chất độc, bởi vì đó chỉ là chất thuốc". Ngài muốn trừ khử tà chấp kia. Với việc nầy cũng chẳng có nghĩa rằng những việc làm ác cản trở việc sanh về Tịnh Độ. Chúng ta chỉ có thể tin rằng khi nào chúng ta trì giới, trì luật theo bổn nguyện thì mới có thể xa rời sự sanh tử được. Khi đó chúng ta mới hãnh diện rằng chính chúng ta tự thân đã thực hành theo bổn nguyện của đức A Di Đà. Tuy nhiên với một việc ác không tồn tại trong chúng ta là chẳng thể được. Tiếp đó Thánh Nhơn dạy rằng: "Bất kỳ người nào đi qua thế giới nầy, trên biển trên sông, dùng lưới hay cần câu để câu cá, hoặc săn bắn chim, heo rừng để buôn bán, đổi chác. Họ phải sống theo nghiệp ấy. Ngược lại bây giờ cũng có người ở đời sau nầy chỉ chuyên tu niệm Phật, hoặc giả ở những đạo tràng ấy chẳng cho kẻ kia vào; thì hóa ra những đạo tràng ấy chỉ là những hình tướng bên ngoài có vẻ hiền lành siêng năng; nhưng bên trong chỉ là hư ngụy. Ngay cả những tội lỗi dựa theo lời thệ nguyện của Đức Di Đà; nhưng cũng tùy theo túc duyên mà thọ nhận. Do vậy chúng ta phải vượt qua khỏi việc lành lẫn việc dữ cũng như những nghiệp báo ấy, thì đây chính là nương theo tha lực của bổn nguyện vậy.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 243

Theo Duy Tín sao thì: "mỗi người trong chúng ta đều rõ biết năng lực của đức A Di Đà và còn tin rằng Ngài cũng chẳng thể thay thế tội nghiệp của chúng ta". Với một tấm lòng và qua lời thệ nguyện và tha lực ấy sẽ quyết định cho tín tâm kia. Nếu chúng ta chỉ tin tưởng vào bổn nguyện và sau đó chúng ta được tiêu trừ những nghiệp xấu ác cũng như đoạn lìa những phiền não thì phải hiểu một cách chính xác là với bổn nguyện ấy không cần phải tin vào. Phiền não nếu chẳng đoạn mà được thành Phật thì vị Phật ấy qua năm kiếp tư duy bởi lời thệ nguyện cũng chẳng phải là điều cần thiết. Trên thực tế với những người yếu kém hay nương vào bổn nguyện, ngay cả chính họ đầy tội lỗi và khổ đau. Điều ấy chẳng thể nói chính họ lại hãnh diện về lời thệ nguyện kia sao? điều tệ hại là chẳng thực hành hay ngược lại những điều nói ra ấy chẳng phải là điều của con trẻ sao.

3.3.1.28 Chương thứ 13 (dịch từ tiếng Nhật) Tìm ra những hành vi cội rễ chính mình. Dẫu cho đức A Di Đà Như Lai có lòng từ bi quảng đại qua lời thệ nguyện đi nữa, thì cũng chẳng phải là dang tay ra để cứu độ tất cả những người ác. Điều tối thiểu là kẻ ác ấy phải hồi tâm. Cũng có người nghi ngờ về lời dạy và sự thệ nguyện của Đức A Di Đà Như Lai và suy nghĩ rằng lành hay dữ chỉ có trong đời nầy. Họ ngộ nhận rằng do tâm tạo ra những hành vi thiện ác, mà hành vi ấy của con người là do con người đã tạo nghiệp ra

244 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

trong quá khứ, có liên hệ trước sau với bây giờ. Điều nầy phải rõ biết vậy. Tâm ta thỉnh thoảng vẫn khởi lên những việc tốt và bởi vì nghiệp ấy đã tích chứa từ trong quá khứ xa xôi kia, ngược lại, những việc ác muốn làm, đây chính cũng là do nghiệp đời trước còn đọng lại, cho nên Ngài Thân Loan mới bảo rằng: lông con thỏ và lông con dê bị dính lên đó một chút bụi thì cũng do nhân duyên đời trước liên hệ, phải hiểu điều nầy vậy. Lại có lúc Ngài Thân Loan bảo rằng: "Duy Viên Phòng đó sao! Con có nghe ta nói chăng? có tin điều ấy chăng? Và trả lời rằng: "dạ, con nghe" Lại nói thêm một lần nữa rằng: Vậy sao? Nếu là vậy thì từ nay lời nói của ta không dối chứ? Sau khi hiểu rồi thì: "Nếu như vậy hãy bảo người khác giết một ngàn người đi. Nếu được như vậy thì con chắc chắn sẽ được vãng sanh". Lúc ấy tôi trả lời rằng: "Dẫu cho có người kính ngưỡng vọng Thánh Nhơn bao nhiêu đi nữa, nhưng con làm sao giết một ngàn người được, một người cũng chẳng thể giết được nữa. "Nếu là vậy, thì tại sao lời của ta nói ngươi không cho là giả." Việc nầy không thể phán đoán riêng lẽ được. Với con người của chúng ta, do nơi tự tâm của mỗi người dẫu cho là việc làm lành hay việc ác mà tự tại được; và nếu bảo giết một người để được vãng sanh mà anh cũng không thể giết được. Điều ấy chẳng phải do tâm của anh lành, mà do cái nguyên nhân nào chẳng hỗ trợ cho việc giết hại kia. Đó là do tấm lòng từ của chính mình nên chẳng sát hại vậy. Ngược lại, dẫu cho

phải giết thì tùy theo nhân duyên mà giết một trăm hay một ngàn người". Với tâm của tôi thì thiện là thiện, ác là ác và khi phê bình về lành dữ, dầu cho cả việc thiện lẫn việc ác đều được cứu độ mà chẳng rõ thì đây là sự giáo huấn vậy. Ngoài ra thuở Ngài Thân Loan còn tại thế đã có người hiểu sai về việc niệm Phật qua lời thệ nguyện của Đức A Di Đà Như Lai cứu vớt nhân gian kể cả người ác. Căn cứ theo lời nguyện ấy, thỉnh thoảng có người thích việc làm ác và mong cứu cả nguyên nhân. Nên cũng có lúc thoảng qua nghe lời nói của những người chẳng hiểu như vậy. Cho nên qua một lá thư Ngài Thân Loan dạy rằng: dẫu có nói rằng: độc tố làm tiêu đi, có loại thuốc; nhưng bảo rằng thích chất độc ấy thì không nên". Nếu có những suy nghĩ sai quấy như vậy thì hãy dừng ngay lại. Chẳng phải là hoàn toàn bảo vệ để cứu độ việc ác, mà ở đây có ý là giữ gìn giới luật một cách nghiêm mật. Nếu tin tưởng vào lời thệ nguyện của đức A Di Đà Như Lai thì chúng ta phải làm sao để có thể vượt qua khổ não sanh tử kia. Giống như chúng ta bị cột chặt bởi phiền não, trói thân buồn tủi, lại gặp được lời thệ nguyện rộng lớn của đức Di Đà Như Lai thì đầu tiên là sự khổ não ấy không còn nữa. Tuy nói như vậy với thân nầy chẳng phải là tạo nên bởi ác nghiệp và dẫu cho có tự nghĩ rằng do mình tạo ra đi nữa; đoan chắc rằng chẳng phải là do chính mình làm. Lại nữa kẻ đặt lưới nơi sông, nơi biển, câu cá làm kế sanh nhai và cũng có người tìm bắt những loài chim chóc thú rừng để sát hại; rồi buôn bán, cày cấy để sinh sống v.v... tất cả đều là những con

người giống nhau; nhưng khi nghiệp duyên đặc biệt đã kéo đến thì những ác nghiệp ấy vẫn tự đến và tuy con người tồn tại trong nguy cơ ấy, nhưng họ hoàn toàn có vẻ mặt chẳng liên hệ gì với việc kia, chỉ nghĩ đến việc giác ngộ. Ngoài ra cũng có người hiền

lành, tỏ ra là con người có đạo đức, chỉ chuyên tâm nghe dạy về việc niệm Phật nhưng với người niệm Phật ấy chỉ là bề ngoài và khi vào đạo tràng nghe pháp ấy, hầu như là hoàn toàn ngụy thiện mà thôi. Họ bảo "hãy vào đạo tràng đi" chỉ là một cái cớ. Chúng ta phải nói rằng những người như vậy sống xa với sự chân thật của Đức Di Đà Như Lai. Với những người như vậy, chỉ lộ diện hiền từ ở bề ngoài, tỏ vẻ hiền lành; nhưng trên thực tế, họ khác hẳn bên trong tâm họ là sự hư ngụy. Những người như vậy phải nói là có tâm không chân thật. Khi nói về Di Đà Như Lai thì ngọt ngào; nhưng tạo nên tội lỗi là những người hiểu sai lầm. Với những tội ác như vậy tất cả đều do cái nghiệp ở đời trước đã tạo; cho nên với chúng ta tất cả những hành vi lành dữ là nghiệp huân tập vậy. Với nghiệp đã tạo và đức Di Đà Như Lai dạy cho chúng ta sự tin thuận về việc cứu vớt chúng ta qua khỏi nghiệp ấy, đây chính là sự phát sanh tín tâm về tha lực. Trong Duy Tín Sao Thầy Thánh Giác đã viết rằng: "anh nghĩ như thế nào về cái lực của Đức Di Đà Như Lai? Những tội nặng sâu dày của chính anh, Ngài có cứu được chăng?" Không phải là khoa trương sự cứu độ của đức Di Đà Như Lai, mà chính từ lời dạy ấy, con người ở trong thế giới nầy tiếp tục xuất hiện để sống như vậy.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 247

Nếu tội và ác của chúng ta sau khi đã tiêu tan hết tất cả những phiền não và tin vào lời dạy của Đức Di Đà Như Lai thì nghĩ rằng đây không phải là sự khoa trương về lời dạy của đức Di Đà Như Lai và nếu tội và ác kia tiêu trừ, thì người ấy chính là Phật. Những vị Phật như thế là từ con người mà đức Di Đà Như Lai đã vì sự khổ não của con người mà cứu giúp. Sự tinh tấn sẽ không còn ý nghĩa nữa. Đây chính là sự sai lầm khi tạo thành sự ngọt ngào qua lời dạy của đức Di Đà Như Lai. Với những người có tâm nói tội và ác, phiền não làm chướng ngại thì tâm ấy càng lung lay hơn nữa. Như trên khi tâm bị dao động và khi con người phê phán, thật ra không thể nói là do lời dạy ngọt ngào của đức Di Đà Như Lai, mà kết quả là dẫu cho cái ác nào đi chăng nữa thì với lời dạy ngọt ngào của đức Di Đà Như Lai nói là ác, cũng chẳng phải với những cái ác ấy mà Ngài nói ngọt ngào là không ác chăng ? Như vậy thì đối với việc thiện, đức Di Đà Như Lai thẳng thắn chân thật làm cho con người có lòng tin, thuận theo đó mà tin. Điều phê bình là chính mỗi người phải tự kiểm điểm về nội tâm không đầy đủ của mình. Đây chẳng phải là sự suy nghĩ ấu trĩ chăng? (Dịch xong phần trên vào ngày 16.4.2011 tại Thiền Viện Chánh Pháp Oklahoma, Hoa Kỳ)

3.3.1.29 Chương thứ 14 (dịch từ tiếng Đức) (Nghĩa khác của điều thứ tư bên trên) Chúng ta tin rằng một niệm làm tiêu đi những tội nặng của tám mươi ức kiếp, điều nầy được hiểu rằng những người bị tội

248 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

thập ác ngũ nghịch mà qua ngày chẳng niệm Phật đến khi mạng chung, đầu tiên gặp được Thiện Tri Thức, với một niệm ấy làm tiêu diệt tội trong tám mươi ức kiếp. Với mười niệm làm tiêu được trọng tội của tám trăm ức kiếp để được vãng sanh, điều nầy có thể nói là gồm thập ác, ngũ nghịch kể cả nặng hay nhẹ trong một niệm và mười niệm ấy chăng? Sự diệt tội ấy là một sự lợi ích, nhưng với cái nhìn nầy không đủ làm

cho ta có lòng tin. Ngoài ra do ánh quang minh của Di Đà chiếu rọi, một niệm phát khởi vững chắc như kim cang thì chắc chắn sẽ nhập vào chánh định tụ. Đến khi mạng chung những phiền não, ác chướng ấy sẽ chuyển đổi và sẽ chứng được vô sanh nhẫn. Nếu không có lòng bi nguyện, chiếu sáng đến tội nhân, thì làm sao chúng ta có thể giải thoát được sự sanh tử. Điều nầy chúng ta nên nghĩ rằng tất cả những sự niệm Phật suốt cả đời người là để báo đáp ân đức Đại Bi của Như Lai. Tin rằng với việc niệm Phật ấy các tội sẽ tiêu, khi tội tiêu rồi thì việc vãng sanh sẽ đạt được. Ngoài ra việc nầy cũng cần thiết cho đến khi mạng chung mà không rời sự niệm Phật thì cuối cùng với trí tuệ ấy với sự niệm Phật không thối chuyển ấy sẽ được vãng sanh. Tùy theo nghiệp báo giới hạn, mà sẽ gặp việc bất tư nghì. Lại nữa những bịnh não đau đớn, mà chẳng trụ được ở chánh niệm thì cũng không niệm Phật được. Vậy thì khoảng thời gian ấy làm sao tội tiêu được? Có phải rằng tội không tiêu thì việc vãng sanh chẳng được chăng? Với lời nguyện nhiếp thủ bất xả thì chúng ta sẽ được bất tư nghì. Mặc dầu chúng ta đang bị tội nghiệp hay chẳng niệm Phật được vẫn có thể vãng sanh, trong khi gần ngày chúng ta chứng đắc thì

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 249

chúng ta nên làm, bởi vì chúng ta đã đến gần với Phật Di Đà và với ân ấy nên báo tạ. Với ý nguyện, tội diệt qua sự niệm Phật, với tâm tự lực và với bổn ý của người lâm chung chánh niệm thì không cần tương ưng với tín tâm tha lực kia.

3.3.1.30 Chương thứ 14: Niệm Phật theo lối tính đếm (dịch từ tiếng Nhật) Người ta thỉnh thoảng vẫn hay nói về tám mươi ức kiếp qua việc xưng danh niệm Phật. Điều đáng phải được nói ở đây là bao nhiêu tội nặng chồng chất trải qua thời gian lâu dài, tin rằng sẽ được tiêu trừ. Thế nhưng việc ấy là thế nào? Thập ác ấy gồm: sát, đạo, dâm, ác khẩu, nói lưỡi hai chiều, nói chuyện không có, nói lời hư ngụy... cùng với tội ngũ nghịch là giết cha, giết mẹ, sát hại những người tu hành và làm thân Phật ra máu cũng như tạo sự rối loạn về sự hòa hợp của những người đồng tu, mà bình thường những người ác ấy chẳng xưng danh hiệu Phật, cho đến khi gần lúc lâm chung, lại được gặp gỡ Thiện Trí Thức (vị đạo sư hay kẻ dẫn dường) dạy cho nghe, chỉ một lần niệm Phật thôi, là tội lỗi trong thời gian dài tám mươi ức kiếp ấy sẽ được tiêu diệt. Nếu niệm Phật mười lần như vậy thì sẽ tăng lên gấp mười, nghĩa là tám trăm ức kiếp. Dẫu cho tội ấy nhiều không thể đếm biết được. Đây chính là căn cứ theo kinh nói về cái đức để được sanh về Tịnh Độ. Theo thuyết nầy thì những người thuộc thập ác thì có tội tám mươi ức kiếp. Về tội thập ác và ngũ nghịch có thể so sánh để biết về việc tội nặng nhẹ khác nhau. Nương vào một tiếng niệm Phật để tội trong tám mươi ức kiếp được tiêu diệt. Mười

250 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

tiếng niệm Phật thì tội sẽ tiêu trong tám trăm ức kiếp. Đây chính là chỗ lợi ích về việc tội được tiêu diệt. Tuy vậy điều quan trọng là, để tội được tiêu diệt, phải qua việc xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật. Với sự chân thật của A Di Đà Như Lai chúng ta có tín tâm để sống nơi thế giới nầy là việc hoàn toàn sẽ biến đổi khác. Vì sao vậy? Với

ánh sáng trí tuệ của đức A Di Đà Như Lai, chiếu khắp đến thân thể của chúng ta lúc chúng ta vui tin theo thì không một lực gì có thể phá hoại được. Theo như ngôn từ diễn tả là đá kim cương ấy chính là tín tâm mà Đức A Di Đà Như Lai đã sắc phong cho ta. Vì vậy với chúng ta, đức A Di Đà Như Lai sẽ giúp cho chúng ta sanh về cảnh giới Tịnh Độ là điều không sai được; bởi vì đó chính là điều cứu hộ không thể sai. Đến lúc lâm chung những phiền não đang đợi chờ ta, nhờ sự cứu giúp ấy mà các chướng nạn, ác chướng kia là cái nhơn để như thế được sanh về Tịnh Độ. Tiếp đó là sẽ được giác ngộ thành Phật một cách bình đẳng, không có sự sai biệt nào khác. Điều ấy chính là trí tánh của chúng ta cũng như những kinh nghiệm lý luận bình thường phải được vượt qua khỏi để trả về với thế giới bất khả tư nghì. Đây chính là uy lực phi thường cũng như lòng từ bi và trí tuệ của đức A Di Đà Như Lai vậy. Nếu không có sự hướng dẫn ấy thì với phước mỏng là phàm phu chúng ta làm sao có thể vượt ra khỏi thế giới khổ não nầy được. Suy nghĩ như thế rồi, hãy cố gắng xưng danh hiệu Phật và với trí tuệ chân thật của đức A Di Đà Như Lai chúng ta phải cảm tạ thâm ân ấy vô cùng. Với câu Nam Mô A Di Đà Phật, chỉ cần niệm lên và với chừng ấy ta tin rằng tội kia sẽ tiêu diệt. Tự chính tự lực của

mình làm tiêu tội của chính mình khi nỗ lực thực hiện. Còn A Di Đà Như Lai giúp cho ta là tha lực, khi ta niệm Phật sẽ được sanh về thế giới của Phật là điều hoàn toàn không sai. Với sự niệm Phật mà tội được tiêu thì có thể nói việc tiếp tục xưng danh hiệu niệm Phật ở thế giới kia; với tâm nghèo nàn của chúng ta cả đời dẫu cho có suy nghĩ về việc làm ấy vì tất cả cũng chỉ là cội rễ của việc ngã dục; cho nên phải bị lưu chuyển mê hoặc, là nguyên nhân chính vậy. Đồng thời, nếu chúng ta cố gắng niệm Phật cho đến khi chết thì kế tiếp tội và ác kia sẽ tiêu để được sanh về cõi Tịnh Độ đầu tiên vậy. Tuy nhiên cuộc đời của con người đã được quyết định bởi nhân duyên của kiếp trước và bởi vì chúng ta với tự lực chẳng rõ hết được với hạng ấy; nên phải vượt qua như thế nào cũng chẳng thể rõ biết hết. Lại nữa, bệnh khổ và những bệnh khổ nạn ấy, cho đến lúc chết muốn cho không bị rơi vào chỗ đọa lạc, khi lâm chung cũng chẳng thể niệm Phật được, thì lúc ấy những tội đã phạm làm thế nào được dứt hẳn đây? Nếu tâm ấy chẳng tiêu thì không thể sanh về cõi Tịnh Độ chăng? Với chúng ta là kẻ phàm phu không từ bỏ được thì nên nương về bổn nguyện của đức A Di Đà Như Lai để được sanh về nơi ấy. Nếu chẳng phát tâm xưng danh hiệu Phật cho đến khi lâm chung thì cuối cùng chúng ta vẫn có thể sanh về cảnh Tịnh Độ. Lại nữa, khi mạng chung mà một lòng niệm Phật thì cửa giác ngộ sẽ mở và sẽ được gần Phật, tiến thẳng đến Đức A Di Đà Như Lai và ta có thể nghĩ rằng dưới ánh quang minh của Đức A Di Đà Như Lai, phải cảm tạ ân đức của Ngài. Một lòng nên niệm danh hiệu Phật.

Việc vãng sanh về Tịnh Độ khi lâm chung lúc niệm danh hiệu Phật thì tội và ác sẽ tiêu diệt theo câu văn, thì đây chính là tâm nguyện của tự lực. Với người như thế phải phát ra lời thệ nguyện thanh tịnh trước khi chết. Còn với kẻ khiếm khuyết phải có tín tâm đối với tha lực để được sanh về với lòng từ bi và trí tuệ của đức A Di Đà Như Lai. Dẫu sao đi nữa, thì với tự lực vẫn có thể thành Phật thì đáng gọi là tự lực của người vãng

sanh vậy. (Dịch xong đoạn trên vào ngày 14.04.2011 tại thiền viện Chánh Pháp – Oklahoma Hoa Kỳ)

3.3.1.31 Chương thứ 15 (dịch từ tiếng Đức) Nghĩa khác của điều thứ 5 ở trên. Cho rằng với bản thân đầy dẫy sự phiền não có thể đạt đến sự giác ngộ. Nhưng điều nầy không đúng với cái nhìn chân thật. Tức thân thành Phật là bổn ý của chân tông mật giáo với sự chứng quả gồm tam mật hành nghiệp. Sáu căn thanh tịnh và dựa theo chỗ nói của Pháp Hoa Nhứt Thừa. Công đức ấy được thể nghiệm qua bốn hạnh an lạc. Những điều nầy thuộc về những sự khó thực hành của những bậc thượng căn, để thành tựu quan niệm qua sự giác ngộ. Theo tông chỉ của Tịnh Độ Tông về tha lực ở đời sau để khai mở sự tỏ ngộ, thì tín tâm là sự quyết định cho việc nầy. Điều nầy đối với người hạ căn dễ làm và với pháp thì không phân biệt giữa thiện và ác. Bởi vì điều ấy ngay cả ngày nay cũng chẳng thể đoạn trừ được những phiền não và ác chướng chắc hẳn một điều là những Tăng lữ

của Chân Ngôn, Pháp Hoa sẽ làm tịnh hóa để được giác ngộ ở kiếp kế tiếp. Ngay cả những người mà không có trí tuệ lớn và những người thiếu giữ giới cũng như hành trì thì có thể lên chiếc thuyền hạnh nguyện của đức Di Đà để vượt qua biển khổ của sự sanh tử. Khi nào vượt qua được bên kia bờ thì những phiền não hắc ám ấy sớm tịnh hóa. Ánh sáng giác ngộ sáng tỏa như mặt trăng kia sẽ tỏa chiếu mọi nơi. Ánh sáng ấy sáng ngời chiếu tận mười phương vô ngại thế giới. Khi tất cả chúng sanh được lợi ích thì việc tỏ ngộ sẽ rõ ràng. Nếu con người trong đời nầy đã được tỏ rõ thì cũng giống như đức Thích Tôn đã hiện ra đủ loại ứng hóa thân như thế; gồm đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp đầy đủ để thuyết pháp và làm lợi ích tất cả chúng sanh. Theo sách “Hòa Tán” (Cao Tăng Hòa Tán 77) có nói rằng: “Với tâm kim cang kiên cố, sẽ nhiếp tâm trong chốc lát.Tâm quang của Di Đà sẽ nhiếp hộ và chúng ta sẽ được kéo ra khỏi sự sanh tử dài lâu kia”. Khi mà tín tâm quyết định, nếu chúng ta cũng được một lần nhiếp thủ và xả bỏ thì chúng ta sẽ không trở lại trong lục đạo. Nếu người ta hiểu sai về kinh nghiệm thì điều ấy chính là sự biểu thị của sự giác ngộ thật ra vẫn còn xa vời. Cố Thánh Nhơn (Thân Loan) đã có lần dạy rằng: “đối với Tịnh Độ chân tông chúng ta tin tưởng về bổn nguyện trong đời nầy, để được đến cảnh giới của quốc độ giác ngộ”.

3.3.1.32 Chương thứ 15 (dịch từ tiếng Nhật) Kẻ vui sống theo niềm tin, chưa phải là Phật

(bản phóng dịch chương nầy dựa theo bản tiếng Nhật của Yamazaki Ryoomyoo) Với thân nầy dơ uế và tâm đầy phiền não khổ đau và với việc giác ngộ thành Phật để đi vào thế giới giống nhau thì điều nầy quả là một điều ngộ nhận. Việc Thành Phật giác ngộ với thể xác nầy lấy những lời dạy trong Chân Ngôn Tông thuộc Chân Ngôn Mật Giáo thì đầu tiên phải đạt được kết quả tích chứa những hạnh lành của thân mật, khẩu mật và ý mật. Việc cảm giác và tinh thần của chúng ta được thanh tịnh theo Kinh Pháp Hoa đã dạy thì chúng ta phải sửa đổi thân, khẩu, ý và kết quả là làm những hạnh Từ Bi để tâm địa được an lạc. Đấy chính là cảm cái đức đầu tiên vậy. Tuy vậy những việc nầy là

những việc khó làm. Là người hiền, thực hiện sự chân thật ngay nơi bản tâm và những việc ấy khi thực hiện được thì việc giác ngộ có thể sanh về thế giới Tịnh Độ của đức Di Đà Như Lai. Ở nơi ấy đầu tiên mở ra sự tỏ ngộ. Chúng ta sống với lời dạy của đức Di Đà và thể hiện Phật đạo với tha lực của pháp môn Tịnh Độ. Lại nữa, điều ấy ở thế giới nầy với chúng ta là thế giới của niềm tin, mới có thể quyết định được và trở thành một thế giới như vậy. Với tín tâm nầy, dẫu thuộc hạng người nào đi nữa, người tốt hay người xấu cũng không phân biệt, vẫn có thể sẽ được cứu độ tất cả. Đại loại là đối với cuộc đời, phiền não của tự thân và những ác chướng kia phải đoạn lìa thì mới cứu; việc ấy thật là khó. Theo lời dạy của Chân Ngôn và Pháp Hoa, dẫu cho tôn trọng một cách thực tiễn về lời dạy của những vị Tăng thì với

thân nầy có thể trở thành Phật được chăng? Lục căn gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thanh tịnh, là một cách nói. Mặt khác đối với vị lai cầu nguyện để được khai mở sự giác ngộ. Dẫu cho đối với việc nầy, chúng ta phải biết rằng với tấm thân nầy mà khai mở được việc giác ngộ quả là điều khó khăn. Chung quy là chúng ta không đủ khả năng để gìn giữ giới luật. Với người không có trí tuệ thì việc tự khai mở sự giác ngộ, nếu đến được bên bờ Tịnh Độ, là thế giới chân thật, trải qua biển lớn khổ ải trong sanh tử, phải lên thuyền lớn là bổn nguyện cứu khổ chúng sanh. Đó là lời thệ nguyện sâu xa từ bi và trí tuệ của Đức Di Đà Như Lai. Dẫu cho đám mây phiền não có đen tối, vẫn được dần sáng tỏ. Lúc ấy chân lý là mặt trăng sẽ hiện rõ ra chiếu khắp thế giới. Dẫu cho tâm bị che khuất, nhưng tà ma phiền não ấy sẽ không còn. Ánh quang minh cứu độ ấy sẽ vượt qua nhiều thế giới. Tất cả những sinh mệnh được lợi ích. Lúc ấy mới bắt đầu có khả năng giác ngộ được. Kết quả với đời nầy, người mong được khai mở sự giác ngộ giống như Đức Thế Tôn thì con người sẽ thay đổi, hình dáng thay đổi để cứu người. Còn Đức Thế Tôn đầy đủ thân thể và tinh thần với 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Khi nói pháp, con người được dẫn đến sự cứu độ chăng? Nếu việc nầy có thể được thì đời nầy có thể nghĩ rằng sự khai mở giác ngộ nằm trong tầm tay. Ngài Thân Loan Thánh Nhơn viết quyển Hòa Tán, trong ấy có nói như sau: “Chẳng có gì có thể làm tiêu tan được. Chỉ với tín tâm kiên cố như Kim Cương, chờ thời quyết định thì sự

cứu tế chúng sanh của đức A Di Đà Như Lai và tâm ấy phát ra từ ánh sáng trí tuệ đối với người niệm Phật, hành giả ấy sẽ được bảo hộ qua tín tâm kia và quyết định sẽ được giải thoát vĩnh viễn ra khỏi sự mê mờ của sanh tử. Điều ấy khi tín tâm quyết định, chắc chắn một việc không sai là với người niệm Phật, Đức A Di Đà Như Lai với lòng từ bi và trí tuệ sẽ nhiếp thủ, không bỏ một ai. Với người tin niệm Phật A Di Đà Như Lai thì vĩnh viễn không bị nổi trôi trong những thế giới như: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la, loài người và cõi trời, mà sẽ được thoát ra khỏi sự mê mờ dài lâu của sự sanh tử. Điều ấy chúng ta có thể nói như vậy. Đây là việc ngộ nhận về thế giới tha lực. Từ đó suy nghĩ về việc tỏ ngộ trong đời nầy trở thành phức tạp, hỗn loạn vô cùng. Chúng ta tin tưởng sâu xa về pháp môn cứu tế chúng sanh qua lời thệ nguyện của đức A Di Đà Như Lai thì dẫu cho ở quốc độ nào, nếu chúng ta tu học một cách chánh chân, chánh danh thì sự

giác ngộ sẽ khai mở. Đó chính là lời dạy của Ngài Thân Loan Thánh Nhơn vậy.

3.3.1.33 Chương thứ 16 (dịch từ bản tiếng Đức) (nghĩa khác của chương 6 bên trên) Là một hành giả tín tâm tự nhiên gặp chướng duyên hoặc làm những điều xấu ác và bị khẩu luận với những người bạn đồng tu thì chắc rằng phải được hồi tâm. Với việc nầy chính là sự suy nghĩ đoạn ác tu thiện vậy. Thế nhưng đối với người một lòng chuyên tu niệm Phật, đối với việc hồi tâm ấy chỉ có thể một lần. Sự hồi tâm kia với người cho đến bây giờ chẳng biết về tha lực bổn nguyện của

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 257

Chân Tông, nhận được trí tuệ của đức A Di Đà và tự hiểu được rằng đối với tâm hằng ngày chẳng thể giữ chắc việc vãng sanh được như sự mong mỏi, thì trở lại với bản tâm và hướng về bổn nguyện để hồi tâm trở lại. Đối với tất cả những việc, nếu chúng ta phải trở về từ sáng đến tối để được vãng sanh; nếu mà mệnh người chấm dứt bởi thở ra mà chẳng hít vào được và tâm ấy chẳng hồi cũng chẳng nhu hòa nhẫn nhục để suy nghĩ trở lại khi còn sống trước khi mạng chung, thì lời nguyện nhiếp thủ bất xả ấy cũng trở thành vô nghĩa với cửa miệng thì hướng về nguyện lực, trong khi tâm thì tin rằng với lời nguyện ấy ngay cả người ác cũng cứu giúp không phân biệt qua lời nguyện, thật là bất khả tư nghì. Kẻ nào còn nghi ngờ về nguyện lực và tự tâm chẳng hướng về tha lực thì chỉ có thể sanh về biên địa của Tịnh Độ. Đây chính là lý do chướng ngại vậy. Nếu tín tâm kiên định và phó thác việc vãng sanh cho đức Di Đà thì ta chẳng cần phải suy nghĩ gì nữa. Nếu chúng ta chỉ ngưỡng vọng về nguyện lực bởi những việc làm xấu thì tự nhiên sẽ vượt qua khỏi cái xấu và tâm nhu hòa, nhẫn nhục sẽ hiện ra. Tất cả mọi việc chúng ta chẳng cần suy tính nhiều để được vãng sanh và nơi sâu thẳm ấy nhờ ân đức của Đức A Di Đà mà ta hưởng được. Đó cũng là một việc tự nhiên vậy. Điều tự nhiên nầy bởi vì chúng ta chẳng thể mong muốn hay dự định, mà sự tự nhiên nầy lại chính là tha lực vậy. Tôi đã nghe người ta bảo rằng: với vẻ mặt hiểu biết và nói về việc tự nhiên kia rằng: Đó là điều không thể như vậy được.

258 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

3.3.1.34 Chương 16: Sự hồi tâm chuyển hướng của cuộc đời. (Dịch từ bản tiếng Nhật) Sống theo lời dạy của Đức Di Đà Như Lai, với người có tín tâm phải làm cái gì đó để được vững vàng. Khi làm việc ác hay tranh luận với nhau, lúc khởi lên phiền não; chắc chắn cũng có người phải hồi tâm. Với việc nầy có người nghĩ rằng do tự lực được cứu, là do việc chính mình tự bỏ việc ác và làm việc lành. Một lòng sống theo lời dạy của Đức Di Đà Như Lai và đối với người niệm Phật, việc hồi tâm được hiểu rằng: chỉ một lần duy nhất. Với việc hồi tâm nầy, ngày lại ngày, là những lời dạy của Đức Di Đà Như Lai vậy. Với những người không rõ được lời dạy của bổn nguyện tha lực, thì đối với lời dạy của Đức Di Đà Như Lai, cho đến bây giờ sống với tự ngã, hầu như chẳng chú ý đến hạnh phúc, với sự chi phối bởi lời dạy của A Di Đà Như Lai để sống đời hồi tâm, thì sự hồi tâm ấy, qua cách sống chính là sự chuyển đổi phương hướng vậy. Nếu với chúng ta đối với những công việc hằng ngày, tâm ta từ sáng đến tối phản tỉnh và nếu đó là lần đầu tiên được cứu, không kể đến tự thân của ta, bởi vì chẳng biết khi nào khởi lên cái gì

đó hiện thật, mà cũng chẳng phản tỉnh lại việc xấu ác kia, qua sự dạy dỗ ấy, và nếu lỡ chết đi mà chẳng làm được điều an ổn trong cuộc đời, thì đối với lời thệ nguyện cứu vớt của đức A Di Đà Như Lai sẽ trở thành điều không tưởng. Như phía trước đã nói về cái lực cứu vớt của đức A Di Đà Như Lai. Với nội tâm, kẻ làm ác, người tội sâu cũng được cứu qua lời dạy, quả là vượt qua khỏi sự suy nghĩ của con người.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 259

Tuy nhiên trên thực tế đức A Di Đà Như Lai chắc chắn luôn cứu giúp người làm lành. Còn việc nghi ngờ về bổn nguyện thì cũng có sự khiếm khuyết khi nương vào lời dạy của đức Di Đà Như Lai. Đây có phải là việc niệm Phật có tính cách đạo đức chăng? Với người như vậy, ví dụ như giác ngộ cảnh giới, có thể được vãng sanh, thì chân thật Tịnh Độ không thể đến được, mà chỉ là phương tiện Tịnh Độ; chỉ đến được biên địa của Tịnh Độ mà thôi. Đây chính là việc phải nói là đáng buồn. Nếu tâm mình thuận tin theo lời dạy của đức A Di Đà Như Lai, thì chắc hẳn gặp sự cứu vớt chân thật. Việc sanh về Tịnh Độ ấy chính là nhờ lực của đức A Di Đà Như Lai vậy. Với con người của chúng ta, lấy tự ngã làm trung tâm và lấy cái nầy cái kia làm thước đo tính toán. Dẫu cho chúng ta có gặp việc xấu ác, chúng ta trở thành người ác trong cõi đời và nếu hướng về đức A Di Đà Như Lai để được cứu như phàm phu của chúng ta, thì chính mình đã trở thành ưu việt (đó là đạo lý tự nhiên); sống đời tĩnh lặng đối với việc đáng nhẫn thì tâm nầy cũng sẽ chịu được. Tổng quát thì, vì việc sanh về Tịnh Độ, nếu không có lợi khẩu chỉ với sự chiếu rọi, việc cứu vớt chúng ta của đức A Di Đà Như Lai là một ân đức sâu dày. Thường thì phải ngưỡng vọng tôn kính lời dạy ấy là điều tất yếu vậy. Nếu được như thế, kẻ niệm Phật, Nam Mô A Di Đà Phật là việc tự nhiên lưu xuất ra từ cửa miệng của mình. Việc tự nhiên nầy là cái lực. Đây chính là sự tự nhiên của thế giới chẳng tính toán như ta thường nghĩ nầy nọ. Điều nầy lại cũng có thể nói là tha lực. Đồng thời sự tự nhiên ấy có cái gì đặc biệt, hầu như là hoàn

260 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

toàn riêng biệt. “Mặt hớn hở khi rõ biết đồ vật với lời hiền thục” đó là điều nghe được từ nhiều người nói, nhưng phải nói là chẳng có cái tình.

3.3.1.35 Chương thứ 17 (dịch từ tiếng Đức) Nghĩa khác của điều thứ 7 bên trên “Người vãng sanh về biên địa, cuối cùng phải rơi vào địa ngục. Những điều nầy có câu văn nào để làm chứng không ? Đối với người học trò có cái gì đó, do người khác nói, rồi truyền qua cho các bậc thức giả. Thế nhưng những Kinh luận và Chánh giáo sự thật như thế nào? đọc làm sao? Với hành giả có tín tâm yếu, nghi ngờ bổn nguyện. Sau khi xong cái tội nghi, sanh biên địa, sẽ được sanh về báo độ. Chỉ có một ít hành giả tín tâm phải trải qua hóa độ nhưng phải nói rằng cuối cùng trở về với đức A Di Đà không tính toán và sẽ không so với việc phải sa vào địa ngục. Đây phải nói là gán ghép sự hư vọng cho đức Như Lai”.

3.3.1.36 Chương thứ 17 (dịch từ tiếng Nhật) Tỉnh thức nơi thế giới chân thật (Phương tiện Tịnh Độ) Khác với người thuận tin theo lời dạy chân thật thì vãng sanh về chân thật Tịnh Độ. Còn phương tiện Tịnh Độ là người sanh về biên địa Tịnh Độ, cũng có

người bảo rằng phải bị rơi vào địa ngục. Tuy nhiên, với lời dạy như vậy, một mặt, lấy căn bản sách vở nào làm cơ chuẩn như thế. Chẳng có căn cứ nào cả. Đó là điều mà cũng đã có những học giả nói như vậy. Sự thật đây là việc đáng buồn. Với lời dạy của đức A Di Đà Như Lai theo kinh điển nói đúng và những sách vở giải thích đúng

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 261

thì làm sao có sự sai quấy như vậy được, chẳng nhận lãnh được sự dạy dỗ đứng đắn được của Di Đà Như Lai với những người sống không có niềm tin đầy đủ, dẫu cho có nói như thế nào đi nữa, họ cũng không thể thoát ra khỏi cách sống cá nhân tự kỷ sai quấy kia, nên không vượt qua khỏi tự ngã, nghi ngờ lời nguyện của Di Đà Như Lai; từ đó chẳng thuận tin theo được. Tuy vậy niệm Phật là cái đức để được sanh về Tịnh Độ. Với Tịnh Độ ấy xưa nay vốn chẳng phải là chân thật Tịnh Độ thì đó xa lìa sự thật. Vì nghi ngờ Phật trí chân thật nên phải sanh về biên địa Tịnh Độ; nhưng mà người sanh về thế giới ấy chẳng phải là bị rơi vào thế giới của địa ngục. Ở thế giới ấy, vượt khỏi niềm tin nơi tự thân, tội nghi về sự chân thật để hối cải thì sẽ được sanh về Tịnh Độ chân thật. Từ đó sẽ được giác ngộ thành Phật, học hỏi nơi ấy. Từ đó chúng ta dẫu có sống ở đâu mà vẫn tiếp tục sống với tự ngã và với sự chân thật của Di Đà Như Lai không thể thuận tin theo được, thì đối với chân tông có nhiều trường hợp như vậy. Vì tín tâm của hành giả ít mà đối với nhiều người không rõ biết nên phải sanh về biên địa Tịnh Độ giả tướng. Đây chính là tâm từ bi to lớn của Phật muốn làm cho người kia rõ biết sự chân thật là điều có thể lý giải được. Đồng thời nếu nói kẻ sanh về phương tiện Tịnh Độ mà còn rơi vào địa ngục thì theo lời dạy ấy việc sanh về Tịnh Độ ấy trở thành hư vọng. Tiếp đến khi nghe lời dạy của đức A Di Đà Như Lai có người thuận tin theo và hoan hỷ với tâm niệm Phật tất cả đều được cứu vớt bình đẳng, ngay lời dạy ấy của Thế Tôn nhưng cũng trở thành hư ngụy. Nếu vậy thì

262 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

những lời dạy của đức Phật sẽ trở thành một cái tội hư vọng vậy.

3.3.1.37 Chương thứ 18 (dịch từ tiếng Đức) Nghĩa khác của điều thứ 8 bên trên Về phương diện Phật Pháp, những người cúng thí đồ vật ít nhiều và cho rằng theo đó sẽ được thành vị Phật nhỏ, lớn. Điều nầy chẳng thể nói như thế, chẳng nên nói như vậy. Sẽ trở thành sự nhầm lẫn. Đầu tiên là vị Phật ấy chẳng phải là sự phân chia lớn nhỏ. Dẫu cho khi nói đến đức giáo chủ cõi An Dưỡng Tịnh Độ (A Di Đà Phật) về thân tướng của Ngài, thì đó cũng chỉ là phương tiện báo thân mà thôi. Còn pháp tánh chứng ngộ thì không có dài ngắn; vuông, tròn. Lại chẳng có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen... thì làm sao có lớn nhỏ được, đối với việc niệm Phật sẽ được chiếu sáng như thế, bởi vì người ta có thể nói rằng “đối với niệm lớn, thì sẽ gặp Phật lớn, niệm nhỏ sẽ thấy Phật nhỏ” (ý của Kinh Đại Tập). Nếu người ta chẳng trải qua việc nầy thì đối với việc thực hành ở đây là bố thí ba la mật. Điều ấy có nghĩa là cúng dường những bảo vật trước đức Phật, hoặc chư Tăng Ni mà chẳng dùng tất cả với tín tâm, còn ngay cả nửa tờ giấy hay nửa quan tiền chẳng vì Phật Pháp mà cúng thì tín tâm kia sẽ trở thành tha lực để trợ duyên cho bổn ý của lời nguyện ấy. Tất cả đều vì Phật Pháp, nhưng trên thực tế với

tâm dục của thế gian cũng giữ một vai trò đáng lo ngại với những bạn đồng tu.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 263

3.3.1.38 Chương thứ 18 (dịch từ tiếng Nhật) Vật bố thí và sự lợi ích của việc bố thí không liên hệ với nhau Đối với Phật Pháp, nhiều người hiểu rằng bố thí nhiều sẽ trở thành vị Phật lớn, bố thí ít sẽ trở nên vị Phật nhỏ. Điều nầy trên thực tế không thể nói như vậy được. Điều đầu tiên là: với Phật lớn hay Phật nhỏ trên tự thể mà có thể phân chia được, là một sự hiểu lầm to lớn. Đúng ra theo Kinh điển thì đức A Di Đà Như Lai, giáo chủ cõi Tịnh Độ với thân thể của Ngài thật vĩ đại (60 vạn ức), với điều nầy màu sắc cũng không, hình tướng cũng không, chân thật là thân Phật. Với chúng ta những người thế gian, đó là một phương pháp giải thích. Trên thật tế được hiểu thân Phật không có dài, ngắn, bốn góc hay tròn trịa, lại nữa thân ấy (chân lý) chẳng có màu xanh, vàng, đỏ, trắng hay đen... do vậy làm sao có lớn nhỏ được. Từ tâm nầy nếu nhất tâm Nam Mô A Di Đà Phật, từ kinh điển chúng ta hiểu rằng chúng ta có thể thấy được hình tướng giả của đức Phật, nhưng cũng có thể nói rằng niệm Phật tiếng lớn thì có thể thấy được Phật lớn. Niệm Phật tiếng nhỏ thì sẽ thấy được Phật nhỏ. Phải nói rằng điều ấy chẳng đúng chăng? Hoặc giả dựa theo Kinh điển để nói như vậy chăng? Đồng thời, đối với Phật Pháp: Bố thí ấy chính là thực hành hạnh Ba La Mật; điều nầy tối quan trọng, vì hành vi của sự bố thí sẽ khẳng định về việc ấy. Tuy rằng việc quan trọng như việc mang của báu đến cúng trước Phật hay Thầy tổ và chư

264 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

Tăng, nhưng đối với đức Phật chân thật thì thuận theo niềm tin của tâm. Nếu tín tâm bị khiếm khuyết thì mọi việc chẳng thể thành tựu. Ngược lại, ví dụ như, giấy một tờ, một ít đồng tiền cũng không cúng nơi cửa Phật; nhưng lại có tâm tôn kính vị Phật chân thật và thật có tín tâm, thì với điều ấy phải nói rằng: đó chính là bổn ý của đức A Di Đà Như Lai vậy. Như vậy việc bố thí nhiều hay ít có sự lợi ích khác nhau, là điều hiểu sai lầm. Kết cuộc, với Phật Pháp mà tự mãn, tự kỷ vật dục; còn với chân tông niệm Phật thì chi phối, thì tâm ấy chẳng đáng tôn xưng, chẳng chấp nhận được mà còn hiểu lầm nữa. Đây chẳng phải là điều chân chính của những người niệm Phật của chân tông. Chắc chắn điều ấy phải là như vậy.

3.3.1.39 Lời cuối (dịch từ tiếng Đức) Những chương đã gặp trên đây là những niềm tin theo cái nhìn khác. Đối với những câu chuyện về cuộc đời của cố Thánh Nhơn (Thân Loan) khi còn Pháp Nhiên Thượng Nhơn với các đệ tử đông đảo ấy, mà người có tín tâm cũng chẳng nhiều. Giữa Thân Loan và những người đồng tu cũng có sự tương luận với nhau và cho rằng: “Thiện Tín (Thân Loan) với tín tâm ấy cũng là tín tâm của Pháp Nhiên Thượng Nhơn. Những người đệ tử khác như Thế Quan Phòng (Seikanbo) và Niệm Phật Phòng (Nembutsubo) có quan điểm khác về việc niệm Phật của những người bạn đồng tu nầy cho rằng: “Làm sao mà niềm tin của Thượng Nhơn Pháp Nhiên và của Thiện Tín Phòng là một được? “Sau đó Ngài trả lời rằng: “Khi tôi nói Trí Tuệ và Tài Năng hiểu biết của tôi to lớn như Sư Phụ thì

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 265

đây chắc chắn là cái lỗi. Trong niềm tin vãng sanh về Tịnh Độ chẳng có một sự khác biệt nào, nó là một thứ chẳng gì khác" ở điều nầy có chỗ nghi ngờ để làm cho rõ ràng việc nầy khi được Thánh Nhơn chỉ rõ sự thị phi và tự tha. Nếu việc nầy rõ ràng thì đối với sự quy ngưỡng ấy nơi Pháp Nhiên Thượng Nhân được Ngài dạy rằng : "Tôi đã nhận được niềm tin nơi đức A Di Đà; ngay cả Thiện Tín Phòng (Zenshimbo) niềm tin của ông ta cũng nhận được từ đức Di Đà Như Lai. Như vậy thì tất cả đều là một, nếu ai có niềm tin khác thì kẻ ấy chẳng sanh về Tịnh Độ. Ở nơi ấy, là nơi ta sẽ đến". Qua lời dạy nầy đồng thời với những người có khuynh hướng chuyên tu niệm Phật cũng có những điểm không đồng tình với Ngài Thân Loan. Tôi đã viết tất cả, ngay cả những gì tôi đã từng lặp đi lặp lại. Bởi vì với tôi sinh mệnh nầy, thân thể, giống như giọt sương trên ngọn cỏ khô. Sự chối từ của những bạn đồng tu của tôi là làm mờ đi lời dạy của Thánh Nhơn (Thân Loan) về sự nghe biết. Tôi lo lắng về sự sai trái nầy có thể làm phá vỡ; nếu tôi luôn luôn khép chặt 2 con mắt của mình lại. Nếu có người hiểu lầm về những ý nghĩa đã nêu trên thì người ấy nên cố gắng học hỏi những Thánh ngữ ấy; bởi vì đó là ý nghĩa của Sư Phụ và chính ngài Thân Loan Thánh Nhơn đã dùng đến. Đối với Thánh Giáo nếu xem qua, thì với những lời dạy ấy có chân thật và quyền giả. Quyền ấy lấy ra từ thật và giả ấy sẵn có nơi chân. Đây chính là bổn ý của Thánh Nhơn vậy. Hãy thận trọng về lời Thánh Giáo! Hãy đừng nghĩ sai. Tôi đã nhận

ra được một vài điều quan trọng và thấm nhuần những chữ viết trong sách và đã viết về những sách nầy. Thánh nhân Thân Loan cũng đã dạy rằng: "Nếu tâm suy nghĩ đứng đắn về lời thệ nguyện về năm kiếp tư duy của đức Phật A Di Đà thì Ngài chính là riêng cho Thân Loan nầy. Như vậy với tôi phải cám ơn về lời thệ nguyện ấy. Vì Ngài đã thay tôi để cứu những người tội lỗi như tôi. "Nếu bây giờ tôi phải suy nghĩ một lần nữa về việc nầy thì đúng là Ngài đã hoàn toàn đúng với chữ của Ngài Thiện Đạo là "các vị nên biết rằng tôi vốn là hiện thân của phàm phu trong sanh tử đầy tội ác; với tội lỗi trong nhiều kiếp và đã trầm luân trong thế giới nầy, nổi trôi trong ấy, không có nhân duyên ra khỏi, do nghiệp trói buộc". Trong một niệm, chúng ta phải có bổn phận cảm tạ thân tâm ấy. Thánh nhân đã dùng thân nầy để đến với chúng ta, giúp cho chúng ta với tấm thân đầy tội lỗi nầy; nếu không nhờ được ân đức của Như Lai mang lại thì chúng ta đã mê lầm. Bởi vì chúng ta chìm sâu vào tội lỗi, chẳng thể đo lường được. Trong việc làm ấy, con người chúng ta vẫn không bị sa thải mà tất cả ta và người, cả tốt lẫn xấu đều được gội nhuần ân đức của Như Lai chẳng để ý phân biệt. Đối với Thánh Nhơn ngài đã dạy rằng: "Cả hai thiện và ác, tôi đều chẳng phân biệt, tôi chỉ biết rằng nơi tâm thức kia của Như Lai chứa đựng cái tốt, thì điều ấy tôi cho rằng tốt và chính tôi khi biết rằng: những gì đức Di Đà cho rằng xấu, biết rằng điều ấy thật là xấu, và trong mọi trường hợp ở trong thế giới nầy đều đầy dẫy sự rỗng không. Những kẻ phàm phu đầy dẫy phiền não ở trong thế giới vô thường của nhà lửa, đầy sân hận

và khổ đau; tất cả đều trống rỗng, chẳng có gì thực tiễn như sự niệm Phật". Như vậy, thì cả chúng ta và những người khác cũng chỉ nói những lời trống rỗng thôi. Ngoài ra

nếu trao đổi vấn đáp hoặc học về ý nghĩa của niềm tin trong sự niệm Phật, hay lấy lời của Thánh Nhơn để dẫn chứng, mà chính Ngài chẳng dạy như vậy, chỉ mong được ca ngợi hay mang đến sự chiến thắng, thì đây là việc làm mà tôi hay băn khoăn. Người ta lập tức nên suy nghĩ lại về việc nầy và nên hiểu rõ về sự chiến thắng kia. Dẫu cho tất cả chẳng phải những lời của tôi nói có thể đánh động được. Bởi vì tôi không dự vào con đường chú giải của kinh điển và văn pháp sâu cạn ấy. Ở trong ấy, tôi chỉ học được những gì tốt đẹp nơi Ngài Thân Loan, chỉ được một phần trăm, nhớ đâu tâm ghi lại như vậy. Điều buồn lo là nếu con người có phước nói về niệm Phật mà chẳng trực tiếp được tới báo độ mà chỉ được sanh về biên địa để sống, thì trong một phòng của hành giả ấy không có tín tâm trong sự tin tưởng. Tôi đã tóm lược lại trong khi nước mắt của tôi chảy dài, không thấy được gì bên ngoài cả, để viết “Thán Dị Sao” nầy và không nên cho người ngoài xem sách nầy. Viết thêm: Tác phẩm đã được giới thiệu thuộc về Thánh Thư quan trọng trong niềm tin của chúng ta. Bất cứ trường hợp nào cũng phải vượt qua và không trao cho bất cứ ai mà không tin vào giáo lý nầy.

268 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Duy Viên

3.4 Thích Liên Như (Shaku Rennyo 1415-1499) Phần kế tiếp chỉ có nơi sách tiếng Nhựt và không có nơi sách tiếng Đức của Christian Steineck 3.4.1 Phần kế tiếp Thời Hậu Điểu Vũ Viện trị vì, Pháp Nhiên Thượng Nhơn đã làm cho Tông Tha Lực Bổn Nguyện Niệm Phật lên cao trào. Khi ấy các Tăng lữ tại chùa Hưng Phước trình tấu khiêu khích lên bên trên. Trong số đệ tử ấy có những người như Vượn Tịch Tử Tế (Roozeke Shisai) cũng bị ghép tội xử phạt, dầu cho chẳng phải là sự thật nghe qua. Một là Pháp Nhiên Thượng Nhơn (Hoonen Shoonin) cùng với 7 người đệ tử bị hình phạt lưu đày. Còn 4 người đệ tử khác bị tội tử hình. Pháp Nhiên Thượng Nhơn bị tội lưu đày ra Thổ Tá Quốc Phan Đa (Tosanokuni Hata). Tội ấy tên là: Đẳng Tĩnh Nguyên Nhan Nam vân vân (Bujii Motohiko Otoko Unmen). Lúc ấy Ngài 76 tuổi. Ngài Thân Loan thì bị đày ra Việt Hậu Quốc (Echigo no Kuni) với tội danh là Đẳng Tĩnh Thiện Tín vân vân, lúc ấy Ngài 35 tuổi. Tịnh Văn Phòng (Zoomonboo) đày đi Bị Hậu Quốc. Trừng Tây Thiền Quang Phòng (Choosai Zenkoo Boo) đày đi Bá Kỵ Quốc. Hảo Giác Phòng (Kokakuboo) đày đi Ý Đậu Quốc. Hành Không Pháp Bổn Phòng (Gyookuu Hoobonboo) đày đi Tả Độ Quốc. Hạnh Tây Thành Giác Phòng (Koosai Zookaku boo) và Thiện Huệ Phòng (Zeneboo) cùng bị quyết định đày đi xa,

270 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thích Liên Như

Thiện Đề Đại Tăng Chánh của Vô Động Tự được miễn tội lưu đày. Tất cả những người bị đày đi xa như bên trên là 8 người. Tử hình gồm những vị như sau: Người thứ nhất là Tây Ý Thiện Trác Phòng (Sai I Zenshakhuboo) Người thứ nhì là Tánh Nguyện Phòng (Shooganboo) Người thứ ba là Trụ Liên Phòng (Yuurenboo) Người thứ tư là An Lạc Phòng (Aurakuboo) Hai vị Pháp Ấn Tôn Trưởng bị sa thải. Thân Loan phải cải đổi Tăng bào và cho dùng tên thế tục. Nghĩa là Tăng chẳng ra Tăng mà Tục chẳng phải Tục. Ở giữa đó còn lót chữ ngốc làm họ nữa. Qua tấu văn được trình nghe, sau được nộp bản văn nầy nơi lưu giữ ở ngoại sảnh. Sau khi bị đày, buộc phải dùng tên là Ngu Ngốc Thân Loan (Gutoku Shinran) Thánh Giáo phía bên trên được viết khi bị lưu đày, đã trở thành

việc lớn của Thánh Giáo. Đối với kẻ không có duyên lành thì phải trái cũng không. Điều nầy chẳng thể được chấp nhận. Thích Liên Như (Hoa Giáp) (Dịch xong những phần trên vào ngày 22 tháng 4 năm 2011 tại chùa Phật Ân, Mineapolis, Hoa Kỳ) Thích Như Điển 3.4.2 Lời cuối bất cứ tín tâm của ai cũng giống nhau

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 271

Như bên trên đã ghi từ chương thứ 11 đến chương thứ 18 là những chương có thể nói là sự phát sanh bằng cách hiểu khác về tín tâm ấy. Thân Loan Thánh Nhơn khi còn sanh tiền, Ngài đã nói những việc như sau, lúc Thầy của Ngài là ngài Pháp Nhiên Thượng Nhân còn tại thế. Tuy có nhiều người bạn niệm Phật, nhưng những người niệm Phật ấy chẳng giống tín tâm của Ngài Pháp Nhiên Thượng Nhân. Do vậy mà Ngài Thân Loan Thánh Nhơn và giữa những người đồng tu thưở ấy đã xảy ra việc pháp luận như vậy. Pháp luận ấy là: "Tôi, Thân Loan (Thiện Tín Phòng) cũng có tín tâm và với tín tâm của Pháp Nhiên Thượng Nhơn là một chứ chẳng phải khác, tuyệt nhiên không có khác gì cả". Điều nầy Ngài Thân Loan đã nói và những vị đồng tu như Thế Quan Phòng và Niệm Phật Phòng và những vị nầy đã bảo rằng: Ngài suy nghĩ như vậy là sai rồi. Với tín tâm của Ngài Pháp Nhiên là Thầy của chúng ta và tín tâm niệm Phật chưa thành thục của Ngài hoàn toàn chẳng giống nhau". Thân Loan bảo rằng: "Nếu Thầy tôi là Pháp Nhiên Thượng Nhơn và sự học vấn của tâm cũng như trí tuệ giống nhau, thì với việc ấy, có thể nghĩ đến được chăng? Thầy và tôi, không thể so sánh hết tất cả mọi phương diện, nhưng chỉ một việc đề cập đến là vấn đề tín tâm mà Đức Di Đà Như Lai đã sắc phong cho. Niềm tin giữa Thầy và tôi không có sự khác biệt nhau, chỉ là một mà thôi". Tuy vậy nhưng những người bạn đồng tu hoàn toàn chẳng hiểu cho. Nên bảo rằng: "Đó chẳng phải là việc ngu ngơ hay

272 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thích Liên Như

sao? Vì sao mà có thể nói như vậy được? "Đó là câu hỏi thật nghiêm khắc được đặt ra cho ngài Thân Loan. Giữ nguyên như vậy không có gì thay đổi. Đối trước Pháp Nhiên thì bên nào đúng hơn, mà Thượng Nhơn cũng chẳng quyết định khác hơn được. Việc nầy đã được Ngài giải thích về Pháp Nhiên Thượng Nhơn như sau: "Cái ta" nầy cũng như niềm tin của Nguyên Không là tín tâm được sắc phong từ Đức Di Đà Như Lai. Tín tâm của Thiện Tín Phòng cũng được đức Di Đà Như Lai sắc phong. Đồng thời tín tâm kia hoàn toàn giống nhau; chẳng có gì khác cả. Nếu có người mang tín tâm khác với tôi, thì việc vãng sanh Tịnh Độ của tôi chắc rằng không được sanh sao? Nếu suy nghĩ về vấn đề nầy thì ngay bây giờ cũng có người một lòng niệm Phật thì tôi, tín tâm của Thân Loan nầy cũng chẳng khác với tín tâm của người kia, mà là sự đồng nhất. Để hướng dẫn, đã được nói như vậy. Vậy thì như việc đã tường thuật bên trên, ngay cả những người già cả cũng đã lặp đi lặp lại, có thể chẳng có giá trị gì, nhưng đã được viết lại như vậy. Cuộc sống của tôi cũng sẽ sớm khô cằn như cỏ, trên đó có đọng những giọt sương, mạng người chẳng có gì đáng nói. Đời sống có giới hạn. Bây giờ lắng nghe những sự nghi ngờ của những người đang đi trên đường, đều cùng tín tâm giống nhau. Đây là điều Thân Loan Thánh Nhơn trực tiếp dạy cho và từ đó có thể nói về tín tâm của Tịnh Độ Chân Tông. Tuy nhiên nếu sau khi tôi chết cũng có người dị đoan và không phải là

không có nghi vấn, do vậy đã ghi lại những điều

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 273

nầy. Nếu tôi có nói thiếu sót đối với những người chủ trương dị đoan hay dị thuyết như tôi đã tường thuật phía trước, thì bây giờ đối với Thân Loan Thánh Nhơn hãy tìm đọc những lời nói và kinh điển cũng như những thơ từ được dịch viết và hãy đừng bị mê hoặc về điều ấy. Phật Pháp thật là khó, nếu không học cho đứng đắn thì chẳng phải hiểu ngược lại sao? Như vậy thì đối với những lời dạy của Tịnh Độ, trong ấy được gọi là kinh điển của Thánh Giáo ấy cũng trở thành cái chân, cái giả và phương tiện vậy. Như thế thì phương tiện hãy bỏ đi, hãy lấy điều chân thật. Cái giả sẽ lựa ra và cái chân thật hãy dùng đến. Đây chính là việc thực hành bổn ý của Ngài Thân Loan Thánh Nhơn vậy. Dụng tâm một cách đầy đủ và hãy học những kinh điển cũng như những sách vở giải nghĩa và nên làm cho những lời dạy về phương tiện và những lời dạy chân thật đừng lẫn lộn với nhau. Bởi vì đây chính là điều đáng lo ngại, nên viết ra một ít lời nói quan trọng vào nơi quyển sách nầy sẽ thấm nhuần được điều ấy. Từ lời nói thường nhật của Thân Loan Thánh Nhân đã được nói ra rằng: "Đức Di Đà Như Lai từ xa xưa hằng năm kiếp về trước là thời gian đã thành tựu được bổn nguyện của Di Đà Như Lai về việc cứu độ con người. Đối với lời thệ nguyện ấy cuối cùng với tôi, một mình Thân Loan nầy lưu tâm. Với tôi đối với tội lỗi của mọi người, tuy tội đầy mình; nhưng với tội nặng nầy cũng như nhiều phiền não như tôi mà nghĩ rằng cứu được thì đó chính là sự tôn kính bổn nguyện của Đức A Di Đà Như Lai, chứ chẳng phải là cảm được cái sáng sủa ấy".

274 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thích Liên Như

Nếu suy nghĩ về vấn đề nầy thì đối với bậc đại hành giả về Tịnh Độ của Trung Quốc, Ngài Thiện Đạo Đại Sư đã nói rằng "với tôi, con người của thế gian, hiện tại với nhiều tội ác chồng chất, vấn đề sanh tử bị mê hoặc và cũng đã mê muội từ xa xưa nơi thế giới của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, loài người và chư thiên. Chỉ đắm trong sáu đường, chẳng tỏ ngộ và từ nơi sự mê mờ ấy chẳng thể rời khỏi được một bước. Thân nầy nên rõ". Với lời nói như thế quả thật chẳng sai chút nào. Suy nghĩ từ việc nầy thì những lời dạy của Ngài Thân Loan là tự thấy cái tội của chính mình sâu dày dưới con mắt mọi người. Trong khi đó chúng ta sống với nhiều tội lỗi. Thế nhưng không bao giờ tự biết những tội lỗi sâu dày ấy. Với ân đức của đức A Di Đà Như Lai thật cao vời, nguyện cứu vớt những tội lỗi sâu dày của chính ta, cả sự cung kính tôn trọng cũng chẳng thể rõ biết hết được. Thế giới của tự ngã, thế giới của dục vọng, thế giới của khổ đau... nơi chúng ta mê hoặc đã được Ngài chỉ rõ ràng. Đồng thời với ân đức đáng tôn kính của đức A Di Đà Như Lai, ta cũng chẳng để ý đến ân ấy. Với bản thân mình, chúng ta chỉ biết sống với sự phê phán đúng, sai; người nầy xấu, kẻ kia tốt, chỉ lo cho chuyện của người khác. Khi nhìn hình tướng của chúng ta như vậy, ngài Thân Loan Thánh Nhơn đã nói rằng: "Với tôi vấn đề thiện ác hầu như chẳng để ý đến, nghĩa là nếu chúng ta nhận thức sai về thiện ác, rồi chỉ phán đoán đồng lõa, thì hiểu sai điều mà tôi đã ngộ được sự chân thật nơi đức Phật. Như vậy thì ta có thể biết được việc thiện ác chăng?

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 275

Thế nhưng với cái ta giới hạn, rỗng tuếch, trống không lại mang đầy cả một thân phiền não, đồng thời chúng ta lại đang sống trong thế giới vô thường và đầy dãy khổ đau như thế giới nầy. Như vậy với cái ta nầy, tại sao có thể suy nghĩ về việc thiện ác ấy? Nếu suy nghĩ thật kỹ thì con người khi nghĩ về thế giới nầy, những hành vi hoàn toàn là hư ngụy; chẳng có tính cách triệt để; chỉ là việc nửa vời, hầu như chẳng có cái gì là thanh tịnh và chân thật cả. Duy chỉ tự rõ biết nơi đức A Di Đà Như Lai là một đạo lý chân thật. Với đạo lý ấy, chúng ta sống hướng lên bên trên, phải là như vậy". Sự thật thì theo như lời dạy nầy nếu khi ta và người khác mở miệng ra, nói những lời nhẹ nhàng và nói những lời hư nguỵ, trong những lời như vậy chỉ có một lời tán thán. Đó là "nếu ở cửa miệng ấy niệm Nam Mô A Di Đà Phật và ai ai cũng thế khi hỏi đáp với nhau qua hình thức tín tâm, nên mang tâm niệm Phật như thế nào để khi người ta nói, lời nói của người kia được tôn trọng, chẳng phải là để tranh cãi với nhau. Rồi chẳng phải lời nói của Ngài Thân Loan thì chúng ta lại gán ghép cho Ngài Thân Loan nói. Đối với người đối diện, không thật tình thì đó là điều đáng buồn". Những việc như thế ấy, chẳng phải là sự suy nghĩ và lời nói của tôi nhằm hơn thua, mà đó chính là những lời nói được nói ra bởi Ngài Thân Loan Thánh Nhơn. Với tôi, sức học yếu kém, chẳng hiểu rõ hết được ý nghĩa đứng đắn của kinh điển và những thơ văn giải thích; nên đối với sự dạy dỗ sâu xa cũng như cạn cợt đã phân biệt rõ ràng. Bởi vì tôi rất là tối tăm đối

với Phật Pháp. Thật ra đây là chuyện đáng buồn, có nhiều chỗ biến dạng. Tuy vậy bây giờ chỉ còn lại một phần trăm về lời dạy quan trọng của Ngài Thân Loan Thánh Nhơn, tôi nhớ và viết lại chỉ một phần nào mà thôi. Hạnh phúc là tôi đã gặp được lời dạy của A Di Đà Như Lai, vừa nhận được ân huệ qua nhân duyên niệm Phật, nhưng nếu đức A Di Đà Như Lai qua lời thệ nguyện cứu độ con người mà chẳng được không sanh về cảnh Tịnh Độ, mà chỉ là biên địa Tịnh Độ, chỉ là phương tiện hóa độ (thế giới giả), khi sanh về đó, quả là điều đáng buồn. Hoàn toàn giống với lời dạy ấy chúng ta hãy tin vào lời dạy của đức A Di Đà Như lai. Vừa niệm Phật, rồi tin theo điều khác xin đừng lý giải theo sự hiểu biết sai quấy. Cho nên trong khi vừa cầm bút, vừa chảy nước mắt, vừa viết nên những dòng chữ nầy. Quyển sách nầy là quyển sách phải than lên sự sầu bi về tín tâm sai khác, gọi là "Thán Dị Sao". Quyết rằng khi cho những người khác đọc qua, chẳng phải là điều vô lý. 3.4.3 Lời phụ: Thời Hậu Điểu Vũ (Goto Bain – 1180-1239) Pháp Nhiên Thượng Nhân đã dùng tha lực để tạo dựng nên tiếng niệm Phật, nhưng lúc ấy tại chùa Hưng Phước, các vị Tăng nhìn việc nầy với ác ý; nên đã trình tấu lên bên trên nghĩa là: cáo buộc trong những môn đệ của Pháp Nhiên Thượng Nhân có những hành vi chẳng phải đạo. Rồi những người thọ nhận tội chẳng thật ấy lần lượt như sau:

Một là Pháp Nhiên Thượng Nhân cùng với 7 người khác bị tội lưu đày. Lại có 4 người bị tội tử hình. Ngài Pháp Nhiên Thượng Nhân đày ra Thổ Tá Quốc (huyện Cao Trí) thuộc Phiên Đa. Với tội danh tên là Đẳng Tỉnh Nguyên Nhan. Lúc ấy Ngài 76 tuổi. Ngày Thân Loan thì đày đi Việt Hậu (Huyện Nigata) với tên tội là Đẳng Tỉnh Thiện Tín. Lúc ấy Ngài 35 tuổi. Ngoài ra còn có những vị như sau: Tịnh Văn Phòng (bị đày ở Bổ Hậu Quốc,

thuộc miền Đông của Hiroshima). Trừng Tây Thiện Quan Phòng thuộc Bá Kỵ Quốc (phía tây huyện Điểu Thủ.) Ảo Giác Phòng đày đi Y Đậu Quốc (miền Đông huyện Suiyuoka); Hành Không Pháp Bổn Phòng đày đi Tá Độ Quốc (thuộc đông bắc đảo huyện Nigata). Cả hai vị Hạnh Tây Thành Giác Phòng và Thiện Huệ Phòng quyết định theo tội danh bị đày đi xa. Còn Đại Tăng Chánh Thiện Đề chùa Vô Động (Đây là Thầy xuống tóc của Ngài Thân Loan Thánh Nhân và Hòa Thượng Từ Trấn Từ Viên) là 2 vị được miễn tội bị lưu đày. Bên trên là tám vị bị đày đi xa và tử hình gồm những vị như sau: Người thứ nhất là Tây Ý Thiện Trác Phòng, người thứ hai là Tánh Nguyện Phòng, người thứ ba là Trụ Liên Phòng, người thứ tư là An Lạc Phòng. Đây là việc suy nghĩ của hai vị pháp sư tôn trưởng. Ngài Thân Loan khi bị đày ở Việt Hậu, hình thức Tăng, phải bị cải đổi, phải dùng tên đời cũng chẳng phải là Tăng mà cũng chẳng phải là tục. Đồng thời ghép thêm chữ Ngốc. Như thế mới được yên thân. Với tấu trạng ấy ngày nay vẫn còn lưu trữ ở Ngoại

278 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Thích Liên Như

Ký Sanh (khởi thảo những sắc chỉ và ghi lại những bài văn đã tấu) Nơi Chấp hành Ngoại Ký ở nơi Việt Hậu, chốn lưu đày là nơi mà Ngu Ngốc Thân Loan đã viết ra quyển sách nầy. Áo Thơ. Một quyển bên trên, chúng ta đã sống với lời dạy của Đức A Di Đà Như Lai. Đây là một quyển sách tài liệu rất quí giá. Ở đời quá khứ nếu chẳng có nhân duyên với Phật Pháp thì không nên cho xem sách nầy. Thích Liên Như (Hoa Giáp)

3.5 Nhất Biến (dịch từ tiếng Đức có đối chiếu bản tiếng Nhật) Những lá thư và lời dạy cuối cùng (Trích từ phần đầu của Nhất Biến Thánh Nhơn Ngữ Lục) 3.5.1 Trả lời về câu hỏi của người em gái tướng quân Saiong Em gái tướng quân Saiong (mất năm 1318) vào triều đại Konkubine. Bà là thứ phi đứng hàng thứ 3 của Thiên Hoàng Kameyama (1248-1304). Năm 1283 Bà trở thành Ni cô và tên đạo của bà là Ichi Amidabutsu. Dĩ nhiên đây là cơ hội đã đến sau những kinh nghiệm của chúng ta về sự vô thường, về sự sinh và tử nơi thể xác của chúng ta và đã một lần tham dự trực tiếp buổi lễ cầu nguyện với đức Phật A Di Đà, chúng ta chẳng còn là chính chúng ta nữa. Bởi vì tâm của ta đã là tâm của Phật A Di Đà và hành động của thân thể chúng ta là hành động thân thể của đức A Di Đà và ngay cả lời nói cũng là lời nói của Ngài, như vậy thì cuộc sống nầy khi chúng ta sống cũng là đời sống của đức Phật A Di Đà. Nếu chúng ta thọ nhận nơi lời thệ nguyện, thì chúng ta sẽ vượt qua khỏi tình thương cao cả ấy, ngay cả thập ác và ngũ nghịch trong quá khứ như chúng đương là, với một hay mười niệm tiêu trừ trong hiện tại; thì chúng ta nhận biết rằng sự vượt ra khỏi 3 cõi và sáu đường chẳng cần lý do, mà điều ấy làm cho chúng ta khổ, tốt và xấu luôn hiện hữu. Chúng ta chắc chắn rằng cuối cùng chỉ có thể giữ lại được câu Nam Mô A Di Đà Phật qua ánh sáng trí tuệ của đức Phật rọi soi cũng như sẽ mang đến chúng ta niệm danh hiệu Ngài cho đến khi nào ngừng thở và đời sống nầy kết thúc.

280 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Nhất Biến

Nghĩa là sự nhớ nghĩ chân chánh cho đến khi chết, để được vãng sanh về Tịnh Độ “Nam Mô A Di Đà Phật”. 3.5.2 Trả lời câu hỏi cho vị quan của đức vua trước và vị tu sĩ

Tsuchimikado (mất năm 1286, năm 1270 trở thành người xuất gia và là bạn thân của Ippen). Những gì là ra khỏi vòng luân hồi. Việc niệm Phật qua tha lực là một việc làm bất khả tư nghì. Lời thệ nguyện của đức Phật A Di Đà đã vượt lên trên tất cả thế giới, là con đường trực tiếp giải thoát tất cả chúng sanh. Điều nầy chứa đựng sâu xa nơi trí tuệ của chư Phật. Để ít ra tâm thức có thể dùng một trong ba thừa, với trí tuệ bên trên được báo hiệu! nếu chúng ta không qua những lời dạy khác nhau, như con đường đạt được, giữ lại, dễ dàng chỉ gióng lên qua cửa miệng danh hiệu của lời thệ nguyện và chẳng có ý nghĩa khác như việc niệm danh hiệu, thì chúng ta sẽ gặp chữ, "không nghi ngờ, không tư duy về sức mạnh của lời thệ nguyện và biết rằng đạt được việc tái sanh". Chánh niệm trong giờ phút lâm chung khi niệm Phật, trong lúc ý thức không còn. Thế là chúng ta sẽ đến được trước đức Phật thọ ký và sẽ sinh về thế giới Tịnh Độ. Đây chính là việc niệm Phật vãng sanh. Nam Mô A Di Đà Phật. 3.5.3 Trả lời cho Tướng quân Tonoben khi được hỏi về việc niệm Phật mà tôi được an lạc. Về việc niệm Phật vãng sanh, chúng ta những con người có cả hằng tá tội lỗi chẳng đếm được trong cuộc sống gồm thập ác, ngũ nghịch và bốn trọng tội. Những điều nầy đã làm cho sai sự thật, giữ lại lòng tham trong cuộc sống sai quấy, phá giới và tà kiến. Do vậy chúng ta phải tái sanh trong luân hồi, ở tương lai không

dừng nghỉ. Rồi chết đi cũng như hiện hữu trong sáu đường, sẽ sinh vào bốn cách sanh và chịu khổ trong hai mươi lăm cõi. Tuy là vậy nhưng với lòng từ của Ngài Pháp Tạng trong năm kiếp trước đã thành tựu trí tuệ, đã biết qua danh hiệu Ngài mà nhận ra rằng sẽ vượt qua khỏi vòng chúng sanh ấy và vượt qua khỏi lời thệ nguyện. Ngài đã thành Phật trước đây mười kiếp và đây chính là hạnh nguyện của Ngài để hướng dẫn chúng sanh được vãng sanh với câu Phật hiệu: Nam Mô A Di Đà Phật. Bởi vì trạng huống giác ngộ được chiếu rọi qua tên của đức Phật A Di Đà, con người cần phải từ bỏ thế giới khổ đau tục lụy nầy để được sanh về Tịnh Độ chẳng kể là tin hay không tin; sạch hay dơ; tội hay chẳng tội nơi chúng sanh. Họ chỉ hoan hỷ khi họ có thể cảm nhận được sự mầu nhiệm của danh hiệu nầy khi niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Khi hơi thở hết rồi và thân mệnh chấm dứt thì sẽ được Ngài hiện ra để thọ ký, dấu hiệu ấy với chúng sanh kia là có thể đạt được sự sống, chết đây chính là việc niệm Phật vãng sanh. Nam mô A Di Đà Phật Ngày mùng 1 tháng 9 từ Ippen gởi cho tướng quân Ben

3.5.4 Lời dạy được viết cho một tướng quân về vấn đề tái sanh. Bởi vì chúng ta có duyên nghiệp nối kết trong thế giới nầy qua việc sanh lại lần tới, Ngài chẳng nên chối từ việc sanh ở Tịnh Độ. Ngoài danh hiệu chẳng còn giáo lý nào hay hạnh nguyện nào cả. Ngoài danh hiệu chẳng có sự tái sanh. Tất cả chúng sanh đều là kết quả trong ý nghĩa danh hiệu kia. Nghĩa là sự suy nghĩ về việc tắt hơi thở, qua câu Nam Mô A Di Đà Phật chiếu dọi, thì chúng ta sẽ rõ biết giống nhau về một chúng sanh chân thật của sự sống và

sự chết. Việc “chánh niệm trong khi chết” là đó vậy. Đây cũng chính là sự suy nghĩ trước đây mười kiếp về sự giác ngộ chân thật. Nam Mô A Di Đà Phật. Ngày 9 tháng 3 Ippen

3.5.5 Trả lời cho vị Tăng sĩ Kogan, viết để trả lời về việc niệm Phật mà tâm được an lạc. Tôi đã nhận được sự yêu cầu của Ngài để giải thích về việc đo lường bên trong khi thực hành niệm Phật, chẳng thể nói gì khác hơn về câu niệm Nam Mô A Di Đà Phật về việc trải nghiệm của tâm thức cũng như sự an lạc của nội tâm cả. Trên tất cả những lời dạy mà những bậc trí tuệ được nói đến chỉ là những điều sai lầm khác nhau khi tường thuật về những bài giảng trước. Do vậy những ai thực hành niệm Phật thì nên từ bỏ việc nầy và đơn giản chỉ niệm Phật mà thôi, trong soạn tập sau (Senkusho) của Ngài Saigyo (1118-1190) nói về việc có người đến thánh nhơn Kuya và hỏi Ngài rằng: Ngài niệm Phật như thế nào? Ngài đã chẳng trả lời ngoài câu nói: “Hãy buông bỏ đi” và đã chẳng dạy gì thêm nữa cả. Đây chính thật là một lời dạy bằng vàng. Ai thực hành việc niệm Phật người ấy sẽ từ bỏ cả trí tuệ lớn lẫn sự ngu si và ngay cả tốt hay xấu trong thế giới hữu hạn nầy. Phân biệt tốt, bề mặt, cao hoặc thấp đều vượt khỏi. Đồng thời cái quả nơi địa ngục hãy bỏ đi, giống như đến được Tịnh Độ và cũng sẽ giác ngộ qua mọi tông phái. Ngay như việc niệm Phật mà vượt qua khỏi mọi vật thì sẽ tương đương với tất cả thế giới qua lời thệ nguyện của đức Phật A Di Đà. Khi người ta niệm với giọng tha thiết thì chẳng còn Phật và ta, và cũng chẳng còn những phần khác nữa. Tịnh Độ là tất cả những thế giới giới hạn của tốt và xấu, ngoài ra

điều nầy chẳng có gì để lo sợ cả. Chẳng có cái gì tồn tại trong thế giới nầy như: núi, sông, cỏ, cây cho đến sóng của một làn gió, là chẳng phải niệm Phật; chẳng phải chỉ thế giới của loài người mới được bao trùm qua lời nguyện ấy. Nếu các Ngài trong lời nói còn sót lại nầy được chiếu rọi mà một người già chẳng rõ, chẳng hiểu thì hãy để cho chẳng hiểu, hãy để cho người ấy chẳng biết đó đi, các anh chẳng cần suy nghĩ gì cả, hãy giao phó cho lời nguyện và hãy niệm Phật. Bất kể việc niệm Phật bây giờ với sự an nhiên hoặc chẳng tự tại nơi tâm đi nữa thì việc nầy cũng không ra ngòai thế giới bổn nguyện của tha lực. Chẳng có việc gì thiếu sót nơi lời thệ nguyện của đức Phật A Di Đà hoặc giả có thể hơn như thế nữa. Ngoài ra người ta còn cần phải chuẩn bị cho tâm thức một điều gì đặc biệt nữa chăng? Người ta hãy trở lại vị trí của người vô minh và hãy niệm Phật. Nam Mô A Di Đà Phật. Ippen gởi cho Tu sĩ Kogan

3.5.6 Trả lời cho Thánh Nhơn Shinnen ở Yokawa trên núi Tỉ Duệ thuộc Kyoto Với con người, chúng ta đang sống ở thế giới nầy, nối kết với nhiều tình bạn trong những đời trước. Thật là một niềm vui được cùng nhau quy y với Đức A Di Đà; việc suy nghĩ và chấp vào bản ngã là tương ưng với vòng sanh tử. Sự giác ngộ là một tâm thức, tâm ấy có cách xa với tất cả mọi tư tưởng. Sinh và tử điều nầy thật sự chẳng có gì cả, qua sự cố gắng của kiến thức, người ta chẳng thể làm gì được. Sự giác ngộ cũng chẳng phải qua sự thực tập mà được. Đồng thời ai chẳng học thì càng lầm lớn và ai chẳng thực tập thì thường phải tái sanh. Chúng ta phải thực tập, trong đó

chúng ta phải dụng công từ bỏ thân thể nầy và trong đó chúng ta phải làm chủ hoàn toàn tâm thức nầy. Sự thật nầy là tông phái của con đường giác ngộ và thống nhất với Tịnh Độ và ngay cả những danh từ có khác đi. Trong kinh Pháp Hoa dạy rằng: Chúng ta chẳng thích đời sống trong sự khổ đau nầy, mà đánh giá con đường cao cả ấy." Trong khi đó Kinh Thiền Định nói: "hãy buông xả thân của các ngươi và sinh vào với sự hiểu biết trọn vẹn. Kết quả sẽ tự nhiên đến, trên con đường Thánh ấy, cũng thực tập tự lực và phải từ bỏ thân thể trong cuộc sống nầy để đến con đường giác ngộ". Nơi ấy những tín đồ của Tịnh Độ Tông dựa vào tha lực, tin tưởng rằng cuộc sống khổ đau nầy sẽ được trở thành Phật sau khi chấm dứt tâm thức của Phật Tánh. Vì vậy, con người với thói quen như chúng ta ngoài ra còn cần thực hiện đầy đủ việc niệm danh hiệu để được thành tựu, chẳng còn con đường nào khác để được giải thoát cả. Trong Kinh A Di Đà nói rằng: "Kẻ nào niệm Phật sẽ được hộ niệm bởi tất cả chư Phật trong sáu phương và chẳng còn nghi ngờ, và kẻ kia được chắc chắn sanh về Tịnh Độ. Ngoài sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật ra, chúng ta chẳng còn thân thể và tâm thức, tên ấy được truyền đến tất cả chúng sanh với chỉ là một". Ngoài ra: mây lành và hoa trời là dấu hiệu của việc niệm danh hiệu chẳng thể nắm bắt được, với thể thức hiểu biết theo thói quen có thể rõ được chăng? Chúng ta phải tận lực suy nghĩ để hiểu được những hoa nầy và theo như lời khuyên của Ngài, tôi đã kết duyên, đã tụng kinh A Di Đà một trăm biến. Thành kính. Nam Mô A Di Đà Phật. Ngày 22 tháng 4. Từ Ippen gởi cho Thánh nhân Shinnen.

3.5.7 Lời dạy viết cho người hỏi về sự thật sau cánh cửa về việc niệm Phật Niệm Phật vãng sanh có nghĩa là: việc niệm Phật như là việc chắc thật của việc sanh về Tịnh Độ. Chữ "Nam Mô" có nghĩa là "sự tin tưởng nơi tâm", A Di Đà Phật là việc làm mà trong việc ấy tạo ra sự tin tưởng. Điều ấy là sự nhớ nghĩ, trong ấy tâm thức và sự thực hiện thay đổi tương ứng với nhau về sự tái sanh. Ai mà sau khi niệm Nam Mô A Di Đà Phật chẳng còn tốt hay xấu nơi tâm, được hay không, chẳng còn theo sau sự nhớ nghĩ, lệ thuộc vào cái gì đó thì kẻ niệm kia là dấu hiệu cho thấy nắm vững nơi niềm tin. Ngòai việc niệm hồng danh, trong khoảnh khắc ấy chẳng thấy có "sự chết". Người ta chỉ thuần niệm Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật để chờ phút lâm chung. 3.5.8 Lời dạy viết trả lời những người hỏi về cánh cửa của sự thật. Mùa xuân đi thì mùa thu đến, trên con đường buông xả của sự giải thoát thật là khó. Cũng như vậy, nếu chúng ta trải qua mùa hoa rụng và trăng tròn, giống như dễ bị trói buộc chúng ta vào vòng luân hồi. Trên đống núi tội lỗi luôn luôn tiếp tục lăn tròn đám mây tham ái và ánh sáng của đức Phật chẳng dọi vào mắt được. Trên biển tái sanh ấy gió lay động những gì không thật tướng và chẳng một lần lay động mặt trăng là thực thể. Sự tiếp nhận của sự sống nối kết với sự khổ đau, khi chúng ta trở về sự chết thì con đường nầy sẽ từ điểm tối nầy đi vào điểm tối khác. Trong lục đạo chẳng có nơi nào mà chẳng làm cho chúng ta lầm lỗi và 4 cánh cửa của chúng sanh chẳng có mái che, dưới đó chúng ta chẳng có nơi để trở về. Chúng ta nên thay vì gọi cái nầy là vòng luân lưu của một giấc mộng hay là sự chân thật? Chúng

ta nên gọi nó như vậy, rồi nó sẽ bay lên như một đám mây và nhả khói ra. Chẳng một người nào có thể giữ lại bóng mây ấy trên khoảng không vô tận. Chúng ta nên nói rằng đó chẳng phải là những cảm giác khổ đau vẫn còn ở nơi chúng ta, khi mà chúng ta chia tay với một người thân, sẽ cắt đứt nội tâm của chúng ta và tâm thức ấy sẽ mang đến sự đỗ vỡ. Mặc dầu chúng ta, là một nhóm với tình bạn hữu thân thiện, lúc ngọn lửa đốt cháy tử thi, nung đỏ sắt nơi địa ngục thì băng đá của địa ngục "hoa sen đỏ" và "hoa sen đỏ lớn" ấy sẽ không tan ra. Dưới làn da mịn bị đốt cháy hai mắt ràn rụa nước mắt khổ đau, thế nhưng ngọn lửa của địa ngục "đốt cháy mạnh" và "đốt cháy thật mạnh chẳng thể dừng nghỉ". Kêu cứu, cũng vô ích đau buồn, con người như chúng ta cũng quẩn quanh. Thay vì chúng ta từ bỏ làng xóm thành ấp trong 3 thời, ra đi đến thành phố chính của cửu phẩm liên hoa. Ra khỏi là điều khó, từ thung lũng của thành nầy để vượt khỏi sa mạc của khổ đau. Thế giới của sự giải thoát chẳng cầm giữ thế giới thường tình. Nếu một lần chúng ta qua lời thệ nguyện có thể gặp nhau thành nhân duyên nơi cõi giải thoát và chúng ta lại chẳng vội vã cố gắng thay đổi cuộc đời. Vậy chúng ta còn đợi chờ gì nữa? Việc niệm Phật tha lực là một sự thực hành chẳng thể nghĩ bàn. Bổn nguyện ấy đã vượt lên khỏi thế giới, là con đường cần thiết để giải thoát cho tất cả con người thường tình nầy. Hãy quên đi thân thể nầy trong niềm tin của các bạn. Hãy để lại tiếng nói của các bạn và hãy để tiếng Niệm Phật lại. Nam mô A Di Đà Phật. 3.5.9 Lời dạy được viết trả lời người học trò bị bịnh nhẹ. Sống và chết khởi nguyên từ thể thức của một tâm thức hiện thời của sự nối kết giữa đàn ông và đàn bà và sự lặn hụp trong 3 cõi mang chiếc xe cảm nhận sai trái của sự tham luyến tánh dục

trói buộc. Nếu hình thức của đàn ông và đàn bà được giải thể và thế giới trói buộc tự thể chẳng còn thì sự chấm dứt sanh tử, căn bản của không ấy sẽ thể nhập vào và cảm giác sai trái có thể chấm dứt ở đây. Bông hoa thì tuyệt diệu và mặt trăng thì sáng rỡ, cả hai thường là nguyên nhân của vòng xoay tiếp tục của thế giới. Ngay cả sự nhớ nghĩ đến Phật và kinh điển cũng có thể dẫn đến những ngọn lửa của địa ngục, chỉ có căn nguyên là một tâm thức chẳng ra khỏi chính tự ngã của mình. Kết quả của vô ngã là sự nối kết giữa sự thật với thế giới của chúng sanh. Ngay như một tâm thức trải qua 3000 thế giới là một sự thật và là một loại hình chẳng dấy động. Tuy vậy con người đánh mất đi sự tham vọng của tự ngã tự nhiên, nắm bắt điều mong mỏi cách ly, sai quấy trong sự trống rỗng của sanh tử và kéo đến sự giác ngộ tưởng tượng. Như vậy con người theo thói quen giới hạn nên tin tưởng vào ý muốn từ bỏ thế giới tối tăm tội lỗi nầy để đến được cõi Tịnh Độ và vui mừng khi ra khỏi hơi thở vào lúc cuối đời. Để đợi chờ hình bóng tiếp dẫn của các vị Thánh, các con nên niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, rồi các con sẽ vượt lên khỏi sự sống chết với kinh nghiệm của những chúng sanh chân thật ở bên kia bờ sống chết ấy. Nam Mô A Di Đà. Năm thứ 7 của Koan (1284) ngày 29 tháng 5 Ippen.

3.5.10 Cuối cùng để lại lời dạy sau rốt (chép lại bởi người đệ tử, Shokai) Với thế giới ngũ uẩn được cấu tạo bởi năm loại nầy chẳng có bệnh tật, mà bệnh ấy trói buộc vào cuộc

sống của chúng ta. Trong tứ đại ấy chẳng có sự khổ, là nguyên nhân tạo ra khổ đau cho

288 Những bản văn dịch (từ tiếng Nhật sang tiếng Đức)Nhất Biến

chúng ta. Thế nhưng chúng ta quay lưng với tư tưởng tự tánh căn bản. Trong đó chúng ta đang trú nơi ngũ dục và uống tam độc, chúng ta ra khỏi sự khổ đau của ba con đường thường tình ấy. Đây chính là nguyên tắc mà chính chúng ta gặt hái được kết quả do những hành động của chúng ta. Ngoài ra chúng ta còn đánh thức tâm thức của sự suy nghĩ, chẳng phải gì cả, chẳng phải một lần trong tình thương của tất cả chư Phật trong ba đời cứu vớt chúng ta. Nam Mô A Di Đà Phật. (Dịch xong phần trên ngày 5 tháng 5 năm 2011 tại chùa Hải Đức Jacksonville, Tiểu bang Florida, Hoa Kỳ)

4 Từ ngữ 4.1 Định nghĩa và giải thích A Di Đà: Tiếng Nhật ghép chung hai chữ Phạn gồm: vô lượng quang và vô lượng thọ. A Xà Thế (Ajâtasátru): Theo việc kể lại trong kinh Quán Vô Lượng Thọ thì A Xà Thế nghe lời dụ dỗ của Đề Bà Đạt Đa giam cha mình là vua Tần Bà Sa La vào ngục thất và bỏ đói. Bà mẹ là Vy Đề Hy đã đến ngục và mang đồ ăn thức uống cho chồng mình; nhưng bị cản trở và sau đó cũng bị nhốt vào ngục thất. Từ đó A Xà Thế chuyên quyền tất cả; đây là bắt đầu cho một trong năm trọng tội. Ác đạo: Thế giới của ba đường xấu ác phân chia theo truyền thống. Sự phân chia ấy như là sự tồn tại thực tế, phần khác có hình thức thanh hơn, qua sự diễn tả các thể loại khác khi sống. Ác thú: Ba cõi thấp, theo quan niệm của Phật Giáo thì con người bị sinh vào đó, những nơi ấy là địa ngục, ngạ quỷ và bàng sanh. Thân Loan cũng thường nói đến 5 hình thức tồn tại ở thể thức xấu, gồm cả sự tồn tại của con người và chúng sanh nơi cõi trời. Báo độ: Cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà. Cõi ấy như là kết quả của tất cả những thiện nhơn. Cõi ấy là nơi do pháp thân của Đức A Di Đà tồn tại, mà kết quả là sự giác ngộ cao tột. Ở nơi ấy tín đồ cũng có thể sanh về và họ hoàn toàn từ bỏ tự lực của mình. Báo thân: Là hình tướng của một Đức Phật qua sự thọ nhận của hành động.

290 Từ ngữ

Bát giới: 8 giới hay còn gọi là Bát quan trai giới. Gồm 5 giới căn bản là không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu và thêm 3 giới khác là: xức dầu thơm, thoa hương phấn sáp vào mình; đeo đồ trang sức, múa hát và nghe âm nhạc đều chối từ cũng như không nằm giường cao và chẳng ăn phi thời. Bất hồi hướng hạnh: Qua sự biểu lộ nầy Thân Loan diễn tả về sự niệm Phật để chỉ cho quan điểm của sự giới hạn, qua đó là sự nhận được công đức tự lực và cuối cùng được sanh về Tịnh Độ. Bát nạn: Nói chung là những ai không có cơ hội để gặp Phật và nghe giáo pháp của Ngài gồm các việc như: 1) sanh nơi địa ngục, 2) sanh nơi thế giới ngạ quỷ, 3) sanh vào súc sanh, 4) là sanh nơi cõi trời hay, 5) sanh nơi Trường Thọ Thiên, 6) sống như một người mù, câm, ngọng, 7) sống như người thế trí biện thông và 8) cuộc sống thuộc về trước hoặc sau Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Bất thối, bất thối chuyển: Cấp bậc của vị Bồ Tát, đã thành tựu, không còn sinh vào trong thế giới vô thường nữa. Theo sự chứng minh của Phật Giáo Tịnh Độ về sau nầy thì cấp bậc ấy sẵn sàng đạt được là qua việc niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà. Bình đẳng pháp thân: sự hiện thân của một vị Bồ Tát và khi đạt đến quả vị cuối cùng thì cũng giống như Đức Phật. Bồ Đề Tâm: Tâm

giác ngộ; nghĩa là với tâm thức qua sự tỏ ngộ, những gì đã trải qua sự tỏ ngộ cao cả với tâm thức của một vị Bồ Tát.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 291

Bổn nguyện: Đây là một tư tưởng quen thuộc của Phật Giáo Đại Thừa, là một vị Bồ Tát với lòng từ quảng đại qua sự thệ nguyện của vị ấy. Điều nầy đòi hỏi sự quán chiếu trở lại, để giúp đỡ cho những chúng sanh khác. Trong lời thệ nguyện nầy là sự kết tinh cả về năng lượng, điều mà vị Bồ Tát ấy đặc biệt mong mỏi, lời thệ nguyện tự thể đã trở thành một thực thể. Với Phật Giáo Tịnh Độ ở đây dùng 48 lời nguyện của Pháp Tạng Tỳ kheo, nên gọi là Bổn Nguyện, với Ngài Pháp Nhiên và đặc biệt về sau nầy là Thân Loan thường hay nghĩ đến đặc biệt về lời nguyện thứ 18 nầy. Cầu nguyện Đức Phật A Di Đà: Nam Mô A Di Đà Phật. Chánh định chúng: Đây là một nhóm nhất định được chứng ở điểm cao. Sau kỳ kết tập truyền thống thì nhóm nầy thuộc về cấp bậc cao của sự tái sanh về Tịnh Độ. Theo Thân Loan thì ngược lại, Ngài chỉ tin tưởng nơi lời nguyện của Đức A Di Đà; chỉ trong khoảnh khắc hoàn toàn tái sanh và chắc chắn chứng sự giác ngộ cao nhất. Vì thế, Ngài đã chuyển đổi quan niệm trên, tất cả đều qua sự niệm Phật cũng như tin tưởng nơi lời thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà. Chánh hạnh: Điều nầy theo Thiện Đạo dùng để chỉ về Đức A Di Đà; nghĩa là tên ấy khi giảng, tương đương với chữ viết, sự kính phục Đức A Di Đà, sự cầu nguyện, niệm danh hiệu và xưng tán theo lời nguyện của Ngài. Những người Phật tử khác thực hành rơi vào quan niệm thiểu hạnh (xem tạp hạnh) Chỉ: Sự suy nghĩ dừng lại với tự ngã và đối tượng với điều nầy sẽ đạt được sự thanh tịnh tuyệt đối. Chân như: Biểu lộ của sự thật cao cả có giá trị tuyệt đối.

292 Từ ngữ

Chân thật tín tâm: Chí thành tâm, chí tâm. Đây là một trong 3 tâm và ba tâm ấy là sự tin tưởng chân thật và cũng là điều kiện cần thiết theo Thân Loan để vãng sanh. Chuyên hạnh, chuyên tu: Thực tập và tụng niệm; đây là những việc tập trung để đến mục đích giải thoát nhất định và bỏ tất cả những việc khác. Chuyển luân, chuyển luân vương: Ông vua của thế giới; người ấy mang dấu hiệu tượng trưng cho 32 tướng tốt của Đức Phật và làm chủ trí tuệ to lớn. Công đức: Tương ưng với thuyết về nghiệp là một vận mệnh tích cực ở tương lai phải tương ứng với những hành động tốt được liên hệ với hiện tại. Công đức là kết quả của những việc làm tốt nhất định, với những "năng lượng tích cực" như vậy cũng là một mục đích có thể chuyển qua đã được chọn lựa (Ví dụ như nơi sinh ra tại thế giới của Phật A Di Đà). Do vậy quan niệm ở đây một phần nào đó cũng được dịch là "kết quả của đạo đức" việc nầy theo ý nghĩa từng chữ của tiếng Nhật lại gần gũi hơn. Đại Thánh: Ở đây muốn chỉ sự tôn kính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đại Thừa: Vượt lên các Thừa khác, đây là lý tưởng của Bồ Tát với mục đích cao cả, qua niềm tin; chẳng phải chỉ là tri thức, mà còn giải thoát cho vũ trụ nữa. Thừa ở đây có thể hiểu là lời dạy của Đức Phật cho con người, khiến cho mọi người vượt ra khỏi sự khổ đau của thế giới. Đại Vô Lượng Thọ kinh: Kinh Đại Bản A Di Đà

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 293

Đàn Ba La Mật: Đây là một trong lục độ. Bên cạnh đó có trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Đẳng giác: Cấp bậc thứ 51 trong 52 cấp bậc của Bồ Tát. Vị Bồ Tát nầy đứng trước sự giác ngộ cao nhất và hoàn thành tất cả mọi sự thực hành; với những việc nầy gần tương đương với Phật quả. Đề Bà Đạt Đa: Một người trẻ nguy hiểm đã sát hại Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ông ta đã tìm cách quấy phá và giết hại Đức Phật. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ có cho biết là Ông ta đã xúi Thái Tử A Xà Thế giam cha vào ngục thất và bỏ đói. Dị hành: Dùng để chỉ cho việc niệm Phật. Bởi vì những tín đồ ở đây chẳng dùng tự lực siêng năng của mình để được giác ngộ, mà qua tha lực của Đức Phật A Di Đà mới thành tựu. Nguyên thủy của quan niệm nầy được ảnh hưởng bởi Ngài Thế Thân (Vasubandhu). Ngài muốn làm sáng tỏ điều nầy cho một vị Bồ Tát có thể chọn lựa giữa những sự có thể giác ngộ hoàn toàn do tự lực và người kia thì dựa vào sự giúp đỡ của Đức A Di Đà. Thân Loan chỉ rõ cho sự niệm Phật miên mật ấy như là con đường cho tất cả tín đồ. Di Lặc: Vị Phật trong tương lai. Ngài chờ sự giác ngộ cuối cùng và sau khi Đức Thích Ca Mâu Ni nhập diệt, Ngài đã lên cõi Trời, ở đó chờ đợi 5.670.000.000 năm sau sẽ trở lại thế giới nầy thị hiện làm Phật. Diệt độ: Đây là sự giải thích về danh từ Niết Bàn. Ngôn ngữ Nhật Hán gồm hai từ; chữ đầu có nghĩa là: mất, hạ xuống và chữ thứ 2 có nghĩa là: giải thoát, qua khỏi. Việc qua bờ bên kia là một

hình ảnh chắc chắn của việc thành tựu sự giác ngộ. Niết Bàn cũng luôn luôn có nghĩa là giác ngộ cao, Phật quả. Định thiện, tán thiện: Định thiện được hiểu là sự tập trung tâm thức về Đức Phật hay cõi Tịnh Độ (trong sự chú tâm hoặc cũng là căn bản của tâm). Còn tán thiện chỉ cho những việc làm lành, trong khi con người tiếp tục tạo tác với nhiều mặt trong cuộc đời của họ. Đoạn nầy dịch trên máy bay Thổ Nhĩ Kỳ TK 050 bay từ Istanbul đến Tokyo (ngày 30.5.2011) tham gia cứu trợ động đất và Tsunami tại Nhật Bản đã xảy ra vào ngày 11 tháng 3 năm 2011. Dục sanh: Đây là một trong 3 việc của tín tâm và với điều kiện nầy để được sanh về cõi Tịnh Độ của đức Phật A Di Đà. Đức: Khái niệm nầy ở đây dùng để chỉ với chữ công đức đã được dịch. Trong trường hợp nầy phải để ý rằng đức ấy là sự tự chủ của một sự chuyên chở mạnh mẽ của tính hữu hiệu tích cực, đồng thời chẳng phải nằm ở nghĩa cứng nhắc chủ quan về sự cố gắng của đạo đức. Gandhara: Triều đại tồn tại khoảng năm 140 trước cho đến năm 150 sau Tây lịch ở vùng Pakistan, Afghanistan và Saiyyid. Giới: khả năng vượt qua khỏi những điều xấu xa bởi chính mình. Giới nầy nằm trong nhóm của 4 loại giáo pháp, còn gồm thêm bởi: định, sự nhận thức và sự giải thoát. Và đây là nấc thang giải thoát lúc ban đầu (trước định và sự nhận thức) Hóa độ: Gần như sự thật; đất nước ấy do Đức A Di Đà thiết lập; nhưng chưa hoàn toàn là Tịnh Độ. Theo sự giới thiệu của tín

đồ Phật Giáo theo tông phái mới A Di Đà thì tất cả chưa sẵn sàng tin tưởng hoàn toàn theo lời thệ nguyện của Ngài. Hóa thân: chỉ cho hình dạng của đức Phật và làm sáng tỏ cho chúng sanh ở trong hình tướng tạm bợ nầy và (hóa thân) sẽ giúp đỡ chúng sanh. Ở chừng mực nào đó hóa thân là câu trả lời trực tiếp về vai trò (vị trí) của một chúng sanh. Hóa thân cũng còn gọi là ứng thân. Hoan hỷ địa: Địa phía trước của Thập Địa

thuộc về các vị Bồ Tát. Hoàn tướng hồi hướng: Một hình thức của sự thể hiện về công đức bởi niềm tin của tín hữu đối với lời nguyện của đức Phật A Di Đà và qua đó, kẻ kia có thể đạt đến địa vị cao nhất của Bồ Tát ở cõi Tịnh Độ và hướng lại những chúng sanh khác, đồng thời trở về lại thế giới khổ đau kia, để ở nơi ấy thực hiện cho việc giải thoát vũ trụ. Hoằng nguyện: Đây là một cách nói khác để chỉ cho đức Phật A Di Đà, cũng gọi là Bổn Nguyện, ở đây đặc biệt nhấn mạnh rằng lời thệ nguyện nầy được nghĩ là cho tất cả và đạt đến tất cả mọi chúng sanh. Hoành siêu: Con đường giải thoát qua sự trợ lực của Đức Phật A Di Đà. Thành phần đầu tiên của khái niệm nầy nhấn mạnh về cục diện mà con người chẳng thể tự ra khỏi, mà trên cơ sở do sự tác dụng từ bên ngoài để đạt đến sự giác ngộ, Chữ "siêu" có nghĩa trong trường hợp nầy là đột nhiên vượt lên trên tất cả những chướng ngại, ngược lại với sự chiến thắng liên tục, như qua việc tu khổ hạnh.

296 Từ ngữ

Hồi hướng: theo giáo lý của đạo Phật thì công đức ấy được mang đến một mục đích thánh thiện nhất định, thông thường theo truyền thống của Phật Giáo Tịnh Độ (A Di Đà) thì tất cả những công đức được tập trung lại và hồi hướng về việc vãng sanh đến thế giới Tịnh Độ. Ý tưởng ấy được mở rộng ra với một mục tiêu nhất định và điều ấy cũng có thể là công đức kia hồi hướng đến kẻ khác được. Như vậy có thể hiểu rằng Đức Phật A Di Đà với công đức vô lượng ấy dùng lợi lạc đem đến cho mỗi chúng sanh. Ngài Thân Loan giải thích về sự hồi hướng kia như thế và qua đó, chính là đức Phật A Di Đà mà tín đồ đã hướng công đức ấy về Ngài (ngay cả cho tín đồ nữa). Kim Cang Tâm: Một trạng thái của tâm thức; với tâm ấy không còn bị ảnh hưởng hay chi phối và cứng cỏi trong sáng, không bị chi phối bởi vô thường. Kinh A Di Đà: Tên khác của kinh Tiểu Bản A Di Đà. Lợi ích: Đây là khái niệm không những dùng để chỉ cho công đức mà một Đức Phật hay một vị Tăng sĩ thể hiện được với sự hiện hữu kia, mà còn là kết quả của ân đức ấy và ân đức kia con người được mang đến do lòng nhân từ của chư Phật. Lợi tha nhứt tâm: Với sự diễn tả và được hiểu ở đây là tâm từ bi của Đức A Di Đà; trong đó chứa đựng lời thệ nguyện của Ngài. Thân Loan định nghĩa với một tâm nầy; thế nhưng cũng là niềm tin với Đức Di Đà, bởi vì Ngài cũng gọi chung là "tâm trong tâm" sau khi đã nhận được sự gia hộ của Đức Phật. Lục căn: là những cơ quan như: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý (thức). Từ những nơi nầy liên hệ, tiếp xúc với thế giới, theo cái nhìn của Phật Giáo là sự quay về và sự dính mắc vào chúng.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 297

Lục đạo: Đây là sáu đường có hình tướng, trong đó những chúng sanh có thể bị sanh vào. Chúng gồm những sự hiện hữu của trời, A tu la, người, súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục. Mạt pháp thời đại: Quan điểm nầy thuộc về một dạng tương đương với những thời kỳ khác nhau, trong ấy nơi thị hiện của một vị Phật, dựa theo sự thị hiện Niết Bàn và tiếp tục lệ thuộc vào giáo lý ấy. Tư tưởng nầy ảnh hưởng rất mạnh nơi Ngài Pháp Nhiên. Thời đầu là thời đại chánh pháp; giáo lý tồn tại, thực hành và giác ngộ giải thoát nơi thế giới nầy. Sau 500 năm thì bắt đầu thời kỳ thứ hai. Đó là tượng pháp, trong thời kỳ nầy giáo lý, sự thực hành vẫn còn; tuy vậy con người chẳng thể thành đạo trong

cuộc sống nầy. Thời gian nầy kéo dài 1.000 năm và tiếp theo là thời kỳ mạt pháp. Giáo lý tuy còn; nhưng trong ngu muội và việc thực tập chẳng còn và sau 10.000 năm nầy thì pháp sẽ diệt. Trong thời gian nầy Đức Phật cũng như giáo lý của Ngài không còn tồn tại nữa. Theo tư tưởng của Pháp Nhiên và Thân Loan đã hết thời tượng pháp và bắt đầu thời mạt pháp. Cho nên giáo lý cũng như con đường qua ngõ thiền định và tự lực; đối với hiện tại không còn có ý nghĩa nữa, vì sự thực hành tương tự như thế, con người đã chẳng có thể làm được. Nam Mô A Di Đà Phật: "Cầu nguyện nơi Đức Phật A Di Đà". Đây là thể thức cầu nguyện thông thường của những người theo Tông Tịnh Độ. Trong câu Phật hiệu ấy được nghĩ rằng người tin tưởng vào sự niệm Phật sẽ được sự trợ lực của Đức Phật A Di Đà qua sự quy kính, như Ngài đã phát ra lời thệ nguyện ấy. Nan hạnh: Quan niệm nầy dùng để chỉ cho những người thực hành của Tịnh Độ Tông, họ thường tự lực để giải thoát, trong khi

việc dễ làm là tin tưởng cầu nguyện đức A Di Đà, với lực của Ngài có thể giải thoát được. Nan tư nghì vãng sanh: sự vãng sanh về Tịnh Độ qua lời nguyện căn bản thứ 18 của Đức Phật A Di Đà. Nan tư vãng sanh: Theo Ngài Thân Loan thì sự vãng sanh nầy theo lời nguyện thứ 20. Nghĩa là tích tụ công đức qua việc niệm danh hiệu Phật. Sự niệm Phật ấy theo Thân Loan chỉ ở bên cạnh của Tịnh Độ, bởi vì công đức ấy chính họ chưa đầy đủ. Ngũ ấm, ngũ uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Đây là sự phân tích theo Phật Giáo về con người. Ngũ chúng: Đây là 5 loại được tạo nên nơi con người gồm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Những điều nầy giúp cho sự ước muốn và lòng dục của con người; chính chúng đã mang con người vào thế giới sanh tử. Ngũ dục: tham muốn về sắc, thanh, hương, vị và xúc. Ngũ giới: Năm giới căn bản của người Phật tử. Đó là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không dùng những chất say. Ngũ nghịch: Giết cha, giết mẹ, sát hại một vị A La Hán, phá hòa hợp Tăng và làm cho thân Phật ra máu. Ngu ngốc: chỉ cho chính Ngài Thân Loan nhằm nhấn mạnh rằng Ngài không có thể tự phát sinh trí tuệ hoặc làm chủ được sự giác ngộ. Ngu nghĩa là đần độn, thiếu hiểu biết. Với điều nầy chính Thân Loan đã phân biệt với bậc trí của Phật Giáo và phân loại thành loại bình thường cũng như những chúng sanh không giác ngộ. Chữ nầy cũng còn có nghĩa đặc biệt nhấn mạnh hơn,

bởi vì một sự thông minh nhất định với chiếc đầu tròn đã là một dấu hiệu của một kẻ bị lưu đày. Ở đây cần nên để ý rằng Thân Loan đã phải sống trong thời điểm lâu dài trong một hoàn cảnh bị lưu đày và với Ông không được thừa nhận là một Tăng sĩ. Thân Loan đã dùng qua tên nầy cũng là một sự nhấn mạnh rằng Ông ta dựa theo cái nhìn của Thầy Ông, cũng đã chẳng phải tự mình chứng ngộ khác hơn. Tuy nhiên cũng là cấp bậc đồng đẳng như những cấp khác, với những ai tin tưởng Đức Di Đà. Ngũ thông: Thần thông với trạng thái trí tuệ đầy đủ, còn có nghĩa là nhớ lại tất cả những kiếp trong quá khứ; tất cả đều nghe được, thấy được, suy nghĩ khi đọc và có thể biến hóa được. Ngũ thú: Trong những thế giới nầy; chúng sanh còn bị vòng luân hồi chi phối. Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và người cũng như Trời. Ngũ trược: Dơ nhớp, tệ hại là tình

trạng của hầu như của thế giới gặp phải và là khoảng cách thời gian để một Đức Phật vào đời. Gồm những hình thức dơ bẩn của thế giới bên ngoài như: (thiên tai, đói khát v.v...) và sự dơ nhớp ấy là trạng thái của sự nhận thức, đạo đức, vật lý cũng như thể chất của con người, đồng thời cũng để chỉ cho cảm giác của cuộc sống liên hệ với cuộc đời của họ. Nhị thừa: Đây thuộc hai con đường của Tiểu Thừa để đi đến sự giác ngộ trực tiếp qua sự nghe giảng dạy của đức Phật và qua sự phá vỡ các đẳng cấp của tất cả những nghiệp xấu ác. Nhơn vị: Là thời gian mà Đức Phật A Di Đà phát ra lời thệ nguyện trong kinh Đại Bản A Di Đà, lúc Ngài còn là Pháp Tạng

300 Từ ngữ

Tỳ Kheo (Bồ Tát). Ngài có thể cứu vớt chúng sanh để về cảnh giới của Ngài qua 48 lời nguyện cách đây khoảng 5 kiếp; như là phương tiện tốt đẹp nhất cho mục đích nầy. Như Lai: (Tathâgata) Đây là một trong những danh xưng tôn kính Đức Phật. Như Lai nghĩa là: như thế ấy, như là. Và để chứng minh về điều ấy, đức Phật đã tự làm chủ cho phần giác ngộ sau cùng cao tột nhất và như thế sẽ chẳng còn rơi vào sanh tử nữa. Nhứt như: Dùng để chỉ cho sự tuyệt đối, sự chân thật cao cả. Nhứt niệm: Trong nầy chữ niệm cũng đồng nghĩa trong việc niệm Phật; theo Thân Loan là một niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà Nhứt tâm: Một khái niệm để chỉ cho trạng thái thanh tịnh của tâm, tâm ấy vượt lên trên sự chân thật tuyệt đối. Theo Thân Loan là niệm cảm ơn về việc mang đến niềm tin qua tâm thức của Đức A Di Đà, ngay cả tâm thức của Đức Phật cũng như tâm của những tín đồ, mà họ là những người hoàn toàn tin tưởng về Ngài. Nhứt thừa: Nhấn mạnh đến giáo lý cao thâm, khó nắm bắt được. Đối với Ngài Thân Loan thì việc niệm danh hiệu Phật A Di Đà là ý niệm căn bản theo lời thệ nguyện thứ 18 của Ngài. Niệm Phật: Nguyên thủy có nghĩa là: quán niệm niệm Phật; như trong những bài được trích dẫn thường được dùng như là: thinh niệm niệm Phật. Niết Bàn: Trạng thái của người đạt được sự giác ngộ cao nhất. 1/ Phạm vi của chúng sanh có thân thể và tình thức (Dục giới) 2/ Phạm vi của chúng sanh có thân thể nhẹ nhàng (Sắc giới)

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 301

3/ Phạm vi của chúng sanh không có thân thể (Vô sắc giới) Pháp: Khái niệm nầy có thể dùng để chỉ cho những sự thật toàn hảo, tư cách đứng đắn của tất cả sự hiện hữu và trong pháp ấy ở đây cũng chỉ cho đối tượng của sự hiện hữu ấy nữa. Pháp Tạng Bồ Tát: Tên của Đức Phật A Di Đà khi Ngài còn là vị Bồ Tát ở kiếp cuối cùng dưới thời Đức Thế Tự Tại Vương Như Lai. Ngài đã phát ra 48 lời thệ nguyện trong kinh Đại Bản A Di Đà (Vô Lượng Thọ kinh) như là một con đường bao la cho việc giải thoát. Pháp tánh: sự thật và là định luận của mọi sự kiện. Pháp thân: Đức Phật như là sự hiện thân của chân lý tối hậu. Phát nguyện hồi hướng: Ở đây Thân Loan muốn chứng minh và diễn tả rằng Đức Phật A Di Đà qua những lời thệ nguyện của Ngài cùng với tất cả những công đức kia đã sẵn trao cho tín đồ và với điều ấy sự vãng sanh về Tịnh Độ cũng đã sẵn có giá trị. Phổ Hiền Bồ Tát: Vị Bồ Tát đã được nói đến giống như vị Phật có đức hạnh. Hạnh nguyện đặc biệt của Ngài, theo Thân Loan luôn luôn nhắc đến, là trở lại thế giới tội lỗi nầy để cứu độ chúng sanh. Phương tiện: Với khái niệm được hiểu rằng: Đức Phật đã dùng giả danh để dạy, mà nội dung chẳng phải chẳng trực tiếp đi vào sự thật. Tuy

nhiên những lời dạy ấy qua giáo lý giả danh để tiếp tục con đường. Sự giới thiệu nầy giúp cho giáo lý của Đại Thừa về sau nầy, công khai ngược lại giữa giáo lý cao cả và những lời dạy khác của Đức Phật.

302 Từ ngữ

Phương tiện pháp thân: Đây là sự trái ngược lại với pháp tánh bình đẳng. Việc nầy khế hợp với hình thức của thế gian tội lỗi nầy qua pháp thân phi vật chất. Quán: Nhìn vào sự vật, phải thấy vật ấy là thực thể và tất cả qua sự gạn lọc. Quán Âm, Quán Thế Âm: Một vị Bồ Tát, dịch theo chữ của tên là "nghe tiếng kêu của thế giới". Trong kinh Pháp Hoa diễn tả rằng: như vị Bồ Tát nầy mau cứu tất cả, sau tiếng gọi Ngài. Ngài được biết là vị trợ thủ của Đức Phật A Di Đà ở cõi Tịnh Độ. Quán kinh: Đây là chữ viết tắt của kinh Quán Vô Lượng Thọ. Sanh tử hải: Nói chung tất cả những thế giới và hình thức tồn tại, mà chúng bị bủa vây bởi vòng luân hồi. Sơ quả: Đây là một trong bốn bậc thang giác ngộ. Ở trong ấy chấm dứt những tư hoặc và mở mắt ra với sự chân thật. Tam Bảo: Phật, Pháp và Tăng Tam bối: Trong kinh Đại Bản A Di Đà (Vô Lượng Thọ) có chỉ dẫn về 3 cấp bậc khác nhau của việc vãng sanh gồm 3 phần chính và chín tầng. Thượng phẩm dành cho những vị Tăng sĩ và những vị thực hành Bồ Tát hạnh. Trung phẩm dành cho những người không sống hoàn toàn cho đời sống Tôn Giáo; nhưng họ làm lành, đạo đức, đồng thời tin theo bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà. Cuối cùng là hạ phẩm gồm những người được giác ngộ theo lời nguyện của Đức Phật A Di Đà; thế nhưng không thể tự mình thực hiện được. Tam độc: Tham, sân và si

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 303

Tam giới, tam hữu: Ở đây muốn nói về trạng thái hoặc vật chất của chúng sanh như: Tam nghiệp: là những hành động về sự suy nghĩ, lời nói và việc làm. Tam nhẫn: Hỷ, định và niệm trong niềm tin (vui vẻ, giác ngộ và chắc chắn). Tam phước: Nói chung là: kết quả về đạo đức trong xã hội; thực hành giới luật của Tôn Giáo và thể hiện tinh thần của một vị Bồ Tát; theo tín ngưỡng Di Đà gồm 3 điểm như sau: Tôn trọng cha mẹ; quy hướng về Tam Bảo và nguyện sanh về Tịnh Độ. Tam tâm: Ba điều căn bản của tâm, được biết như là những niềm tin chân thật. Đó là: Tâm chí thành, chân tâm và tâm phát nguyện vãng sanh. Ba tâm nầy là những tâm căn bản trong kinh Vô Lượng Thọ, như là điều kiện để được sanh về thế giới của Đức Phật A Di Đà. Trong khi theo giáo lý Tịnh Độ cũ thì điều kiện để được vãng sanh là phải cần đầy đủ sự cố gắng, thế nhưng theo Pháp Nhiên và Thân Loan thì chỉ cần tin tưởng vào Đức Di Đà là đủ. Đồng thời theo Thân Loan, cuối cùng chính mình phải niệm ân Đức Di Đà. Vì thế tâm phát nguyện vãng sanh (tâm hồi hướng) ấy chính là sự giao phó cho niềm tin qua bổn nguyện của Đức A Di Đà để được sanh về Tịnh Độ. Tam Tạng: Tập hợp lại tất cả những văn tự có uy tín. Ba giỏ ấy gồm có Kinh, Luật và Luận. Tam thập nhị tướng: 32 tướng tốt, qua đó để thấy sự khác biệt giữa con người bình thường và một vị Phật. Tam thế: Quá khứ, hiện tại và vị lai

304 Từ ngữ

Tam thừa: Ba con đường truyền thống đi đến sự giác ngộ: gồm có Thanh Văn Thừa là con đường hay nghe biết; những người nầy do nghe lời giáo huấn của Đức Phật được giác ngộ. Duyên Giác Thừa (pratyeka – Buddha) nghĩa là nghiệp lực tốt hơn để chính họ tự mang lại sự giác ngộ cho mình và Bồ Tát Thừa là con đường giải thoát rộng lớn cho tất cả chúng sanh. Tam tín tâm: Gồm chân thật tín tâm, tín lạc (nhạo) và dục sanh. Theo Thân Loan thì cả ba nầy là một. Theo Ngài định nghĩa tam tâm ấy là một tâm và tâm ấy chính là kim cang tâm. Tạp hạnh, tạp tu: những lễ nghi và sự hành trì không tập trung vào sự vãng sanh theo lời nguyện của đức Phật A Di Đà. Có nơi còn dịch là làm sai sự thật, thực hành sai sự thật. Thực hành nghi lễ và không tập trung vào lời thệ nguyện của đức Phật A Di Đà. Dịch nghĩa khác là làm trộn lẫn, thực hành không đúng cách. Tha lực: Ngược lại với niềm tin tự lực qua sự cứu giúp của Đức Phật A Di Đà mà lúc ấy theo Ngài Thân Loan là giúp cho được giải thoát và còn chính mình tạ ân nơi niềm tin tưởng Đức A Di Đà nữa. Đây là một phương pháp hướng dẫn có kết quả tuyệt đối qua tha lực, là giáo lý đặc biệt và mới mẻ của Thân Loan. Thai sanh biên địa: là một hình thức không tự nhiên có, để chuẩn bị cho việc vãng sanh về Tịnh Độ, như là ở nơi thai tạng của việc sanh ra trong đời nầy. Trong khi theo truyền thống thì họ được sanh ra tại đó, những chúng sanh ấy có cuộc đời tội lỗi sai quấy, chưa đúng với vị trí đầy đủ thánh thiện. Việc nầy theo Thân

Loan cũng tin rằng tìm con đường giải thoát cho họ; những người nầy vì thế, chính họ chỉ có thể sanh về nơi biên địa của Tịnh Độ. Thâm tâm: Theo Thân Loan thì điều nầy đồng ý nghĩa với nhất tâm. Thánh đạo, Thánh đạo môn: Trong Phật Giáo Tịnh Độ là dấu hiệu để chỉ cho tất cả con đường đi đến sự giác ngộ và trên sự cố gắng tự thể của con người được an lạc. Thập ác: Đây gồm có: sự giết hại sinh mạng của chúng sanh, trộm, cướp, tà dâm, nói lời không thật, nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói xuyên tạc (ác khẩu), tham, sân và si. Ở đây rõ ràng dựa vào thân thể, lời nói và hành động của ý để nhận biết, những điều nầy trong Phật giáo có nghĩa là ba phạm vi có ảnh hưởng đến đạo đức. Thập thiện giới: đã nói trong 10 hành động lành. Thật tướng: Diễn tả về sự thật cao cả tột bực, tuyệt đối, Niết Bàn. Thích Ca Mâu Ni: Đức Phật lịch sử sinh ra khoảng 450 đến 370 năm trước Dương Lịch. Thiện Thệ: Là một trong 10 danh hiệu của Đức Phật lịch sử; nghĩa là vị nầy chưa bao giờ rơi vào trong thế giới sai quấy cả. Thừa: Như trong cuộc sống khổ đau theo Phật Giáo, thường bị lặn hụp trong biển sanh tử; cho nên giáo pháp của Đức Phật tượng trưng cho một chiếc xe; với xe ấy có thể vượt qua khỏi biển. Tương ưng với việc nầy vẫn thường gọi Đức Phật là vị "ở bờ bên kia". (So sánh Đại Thừa và Tiểu Thừa).

306 Từ ngữ

Tiểu Thừa: Đây dùng để chỉ cho truyền thống Thượng Tọa Bộ, truyền thống ấy qua sự giác ngộ tự thân, sau khi thành lập Đại Thừa thì việc tự giác ngộ còn rộng lớn hơn như thế nữa. Tín nhạo: Đây là một trong 3 tín tâm, tâm ấy chắc chắn tin tưởng nơi Đức A Di Đà và cảm nhận kết quả tự tại của sự hạnh phúc an lạc. Tịnh Độ: Nói chung là cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà theo như những bản văn được dịch ở đây, trong ấy tất cả

đều tin tưởng Ngài để có thể đạt được giác ngộ. Trợ hạnh: Theo Thân Loan đây là 4 trong 5 loại thuộc về chánh hạnh. Đó là chữ viết, thiền định, cầu nguyện và hòa tán. Việc nầy vì thế đóng vai trò nổi bật của sự niệm Phật và với Thân Loan chữ nghĩa sẽ làm trở ngại. Tứ an lạc hạnh: Hạnh ở đây có nghĩa là sự tương ưng dẫn đến trạng thái an lạc của tâm thức. Việc nầy nối kết với 4 lãnh vực của hành động, lời nói, sự đánh giá và ý muốn. Nơi ấy đều chẳng giữ lại tham, ghen ghét, sự kiêu hãnh và sự ganh tị và tâm kia an ổn như chẳng hề thiên vị với lòng nhân đức mà còn tương ưng nữa. (hãy xem phẩm 14 của Kinh Pháp Hoa) Tứ bạo lưu: Một là dòng của sự tham dục. Nghĩa là với sự mưu mô quỷ quyệt của sự khổ đau. Hai là dòng của sự tồn tại, việc nầy kéo dài sự đánh lừa thể theo sự tồn tại của một cõi. Thứ ba là dòng của quan điểm, mà sự trói buộc ở trong tự thể, nhằm để tự bảo vệ cho cái ta. Bốn là dòng của vô minh, việc nầy chính là sự vô minh đóng con mắt lại, trước trí tuệ của chư Phật.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 307

Từ bi: Danh từ nầy nối liền với hai từ của chữ Ấn Độ là maitri (nghĩa là chiếu rọi tình thương, việc năng động để cứu giúp bạn bè khác) và karuna (tức là lòng thương) dùng để chỉ cho những hành động và tư tưởng đạo đức và đây chính là trung tâm luân lý của Phật Giáo Đại Thừa. Tứ đại: Đất, nước, lửa, gió, không khí. Tứ sanh: Đây chính là bốn hình thức của sự sanh: sự sanh ra từ bụng của người mẹ, sự sinh ra từ trứng, sự sinh ở dưới nước, ví dụ như trứng cá và sự sinh bằng sự biến hóa trong một thế giới siêu việt, ví dụ như là trong sự ảo tưởng hay giấc mộng. Tứ trọng: những hành động đặc biệt trái lại với bổn phận của người đệ tử đối với giáo lý của Đạo Phật, đó là sát sanh, trộm cướp, tà dâm và thấy biết sai quấy. Tứ tu: Đây là bốn việc thực tập lâu dài không gián đoạn với đầy sự cung kính và hoàn toàn không còn sót lại sự giao tiếp, thực hành sự cầu nguyện lễ bái như trong hình thức cũ về lễ nghi của Phật Giáo Tịnh Độ (A Di Đà). Tứ y: những điều mà đệ tử của đức Phật sau khi viên tịch cần phải giữ gìn: Đó là y vào pháp (không nương theo người dạy), y vào ý nghĩa (không nương theo lời nói), y vào trí (không nương theo sự hiểu biết phải trái đúng sai) và nương vào giáo lý cao thượng trong sạch để hiểu. Tuyển trạch bổn nguyện: là lời nguyện thứ 18 của đức Phật A Di Đà, theo sự giản lược của Ngài Pháp Nhiên và Ngài Thân Loan về sự thực hành pháp môn Niệm Phật. Đặc biệt là tuyển trạch chọn cho con đường giải thoát cả vũ trụ.

308 Từ ngữ

Uế độ: Tên khác của thế giới vô thường, trong ấy những chúng sanh nhìn thấy sai về sự trói buộc, mà nguyên nhân chính là sự khổ đau. Ứng thân: Dùng để chỉ hình tướng của một Đức Phật, để cuối cùng là giúp cho chúng sanh và hợp với những vị trí khác. Vãng sanh: Tái sanh về cảnh giới Cực Lạc. Vãng tướng hồi hướng: Việc nầy theo Thân Loan suy nghĩ là những người đầy đủ công đức có thể sanh về cảnh Tịnh Độ theo lời thệ nguyện của Đức Di Đà. Vi Đề Hy: là hình ảnh chính của Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Bà là mẹ của vua A Xà Thế; người đã nghe lời dụ dỗ của Đề Bà Đạt Đa đã giam cha mình vào ngục thất. Qua sự thỉnh cầu của Bà, Đức Phật đã làm sáng tỏ trong kinh nầy về những trí tuệ khác nhau của việc tưởng nhớ đến thế giới Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà . Là một mệnh phụ không có khả năng làm chủ tâm mình được, mà những gì đã xảy ra

trong đời thường đã không được trợ giúp gì cả và kinh nầy đã được giới thiệu cho Bà để làm gương mẫu cho con người và được chuyển qua lời thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà. Bà đã được Đức Phật thuyết pháp và qua đó những hình ảnh đã được chiếu sáng, đồng chứng vào cảnh giới Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà và Bà đã được giải thoát khỏi khổ đau. Vô minh: Được hiểu là tối tăm, nằm trong ý nghĩa luôn luôn mờ mịt. Vô minh theo Phật Giáo là chẳng rõ biết xấu hổ; ngoài ra cũng còn nghĩa khác là nguyên nhân của thế giới bị vây bủa bởi khổ đau. Vô minh ám: Màn vô minh.

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 309

Vô vi: Đây là dấu hiệu dùng để chỉ cho trạng thái giác ngộ, nhập Niết Bàn.
Xiển Đề, nhứt Xiển Đề: con người bị quên đi, chẳng có việc gì tốt, để giác ngộ cho cái nghiệp cũ; hoặc giả kẻ ấy chẳng một lần ước vọng ít nhất là được giác ngộ.
4.2 Danh từ và tước hiệu (tuyển chọn)
Ajatasatru: A Xà Thế
Amida: A Di Đà
Amitayur-dhyana-sutra: Kinh Quán Vô Lượng Thọ
Ananda: A Nan
An lo ji: An lạc tập
Avalokitesvara: Quán Âm, Quán Thế Âm
Avatamsaka Sutra: Kim Hoa Nghiêm
Bosatsuschotaikyo: Kinh Bồ Tát Xứ Thai
Dao Chua: Đạo Xước
Ennin: Viên Nhơn
Fa shi Zan: Pháp sự tán
Fa zhao: Pháp Chiêu
Genku: Nguyên Không
Genshin: Nguyên Tín
Dai Muryojukyo: Kinh Đại Vô Lượng Thọ
310 Từ ngữ

Guan wu liang shou jing si tie shu: Kinh Quán Vô Lượng
Thọ Tứ Thiếp sớ
Honen: Pháp Nhiên
Huai gan: Hoài Cảm
Ichiamidabutsu: Nhứt A Di Đà Phật
Ichimaikishomon: một tờ khởi thỉnh văn
Ippen: Nhứt Biến
Ippen shonin goroku: Ngữ lục Nhứt Biến thượng nhơn
Jing to lun zhu: Tịnh Độ luận chú
Jodo Koso wasan: Tịnh Độ Cao Tăng hòa tán
Kengokyo: Kinh hiền kiếp

Amida-kyo; Sukhavati Vyuha Sutra: Kinh Di Đà
Kogan: Hưng Nguyện
Kujo no Kanezane: Cửu Điều Kiêm Thật
Kukai: Không Hải
Kuya: Không Dã
Kyogo: Cảnh Hưng
Kyogyoshinsho: Giáo, Hạnh, Tín, Chứng. Nói cho đủ là; Hiển Tịnh Độ Chân Thật, giáo hạnh chứng văn loại.
Lokesvara-raja: Thế Tự Tại Vương Phật
Mahasthamaprapta: Đại Thế Chí Bồ Tát
Mahayanayraddhotpaday Sastra: Đại Thừa Khởi Tín Luận
Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 311

Maitreya: Di Lặc
Membutsubo: Niệm Phật Phòng
Ninokyo: Kinh Nhơn Vương hay còn gọi: Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa.
Ojoyoshu: Vãng sanh yếu Tập
Prajna Paramita Sutra: Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa
Rennyo: Liên Như
Ryonin: Lương Nhẫn
Saicho: Tối Trừng
Samantabhadra: Phổ Hiền Bồ Tát
Sanbukyotaì: Kinh Tam Bộ Đại Ý
Seikaku: Thánh Giác
Seikanbo: Thệ Quán Phòng
Senchaku Hogan Nembutsu Shu: Tuyển trạch bổn nguyện Niệm Phật tập.
Senjusho: Soạn tập sao
Shakku: Trác Không = Thân Loan
Shan Dao: Thiện Đạo
Shinnen Shonin: Chân Duyên Thượng Nhơn
Shinran: Thân Loan
Shokai: Thánh Giới
312 Từ ngữ

Sukhavati Vyuhopasdesa: Tịnh Độ Luận
Tan Luan: Đàm Loan
Tannisho: Thán Dị Sao
To no Ben: Đầu Biện
Tsukinowadono Kanezane: Nguyệt Luân Điện Kiêm Thật

Vaidehi: Vi Đề, Vi Đề Hy
Vasubandhu: Thiên Thân, Thế Thân
Wang Sheng li zan: Vãng sanh lễ tán
Wan shen lun shu: Vãng sanh luận chú
Wu hui fa shi zan: Ngũ hội pháp sự tán
Xuang Tong: Huyền Thông
Yuien: Duy Viên
Yuishinsho: Duy Tín Sao
Yuishinshomoni: Duy Tín Sao Văn Ý
Yung Minh Yan Shou: Vĩnh Minh Diên Thọ
Zenran: Thiện Loan
Zenshin: Thiện Tín
Dịch xong phần trên vào ngày 26 tháng 7 năm 2011 tại
Wieselburg Áo quốc, nhân khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 23 tổ chức từ ngày 22 đến 31 tháng 7 nằm 2011.

5 Lời cuối sách Năm 2010 tôi và Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng dịch chung quyển sách tiếng Anh nhan đề là: “Peaceful Death and Joyful Rebirth” (Chết An Lạc, Tái Sanh Hoan Hỷ) của Đại Sư Tulku Thondrop người Tây Tạng, hiện Ngài đang ở Hoa Kỳ. Sách dày trên 500 trang và được ấn tống 5.000 cuốn vào năm 2011 nầy. Đây là một tập sách giới thiệu qua cách tu của phái Nijma (Cổ Mật) của Phật Giáo Tây Tạng về Tông Tịnh Độ và đặc biệt nói về trung ấm thân (Bardo) cũng như việc chuyển di tâm thức (Phowa). Đến năm nay (2011) tôi dịch tác phẩm thứ 59 nầy từ tiếng Đức sang tiếng Việt, có tham cứu thêm những bản văn gốc bằng tiếng Nhật để đối chiếu khi dịch. Ban đầu tôi định dịch những tác phẩm nghiên cứu về Tịnh Độ bằng tiếng Đức của người Âu Mỹ; nhưng sau khi đọc lướt qua hai, ba tác phẩm của Schumann, tôi thấy phần Tịnh Độ ít được đề cập đến, mà chữ Pali và Sanskrit thì quá nhiều; nên tôi đã không dịch. Vì lẽ hai ngôn ngữ nầy không phải là chuyên môn của mình. Sau đó Thầy Hạnh Giả, đệ tử xuất gia của tôi, đang dạy môn Phật Học tại Đại học Hannover (Đức) cho các sinh viên người Đức, trao cho tôi quyển “Quellen Texts des Japanischen Amida Buddhismus” của Christian Steinecke để dịch ra tiếng Việt. Đầu tiên tôi đọc nhan đề quyển sách và lần vào mục lục cũng như những trang chú thích sau cùng, cảm thấy rất hợp ý với mình. Vì từ ngữ đa phần được tác giả chuyển dịch từ tiếng Nhật qua Đức ngữ. Bây giờ tôi chuyển sang Việt ngữ từ Đức ngữ, có lẽ tương đối dễ dàng cho tôi hơn. Vì một phần những bài kinh

và những bản văn của các vị Tổ sư Tịnh Độ đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác rồi. Do vậy tôi an tâm để bắt đầu đọc qua một lượt từ ngày 22 tháng 2 năm 2011 để chuẩn bị cho việc dịch thuật nầy. Từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2011 chúng tôi đi Hoằng Pháp tại Hoa Kỳ và tác phẩm nầy cũng đã được dịch cũng như giảng tại đó. Tuy đầu đề là: “Những bản văn chính yếu của Phật Giáo Tịnh Độ (A Di Đà) Nhật Bản”; nhưng tôi đã

trích phần "Thán Dị Sao" của Ngài Duy Viên, đệ tử của Ngài Thân Loan để giảng giải trước. Vì tư tưởng của Ngài Thân Loan về Tịnh Độ đã được đệ tử của mình ghi chép và trình bày lại vào thế kỷ thứ 13 rất rõ ràng. Đến ngày 5 tháng 9 năm 2011 thì tác phẩm bằng tiếng Đức nầy dày 222 trang khổ A4 đã được dịch xong tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover Đức quốc, thành 400 trang viết tay cũng khổ A4. Sau khi in thành sách khổ A5, chắc sách nầy cũng không dưới 300 trang. Một dịch phẩm nói về Tịnh Độ bằng tiếng Đức, lại do người Đức dịch và bình chú, quả là điều mới lạ đối với bản thân tôi và có lẽ đối với các độc giả cũng vậy. Tôi ở liên tục tại Đức từ năm 1977 đến năm 2011 nầy là 34 năm; nhưng tiếng Đức không là một ngôn ngữ dễ đối với người ngoại quốc. Ngôn ngữ nầy chỉ dễ hơn tiếng Nga; nhưng khó gấp 3 lần tiếng Anh và khó gấp 2 lần tiếng Pháp. Chỉ trừ những người sinh ra tại Đức và tốt nghiệp từ Tiểu Học đến Trung Học và Đại Học thì mới có khả năng nói, viết, đọc và nghe tiếng Đức ít lầm lỗi. Còn đa phần người ngoại quốc ở tại Đức chẳng ai dám khoe mình là rành tiếng Đức như người Đức. Trong khi đó ở Pháp, Canada, Hoa Kỳ hay Úc châu nhiều người Việt Nam có thể tự

hãnh diện về khả năng nói tiếng Pháp hay tiếng Anh của mình, nhưng ở Đức thì ngược lại. Tôi cũng không ra khỏi thông lệ đó. Hơn 34 năm ở Đức; nhưng khả năng tiếng Đức của tôi không bằng tiếng Nhật, mặc dầu tôi ở Nhật không nhiều, chỉ hơn 5 năm thôi. Tôi chẳng biết tại sao; có lẽ vì lớn tuổi học khó vô; nhưng lý do chính, tiếng Đức vẫn là ngôn ngữ khó hơn cả tiếng Nhật và tiếng Hoa nữa. Do vậy dịch phẩm nầy tôi cũng rất thận trọng. Sau khi dịch xong, đã đọc đi đọc lại hai lần và nhờ Thầy Phổ Huân cũng như Sư cô Giác Anh và một vài Phật tử tại Pháp Bảo (Úc) đánh máy, tôi xem lại một lần nữa trước khi gởi về Đức cho quý Thầy đệ tử của tôi đối chiếu qua câu văn tiếng Đức, để tránh sự lầm lẫn đáng tiếc có thể do cách dịch gây ra. Thận trọng như vậy; nhưng chắc chắn rằng sau khi in thành sách vẫn còn lỗi. Điều ấy xin các vị cao minh chỉ vẽ cho. Dịch giả xin đa tạ. Từ năm 2003 đến năm 2011 là 9 năm, tôi đã có mặt tại Đa Bảo, Úc Đại Lợi để tịnh tu và dịch kinh, viết sách. Trong 8 năm đầu, tôi đã ở Đa Bảo tại vùng Campelltown cách Sydney độ 40 cây số. Hai năm đầu tôi dịch hai tác phẩm bằng chữ Hán từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh ra tiếng Việt; 5 năm sau dịch 5 tác phẩm bằng chữ Nhật và năm thứ 8 dịch tác phẩm bằng tiếng Anh. Đến năm thứ 9 nầy tôi đã thay đổi địa điểm, vì Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Phương Trượng chùa Pháp Bảo cùng Tăng Ni và quý Phật Tử đã di dời Đa Bảo về vùng núi đồi Blue Mountains nầy cách xa Pháp Bảo độ 2 tiếng đồng hồ đi bằng xe hơi. Nơi đây thật yên tỉnh và cảnh quan quá đẹp mắt để tôi có thể hoàn thành dịch phẩm nầy. Đến năm thứ 10 (2012) và cũng là lần thứ 2 tại

Đa Bảo mới nầy, tôi sẽ cố gắng hoàn thành một dịch phẩm bằng Hán Văn ra Việt ngữ, cũng như viết chung một tác phẩm bằng tiếng Việt với Hòa Thượng Thích Bảo Lạc để trọn vẹn 10 năm đến Úc tịnh tu như đã phát nguyện. Tịnh Độ vốn là pháp môn tu căn bản của tôi ngoài tu thiền; nên tôi đã chú tâm về cách tu nầy theo các bậc Tổ Sư đã khai sáng. Từ Ngài Long Thọ, Thế Thân (Ấn Độ) đến Ngài Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo (Trung Hoa) và Pháp Nhiên, Thân Loan (Nhật Bản); hoặc các Ngài Đàm Hoằng, Thiền

Tâm (Việt Nam), Ngài Thánh Nghiêm (Đài Loan) v.v... Tất cả cũng đều quy về ba kinh Tịnh Độ và 4 cảnh giới Tịnh Độ như: Thường Tịch Quang Tịnh Độ Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ Riêng Ngài Thánh Nghiêm, Người Đài Loan ở vào cuối thế kỷ thứ 20; đầu thế kỷ thứ 21 Ngài cũng chủ trương có 4 cảnh giới Tịnh Độ. Đó là: Nhơn gian Tịnh Độ Thiên quốc Tịnh Độ Phật quốc Tịnh Độ Tự tâm Tịnh Độ Tịnh Độ mà Ngài Thánh Nghiêm trải qua, dưới cái nhìn của một Thiền Sư thuộc Lâm Tế và Tào Động, nó cũng gần giống với

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 317

tư tưởng của Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền Sư (Trung Hoa) vào đời nhà Đường về tư tưởng của Thiền Tịnh song tu. Tôi đã bắt gặp và kinh qua tư tưởng Tịnh Độ của Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Tây Tạng, Âu Mỹ; nên tôi vững tin rằng: giáo lý ấy do Đức Thích Ca Mâu Ni nói ra là giáo lý chân thật và các vị Tổ, chính là những người đã khai sáng và hiển thị rõ ràng giáo nghĩa của Tịnh Độ. Đây là một món ăn tinh thần quá tuyệt diệu, tại sao trong đời mạt pháp nầy vẫn có người còn nghi ngờ và còn phải mất công đi kiếm những pháp môn khác để tu? Do vậy sau khi dịch phẩm nầy xong, tôi sẽ hoàn thành quyển "Tư tưởng Tịnh Độ Tông" để đi sâu vào giáo nghĩa nầy, nhằm xiển dương Tông Tịnh Độ cho những ai muốn thực hành đến, nhất là những người Phật tử Việt Nam đang tu theo pháp môn nầy. Quả thật chữ nghĩa có giới hạn; nhưng niềm tin thì vô cùng. Do vậy với niềm tin ấy, ai ai cũng có thể vãng sanh về Tịnh Độ, nếu chúng ta quyết tâm hạ thủ công phu qua câu Phật hiệu: Nam Mô A Di Đà Phật bằng tiếng Việt Nam Mo Amida Butsu bằng tiếng Nhật Nam Mo A Mi Ta Fo bằng tiếng Hoa Namo Amidha Buddha bằng tiếng Phạn Và dĩ nhiên tiếng Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha v.v...vẫn dùng nguyên âm của tiếng Phạn để trì tụng danh hiệu vị Phật Vô Lượng Quang nầy.

318 Lời cuối sách

Xin niệm ân tất cả những thiện hữu tri thức gần xa; những người Phật tử đã nhiệt tâm đóng góp để ấn tống sách nầy, nhằm loan truyền giáo pháp của Đức Phật, vốn đã có tự ngàn xưa và đây là một công đức không nhỏ. Nếu không có người đọc sách, người phát tâm cúng dường in ấn kinh sách thì bản cảo nầy vẫn còn nằm yên nơi bàn viết. Công đức nầy dịch giả xin hồi hướng đến tất cả pháp giới chúng sanh và xin nguyện cầu tất cả đều trọn thành Phật Đạo. Ngoài ra dịch giả cũng xin niệm ơn Phật Tử Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, là một đệ tử thuần thành và đã đi du học ở Đức từ năm 1969. Hơn 40 năm học và tốt nghiệp tại đây, xem lại cũng như đối chiếu giữa câu văn tiếng Đức và tiếng Việt để được chính xác và rõ nét hơn. Đồng thời Đạo Hữu Nguyên Trí Nguyễn Hòa (Phù Vân), chủ bút báo Viên Giác cũng đã hiệu đính lại bảng tiếng Việt lần cuối để cho tác phẩm nầy được hoàn chỉnh hơn. Viết xong lời cuối sách nầy vào ngày 31 tháng 10 năm 2011 tại Tu viện Đa Bảo vùng Blue Mountains nhân lần tịnh tu thứ 9 tại Úc Đại Lợi. Dịch giả Thích Như Điển Kính ghi

6 Thư gởi

6.1 Thư gởi ông Giám Đốc xuất bản Harrassowitz

Hòa Thượng Thích Như Điển
Phương Trượng Chùa Viên Giác
Karlsruher Str. 6
30519 Hannover
Tel.: 0511/8796314
Email: viengiactu@viengiac.de
Kính gởi: Ông Giám Đốc Harrassowitz Verlag
Kreuzberger Ring 7 b-d
65205 Wiesbaden
Tel.: 0611/5300
Kinh thưa Ông Giám Đốc Tôi xin tự giới thiệu về mình để Ông Giám Đốc được biết như sau: Cách đây 40 năm về trước, tôi đã du học tại Nhật Bản và đã tốt nghiệp Đại Học tại đó. Đến năm 1977 tôi đến Đức và thành lập Chùa Viên Giác tại Hannover để chăm lo đời sống tinh thần cho người tỵ nạn Phật tử Việt Nam và những Phật tử người Đức. Phật giáo Việt Nam là Phật giáo Đại Thừa, tu theo Thiền và Tịnh Độ. Trong thời gian qua tôi đã có cơ duyên đọc tác phẩm "Quellentexte des japanischen Amida-Buddhismus" của Ông Christian Steineck, ISBN 3-447-03 823-3. NE. Steineck, Christian [Hrsg.] GT ISSN 0340-6702 do nhà xuất bản của Ông ấn loát. Sau khi đọc tác phẩm này, tôi thấy có giá trị lịch sử và tư

tưởng về Tịnh Độ Tông; do vậy tôi đã dịch tác phẩm này ra tiếng Việt, để người Việt ở Đức và khắp nơi trên thế giới có cơ hội làm quen với Tịnh Độ Tông Nhật Bản. Sách không bán, mà do các Phật tử khắp nơi cúng dường tịnh tài để in và sau đó phát không cho các Phật tử. Vậy tôi xin gởi thư này đến Ông để xin phép được xuất bản bằng tiếng Việt trong năm 2012 này; đồng thời tôi xin gởi một thư tiếng Nhật đến Ông Christian Steineck và kính nhờ Ông Giám Đốc chuyển dùm. Xin thành thất biết ơn Ông trước.

Trân trọng kính chào

6.2 Brief an Herrn Vorsitzenden des Harrassowitz Verlag
Hochehrwürdiger Thich Nhu Dien
Gründerabt der Pagode Vien Giac
Karlsruher Str. 6
30519 Hannover
Tel.: 0511-8796314
Email: viengiactu@viengiac.de
An Herrn Vorsitzenden des Harrassowitz Verlag
Kreuzberger Ring 7 b-d
65205 Wiesbaden

Tel: 0611-5300
Hannover, den 12. Februar 2012

Sehr geehrter Herr Vorsitzender, Ich darf mich kurz vorstellen bevor ich Ihnen mein Vorliegen darbringe. Vor 40 Jahren habe ich in Japan studiert und hatte dort den Magisterabschluss gemacht. 1977 kam ich nach Deutschland, gründete die Pagode Vien Giac in Hannover und betreue seitdem die vietnamesischen sowie deutschen Buddhisten in Deutschland. Wie Sie wissen, gehört der vietnamesische Buddhismus zu der Mahayana- Tradition. Die Hauptpraxis konzentrieren sich auf Zen und Reines-Land Schule. Im letzten Monat habe ich die Möglichkeit gehabt, das Buch mit dem Titel "Quellentexte des japanischen Amida-Buddhismus" von Christian Steineck zu lesen. Das Buch mit der ISBN 3-447-03823-3. NE., GT ISSN 0340-6702 wurde von Christian Steineck herausgegeben, welches von Ihrem Verlag gedruckt wurde. Aus diesem

322 Thư gởi

Buch erfahre ich den historischen Wert und die Gedankenauffassung der japanischen Reines-Land-Schule. Ich habe mir die Zeit genommen und dieses Werk aus dem Deutschen ins Vietnamesische übersetzt, damit die Vietnamesen auf der ganzen Welt auch über den japanischen Amida-Buddhismus lernen und praktizieren können. Der Druck dieses Buches sollte durch Spenden finanziert werden und das Buch soll kostenfrei den Interessierten zukommen. Mit diesem Schreiben möchte ich Sie um Erlaubnis bitten, das Buch in der vietnamesischen Sprache in diesem Jahr 2012 veröffentlichen zu dürfen. Ich lege hierin auch einen Brief an Herrn Christian Steineck bei, den ich auf Japanisch verfasst habe und möchte Sie bitten, ihm diesen Brief weiterzuleiten. Vielen herzlichen Dank im Voraus. Mit freundlichen Grüßen Hochehrw. Thich Nhu Dien

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 323

6.3 Brief an Herrn Christian Steineck

324 Thư gởi

6.3.1 Thư đồng ý của nhà xuất bản

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 325

6.3.2 Bản văn dịch thư đồng ý của nhà xuất bản

Harrassowitz Verlag (Nhà xuất bản Harrassowitz)
Kreuzberger Ring 7b-d
65205 Wiesbaden
Wiesbaden, ngày 19.6.2012 vbk/vnc
E-Mail: bkrauss@harrassowitz.de
Kính gởi: Hòa Thượng Thích Như Điển Karlsruher Str. 6 30519 Hannover

Christian Steineck: Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản Thưa Hòa Thượng Thích Như Điển Tôi xin cảm ơn Thầy về lá thơ Thầy đã viết có liên hệ về việc dịch tác phẩm "Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản" ra tiếng Việt. Ông Christian Steineck đã đồng ý cho dịch quyển sách của ông ta và để phân phát cho những thành viên và tổ chức của Phật Tử Việt Nam tại Đức. Để tiện cho mọi việc rõ ràng, tôi xin gởi kèm theo đây cho Thầy một "Hợp đồng đồng ý" bằng hai bản và xin gởi lại cho chúng tôi một bản đã ký tên. Xin kính chào. Otto Harrassowitz GmbH & Co. KG Ký thay

Tiến Sĩ Barbara Krauß

326 Thư gởi

7 Cùng Một Tác Giả 1 Truyện cổ Việt Nam 1 & 2 * Nhật ngữ 1974 1975 3 Giọt mưa đầu hạ * Việt ngữ 1979 4 Ngỡ ngàng * Việt ngữ 1980 5 Lịch sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Việt & Đức ngữ 1982 trước và sau năm 1975 * 6 Cuộc đời người Tăng sĩ * Việt & Đức ngữ 1983 7 Lễ nhạc Phật Giáo * Việt & Đức ngữ 1984 8 Tình đời nghĩa đạo * Việt ngữ 1985 9 Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo * Việt & Đức ngữ 1985 10 Đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Việt & Đức ngữ 1986 Nam tại ngoại quốc 11 Đường không biên giới * Việt & Đức ngữ 1987 12 Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt & Đức ngữ 1988 Việt Nam tại Tây Đức 13 Lòng từ Đức Phật * Việt ngữ 1989 14 Nghiên cứu Giáo Đoàn Phật Giáo thời dịch từ Nhật ngữ ra 1990 nguyên thủy I, II *, III * Việt & Đức ngữ 1991 1992 17 Tường thuật về Đại hội Tăng già Việt, Anh, Phật Giáo thế giới kỳ 5 khóa I Đức ngữ 1993 tại Hannover, Đức Quốc 18 Giữa chốn cung vàng * Việt ngữ 1994 19 Chùa Viên Giác Việt ngữ 1994 20 Chùa Viên Giác Đức ngữ 1995 21 Vụ án một người tu* Việt ngữ 1995 22 Chùa Quan Âm (Canada)* Việt ngữ 1996 23 Phật Giáo và con người * Việt & Đức ngữ 1996 24 Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 9 Việt & Đức ngữ 1997 25 Theo dấu chân xưa * Việt ngữ 1998 (Hành hương Trung quốc I) 26 Sống và chết theo quan niệm của Việt & Đức ngữ 1998 Phật Giáo * 27 Hội kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma Việt & Đức ngữ 1999 28 Vọng cố nhân lầu Việt ngữ 1999 (Hành hương Trung Quốc II) 29 Có và Không Việt & Đức ngữ 2000 30 Kinh Đại Bi * Việt & Đức ngữ 2001 (dịch từ Hán văn ra Việt văn)

328 Cùng Một Tác Giả

31 Phật thuyết Bồ Tát Hành Phương dịch từ Hán văn 2001 Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa ra Việt ngữ Kinh* 32 Bhutan có gì lạ? Việt ngữ 2001

33 Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì * dịch từ Hán văn ra 2002 Việt ngữ 34 Cảm tạ xứ Đức * Việt & Đức ngữ 2002 35 Thư tòa soạn báo Viên Giác trong 25 Việt ngữ năm (1979 - 2003,2004) 2003 36 Bổn sự kinh * dịch từ Hán văn ra 2003 Việt ngữ 37 Những đoản văn viết trong 25 năm Việt & Đức ngữ qua 2003 38 Phát Bồ Đề Tâm kinh luận * Dịch từ Hán văn 2004 sang Việt ngữ 39 Đại Đường Tây Vức Ký Dịch từ Hán văn sang 2004 Việt ngữ 40 Làm thế nào để trở thành một người Việt ngữ 2004 tốt 41 Dưới cội bồ đề Việt ngữ 2005 42 Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận Dịch từ Hán văn sang 2005 Việt ngữ 43 Bồ Đề Tư Lương luận * Dịch từ Hán văn sang 2005 Việt ngữ 44 Phật nói luận A Tỳ Đàm về việc Dịch từ Hán văn sang 2006 thành lập thế giới Việt ngữ 45 Giai nhân và Hòa Thượng Việt ngữ 2006 46 Thiền Lâm Tế Nhật Bản Dịch từ Nhựt ngữ ra 2006 Việt ngữ 47 Luận về

con đường giải thoát Dịch từ Hán văn sang 2006 Việt ngữ 48 Luận về bốn chân lý Dịch từ Hán văn sang 2007 Việt ngữ 49 Tịnh Độ tông Nhật Bản Dịch từ Nhật ngữ 2007 sang Việt ngữ 50 Tào Động tông Nhật Bản Dịch từ Nhật ngữ 2008 sang Việt ngữ 51 Phật Giáo và khoa học Việt ngữ 2008 52 Pháp ngữ Việt ngữ 2008 53 Những mẩu chuyện linh ứng của Đức Dịch từ Nhật ngữ 2009 Địa Tạng Vương Bồ Tát sang Việt ngữ 54 Nhật Liên tông Nhật Bản Dịch từ Nhật ngữ 2009 sang Việt ngữ 55 Chân Ngôn tông Nhật Bản Dịch từ Nhật ngữ 2010

Những bản văn căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản 329

sang Việt ngữ
56 Chết an lạc, tái sanh hoan hỉ Dịch từ Anh ngữ 2011 sang Việt Ngữ với
T.T. Thích Nguyên
Tạng
57 Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Việt Ngữ 2011
Thượng
Xuất bản trong năm 2012 –

58 Tư tưởng Tịnh Độ Tông Việt ngữ 2012 59 Những bản kinh căn bản của Tịnh Độ Dịch từ Đức ngữ sang 2012 Tông Nhật Bản Việt ngữ 60 Dưới bóng đa chùa Viên Giác Việt ngữ viết chung 2012 với Trần Trung Đạo Chú thích : (*) hết

Quý vị muốn download những bài giảng pháp của Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover thì xin vào trang:

330 Cùng Một Tác Giả

8 Danh Sách ấn tống NBVCB Tịnh Độ Tông Nhật Bản USA/Westminster: Thiền Đường Mây Từ 100US. Ẩn danh 30US. Ẩn danh 60US. (Fremont): NPĐ Fremont 250US. Sư Cô TN Hạnh Trì 100US. Justin Đỗ 50US. Nguyên Thanh Diệu Châu 10US. Quảng Ngọc (Sacramento) 30US. (San Jose): Đồng Từ 30US. Thiện Hội 100US. Nhóm Phật Tử Phổ Hiền 50US. (Texas): Sư Chú Hạnh Hoa 100US. Gđ. Đh Phúc Đạt 30US. (Houston): Bạch Liên 25US. Trí Thanh & Diệu Huệ 50US. Các Chùa Việt Nam tại Houston 100US. Tâm Minh Lý 20US. Thiện Tâm & Thiện Giải 25US. (Oklahoma): Diệu Châu & Minh Lý 25US. Hiền Thảo, Quang Phú, Christy Kleinke, Stefan Kleike 250US. Thanh Bảo 25US. (Wichita): Quảng Đạo & Quảng Ngộ 50US. Diệu Định & Minh Hỷ 20US. (Las Vagas): Ẩn danh 50US. Tâm Nguyện 50US. Ẩn danh 30US. Hiền Ngô (Long Beach) 50US. Nguyễn Xuân Mai Tâm Diệu Lạc (Santa Ana) 100US. Dr. Phạm Hiếu Trung (Tulsa) 25US. (Mineapolis): Diệu Giàu 25US. Diệu Kim & Nguyên Đức 25US. HHHL Nguyễn Kim Đức Pd. Đồng Viên 25US. Tâm Cao Nguyễn Thị Lầu 10US. Đồng Mai Trương Thị Kim Chi 25US. Ẩn danh 20US. Ẩn danh 100US. Thái Minh Huệ 25US. Tâm Thọ 10US. Nguyên Tú 10US. Thiện Giàu 30US. Bob Ness New 10US. Diệu Hồng Bạch 50US. Đồng Hoa Lưu Thoại Anh 100US HH cho Trần Văn Long & các con. Trí Viên & Diệu Thủy 25US. Đạo Ngọc 25US. Margaret 50US. Đồng Lạc 35US. (Chicago): Thiện Giới Tạ Kim Hương 50US. Minh Thành & Diệu Phước 10US. Tâm Hân Huệ (Washington DC) 100US. (Philadelphia):

Nguyễn Thúy Phượng 25US. Chơn Minh & Diệu Phúc 100US. Quảng Phước & Quảng Thuận 25US. (Virginia): Chánh Tâm Hiền & Chơn Tâm Phước Trần Văn Triết 100US. Diệu Pháp Hồ Thị Lan Phương 10US. Tâm Hóa 10US. Quý Phật Từ chùa Hoa Nghiêm 300US. Từ Ngọc (New York) 100US. (Jacksonville): Sư Chú Thân Phụng 70US. Đồng Ngọc 10US. Nguyễn Mỹ Diệu 100US. Nga Kiệt 50US. Nguyễn Đông 25US. Quý Phật Tử ẩn danh 40US. (Orlando): ĐĐ Thích Giác Tâm, Tịnh Thất Viên Không 100US. Thành Tuệ & Diệu Phượng 100US. Minh Kính & Diệu Bửu (Gainsville) 25US HHHL Thân mẫu Diệu Quý & Diệu Pháp. Cộng: 3.785 USD

332 Danh Sách ấn tống NBVCB Tịnh Độ Tông Nhật Bản

Canada: Thiện Tánh & Thiện Trí (Quách Thanh Dần & Nguyễn Tô Huệ) 50Can. Diệu Lợi 50Can. Diệu Bích 50Can. Sư Cô TN Hỷ Lạc 50Can. Cô TN Phước Bình 25Can. Cô Huệ Bửu 50Can. Quán Tu 25Can. Thiện Tài & Thiện Hiếu 100Can. PT Nguyên Quang và các con 250Can. Cộng: 650 CAD

Úc Đại Lợi :Tâm Huệ 100Úckim. Gđ. Trần Minh Trí 50Úckim. Chơn Huyền Niệm 50Úckim. Chúc Anh 40Úckim. Dung Thông 30Úckim. Diệu Ngọc 20Úckim. Thiện Đăng & Huệ Ngọc 50Úckim. Diệu Thức 250Úckim. Trịnh Thị Thanh Mai 150Úckim. Như Huệ 190Úckim. Đặng Thị Ngọc Nhiên 50Úckim. Diệu Hạnh 50Úckim. Tiên Ngọc 50Úckim. Hương Ngọc 50Úckim. Ngọc Thảo 50Úckim. Chúc Quảng Hoa 100Úckim. Thanh Bảo 25Úckim. Đồng Thích 50Úckim. Quảng Thanh 200Úckim. Ngọc Huyền 20Úckim. Thiện Thành 50Úckim. Diệu Dung 100Úckim. Chúc Quyên 50Úc. Diệu Niên 20Úckim. Diệu Hậu 20Úckim. Diệu Hồng 100Úckim HHHL Ông Bà Cha Mẹ và thân nhân quá vãng được vãng sanh. Thanh Triết 50Úckim. Lương Hải Bằng, Trần Bùi Sênh, Ý Ngọc & Ngô Cúc Hoa 100Úckim. Thanh Vi 50Úckim. Diệu An 50Úckim. Lê Tâm 100Úckim. Hiền Nhã 600Úckim. (Úc/Sydney): Từ Vũ & Tuân 200Úckim. Quảng Tiên 50Úckim. Thiện Đăng & Huệ Ngọc 300Úckim. Diệu Yên 200Úckim. Lệ Tâm 100Úckim. Cụ Diệu Mai 100Úckim. Quảng Thành 200Úckim. Thanh Bảo 50Úckim. Khóa Tu Gieo Duyên kỳ 14 chùa Pháp Bảo 500Úckim. Khóa Tu Học Phật Pháp kỳ thứ 11 tại Úc Châu 500Úckim. Chùa Từ Ân 1000Úckim. Huyền Trang 100Úckim. PT. Chùa Giác Hoàng 350Úckim. (Úc/Sydney): Diệu Yên 100Úckim. Gđ. Chúc Nguyên 200Úckim. Gđ. Chúc Phước 100Úckim. Cụ Diệu Mai 200Úckim. Ẩn danh 100Úckim. Hồng Hoàng & Thanh Nhựt 200Úckim. Tịnh Hải Yến 100Úckim. Cộng: 7.515 AUD

Đức Quốc & các nước ở Âu Châu: Mạc Thị Ngọc Minh (Belgique) 200€ HHHL Thân mẫu Nguyễn Thị Thọ và Phu quân Tăng Phát Minh. Trần Nhật Linh (Danmark) 127,25€. Diệu Sương 50€. (France): Diệu Tịnh Trương Thanh Thủy 25€. Quảng Chánh Somas Rukmany 15€. Võ Văn Thắng 25€. Lý Tùng Phương (Schermbeck) 20€. Phan Quang, Phan Fu Xiang, Phan Tiểu Muội, Phan Michael & Phan Jasmin (Hagen) 10€. Hồ Thị Thu Hà (Münster) 50€. (Essen): Nguyễn Thị Hoa 10€. Chinh Văn Lưu Zelinski 10€. Hà Ngọc Thịnh & Tạ Thị Thanh Huyền (Sande) 20€. Li, Trần Thúy Phượng (Pforzheim) 15€. Lâm Kim Khánh & Lê Thị Phương Tâm (Mönchengladbach) 55€. Nguyễn Văn Vũ & Nguyễn Thị T. Trinh (München) 50€. Nguyễn Chánh Trực (Berlin)

25€. Ân Viên Mã Yến Huê (Wuppertal) 50€. Thái Nguyệt Cung 100€. HL. Trần Duyệt Hùng Pd Đồng Thoát 15€. Nguyên Thanh 38€. Lưu A Hương 38€. Ẩn danh 76€. Ẩn danh 76€. HHHL Cụ Nguyễn Tăng Mậu Pd Thiện Lâm 38€. Đào Công Cần (Düsseldorf) 25€. Nguyễn Văn Chính (Biblis) 25€. Đặng Văn Châm (Altbach) 10€. Thương Ziegler (Bayreuth) 5€. Thiện Hảo Nguyễn Thị Viễn Phương (Kruft) 15€. Trần Kim Phượng (Ingolstadt) 5€. Thiện Vô Nguyễn Thành Nam (Köln) 25€. Diệp Thị Sơn (Aalen) 10€. (Laatzen): Viên Tuyết Trần Thị Hiền 15€. Thiện Giác Hồ Vĩnh Giang 5€. (Karlsruhe): Tịnh Trí Vũ Thị Minh Hằng 10€. Nguyễn Thị Ngọc Linh 25€. Diệu Khai Trần Thị Hồng Thu (Krefeld) 5€. Diệu Thanh Nguyễn Thị Thu Thủy (Nienburg) 5€. Liên Hương Vũ Thị Hiền (Renningen) 5€. Đặng Trần Thị Nga (Esslingen) 50€. Diệu Hòa Phạm Thị Tiết Hồng (Friedrichshafen) 5€. (Frankfurt/M): Trần Tú Anh 25€. Thiện Thủy Nguyễn Thị Kim 25€ HHHL Tả Nhuận. Thiện Đức Huỳnh Lê Diệu Phước 10€. Nguyễn Thị Tâm (Lehrte) 5€. Hồ Quốc Cường & Trần Ngọc Ảnh (Hồ Lệ Sương) (Österreich) 10€. (Offenbach): Trần Thị Nghĩa 5€. Trần Thị Lan Phương 5€. Trần Thị Hải Yến (Stuttgart) 5€. Nguyễn Thị Thanh Hoa (Grossenkneten) 5€. Nguyễn Thị Hoàng Giang & Vũ Hồng Minh (Norderney) 20€. Lâm Ngọc Lan (Biel/Schweiz) 53€. Nguyễn Thị Mỹ Ngọc (Aldelhoren) 20€. Nguyễn Binh Dương (Erkrath) 10€. Mme Phạm Ngọc Đảnh Pd Đạt Huệ (Bruchköbel) 10€. Nguyễn Cao (Bergkamen) 25€. Stefan Ngọc Phượng Pd. Thiện Tiên (Hamburg) 10€. Trần Văn Danh & Trần Thị Phúc (Nürnberg) 5€. Mạc Sau Can (Speyer) 25€. Thiện Liên Lâm Thị Maier và các con Daniel Minh Maier & Dieter Maier (Neu-Ulm) 5€ HH cho mẹ hết nghiệp chường, bệnh tật tiêu trừ. (Krefeld): Diệu Khai Phạm Thị Quyển 20€. Diệu Phúc Lý Hồng Diễm & Minh Phát Lý Tấn Vạng 30€. Nguyễn Mỹ Ly (Pforzheim) 10€. Diệu Ngọc & Quảng Tâm (Karlsbad) 20€. Trương Ngọc Phương (Ingelfingen) 15€. Nguyễn Thị Hương (Dortmund) 30€. Ngô Thị Thắng (Frankfurt) 50€. Phan Thị Như Hoa (Zwingenberg) 15€. (Hamburg): Nguyễn Thị Nhàn 10€. Diệu Nhẫn Giang Lệ Kiên Griem 10€. Hoàng Thị Thủy (Marburg) 5€. Mme Huỳnh Thị (France) 10€. Nguyễn Thị Kim Yến (Essen) 15€. (Düsseldorf): Hứa Thiện Thanh 10€. Trịnh Thị Tuyết Nga 5€. Nguyễn Thị Vẻ 5€. Elyne Kha 50€. Ô Thị Hai Pd Ngọc Bình (Meppen) 20€. (Duisburg): Lê Thị Lê 20€. Trương Phạm Đẹp 25€. Đỗ Thị Mai (Hannover) 25€. Nguyễn Việt Nga (Kaiserlautern) 5€. (Freiburg): Chan Man Tai 10€. Minh Đức Trần Tuấn Hùng 20€. Đinh Thị Hương (Stuhr) 20€. Diệu Minh Mai Thị Kim Thành (Berlin) 25€. Thiện Lai Hà Ngọc Diệp (Mönchengladbach) 50€. Nguyễn Thị Phượng (Delmenhorst) 20€. Nguyễn Văn Xiếu (Barntrup) 5€. Nguyễn Khắc Hiếu (Timmendorfer-

Strand) 30€. Gđ. Huỳnh Lai Dân 50€ HHHL Trương Thu Phụng Pd. Diệu Giác. Thiện Ấn Huỳnh Diệp Văn 20€. Diệu Ngọc Huỳnh Mỹ Anh (Aachen) 25€. Gđ. Minh Hải (SBL) 125€. (Wolfsburg): Đồng Tịnh Trần Thị Lan 10€. Đồng Tâm Lê Văn Việt 10€. Phan Hoài Thu 5€. Phạm Thị Lanh (Bielefeld) 10€. Phúc Thiện Lê Thị Huệ (Arnhem/Holland) 20€. Huệ Hiền Lý Thanh Tân (Braunschweig) 5€. Diệu Thịnh Trần Thu Thủy (Wilhelmshaven) 5€. Fam. Lý Giang Lăng Mai (Saarbrücken) 30€ HHHL Trần Văn Của Pd Minh Phúc.

(Wedel (Holstein): Đồng Liên Tạ Ngọc Hoa 20€. Nguyễn Thị Bích Thủy & Đỗ Văn Nguyên 5€. Nguyen Drebelow Thị Bình (Bendesdorf) 15€. Trí Ngọc Mã Kim Quí (Nettetal- Breyell) 25€. Trần Thể Huê (Coesfeld) 25€. Mã Diễm Anh (Oberhausen) 5€. Hoàng Văn Hồng (Offenbach) 15€. Diệu Hạnh Nguyễn Thị Đức (Ingolsatdt) 10€. Trần Lệ Sương (Ronnenberg) 5€. Trần Thị Kim Doanh (Esslingen) 5€. Lê Thị Tuyết (Österreich/Wien) 10€. Nguyên Giác Nguyễn Tứ Ngọc Huyền (Groß-Zimmern) 20€. (Chùa Viên Giác): Sư Cô Thích Nữ Hạnh Ân 20€. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Ngộ 100€. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Bình 10€. Đồng Hoa Huỳnh Thị Lan (Seelze) 25€. Thiện Giới Trần Thị Ba (Böblingen) 50€. Cộng: 3.116,25 €

Tổng Cộng : 3.785 USD
650 CAD
7.515 AUD
3.126,25 €

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.